

Số: 370/BC-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội khóa XIV về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII

CÔNG THÔNG TIN BÊN TƯ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:..... 5
	Ngày:..... 5/10/22

Kính gửi: Quốc hội.

Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số Nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII, trong đó yêu cầu Chính phủ tiếp tục tập trung thực hiện 15 nội dung nêu tại Điều 2 của Nghị quyết này. Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiêm túc triển khai thực hiện và xin báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 từ khi ban hành đến trước kỳ họp cuối năm 2022 như sau:

I. Lĩnh vực xây dựng pháp luật**1. Về công tác xây dựng luật, pháp lệnh để triển khai thi hành Hiến pháp; thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh**

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục dành nhiều thời gian thảo luận, thống nhất nhiều giải pháp và quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và thi hành pháp luật, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu. Ngoài các phiên họp thường kỳ, từ cuối năm 2020 đến tháng 9 năm 2022, Chính phủ đã tổ chức 02 Hội nghị về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và thi hành pháp luật; 09 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; trên cơ sở đó đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Chính phủ đã xây dựng Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 (điều chỉnh năm 2021), năm 2023 (điều chỉnh năm 2022), trình Quốc hội ban hành 02 Nghị quyết về Chương trình dựng luật, pháp lệnh. Triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 1427/QĐ-TTg ngày 24/8/2021 và Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06/7/2022 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc soạn thảo, trình các dự án luật.

Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã dành nhiều thời gian cho công tác xây dựng pháp luật, đặc biệt trong năm 2022, Chính phủ đã tổ chức 06 Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật để xem xét, cho ý kiến đối với các dự án, dự thảo

thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, 2023. Trong năm 2021, 2022 không có tình trạng xin rút, có một số dự án luật chưa đáp ứng được thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa cho phép trình Quốc hội và Chính phủ tiếp tục có nghiên cứu để bổ sung vào Chương trình.

Quy trình cho ý kiến thông qua các dự án luật, dự thảo được Chính phủ xem xét kỹ lưỡng hơn. Theo đó, bộ, cơ quan ngang bộ được giao chủ trì soạn thảo phải báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách xem xét, cho ý kiến, sau đó trình Thường trực Chính phủ cho ý kiến trước khi trình ra Chính phủ xem xét, quyết định. Trong quá trình soạn thảo các dự án, dự thảo, các cơ quan chủ trì soạn thảo đã chú trọng nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, chuyên gia, đối tượng chịu tác động, làm cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý, bảo đảm chất lượng trình Quốc hội thông qua; bên cạnh đó, cũng đã cố gắng quy định cụ thể, xác định rõ những nội dung giao quy định chi tiết; trong trường hợp có nội dung giao quy định chi tiết thì khi trình dự án, dự thảo đã trình kèm theo dự thảo văn bản quy định chi tiết. Do đó, các dự án, dự thảo khi trình Quốc hội xem xét, thông qua hoặc cho ý kiến cơ bản được Quốc hội đánh giá là chuẩn bị tốt, khá kỹ lưỡng, toàn diện, đúng quy định và bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Kết quả là từ tháng 10 năm 2020 đến nay, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 14 luật và 12 nghị quyết, với tỷ lệ tán thành cao của các vị đại biểu Quốc hội.

2. Về thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL

Để triển khai thi hành các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL (sau đây gọi là Luật năm 2020), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL. Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 Hội nghị quán triệt, phổ biến và 02 Hội nghị tập huấn chuyên sâu Luật năm 2020 cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan; xây dựng tài liệu phổ biến, tập huấn Luật. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã thường xuyên theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng, ban hành VBQPPL của bộ, ngành, địa phương.

Nhìn chung, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã quan tâm nhiều hơn, dành nhiều nguồn lực hơn cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật ở bộ, ngành, địa phương mình, tuân thủ và thực hiện tương đối nghiêm các quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; nhiều Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trực tiếp chỉ đạo công tác này và đạt được nhiều kết quả cụ thể như sau:

- Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh được các bộ, cơ quan ngang bộ chuẩn bị đầy đủ theo đúng quy định, nhiều hồ sơ đề nghị bảo đảm chất lượng, được Chính phủ và các cơ quan của Quốc hội đánh giá cao. Việc đánh giá tác động của chính sách được chú trọng thực hiện, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động đối với đề nghị xây dựng VBQPPL, dự án, dự thảo VBQPPL được thực hiện với nhiều hình thức phù hợp. Việc đăng tải công khai các đề nghị, dự án, dự thảo VBQPPL trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân, doanh nghiệp được thực hiện tương đối nghiêm túc, bảo đảm thời hạn lấy ý kiến theo quy định.

- Chất lượng văn bản có nhiều chuyển biến tích cực; nội dung của VBQPPL bảo đảm tính hợp hiến, cơ bản bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đa số văn bản bảo đảm tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Báo cáo thẩm định thể hiện đầy đủ nội dung thẩm định theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, có tính chất phản biện và lập luận khoa học hơn về các chính sách trong đề nghị và nội dung của dự án, dự thảo VBQPPL. Kết quả thẩm định đã góp phần nâng cao chất lượng đề nghị, dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm sự phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật.

Tính từ ngày 17/11/2020 đến ngày 15/8/2022, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với 40 đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm 28 đề nghị xây dựng luật, 12 đề nghị xây dựng nghị quyết) và 40 dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, UBTWQH (gồm 19 dự án luật, 21 dự thảo nghị quyết). Nhìn chung, hoạt động thẩm định được Bộ Tư pháp tổ chức chặt chẽ, đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); cơ bản bảo đảm thời hạn thẩm định theo quy định.

3. Về công tác kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản QPPL

Công tác kiểm tra VBQPPL luôn được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tư pháp tập trung thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo sự chủ động trong phát hiện, xử lý các quy định trái pháp luật, không phù hợp với thực tiễn, nhất là các quy định liên quan đến việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức, môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Với vai trò là cơ quan tham mưu, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác kiểm tra VBQPPL, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/8/2022, Bộ Tư pháp đã tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền đối với 6.412 văn bản (gồm 634 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và 5.778 văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh).

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 ban hành Danh mục văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới. Đến nay, đã có 09/32 văn bản (gồm 01 luật; 05 nghị định, 03 thông tư) đã được ban hành để xử lý một số nội dung được chỉ ra từ kết quả rà soát; các văn bản còn lại đang được các bộ, ngành tổ chức xây dựng theo kế hoạch.

Đặc biệt, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ về việc rà soát pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh đã tổ chức nghiên cứu, rà soát, phân loại và đề xuất phương án xử lý đối với 2.004 kiến nghị, phản ánh về quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, không phù hợp với thực tiễn tại 576 VBQPPL.

Thông qua công tác rà soát VBQPPL nêu trên, các bộ, ngành đã kiến nghị cụ thể phương án sửa đổi, bổ sung; tham mưu, đề xuất Chính phủ, Quốc hội các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Các kết quả đạt được trong công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL đã góp phần tích cực tháo gỡ khó khăn, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

4. Về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết

Ngay sau kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 05 Quyết định để phân công cơ quan chủ trì soạn thảo các văn bản quy định chi tiết, trong đó xác định rõ tên văn bản, nội dung giao quy định chi tiết, thời hạn trình, ban hành văn bản và yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; không xem xét đề nghị xin lùi tiến độ trình, đặc biệt các văn bản quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản quy định chi tiết. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường thực hiện một số giải pháp như: (i) ban hành một văn bản để quy định chi tiết nhiều nội dung được giao; (ii) tăng cường phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngay từ đầu quá trình soạn thảo để theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình soạn thảo.

Việc triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết đều được các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng kế hoạch trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền ngay sau khi luật, pháp lệnh, nghị quyết được Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đã tập trung chỉ đạo sâu sát hơn; tại các cuộc họp giao ban của các bộ đã dành nhiều thời gian hơn cho công tác xây dựng pháp luật, tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/8/2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành được 153 văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh. Theo đó, nhiều văn bản đã được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật; nội dung các văn bản quy định chi tiết đã ban hành không vượt quá phạm vi được giao và không lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết. Qua đó, đã góp phần tích cực vào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, nhanh chóng đưa pháp luật vào cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà Đảng, Quốc hội đã đề ra.

5. Về rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác pháp chế

Với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác pháp chế, Bộ Tư pháp đã tham mưu thực hiện các giải pháp như: ban hành Kế hoạch và tổ chức Hội nghị tổng kết thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế tại 02 miền Nam và Bắc, ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra, khảo sát tại một số bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhà nước liên quan đến các công tác pháp chế; tổ chức rà soát các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã có Quyết định số 1617/QĐ-BTP ngày 28/7/2022 ban hành Kế hoạch xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH

1. Đẩy nhanh tiến độ lập và phê duyệt quy hoạch

a) Đối với các Quy hoạch tổng thể quốc gia

Quy hoạch tổng thể quốc gia: Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020. Quy hoạch đã được Hội đồng thẩm định quốc gia họp thẩm định ngày 14/9/2022. Hiện nay, Dự thảo Quy hoạch tổng thể quốc gia đang trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII cho ý kiến. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến chỉ đạo định hướng của Ban chấp hành Trung ương, Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV.

b) Đối với Quy hoạch vùng

- Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 và đã tổ chức công bố quy hoạch tại thành phố Cần Thơ ngày 21/6/2022. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đối với Quy hoạch 05 vùng còn lại: (Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; Đông Nam Bộ và Tây Nguyên), Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 05/05 Nhiệm vụ lập quy hoạch vùng. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai các lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch 05 vùng, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 6/2023.

c) Đối với các quy hoạch cấp quốc gia khác

Quy hoạch ngành quốc gia của các bộ, ngành: đến nay, đã có 38/38 quy hoạch ngành quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch. Trên cơ sở đó, các Bộ đang khẩn trương tổ chức lập quy hoạch thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó, có 04 quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt và 15/38 quy hoạch ngành quốc gia đã lập xong, lấy ý kiến, trình thẩm định (trong đó có 06 quy hoạch đã được tổ chức thẩm định xong; 01 quy hoạch đang trình thẩm định).

d) Đối với quy hoạch tỉnh

Để đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội. Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh. Trên cơ sở Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã

được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang tích cực triển khai lập quy hoạch tỉnh. Đến nay, đã có 31 quy hoạch tỉnh đã được lập xong, bao gồm 01 quy hoạch đã được phê duyệt (quy hoạch tỉnh Bắc Giang); 07 quy hoạch tỉnh đã thẩm định xong và đang hoàn thiện hồ sơ để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và 28 quy hoạch đã gửi xin ý kiến và chuẩn bị thẩm định. Các địa phương còn lại đang tích cực đẩy nhanh tiến độ và phấn đấu thực hiện theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội.

2. Công khai minh bạch thông tin về quy hoạch

Công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch là nguyên tắc quan trọng được quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017. Theo đó việc lấy ý kiến quy hoạch, việc công bố và cung cấp thông tin quy hoạch đã được thể chế hóa bằng các quy định về thời hạn công bố quy hoạch, trách nhiệm của tổ chức công bố quy hoạch, hình thức công bố quy hoạch, hình thức cung cấp thông tin quy hoạch,...

Việc tuân thủ nguyên tắc đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch đã được các bộ, ngành và địa phương quan tâm thực hiện; các nhiệm vụ quy hoạch được các cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến rộng rãi, không chỉ trong phạm vi các cơ quan quản lý nhà nước mà còn mở rộng đến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch.

Hiện nay, Cổng thông tin chính thức để truy cập hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch tại địa chỉ <https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn> đang được hoàn thiện nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch; đảm bảo công khai, minh bạch thông tin quy hoạch; nâng cao vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân khi tham gia các hoạt động giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện quy hoạch.

3. Năm 2021, hoàn thành Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia và Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, bảo đảm cân đối nguồn cung - cầu năng lượng

a) Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch năng lượng quốc gia):

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã khẩn trương phối hợp với các đơn vị Tư vấn triển khai xây dựng Quy hoạch năng lượng quốc gia, đã tổ chức các Hội thảo tham vấn về các nội dung của Quy hoạch trước khi tổ chức lấy ý kiến rộng rãi về Quy hoạch năng lượng quốc gia theo quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Để đảm bảo tính đồng bộ giữa Quy hoạch năng lượng quốc gia và Quy hoạch Phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương cập nhật, điều chỉnh và hoàn thiện Quy hoạch năng lượng quốc gia trên cơ sở các nội dung điều chỉnh của Quy hoạch điện VIII theo Thông báo số 91/TB-VPCP ngày 03 tháng 5 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại cuộc họp về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hiện nay, Bộ Công Thương đang rà soát lần cuối trước khi hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định Quy hoạch.

b) Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Quy hoạch điện VIII đã được Bộ Công Thương trình Chính phủ tại Tờ trình số 1682/TTr-BCT ngày 26/3/2021. Tuy nhiên, đã có nhiều thay đổi sau Hội nghị COP26, thực hiện cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị COP26 trong việc đưa phát thải ròng của Việt Nam bằng 0 vào năm 2050, quan điểm ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đã được định hướng trong Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị, kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại Thông báo số 54/TB-VPCP ngày 25/02/2022, Bộ Công Thương đã tập trung hoàn thiện Quy hoạch điện VIII lần này xoay quanh việc xây dựng chương trình phát triển điện lực thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 theo hướng bền vững, dành nhiều không gian cho phát triển các nguồn năng lượng xanh, sạch và thân thiện với môi trường với chi phí sản xuất điện hợp lý, hài hòa giữa lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng điện, đáp ứng các cam kết của Việt Nam đối với quốc tế về giảm thiểu tối đa phát thải các loại khí nhà kính gây ô nhiễm môi trường.

Trên tinh thần đó, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương hoàn thiện Quy hoạch điện VIII theo hướng không phát triển các nhà máy nhiệt điện than mới chưa có trong quy hoạch, dừng phát triển hoặc thay thế bằng các nguồn sử dụng nhiên liệu khác đối với một số nhà máy nhiệt điện than đã có trong quy hoạch nhưng chưa có chủ đầu tư, không được các địa phương ủng hộ.

Năng lượng tái tạo (không tính các nguồn thủy điện) với rất nhiều ưu điểm sẽ tiếp tục được khuyến khích phát triển, đặc biệt là các nguồn điện gió trên bờ và ngoài khơi, phù hợp với quy mô của hệ thống điện theo từng giai đoạn để đảm bảo tỉ lệ nguồn điện cân đối và hài hòa.

4. Sớm xây dựng hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch phát triển đô thị, gắn với xây dựng kế hoạch và thực hiện quy hoạch với phát triển thị trường nhà ở, thị trường bất động sản. Năm 2022, lập Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn quốc gia giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

a) Xây dựng hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch xây dựng

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch xây dựng và nhiệm vụ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, Bộ Xây dựng đã hoàn thành và đưa vào vận hành “Công thông tin Quy hoạch xây dựng và Quy hoạch đô thị Việt Nam” tại địa chỉ website: quyhoach.xaydung.gov.vn để các địa phương đăng tải công khai các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt cấp tỉnh, huyện quy định tại Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị. Tính đến tháng 8/2022, đã có 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng tải và cập nhật dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị với tổng số lượng đồ án là 1.734 đồ án.

Trong quá trình thực hiện, một số địa phương cập nhật các đồ án lên Công thông tin điện tử còn chậm, chất lượng hình ảnh một số đồ án đăng tải thấp chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ tra cứu thông tin. Bên cạnh nguyên nhân khách quan do hạn chế về nhân lực, tài chính để thực hiện nhiệm vụ còn có nguyên nhân chủ quan là một số địa phương chưa thực sự quan tâm công tác này, vì vậy không thực hiện việc đưa đồ án lên Công thông tin hoặc số đồ án đưa lên còn ít.

Trong thời gian tới, Bộ Xây dựng tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện giao diện Công thông tin điện tử theo hướng trực quan, dễ tương tác, tăng số lượng, chất lượng dữ liệu đồ án quy hoạch xây dựng được công khai; thường xuyên chỉ đạo, phối hợp với các địa phương trong công tác đăng tải và cập nhật dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy định.

b) Lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng đã phê duyệt Dự toán chi phí lập Quy hoạch, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc Dự án; lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thuộc Dự án.

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu theo Kế hoạch đã được phê duyệt: đã hoàn thành lựa chọn 2/6 nhà thầu theo kế hoạch (tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm định), hiện đang thực hiện lựa chọn nhà thầu lập Quy hoạch (gói thầu QH-01) và dự kiến bắt đầu tổ chức lựa chọn 3/6 nhà thầu còn lại (tư vấn phản biện độc lập quốc tế và trong nước, tư vấn kiểm toán độc lập) vào Quý III-IV/2022.

5. Ban hành các quy hoạch ngành quốc gia trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không và đường thủy nội địa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Luật Quy hoạch, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Giao thông vận tải đã triển khai tổ chức lập 05 quy hoạch ngành quốc gia trong lĩnh vực giao thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không). Đến nay, 04 quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: Quy hoạch mạng lưới đường bộ (Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021); Quy hoạch mạng lưới đường sắt (Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021); Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021); Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển (Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021). Riêng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua, đang tiếp tục rà soát để hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Triển khai, thực hiện các nhiệm vụ lập quy hoạch về bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Hiện đã có 29/123 di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Đối với các di tích đã được phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích giai đoạn 2010 - 2020, các địa phương cũng đang tiến hành tổng kết, đánh giá để lập quy hoạch trong thời kỳ mới.

Từ khi ban hành Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 06 Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, 16 Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang hướng dẫn các địa phương có di tích quốc gia đặc biệt tổ chức lập và triển khai hoàn chỉnh hồ sơ Quy hoạch Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng); hoàn thiện hồ sơ 09 Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích giúp cho việc triển khai hiệu quả các dự án tu bổ di tích, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch, kinh tế - xã hội của địa phương.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đang hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, trong đó có nội dung quy định về chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và đánh giá quy hoạch di tích, qua đó tạo điều kiện cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

III. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH

1. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực

Thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội khóa XV về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết đã ban hành 05 nhóm giải pháp trọng tâm, 30 chỉ tiêu cụ thể, 216 nhiệm vụ chi tiết, 102 chương trình, đề án cụ thể giao cho các bộ, ngành và địa phương thực hiện xây dựng, ban hành trong giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết được xây dựng dựa trên các nguyên tắc:

- Tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và toàn thể xã hội trong thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tại Việt Nam trong bối cảnh mới.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong quá trình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tại Việt Nam.

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

Song song với chỉ đạo triển khai xây dựng Chương trình hành động, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành tích cực tiếp tục triển khai các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa, xanh hóa nền kinh tế, tăng cường khả năng chống chịu, độc lập, tự chủ, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Các lĩnh vực cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng, đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được triển khai thực hiện.

Kết quả thực hiện

Thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, các bộ, ngành và địa phương đã tích cực triển khai các nhiệm vụ được đề ra và đạt được một số kết quả tích cực, cụ thể trong một số lĩnh vực như:

- Nhiệm vụ 1: Tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập.

- + Về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 2/5/2022 thành lập 6 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- + Về cơ cấu lại ngân sách nhà nước: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030.

+ Về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 phê duyệt Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025.

- Nhiệm vụ 2: Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực, cụ thể về hoàn thiện thể chế Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản số 301/TTg-PL ngày 06/4/2022 yêu cầu các bộ, ngành, địa phương nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải trực tiếp lãnh đạo và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng pháp luật.

- Nhiệm vụ 3: Phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

+ Về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/03/2022 phê duyệt Đề án Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025.

+ Về phát triển lực lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, thúc đẩy chuyển đổi số, liên doanh, liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh: Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

+ Về nâng cao chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 667/QĐ-TTg, ngày 02/06/2022 phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

- Nhiệm vụ 4: Phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện đang tích cực phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Quốc hội phê duyệt vào kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV (tháng 10 năm 2022); đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022, đối với quy hoạch 5 vùng còn lại dự kiến trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2022.

Về xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/04/2022 về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội; các Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (đồng bằng sông Cửu Long, trung du và miền núi Bắc Bộ,..)

- Nhiệm vụ 5: Cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế.

+ Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp: Tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

+ Về thúc đẩy kinh tế xanh: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

+ Về phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 lấy ngày 10 tháng 10 hằng năm là ngày chuyển đổi số quốc gia; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

Việc thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế đã bước đầu mang lại những kết quả tích cực đóng góp vào sự phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng đầu năm 2022. Một số lĩnh vực đã đẩy mạnh triển khai thực hiện như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, vẫn còn một số lĩnh vực bộc lộ nhiều khó khăn, cần được chú trọng trong triển khai thực hiện trong thời gian tới như: phát triển thị trường các yếu tố sản xuất (thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, xử lý nợ xấu...).

2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Từ năm 2020, mặc dù chịu tác động nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19, nỗ lực cải cách có xu hướng chậm lại nhưng Chính phủ vẫn kiên định duy trì các mục tiêu và hành động cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh để đồng hành với doanh nghiệp và người dân vượt qua đại dịch. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022. Tình hình và kết quả cải cách trong một số lĩnh vực cụ thể như sau:

- Tiếp cận điện năng được ghi nhận có cải thiện thực chất và triển khai hiệu quả; thời gian giải quyết giảm nhiều so với quy định; chủ yếu do được tiếp nhận và giải quyết qua hình thức trực tuyến và thực hiện ký hồ sơ điện tử.

- Ngành thuế tiếp tục nỗ lực cải cách thủ tục hành chính với việc tăng cường áp dụng các giao dịch điện tử, đáng chú ý là việc triển khai hóa đơn điện tử. Sau giai đoạn thí điểm, hệ thống hóa đơn điện tử đã chính thức được triển khai trên toàn quốc từ ngày 01/07/2022.

- Cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có nhiều cải thiện rõ rệt; nhiều vướng mắc, bất cập đã được giải quyết. Một số thay đổi đáng chú ý trong cải cách quản lý và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2022 bao gồm: (i) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; (ii) Bộ Giao thông vận tải đã cải cách thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng nhập khẩu; theo đó, 100% thủ tục được thực hiện trực tuyến cấp độ 4 trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; đồng thời, dữ liệu được số hóa và chia sẻ để phục vụ thủ tục thuế trước bạ, đăng ký xe và kiểm định lưu hành. Bộ Giao thông vận tải đang xây dựng và lấy ý kiến dự thảo “*Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan*

đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải năm 2022”, trong đó đề xuất phương án, lộ trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, chế độ báo cáo trong lĩnh vực đăng kiểm và lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Đến ngày 30/6/2022, cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối 249 thủ tục hành chính của 13 bộ, ngành. Bộ Tài chính đã triển khai nhiều giải pháp để tạo điều kiện thúc đẩy thông quan nhanh; tăng thời gian làm việc hàng ngày từ 8 giờ lên 10 giờ; bố trí ca trực làm việc ngoài giờ hành chính, thực hiện thủ tục hải quan 24/7. Đồng thời, Bộ Tài chính xây dựng và vận hành Hệ thống cảnh báo chống ùn tắc hàng hóa tại các cửa khẩu đường bộ triển khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Theo đó, các bộ, ngành và doanh nghiệp có thể chủ động theo dõi mật độ phương tiện vận tải tại các cửa khẩu biên giới để kịp thời đưa ra các giải pháp, có kế hoạch đưa hàng hóa xuất khẩu lên các cửa khẩu biên giới phù hợp hơn.

Tuy nhiên, việc triển khai còn tồn tại một số bất cập như: (i) Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai trên hệ thống điện tử; (ii) Việc cập nhật chứng từ điện tử còn chậm, gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; (iii) Hệ thống thông tin một cửa quốc gia hay bị lỗi, kéo dài thời gian thông quan; (iv) Hệ thống kết nối Cơ chế một cửa quốc gia ở một số bộ, ngành chưa tích hợp chức năng thống kê, tổng hợp,...; (v) Hệ thống thông quan của cơ quan hải quan chưa kết nối tự động với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến: 56/63 địa phương đã tổ chức Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh; 100% bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn hệ thống một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; cải thiện rõ rệt chất lượng giải quyết hồ sơ. Tuy vậy, số lượng thủ tục hành chính kết nối trực tuyến tăng nhưng tỷ lệ hồ sơ thực hiện qua giao dịch trực tuyến còn rất thấp. Nguyên nhân là do: (i) Hạ tầng kết nối chưa hoàn thiện để thực hiện được giao dịch điện tử; (ii) Giao diện chưa thân thiện với người dùng; (iii) Doanh nghiệp, người dân vẫn còn tâm lý e ngại, chưa thay đổi hoặc chưa tin tưởng để thực hiện các thủ tục hành chính trên nền tảng trực tuyến; (iv) Các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả.

- Tăng trưởng thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) luôn ở mức cao, cả về số lượng giao dịch và giá trị; cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư hơn, các hệ thống giao dịch cũng vận hành ổn định và an toàn hơn. Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, đến cuối tháng 4/2022, số giao dịch qua Internet đạt 316,83 triệu giao dịch với giá trị lên đến 14,65 triệu tỷ đồng (tăng 48,39% về số lượng và tăng 32,76% về giá trị); qua điện thoại di động đạt hơn 1.074 triệu giao dịch, với giá trị 12,48 triệu tỷ đồng (tăng 97,65% về số lượng và 86,68% về giá trị); qua QR code đạt 11,26 triệu giao dịch với giá trị 13,5 nghìn tỷ đồng (tăng 56,52% về số lượng và tăng 111,62% về giá trị). Bên cạnh đó, việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money cũng đạt được một số kết quả tích cực, góp phần vào phát triển hoạt động TTKDTM; tăng cường việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

3. Xây dựng tiêu chí phân loại DNNN giai đoạn 2021 - 2025

Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 về Tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyên đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025. Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành đã tạo khung pháp lý quan trọng cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu, tập đoàn, tổng công ty và DNNN xây dựng Kế hoạch sắp xếp lại DNNN giai đoạn 2021-2025 và triển khai công tác cổ phần hoá, sắp xếp, thoái vốn trong thời gian tới.

4. Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN

a) Về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công

Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công được xây dựng, hoàn thành và đưa vào triển khai từ năm 2017. Hệ thống đã tin học hóa các quy trình về lập, tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm và việc báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công, đã đồng bộ dữ liệu giải ngân hằng ngày từ hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước. Việc triển khai Hệ thống đã hỗ trợ các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong việc cập nhật nhu cầu, dự kiến kế hoạch trung hạn trực tuyến trên Hệ thống, nhằm đảm bảo thống nhất, giảm thiểu sai sót và công khai, minh bạch thông tin, thuận tiện cho việc tổng hợp, báo cáo. Hỗ trợ các bộ, ngành và địa phương trong việc rà soát, tổng hợp thông tin theo các tiêu chí đưa ra; hỗ trợ tổng hợp, in trực tuyến các biểu báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định. Toàn bộ việc lập, thẩm định, phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được thực hiện trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu công.

Thực hiện quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, để bảo đảm quản lý thống nhất, bao gồm cả vốn ngân sách địa phương, vốn nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức nâng cấp, xây dựng mới Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công để đáp ứng các quy định hiện hành.

b) Về xây dựng, triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN

Thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, trong đó quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ "*Xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước trên Cổng thông tin doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu truy cập, sử dụng có hiệu quả thông tin, phục vụ lợi ích xã hội*".

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện phần mềm công bố thông tin DNNN để cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN trên Cổng thông tin doanh nghiệp: <https://business.gov.vn>. Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN với các thông tin, dữ

liệu của DNNN được cập nhật định kỳ, bao gồm các chỉ tiêu cơ bản của từng DNNN như: Vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, Tổng tài sản, Tổng doanh thu, Lợi nhuận, Các khoản đã nộp nhà nước, Tổng vốn đầu tư, Tổng nợ phải trả, Tổng quỹ lương... Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng kể như sau:

(i) Đến nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN cơ bản đã được hoàn thiện và cập nhật định kỳ theo quy định.

(ii) Với việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về DNNN cùng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đấu thầu, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ xây dựng bức tranh tổng quan về tình hình phát triển của doanh nghiệp nhà nước nói riêng, của nền kinh tế nói chung từ đó đưa ra chiến lược, hoạch định chính sách phù hợp, khả thi.

5. Các chính sách mới thu hút doanh nghiệp FDI liên kết đầu tư, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước, đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ

a) Về đầu tư nước ngoài

Ngày 20/8/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, trong đó nêu: “*Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu đãi thoả đáng để tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu; có chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ dựa trên cơ sở thoả thuận, tự nguyện*”. Nhiệm vụ này đã được thể chế hóa tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, trong đó có quy định về chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc, hướng tới các dự án công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, có giá trị gia tăng và tăng cường liên kết, lan tỏa.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt nhằm hướng tới việc thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; đồng thời, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, hướng tới xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ như đã đề ra tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019. Theo đó, đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt gồm: (i) Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập; (ii) Dự án đầu tư các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D có vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 3 năm; (iii) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có vốn đầu tư trên 30.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 03 năm.

Các dự án thuộc đối tượng nêu trên nếu đáp ứng 01 trong 04 tiêu chí bổ sung gồm: (i) công nghệ cao; (ii) có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi; (iii) giá trị

sản xuất trong nước; (iv) chuyển giao công nghệ sẽ được xem xét để hưởng mức ưu đãi cao hơn theo quy định tại Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021.

Nhằm cụ thể hóa quan điểm, định hướng tại Nghị quyết số 50-NQ/TW, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 – 2030; trong đó, đề ra 4 mục tiêu tổng quát và 8 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài gồm: (i) Triển khai có hiệu quả các giải pháp đã ban hành; (ii) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; (iii) Phát triển hệ sinh thái về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iv) Đổi mới và nâng cao cạnh tranh trong thu hút ĐTNN; (v) Phát triển công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy liên kết, lan toả; (vi) Phát huy năng lực nội tại và tận dụng lợi thế cạnh tranh nhằm cải thiện hiệu quả hợp tác ĐTNN; (vii) Nâng cao hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế; (viii) Hiện đại hóa và đa dạng hóa công tác xúc tiến đầu tư; (ix) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ĐTNN.

b) Về đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Công Thương xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tại dự thảo Nghị định có bổ sung một số chính sách mới hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ như chính sách hỗ trợ tín dụng, cấp bù lãi suất, hỗ trợ bảo vệ môi trường, hỗ trợ pháp lý,... Chính phủ dự kiến xem xét ban hành trong Quý 4/2022.

Vừa qua, Chính phủ đã có báo cáo gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự án xây dựng Luật Phát triển công nghiệp. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có ý kiến yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung của Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật. Bộ Công Thương - đơn vị chủ trì soạn thảo đang tích cực tiếp thu giải trình các ý kiến và sớm có báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nội dung trên.

6. Thực hiện đúng yêu cầu của Nghị quyết số 84/2019/QH14 trong phân bổ vốn đầu tư công dự phòng ngân sách Trung ương

Nội dung này đã được Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai và đến nay đã hoàn thành. Cụ thể như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 84/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội, Chính phủ đã thực hiện rà soát lại danh mục, thủ tục đầu tư, phương án phân bổ vốn bổ sung cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ nguồn dự phòng chung vốn NSTW trong nước còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư trung hạn quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/QH14 và điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 84/2019/QH14.

Chính phủ đã có Báo cáo số 533/BC-CP ngày 17/10/2020 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 84/2019/QH14 cùng với kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV. Trên cơ sở

đó, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 về kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, trong đó đã cơ bản tán thành báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Tháng 7/2021, Chính phủ đã có Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/7/2021 gửi Quốc hội về thực hiện Nghị quyết số 84/2019/QH14 cùng với báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

7. Xây dựng Đề án cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước thực hiện tổng kết tình hình thực hiện cơ cấu lại trong giai đoạn 2016 – 2020. Đồng thời nghiên cứu xây dựng dự thảo Đề án cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2016-2020, tổ chức hội thảo và lấy ý kiến rộng rãi các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổng hợp, nghiên cứu các ý kiến tham gia, hoàn thiện nội dung trình Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 17/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 360/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án. Trên cơ sở đó, các bộ, cơ quan đang chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương xây dựng đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 để triển khai thực hiện.

8. Xây dựng, ban hành quy định về quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Ngày 18/11/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-CP về thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định).

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 129/TTr-BTC trình Chính phủ về dự thảo Nghị định kèm theo các hồ sơ theo quy định. Ngày 30/8/2021, Bộ Tài chính đã có công văn số 9959/BTC-TCDN gửi Văn phòng Chính phủ về việc rút hồ sơ Tờ trình Chính phủ số 129/TTr-BTC để hoàn thiện, bổ sung do có thay đổi chính sách so với dự thảo Nghị định đã gửi lấy ý kiến ban đầu và rà soát các nội dung tại dự thảo Nghị định để phù hợp với Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Ngày 31/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2021/NĐ-CP về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

9. Triển khai kịp thời các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Kể từ thời điểm Quốc hội ban hành Nghị quyết 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 đến ngày 31/8/2022, thực hiện nhiệm vụ được phân công, Bộ Tài chính đã: (i) Trình Chính phủ, trình Quốc hội Kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm 2021-2025; (ii) Trình Chính phủ, trình Quốc hội Báo cáo Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2020, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021; (iii) Trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Phương án phân bổ sử dụng nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của NSTW năm 2020 và Nghị quyết quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022; (iv) Phối hợp với Bộ Kế hoạch Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về hướng dẫn dự toán NSNN năm 2022 và Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2022-2024; (v) Trình Chính phủ đề án cơ cấu lại Ngân sách nhà nước đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW, chủ động của NSDP; (vi) Dự toán NSNN năm 2022; (vii) Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2022; (viii) Phương án phân bổ sử dụng nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của NSTW năm 2021; (ix) Chỉ thị hướng dẫn xây dựng dự toán năm 2022, kế hoạch tài chính – NSNN năm 2023 (phần thuộc trách nhiệm Bộ Tài chính); (x) phối hợp với Bộ Kế hoạch Đầu tư, các bộ, cơ quan chức năng trình Chính phủ, các cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, trong đó:

(1) Về Kế hoạch Tài chính quốc gia: Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về Kế hoạch Tài chính quốc gia, vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025 với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng NSNN; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, nợ công; tỷ trọng chi đầu tư phát triển bình quân 28% tổng chi NSNN, chi thường xuyên 62-63%; bảo đảm an toàn an ninh nền tài chính quốc gia, bội chi NSNN bình quân 3,7% GDP, các chỉ tiêu nợ công trong ngưỡng an toàn.

(2) Về Báo cáo Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2020, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021: Thừa uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Quốc hội Báo cáo Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2020, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021 (báo cáo số 84/BC-CP ngày 22/3/2021). Trong đó, báo cáo đánh giá bổ sung năm 2020 đã báo cáo cụ thể các kết quả của việc tăng cường quản lý thu, chi, bội chi NSNN trong năm như sau:

- Nhờ kiểm soát được dịch bệnh những tháng cuối năm 2020; đồng thời tăng cường quản lý thu, nên đánh giá thu NSNN cả năm tăng 158 nghìn tỷ đồng so với số đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XIV (tổng thu NSNN năm 2020 đạt 1.507,8 nghìn tỷ đồng).

- Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công hỗ trợ nền kinh tế (tỷ lệ giải ngân đạt 79,5% tổng kế hoạch vốn được giải ngân năm 2020 - gồm cả số được chuyển nguồn từ các năm trước theo quy định). Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác phí và 10% kinh phí thường xuyên khác trong những tháng cuối năm 2020. Sử dụng chặt chẽ dự phòng NSNN theo quy định, chủ yếu là chi phòng chống dịch bệnh (trong đó NSTW chi cho công

tác phòng chống dịch Covid-19 là 4 nghìn tỷ đồng, khoảng 23%), khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất, cơ sở hạ tầng thiết yếu (NSTW hỗ trợ các địa phương thực hiện các dự án đầu tư công khẩn cấp là 6,52 nghìn tỷ đồng, khoảng 37,3%),..

- Bội chi NSNN năm 2020 là 251,35 nghìn tỷ đồng, tăng 16,55 nghìn tỷ đồng so với dự toán, nhưng thấp hơn nhiều so với số đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XIV.

(3) Về Phương án phân bổ sử dụng nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của NSTW năm 2020: Ngày 18/5/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua nghị quyết số 1271/NQ-UBTVQH về phương án sử dụng nguồn tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của NSTW năm 2020 chặt chẽ, theo đúng quy định, trong đó ưu tiên giảm bội chi NSNN năm 2020 và sử dụng 12,1 nghìn tỷ đồng để kịp thời đảm bảo nguồn kinh phí để mua vacxin phòng chống Covid để tiêm cho 70% dân số theo đúng Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ.

(4) Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022: Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022; theo đó quy định cụ thể các nguyên tắc: Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia 05 năm 2021 - 2025; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường; y tế;...) và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo khó khăn; thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương...

(5) Về dự toán năm 2022: Bộ Tài chính đã trình các cấp thẩm quyền, trình Quốc hội thông qua dự toán năm 2022 theo đúng quy định; cơ cấu lại chi NSNN, bố trí chi ĐTPPT đạt tỷ trọng 29,5% dự toán tổng chi NSNN; ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 để thúc đẩy mở cửa nền kinh tế (dành nguồn 10 nghìn tỷ trong dự toán chi dự toán lĩnh vực y tế, dân số năm 2022); hỗ trợ các đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống, tìm kiếm việc làm; nâng cao năng lực của hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng; sẵn sàng các kịch bản, phương án và nguồn lực để phòng, chống, thích ứng hiệu quả với dịch bệnh; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên khác... Trong bối cảnh thu NSNN khó khăn, nhu cầu chi lớn, để góp phần thực hiện các mục tiêu ổn định vĩ mô, thì cần phải quản lý cân đối NSNN phù hợp trên cơ sở tuân thủ kỷ luật tài khóa, trần nợ công Quốc hội cho phép, đảm bảo an toàn tài chính quốc gia (bội chi dự toán năm 2022 là 4%GDP, các chỉ tiêu nợ công trong phạm vi giới hạn quy định).

Đồng thời, do tác động nghiêm trọng của dịch Covid-19, thu NSNN chịu tác động tiêu cực, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, trình Quốc hội việc xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu NSTW, NSDP và số bổ sung cân đối ngân sách theo định mức năm 2022 chỉ áp dụng năm 2022, năm 2023 xác định lại; đảm bảo tỷ lệ phân chia nguồn thu NSTW, NSDP và số bổ sung cân đối phù hợp, áp dụng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Trong điều hành NSNN năm 2022, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đưa nội dung nêu trên vào Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2022; Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương kiên quyết cắt giảm những khoản chi NSTW đã được giao trong dự toán đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2022 chưa phân bổ để bổ sung nguồn thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

(6) Về Báo cáo Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2022: Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Quốc hội Báo cáo Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2022 (báo cáo số 44/BC-CP ngày 1/4/2022) đã đưa ra chi tiết các kết quả của việc tăng cường quản lý thu, chi, bội chi NSNN trong năm 2021, thực hiện ứng phó kịp thời, phù hợp với việc phòng chống dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hỗ trợ người dân, kích cầu đầu tư, tiêu dùng thúc đẩy phục hồi kinh tế đã triển khai tác động tích cực đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp; nhờ đó, kết quả thực hiện thu, chi NSNN năm 2021 cũng khả quan hơn so với đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 2. Tổng thu NSNN đạt 1.568,4 nghìn tỷ đồng, vượt 225,1 nghìn tỷ đồng (tăng 16,8%) so dự toán; tổng chi NSNN đạt 1.854,9 nghìn tỷ đồng, tăng 167,9 nghìn tỷ đồng (tăng 10%) so với dự toán. Bội chi NSNN thực hiện khoảng 286,5 nghìn tỷ đồng, bằng 3,41% GDP thực hiện, giảm 57,2 nghìn tỷ đồng so dự toán.

(7) Về Phương án sử dụng nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của NSTW năm 2021: Ngày 14/6/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 521/NQ-UBTVQH15 về phương án sử dụng nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của NSTW năm 2021 chặt chẽ, theo đúng quy định, trong đó ưu tiên dành nguồn làm lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương; bổ sung nguồn thực hiện các dự án cao tốc đường bộ; thưởng và đầu tư trở lại cho các địa phương; bổ sung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

(8) Đối với dự toán năm 2023, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; hướng dẫn việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách theo đúng quy định, bám sát diễn biến, xu hướng phục hồi nền kinh tế trong nước, thế giới; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023; quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; bố trí

nguồn theo tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, bố trí vốn đầu tư theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tiếp tục cắt giảm chi thường xuyên thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khoá XII), Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; cắt giảm chi thường xuyên của các cơ quan hành chính nhà nước đang được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên...

(9) Đối với Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Bộ Tài chính đã rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Đề án về Phương án huy động nguồn lực cho Chương trình) việc tận dụng các nguồn lực sẵn có để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo tiến độ thực hiện của các Bộ, ngành, địa phương năm 2022 (không phát sinh việc huy động thêm nguồn lực năm 2022 cho Chương trình).

10. Triển khai kịp thời các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2021/TT-BTC sửa đổi Thông tư 37/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Từ năm 2008, Bộ Tài chính bắt đầu triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản công để từng bước sử dụng công nghệ thông tin quản lý, lưu giữ thông tin về tài sản công. Năm 2021, Bộ Tài chính đã hoàn thành Dự án “Nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công” và đưa Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công vào vận hành để từng bước mở rộng phạm vi tài sản công được cập nhật, quản lý trên Cơ sở dữ liệu. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đã quản lý thông tin của tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, cụ thể: tính đến 30/6/2022, tổng nguyên giá tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã cập nhật tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công là 1.604.398,5 tỷ đồng; tổng số lượng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã đăng nhập thông tin là 61.352 tài sản với tổng nguyên giá 4.170.923 tỷ đồng; tổng số lượng tài sản công trình nước sạch nông thôn tập trung đã đăng nhập thông tin là 15.754 công trình với tổng nguyên giá 34.754 tỷ đồng.

- Về nhiệm vụ xử lý tài sản công, tài sản dự án, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng:

+ Bộ Tài chính ban hành 326 Quyết định điều chuyển tài sản, 09 Quyết định bán tài sản, 64 Quyết định xử lý tài sản của các dự án kết thúc, 08 Quyết định xác lập sở hữu nhà nước về tài sản công theo quy định.

+ Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ 27 văn bản về việc thực hiện điều chuyển tài sản là công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý, sử dụng.

+ Ngoài ra, Bộ Tài chính tham gia ý kiến với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, trụ sở chuyên dùng và tài sản chuyên dùng khác.

- Về nhiệm vụ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Tính đến tháng 8/2022, Bộ Tài chính đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo thẩm quyền đối với 29.733 cơ sở nhà, đất.

11. Triển khai kịp thời các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đầu tư công

Ngay từ đầu năm 2022, Bộ Tài chính đã thực hiện đôn đốc các bộ, cơ quan trung ương phân bổ chi tiết, nhập dự toán Tabmis và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSNN năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch vốn phân bổ chi tiết của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đã kịp thời có các văn bản gửi các bộ, cơ quan trung ương có các khoản vốn, các dự án chưa đảm bảo điều kiện phân bổ, giải ngân theo quy định tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và đề nghị các cơ quan hoàn thiện lại phương án phân bổ theo đúng quy định.

- Thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ để xây dựng kế hoạch huy động vốn hiệu quả, sát với khả năng giải ngân vốn đầu tư công, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 2346/BTC-ĐT ngày 10/3/2022 đề nghị các Bộ, ngành và địa phương hướng dẫn báo cáo tình hình giải ngân hằng quý và xác định nhu cầu giải ngân Quý tiếp theo, trong đó đánh giá cụ thể về các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc.

- Thực hiện Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 02/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 4581/VPCP-KTTH ngày 21/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc phân công các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 tại một số Bộ, cơ quan, địa phương, Bộ trưởng Bộ Tài chính (tổ trưởng tổ công tác số 6) đã chủ trì kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 727/TTg-KTTH ngày 16/8/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính tiếp tục thực hiện kiểm tra thực tế và làm việc với các địa phương: Khánh Hòa, Phú Yên, Nghệ An và Sóc Trăng để đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát những quy định bất cập của pháp luật đầu tư công, theo đó Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công trong thời gian

vừa qua (vướng mắc liên quan đến quy định của Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số văn bản cụ thể; vướng mắc, phát sinh do tổ chức thực hiện) để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2022.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Đề án thí điểm về việc tách giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư.

- Hàng tháng, trên cơ sở báo cáo tình hình giải ngân, thanh toán của Kho bạc nhà nước và báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương về tình hình giải ngân, thanh toán hàng tháng, Bộ Tài chính đã tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN hàng tháng; trong đó bao gồm các nội dung cụ thể:

(i) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ chi tiết kế hoạch vốn của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trong đó, rà soát và có ý kiến đối với các trường hợp phân bổ vốn chưa đảm bảo quy định và đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ vốn theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022. Đôn đốc các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án, làm cơ sở phân bổ chi tiết hết số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

(ii) Đánh giá tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng tháng. Trong đó, báo cáo đánh giá và so sánh số liệu giải ngân, thanh toán so với tháng cùng kỳ năm trước và tháng cận trước đó. Từ đó, phân tích và làm rõ một số nguyên nhân làm chậm tiến độ giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm đến nay.

(iii) Đánh giá tình hình thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công. Trên cơ sở các báo cáo nhận được, đánh giá tình hình thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, qua đó kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc để kiến nghị cấp có thẩm quyền các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Đồng thời, Bộ Tài chính đã đôn đốc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chấn chỉnh và chấp hành nghiêm túc việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình giải ngân hàng tháng.

(iv) Trên cơ sở những giải pháp đã triển khai thực hiện, Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, đưa ra các kiến nghị, giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong các tháng tiếp theo.

12. Triển khai kịp thời các giải pháp bảo đảm an toàn nợ công

Căn cứ tình hình trong nước và quốc tế, Bộ Tài chính đã chủ động đề xuất Chính phủ để thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp quản lý nợ công, bám

sát các quy định pháp luật, chủ trương của Đảng và Nhà nước, thông lệ tốt của quốc tế. Cụ thể như sau:

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu NSNN và nợ công, trong đó tập trung tiết giảm bội chi NSNN và thực hiện chính sách vay nợ hiệu quả, hợp lý với mục tiêu, giải pháp và lộ trình cụ thể.
- Việc huy động vốn nước ngoài luôn bám sát các mục tiêu, nguyên tắc và lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2021-2030 với chi phí và rủi ro phù hợp.
- Điều chỉnh mạnh mẽ cơ cấu vay nợ theo hướng tăng cường khả năng tự chủ vào các nguồn lực trong nước, giảm thiểu phụ thuộc vào các nguồn huy động nước ngoài.
- Kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng của NSNN, nợ Chính phủ bảo lãnh theo đúng tinh thần của Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.
- Thực hiện các nghiệp vụ và công cụ quản lý nợ chủ động theo thông lệ quốc tế được áp dụng ngày càng hiệu quả để phân tích các rủi ro nợ công, xác định nhu cầu vay và trả nợ hợp lý trong khả năng cân đối của ngân sách từ đó đề xuất mức trần, ngưỡng an toàn nợ công cho giai đoạn 5 năm 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt.

Kết quả đạt được

Với các chính sách triển khai đã giúp huy động lượng vốn lớn cho NSNN với chi phí thấp gắn liền với mức độ rủi ro hợp lý phục vụ đầu tư phát triển kinh tế xã hội; đồng thời thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước; đảm bảo an toàn nợ công và an ninh tài chính quốc gia. Cụ thể như sau:

- Công tác quản lý, huy động và trả nợ công trong năm 2021 và 7 tháng đầu năm 2022 bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ về quản lý nợ công theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính, dự toán NSNN, kế hoạch vay trả nợ của Chính phủ và các hạn mức vay nợ được phê duyệt.
- Công tác huy động vốn đã đáp ứng nhu cầu cân đối NSNN và phát triển kinh tế - xã hội với mức độ chi phí - rủi ro phù hợp và thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn trong nước.
- Cơ chế, chính sách về quản lý nợ công tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung.
- Việc vay, trả nợ của NSTW đảm bảo trong dự toán được Quốc hội phê duyệt; thực hiện thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn đảm bảo nghĩa vụ đã cam kết với các chủ nợ.
- Các chỉ tiêu an toàn nợ được kiểm soát chặt chẽ, nằm trong giới hạn được Quốc hội phê chuẩn, góp phần đảm bảo an ninh tài chính quốc gia và bồi đắp dự địa chính sách tài khóa, nâng cao hệ số tín nhiệm quốc gia.
- Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn vay nước ngoài, qua đó góp phần thúc đẩy giải ngân vốn đầu công, tạo nguồn lực phục hồi kinh tế sau đại dịch.
- Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nợ công và công khai thông tin về nợ công tiếp tục được tăng cường, đã tổ chức giám sát các dự án sử dụng vốn vay, ngay cả trong điều kiện dịch Covid-19.

IV. LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

1. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế, tăng dự trữ ngoại hối nhà nước khi điều kiện thị trường thuận lợi

- Về Điều hành lãi suất: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sau khi cắt giảm mạnh lãi suất điều hành 3 lần vào năm 2020 và là một trong các Ngân hàng Trung ương giảm lãi suất mạnh nhất khu vực, Ngân hàng nhà nước (NHNN) tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức thấp năm 2021 nhằm tạo điều kiện cho Tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận vốn từ NHNN với chi phí thấp để có cơ sở giảm lãi suất cho vay. Đồng thời, chỉ đạo các TCTD tiết giảm tối đa các loại chi phí, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới; các ngân hàng thương mại có thị phần lớn đã thực hiện có kết quả việc giảm lãi suất cho vay theo cam kết với Hiệp hội ngân hàng, tổng số tiền lãi đã giảm lũy kết từ 15/7/2021 đến 31/12/2021 cho khách hàng đạt **21.244 tỷ đồng**, đạt 105,13% so với cam kết; Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thực hiện giảm 10% lãi suất cho vay đang áp dụng để hỗ trợ các đối tượng chính sách bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Mặt bằng lãi suất cho vay năm 2021 tiếp tục giảm thêm **0,82%/năm**; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực ở mức 4,3%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4,5%/năm).

Các tháng đầu năm 2022, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới tăng nhanh và áp lực lạm phát trong nước gia tăng. Mặc dù chịu nhiều tác động tổng hợp từ diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước; mặt bằng lãi cho vay đến cuối tháng 7/2022 chỉ tăng nhẹ. Lãi suất cho vay VND bình quân là 8,92%/năm (tăng khoảng 0,24% so với cuối năm 2021) chủ yếu do nhu cầu tín dụng tăng cao nhằm đáp ứng quá trình phục hồi.

- Về điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ: Với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ và sự nỗ lực, cố gắng vượt bậc của NHNN, tháng 4/2021, Bộ Tài chính Mỹ đã xác định không có đủ bằng chứng, dấu hiệu cho thấy Việt Nam thao túng tiền tệ. Tháng 7/2021, NHNN và Bộ Tài chính Mỹ đã thống nhất được thỏa thuận và ra Tuyên bố chung. Tiếp đó, Cơ quan đại diện thương mại Mỹ đã công bố quyết định không có hành động trừng phạt thương mại với Việt Nam. Tại báo cáo ban hành tháng 12/2021 và tháng 6/2022, Bộ Tài chính Mỹ tiếp tục xác định Việt Nam không thao túng tiền tệ. Bộ Tài chính Mỹ đánh giá cao việc NHNN đã thực hiện các thỏa thuận một cách nghiêm túc và minh bạch, tiếp tục duy trì được sự ổn định của thị trường ngoại tệ trong bối cảnh kinh tế vĩ mô hết sức khó khăn thời gian qua. Đây là kết quả có ý nghĩa rất tích cực, được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao, không chỉ giúp Việt Nam tránh được thiệt hại về kinh tế mà còn góp phần tiếp tục xây dựng niềm tin và môi trường đầu tư ổn định, hấp dẫn của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Từ đầu năm 2022 (đặc biệt là từ tháng 3 trở lại đây), trong bối cảnh Fed tăng lãi suất và thu hẹp bảng cân đối tài sản với tốc độ nhanh và mạnh; USD tăng giá

trên thị trường thế giới, nhiều đồng tiền mất giá lớn so với USD; cung cầu ngoại tệ rất khó khăn đã gây áp lực lên thị trường ngoại tệ, tỷ giá chịu áp lực tăng mạnh. Trong bối cảnh đó, NHNN đã điều hành tỷ giá chủ động, phù hợp vừa tạo dư địa để tỷ giá diễn biến linh hoạt hơn, hấp thụ cú sốc bên ngoài, vừa bán ngoại tệ can thiệp để bổ sung nguồn cung cho thị trường, ổn định thị trường ngoại tệ, hạn chế nhập khẩu lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời linh hoạt điều hành thanh khoản VND trên thị trường tiền tệ để góp phần giảm sức ép mất giá lên VND, qua đó góp phần hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, tạo môi trường vĩ mô ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thị trường ngoại tệ tiếp tục ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ.

- Phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác: NHNN thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành về điều hành CSTT, giá hàng hóa dịch vụ... nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP). Mặt bằng lãi suất TPCP các kỳ hạn cuối năm 2021 đều giảm so với cuối năm 2020 và được duy trì mức thấp (Kỳ hạn 5 năm 0,76%; Kỳ hạn 7 năm 1,10%, Kỳ hạn 10 năm 2,08%; Kỳ hạn 15 năm 2,33%; Kỳ hạn 20 năm 2,75%; Kỳ hạn 30 năm 2,96%).

Đến ngày 24/8/2022, doanh số phát hành TPCP đạt 99.582 tỷ đồng, giảm 102.297 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (199.256 tỷ đồng), tỷ lệ trúng thầu đạt gần 53%. Doanh số phát hành chủ yếu tập trung ở kỳ hạn 10-15 năm (chiếm tỷ lệ khoảng 89%). Mặt bằng lãi suất các kỳ hạn hiện ở mức: Kỳ hạn 10 năm 2,8%/năm; Kỳ hạn 15 năm 3,1%/năm.

2. Tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên. Kiểm soát chặt tín dụng trong lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

NHNN tiếp tục điều hành tín dụng hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát. NHNN linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD có đề nghị trên cơ sở tình hình hoạt động, năng lực tài chính và khả năng tăng trưởng tín dụng lành mạnh. Chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào lĩnh vực là động lực cho tăng trưởng kinh tế như lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tích cực triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách tại NHCSXH.

Ngành ngân hàng tiếp tục triển khai hiệu quả, thiết thực các Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp tại các địa phương trên cả nước (với trên 320 buổi gặp gỡ, đối thoại) nhằm nhận diện khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, từ đó có giải pháp tháo gỡ phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho trên 70 nghìn doanh nghiệp trong quan hệ tín dụng với ngân hàng với số tiền vay mới đạt khoảng 960 nghìn tỷ đồng.

Bên cạnh các giải pháp điều hành tín dụng, để tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng chính thức và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi vay vốn TCTD, qua đó góp phần hạn chế, đẩy lùi “tín dụng đen”, thời gian qua, NHNN đã chủ động triển khai nhiều giải pháp cụ thể như: Thường xuyên chỉ đạo

TCTD mở rộng, đa dạng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, giảm lãi suất, đơn giản hóa thủ tục cho vay nhằm tăng cường tiếp cận tín dụng qua các kênh chính thức; Tiếp tục triển khai chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; Phát triển mạng lưới TCTD, các công ty tài chính, tổ chức tài chính vi mô phủ khắp các vùng miền nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn chính đáng của người dân; Tăng cường hoạt động truyền thông về cơ chế, chính sách cho vay, xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính trên truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng để nâng cao nhận thức của người dân về các sản phẩm, dịch vụ tài chính;...

Với hệ thống các chỉ đạo và giải pháp đồng bộ của NHNN, mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 nhưng tín dụng toàn nền kinh tế năm 2021 tăng ngay từ đầu năm, tổng dư nợ nền kinh tế đạt khoảng 10,38 triệu tỷ đồng, tăng 12,97% so với cuối năm 2020. Đến ngày 22/8/2022, tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 11,46 triệu tỷ đồng, tăng 9,77% (cùng kỳ năm 2021 tăng 6,98%). Trong đó: (i) Cơ cấu tín dụng tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phù hợp với đóng góp và tăng trưởng của các ngành kinh tế trong GDP; (ii) Tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên tăng trưởng tốt, cao hơn cùng kỳ năm trước, một số lĩnh vực có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng tín dụng chung; (iii) Tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.

Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. NHNN đã ban hành kịp thời đầy đủ các văn bản hướng dẫn triển khai Nghị định.

- NHNN đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất trong năm 2022 (*gần 16.035 tỷ đồng*) và tổng hợp, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (*gần 23.965 tỷ đồng*); đồng thời, NHNN đã có thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất dự kiến năm 2022 cho từng NHTM để triển khai chương trình.

- NHNN đã ban hành các văn bản hướng dẫn, giải đáp các nội dung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của NHNN; đồng thời phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng giải đáp các vấn đề liên quan đến đối tượng được HTLS. Ngày 26/8/2022, NHNN chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc để phổ biến, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chương trình.

- Đến nay, có 42/44 NHTM đã ban hành hướng dẫn nội bộ để triển khai chính sách trong toàn hệ thống. Theo báo cáo nhanh từ các NHTM, doanh số cho vay được HTLS đạt gần 4.407 tỷ đồng đối với gần 550 khách hàng, dư nợ được HTLS đạt khoảng 4.300 tỷ đồng. Một số trường hợp đang khẩn trương hoàn thiện thủ tục để được HTLS. Dự kiến số tiền HTLS cho khách hàng đến cuối tháng 8/2022 khoảng 13,5 tỷ. Theo kết quả rà soát nhanh tại 27/44 NHTM, dư nợ của nhóm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc các ngành được HTLS (chỉ bao gồm các trường hợp ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân sau 01/01/2022) khoảng 800 nghìn tỷ đồng. Hiện nay các ngân hàng vẫn đang tiếp tục rà soát danh mục khách hàng đáp ứng điều kiện được hỗ trợ lãi suất để đẩy mạnh công tác hướng dẫn khách hàng hoàn thiện thủ tục HTLS.

Về giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn:

Cuối tháng 6/2022, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn của toàn hệ thống TCTD là 25,08%. Các TCTD về cơ bản đều đáp ứng quy định này (trừ một số TCTD yếu kém, được kiểm soát đặc biệt).

Triển khai chính sách hỗ trợ thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH):

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đến nay, các bộ, ngành đang khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn làm cơ sở để NHCSXH triển khai cho vay theo thẩm quyền.

Các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do Covid-19:

- Thực hiện tái cấp vốn cho các TCTD sau khi các TCTD cho Tổng Công ty hàng không Việt Nam vay, với tổng số tiền tối đa 4.000 tỷ đồng.

- Thực hiện giải ngân tái cấp vốn 4.787 tỷ đồng đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Đến ngày 31/7/2022, dư nợ của Chương trình là 4.192 tỷ đồng với 1.083 khách hàng còn dư nợ.

- Thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung: Đến cuối tháng 6/2022, các TCTD đã thực hiện: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ: Lũy kế giá trị nợ đã được cơ cấu lại từ khi ban hành Thông tư 01 là hơn 722 nghìn tỷ đồng cho gần 1,1 triệu khách hàng; dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ hiện còn khoảng 178 nghìn tỷ đồng; (ii) Miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ: Lũy kế giá trị nợ được miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ là hơn 92 nghìn tỷ đồng cho gần 562 nghìn khách hàng; dư nợ miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ hiện còn gần 17 nghìn tỷ đồng.

Thời hạn để áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi của các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid -19 đến 30/6/2022. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã chủ động thực hiện nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự kiến không tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN.

- Thực hiện giảm lãi suất đối với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới. Lũy kế đến cuối tháng 6/2022, tổng số tiền lãi các TCTD đã giảm, hạ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là khoảng 50.000 tỷ đồng.

- Miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán: Tiếp tục triển khai chính sách giảm 50% phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo Thông tư 13/2021/TT-NHNN (áp dụng từ 01/9/2021-30/6/2022). Tính đến hết tháng 6/2022, tổng số phí các TCTD đã miễn/giảm cho khách hàng khoảng 13 nghìn tỷ đồng. Các TCTD đã áp dụng nhiều chính sách miễn, giảm phí tài khoản, thẻ cho khách hàng; triển khai các gói sản phẩm dịch vụ “zero fee” như miễn phí chuyển khoản, phí quản lý tài khoản, phí phát hành, phí thường niên thẻ,...

3. Đẩy nhanh tiến độ cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, tập trung cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém. Tích cực triển khai các biện pháp xử lý nợ xấu, kiểm soát và hạn chế nợ xấu mới phát sinh.

a) Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng

- Năm 2021, NHNN tiếp tục giám sát chặt chẽ các TCTD trong việc triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt; rà soát, điều chỉnh phương án phù hợp với thực tiễn hoạt động, khắc phục các tồn tại, yếu kém; kịp thời cảnh báo, chấn chỉnh, xử lý các khó khăn, vướng mắc của các TCTD trong quá trình triển khai thực hiện phương án. Tập trung hoàn thiện các phương án xử lý các TCTD yếu kém, TCTD bị kiểm soát đặc biệt. Đồng thời, tiếp tục tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) để củng cố, chấn chỉnh, nhận diện kịp thời những rủi ro tiềm ẩn để áp dụng can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt; tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức tài chính vi mô để tạo điều kiện cho các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động hiệu quả.

Sau 4 năm thực hiện Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD đã đạt được những kết quả quan trọng; các mục tiêu tại Đề án về cơ bản đã đạt được (trừ một số mục tiêu bị ảnh hưởng do tác động của đại dịch Covid-19). Quy mô hệ thống các TCTD tiếp tục tăng; năng lực tài chính, chất lượng quản trị, điều hành tiếp tục được củng cố, nâng cao; từng bước hình thành đồng bộ các chuẩn mực, thiết chế an toàn phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam; các NHTM Nhà nước tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các TCTD. Sự ổn định, an toàn của hệ thống các TCTD tiếp tục được giữ vững, quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền được bảo đảm, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào hệ thống ngân hàng. Vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD đã được xử lý có hiệu quả. Hệ thống QTDND về cơ bản hoạt động tương đối ổn định, phát huy được vai trò trong việc huy động và cho vay vốn hỗ trợ các thành viên phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao đời sống của người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, hạn chế tín dụng đen.

- Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022). Để triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án, NHNN đã ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng (Quyết định số 1382/QĐ-NHNN ngày 12/8/2022). Ngoài ra, NHNN đã có văn bản yêu cầu TCTD thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng tài chính, hoạt động của TCTD; nhận định những khó khăn, thách thức, tồn tại, hạn chế cần xử lý, giải pháp cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của TCTD giai đoạn 2021-2025 và lộ trình thực hiện đảm bảo phù hợp với Đề án 689. Đồng thời, tiếp tục hướng dẫn TCTD xây dựng phương án cơ cấu lại để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai trong thời gian tới.

- Kết quả cơ cấu lại đối với từng nhóm các TCTD:

+ Các NHTM nhà nước tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các TCTD, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các TCTD yếu kém và dành nguồn lực để hỗ trợ giảm lãi suất cho khách hàng vay gặp khó khăn do dịch Covid-19. Triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, NHNN đang phối hợp các bộ, ngành liên quan xem xét, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ giai đoạn 2021-2023 cho BIDV, Vietcombank, VietinBank và từ nguồn ngân sách nhà nước đối với Agribank.

+ Các NHTM cổ phần về cơ bản đều bám sát phương án được duyệt, tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động.

Đối với các ngân hàng yếu kém, các ngân hàng mua bất buộc: Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền, NHNN đã và đang chỉ đạo các ngân hàng này khẩn trương hoàn thiện phương án cơ cấu lại, đồng thời tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ Các TCTD phi ngân hàng đang tích cực triển khai phương án cơ cấu lại đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hệ thống QTDND: NHNN đã tập trung chỉ đạo các đơn vị trong Ngành triển khai các giải pháp nhằm tăng cường củng cố hệ thống QTDND, tập trung xử lý QTDND yếu kém; chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của các QTDND trên địa bàn; chỉ đạo đẩy nhanh việc chi trả tiền gửi cho người gửi tiền tại các QTDND để bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền, góp phần ổn định an ninh, an toàn trật tự địa phương; triển khai các giải pháp để tăng cường vai trò của các NHTM trong việc hỗ trợ các QTDND yếu kém. Đến nay, về cơ bản hoạt động của hệ thống QTDND tương đối ổn định; các QTDND phát huy được vai trò trong công tác huy động vốn, cho vay, hỗ trợ cho các thành viên trên địa bàn phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao đời sống của người dân, góp phần không nhỏ vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương, hạn chế tín dụng đen. NHNN cũng đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức Hội nghị sơ kết Chỉ thị số 06/CT-TTg về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống QTDND và Hội nghị chuyên đề QTDND.

b) Tình hình triển khai và kết quả xử lý nợ xấu

- Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng tín dụng, NHNN đã chỉ đạo các TCTD tập trung nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế phát sinh nợ xấu mới; tích cực áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 (Nghị

quyết 42); đồng thời, căn cứ thực trạng nợ xấu, xây dựng kế hoạch xử lý nợ xấu bảo đảm phù hợp với diễn biến dịch bệnh Covid-19.

- NHNN đã tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 42 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD. Thực tiễn cho thấy nhiều giải pháp tại Nghị quyết đã góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD. Trên cơ sở đó, nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, bền vững cho việc xử lý nợ xấu của các TCTD; kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị quyết số 42, tại Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thống nhất kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết số 42 từ ngày 15/8/2022 đến hết ngày 31/12/2023 và giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Các TCTD; trình Quốc hội xem xét chậm nhất tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023). Hiện, NHNN đang nghiên cứu các quy định về xử lý nợ xấu cần luật hóa trong Luật Các TCTD để đề xuất cụ thể.

- Xây dựng, từng bước triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD giai đoạn 2021-2025, trong đó gồm các giải pháp đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện các vấn đề, tồn tại, vi phạm trong hoạt động cấp tín dụng và đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị cụ thể, có biện pháp xử lý phù hợp nhằm hạn chế rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng. Chỉ đạo các TCTD kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là đầu tư vào các trái phiếu với mục đích để xây dựng, kinh doanh bất động sản.

Nhờ việc thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nêu trên, mặc dù trong bối cảnh dịch Covid-19 đã và đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và hệ thống TCTD nói riêng, nhưng tỷ lệ nợ xấu nội bảng vẫn được duy trì ở mức an toàn, đến cuối tháng 6/2022 là 1,52% tổng dư nợ (năm 2021 là 1,49%). Bên cạnh đó, việc xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 tiếp tục đạt được những kết quả tích cực, lũy kế từ 15/8/2017 đến 30/6/2022, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 397,9 nghìn tỷ nợ xấu theo Nghị quyết số 42.

4. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện hạ tầng, thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM).

- NHNN đã nghiên cứu, hoàn thiện (i) dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về TTKDTM trình Chính phủ ban hành; (ii) đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.

- Đồng thời, NHNN đã: (i) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025 (Quyết định 2006/QĐ-NHNN ngày 17/12/2021); (ii) chỉ đạo NHNN chi nhánh các tỉnh, thành

phổ tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1813/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; (iii) chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức trung gian thanh toán trên địa bàn đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp thanh toán mới, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung ứng dịch vụ hành chính công, các trường học, bệnh viện, công ty điện, nước... để thực hiện thu tiền học phí, viện phí, tiền điện, nước... bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Hiện, NHNN đã và đang tiếp tục đôn đốc, theo dõi, giám sát và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Ban hành Thông tư hướng dẫn phát hành thẻ bằng phương thức điện tử (eKYC) (cho phép khách hàng áp dụng công nghệ để mở thẻ ngân hàng từ xa mà không cần phải đến quầy giao dịch của ngân hàng); theo đó các công nghệ, giải pháp mới như: phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo/học máy (AI/ML), xác thực sinh trắc học... đã được áp dụng với hầu hết các ngân hàng triển khai eKYC.

- Về tình hình triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money: Việc triển khai thí điểm đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần vào phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo của Việt Nam. Tổng số khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile Money lũy kế đến hết tháng 8/2022 đạt gần 2,2 triệu khách hàng; trong đó số lượng khách hàng đăng ký và sử dụng ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo là 1,5 triệu khách, chiếm 69% tổng số khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ; 8.156 điểm kinh doanh Mobile Money đã được thiết lập; đã có 14.556 đơn vị chấp nhận thanh toán bằng Mobile Money, trong đó chủ yếu là các đơn vị chấp nhận thanh toán cung ứng dịch vụ thiết yếu như điện, nước, giáo dục, bán lẻ... Số lượng giao dịch thực hiện qua tài khoản Mobile Money đã đạt gần 14 triệu giao dịch với tổng giá trị là hơn 832 tỷ đồng.

- Hoạt động thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh. NHNN tiếp tục phối hợp triển khai nhiều chính sách thúc đẩy TTKDTM đối với dịch vụ công, đặc biệt lĩnh vực y tế, giáo dục, cũng như đẩy mạnh triển khai kết nối, tích hợp thanh toán trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã kết nối hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cho phép các Bộ, ngành, địa phương cung cấp dịch vụ, thanh toán trực tuyến với các thủ tục hành chính.

- Hoạt động thanh toán trong nền kinh tế được diễn ra an toàn, hiệu quả, thông suốt; hệ thống ATM, POS tiếp tục hoạt động ổn định, được các ngân hàng quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ; hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử được vận hành ổn định, thông suốt và an toàn; tình hình thanh khoản của các ngân hàng thành viên đảm bảo, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán.

V. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

1. Thực hiện hiệu quả các giải pháp điều hành giá điện, bảo đảm cân đối cung - cầu, bình ổn thị trường

a) Về việc hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện

Sau khi xem xét, đánh giá trực tiếp tác động của dịch COVID-19 đến đời sống của người dân, các cơ sở lưu trú du lịch, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng như xem xét hỗ trợ cho các cơ sở tuyến đầu chống dịch là các cơ sở cách ly y tế tập trung trên cả nước, trên cơ sở khả năng cân đối tài chính của EVN, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương hướng dẫn EVN giảm giá điện, giảm tiền điện 05 đợt trong năm 2020 và năm 2021. Theo báo cáo của EVN, tổng số tiền hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 trong 05 đợt đến thời điểm ngày 18 tháng 3 năm 2022 là trên 15.000 tỷ đồng. Việc giảm tiền điện, giảm giá điện này đã thể hiện sự quan tâm kịp thời của Chính phủ và Bộ Công Thương, góp phần khôi phục sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa thiết yếu, phục vụ người dân.

b) Về điều hành giá bán lẻ điện

Việc điều hành giá điện hiện nay đang được theo quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Bên cạnh với việc hướng dẫn hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện nêu trên, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiết kiệm các khoản chi phí, chi thường xuyên để giữ ổn định giá điện, đảm bảo công tác kiểm soát lạm phát chung cũng như góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân hồi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống. Năm 2021 không thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện.

Trong năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá bán điện theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Tuy nhiên, trong những tháng vừa qua, giá nhiên liệu của các nhà máy điện (dầu, than) tăng cao và dự kiến những tháng còn lại của năm 2022, có thể tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó gây áp lực lớn lên mặt bằng giá. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái – Trưởng Ban chỉ đạo điều hành giá, Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 4638/BCT-ĐTĐL ngày 09 tháng 8 năm 2022 chỉ đạo EVN tiết kiệm chi phí, kiểm soát, tính toán, xử lý những tồn tại liên quan đến chi phí để giữ ổn định giá điện, qua đó đảm bảo công tác kiểm soát lạm phát chung cũng như góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân hồi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống.

c) Về thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối cung - cầu điện

Tình hình cung ứng điện năm 2021

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3598/QĐ-BCT phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc

gia năm 2022, trong đó dự kiến sản lượng điện sản xuất và mua của cả năm 2021 (bao gồm sản lượng điện mặt trời mái nhà bán vào hệ thống điện quốc gia) là 262,410 tỷ kWh, tăng 6,95% so với năm 2020.

Thực tế, điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện cả năm 2021 đạt 256,7 tỷ kWh (bao gồm sản lượng điện mặt trời mái nhà bán vào hệ thống), tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2020. Nhu cầu phụ tải thực tế năm 2021 thấp hơn so với dự báo của kế hoạch năm tại Quyết định 3598/QĐ-BCT do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, việc thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ trong thời gian Quý III-IV năm 2021.

Tình hình sản xuất và cung ứng điện toàn hệ thống trong năm 2021 đã được thực hiện tốt, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu điện cho sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân cả nước.

Tình hình cung ứng điện 9 tháng đầu năm và dự kiến cả 2022

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3063/QĐ-BCT phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2022, trong đó dự kiến sản lượng điện sản xuất và mua của cả năm 2022 (bao gồm sản lượng điện mặt trời mái nhà bán vào hệ thống điện quốc gia) là 275,505 tỷ kWh, tăng 7,88% so với năm 2021.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện đạt 204,539 tỷ kWh (bao gồm sản lượng điện mặt trời mái nhà bán vào hệ thống), tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn 1,898 tỷ kWh so với Quyết định số 3063/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 về kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2022.

Tình hình sản xuất và cung ứng điện toàn hệ thống trong 9 tháng đầu năm 2022 đã đáp ứng đủ nhu cầu điện cho sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân trên cả nước nói chung, đặc biệt là trong các dịp nghỉ Lễ, Tết dài ngày và trong thời gian diễn ra các sự kiện văn hóa – chính trị lớn của cả nước.

Theo tính toán cập nhật của Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong Phương thức vận hành hệ thống điện tháng 9 năm 2022, điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện 3 tháng còn lại của năm 2022 ước đạt 69,248 tỷ kWh (bao gồm sản lượng điện mặt trời mái nhà bán vào hệ thống). Lũy kế cả năm 2022, điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện ước đạt 273,338 tỷ kWh, tăng 7,2% so với năm 2021, bằng 99,2% so với mức dự báo tại Quyết định số 3063/QĐ-BCT.

Căn cứ tính toán cập nhật về kế hoạch cung cấp điện cho các tháng tới, cơ bản năm 2022 sẽ không thiếu điện để phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong cả nước.

Công tác chỉ đạo đảm bảo cung cấp điện các tháng còn lại của năm 2022

Để đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng còn lại của năm 2022, cũng như đảm bảo cung ứng điện cho năm 2023, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

- Chỉ đạo các đơn vị về vận hành đáp ứng nhu cầu nước hạ du của các địa phương, chuẩn bị các phương án vận hành các nhà máy thủy điện trong mùa lũ, xây dựng các kịch bản để chủ động ứng phó trong nhiều tình huống khác nhau, không để bị động, bất ngờ, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra.

Đồng thời, yêu cầu các nhà máy thủy điện tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống lụt bão, quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ, đảm bảo vận hành tuyệt đối an toàn các hồ, đập thủy điện trong mùa lũ.

- Yêu cầu Chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện than tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ và chỉ đạo các Tổng công ty Phát điện phối hợp chặt chẽ với TKV, Tổng công ty Đông Bắc và các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch đảm bảo cung ứng than cho sản xuất điện các tháng còn lại của năm 2022, cũng như cho cả năm 2023.

- Chỉ đạo các đơn vị điện lực sắp xếp kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa hợp lý, rút ngắn thời gian bảo dưỡng, tránh sửa chữa các nguồn điện trong thời gian cao điểm nắng nóng.

- Chỉ đạo việc đẩy nhanh tiến độ các công trình đường dây truyền tải, đặc biệt là các đường dây 500 kV, 220 kV truyền tải bổ sung công suất cho khu vực miền Bắc (trong tháng 4, 5 đã đóng điện đường dây 500 kV Vũng Áng - Quảng Trạch - Dốc Sỏi, đường dây 220 kV mạch 2 Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu).

- Yêu cầu EVN chỉ đạo Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, các Tổng công ty Điện lực bám sát tình hình phụ tải thực tế, cập nhật dự báo phụ tải năm 2022. Trên cơ sở đó, chủ động lập kế hoạch, làm việc trực tiếp với từng đối tượng khách hàng để xây dựng các giải pháp về chuyển đổi mô hình, thời gian sản xuất nhằm đảm bảo cung cấp điện, tập trung vào các giải pháp khả thi, ngắn hạn có thể thực hiện được ngay.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, sử dụng điện hợp lý và hiệu quả, đồng thời tích cực triển khai các giải pháp tiết kiệm nước cho sản xuất, sinh hoạt trên phạm vi cả nước.

- Yêu cầu EVN chủ động xây dựng Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2023, trong đó, nghiên cứu, đánh giá sơ bộ tình hình cung ứng điện năm 2023, chủ động đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo cung ứng đủ điện cho nhu cầu sản xuất-kinh doanh và đời sống sinh hoạt của người dân.

2. Hoàn thành việc cấp điện cho người dân, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy điện; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong thiết kế, xây dựng, vận hành các công trình thủy điện

a) Về cấp điện cho người dân, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo

Đầu tư cấp điện cho nông thôn miền núi, hải đảo luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, được cụ thể tại các văn bản: Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị năm 2003; Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2007 và Nghị quyết số 55-NQ/TW năm 2020 của Bộ Chính trị với mục tiêu đến năm 2020 hầu hết các hộ được sử dụng điện. Tuy nhiên đến nay còn khoảng 911.400 hộ dân (trong đó, khoảng 160.000 hộ dân chưa có điện, 751.400 hộ dân cần cải tạo) của 14.676 thôn bản trên địa bàn 3.099 xã thuộc 48 tỉnh. Trong đó: (i) số xã khu vực biên giới và đặc biệt khó khăn là 1.075 xã (43 tỉnh) thuộc các tỉnh, thành phố Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk, Bạc Liêu, An Giang, Cần Thơ, Cao Bằng, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Nghệ An,

Thừa Thiên – Huế, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau; khu vực còn lại là 2.024 xã; (ii) các đảo chưa được cấp điện: Đảo Côn Cỏ tỉnh Quảng Trị; Đảo Thổ Châu, An Sơn - Nam Du tỉnh Kiên Giang; Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (iv) 2.478 trạm bơm quy mô vừa và nhỏ (13 tỉnh) khu vực đồng bằng sông Cửu Long chưa được cấp điện đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ điện năng.

Thực hiện Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Điện lực ngày 20/11/2012; Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025. Bộ Công Thương trình Chính phủ có nghị quyết phê duyệt Chương trình đầu tư công “Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2021-2025” tại Tờ trình số 3462/TTr-BCT ngày 15/6/2021 với nhu cầu vốn khoảng 29.779 tỷ đồng.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 4319/VPCP-CN ngày 29/6/2021 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức thẩm định Chương trình. Kết quả thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5965/BC-BKHĐT đã đánh giá mục tiêu đầu tư của Chương trình là phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 và Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV, triển khai xây dựng Chương trình đầu tư công “Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo” thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 là cần thiết. Tuy nhiên, vốn cân đối chỉ đạt khoảng 9.494 tỷ đồng tập trung cấp điện cho 2 đảo An Sơn - Nam Du tỉnh Kiên Giang; Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; thanh toán công trình hoàn thành và một số dự án/tiểu dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025. Ngày 16/4/2022, Văn phòng Chính phủ đã gửi Phiếu lấy ý kiến các thành viên Chính phủ về Nghị quyết Chương trình tại Phiếu lấy ý kiến số 125/PLYK/2022 để thông qua việc ban hành Nghị quyết. Tuy nhiên, tổng hợp phiếu lấy ý kiến của các thành viên Chính phủ có 4/22 ý kiến các thành viên Chính phủ (trong đó: có 01 ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư không đồng ý; 03 ý kiến của thành viên chính phủ đề nghị giải trình bổ sung, làm rõ). Hiện nay, Bộ Công Thương đang lấy thông tin về số liệu liên quan của các địa phương để hoàn thiện hồ sơ giải trình, làm rõ theo các ý kiến của các thành viên Chính phủ nêu trên.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã hoàn thiện hồ sơ Chương trình, trong đó đề xuất Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét giao Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan làm việc với các nhà tài trợ quốc tế WB, ADB với 2 khoản vay ưu đãi từ WB tại Văn bản số 10145/BCT-ĐL, ngày 31/12/2019 là 360 triệu USD (khoảng 8.296,7 tỷ đồng) và từ ADB tại Văn bản số 10144/BCT-ĐL, ngày 31/12/2019 là 400 triệu USD (khoảng 9.218,6 tỷ đồng), tổng cộng 2 khoản vay trên khoảng 17.515 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện mục tiêu hầu hết các hộ được sử dụng điện (cụ thể khoảng 911.400 hộ dân) giai đoạn 2021 - 2025.

b) Về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy điện

- Bộ Công Thương đã xây dựng cơ sở dữ liệu đập thủy điện để hỗ trợ quản lý và vận hành an toàn hồ chứa thủy điện. Hiện nay, các đơn vị (chủ sở hữu/tổ chức quản lý vận hành đập, hồ chứa) cập nhật dữ liệu vận hành thường xuyên. Hàng ngày có khoảng 200 đơn vị vận hành đập, hồ chứa thủy điện cập nhật số liệu.

- Trên cơ sở dữ liệu vận hành hồ chứa thủy điện do các đơn vị cập nhật:

+ Hàng ngày, vào mùa mưa lũ (từ 15/5 đến 31/12), Văn phòng thường trực Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương có Báo cáo công tác vận hành hồ chứa thủy điện tới Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, Trưởng ban chỉ huy Phòng thủ dân sự, Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương;

+ Văn phòng thường trực Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương có cơ sở tham mưu Lãnh đạo Bộ chỉ đạo thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ lưu.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong thiết kế, xây dựng, vận hành các công trình thủy điện

Triển khai thực hiện nội dung yêu cầu tại các Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước và thực thi các quy định pháp luật của các cơ quan, đơn vị liên quan về quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành và khai thác các dự án/công trình thủy điện, đặc biệt là thủy điện nhỏ, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có dự án thủy điện, gắn với phát triển bền vững và an toàn, bảo vệ môi trường, ngày 22/12/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 9844/BC-TĐL để chỉ đạo các tỉnh có dự án thủy điện tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác dự án/công trình thủy điện. Sau khi có kết quả báo cáo của UBND các tỉnh, Bộ Công Thương tổ chức các Đoàn Công tác để kiểm tra, làm việc trực tiếp với các địa phương về hoạt động đầu tư xây dựng và vận hành các dự án/công trình thủy điện đã được ban hành tại Quyết định số 3575/QĐ-BCT-ĐL ngày 31/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện các biện pháp quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác thủy điện.

Từ năm 2021 đến nay, Đoàn Công tác của Bộ Công Thương đã phối hợp với UBND các tỉnh trên cả nước có dự án thủy điện (Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đắk Nông, Đắk Lắk) và các cơ quan liên quan của tỉnh kiểm tra tình hình thi công tại một số dự án thủy điện và làm việc về các hoạt động đầu tư, xây dựng và vận hành đối với các dự án/công trình thủy điện trên địa bàn các tỉnh trên để kịp thời đưa ra các cảnh báo, biện pháp xử lý, khắc phục những mặt hạn chế của các dự án từ giai đoạn thiết kế, xây dựng đến quá trình vận hành. Đồng thời, Bộ Công Thương cũng đã hướng dẫn, phối hợp theo đề nghị của các Sở Công Thương các tỉnh thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án thủy điện trên địa bàn. Nhìn chung, trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, việc điều chỉnh quy mô, thay đổi thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công so với Hồ sơ thiết kế đã được cấp có thẩm quyền tham gia ý kiến; Chủ đầu tư các dự án thủy điện đã nhận thức đúng

đảm và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, đã có ý thức tăng cường đội ngũ chuyên môn có kinh nghiệm đầu tư xây dựng thủy điện nên việc quản lý chất lượng được ngày càng cải thiện. Theo quy định tất cả các Chủ đầu tư dự án thủy điện phải báo cáo đầy đủ tình hình triển khai và các vướng mắc đối với dự án tới Sở Công Thương tỉnh theo định kỳ, vì vậy các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương cũng đã nắm bắt đầy đủ tình hình để kịp thời chỉ đạo xử lý, tránh để xảy ra các hậu quả nghiêm trọng. Kết quả là những năm gần đây đã hạn chế tối đa những sự cố nghiêm trọng có thể xảy ra đối với các công trình thủy điện.

- Năm 2021, Bộ Công Thương đã kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện 24/35 đập, hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương. 8 tháng đầu năm 2022, Bộ Công Thương đã kiểm tra đánh giá an toàn đập, hồ chứa 26/40 đập, hồ chứa (Pa Ke, Sông Lô 6, Tuyên Quang, Thác Bà, Nậm Chiến, Bắc Mê, Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srepok 3, Srepok 4, Trị An, Thác Mơ, Bản Vẽ, Hồ Hồ, Hương Điền, Sông Hinh, Sông Ba Hạ, Vĩnh Sơn, An Khê, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Ialy, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Sê San 4A).

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn điện và quản lý an toàn đập, thủy điện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, tiếp đến tình hình thời tiết không thuận lợi, mưa bão lũ kéo dài nên Bộ Công Thương phải tập trung vào công tác phòng chống thiên tai và xử lý những vấn đề liên quan đến các công trình thủy điện trên địa bàn cả nước. Vì vậy, Bộ không tiến hành thanh tra, kiểm tra đơn vị nào năm 2020, 2021. Năm 2022, Bộ Công Thương có kế hoạch thực hiện thanh tra 02 đơn vị việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn điện và quản lý an toàn đập, thủy điện trong quý IV năm 2022.

- Công tác kiểm tra đột xuất: Bộ Công Thương đã thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất và xử lý vi phạm trong vận hành các công trình thủy điện:

+ Kiểm tra công tác vận hành hồ, đập thủy điện tại tỉnh Quảng Nam.

+ Kiểm tra công tác quản lý an toàn, vận hành, phòng chống thiên tai tại công trình thủy điện Thượng Nhật.

+ Kiểm tra kết quả triển khai xử lý khắc phục đảm bảo an toàn vận hành công trình thủy điện Thượng Nhật.

+ Tham gia Sở Chỉ huy tiền phương chỉ đạo tập trung cứu nạn, khắc phục hậu quả sạt lở đất tại khu vực Trạm kiểm lâm số 7 và thủy điện Rào Trắng 3 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Ban hành Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 và quy định về cách xác định sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, sản xuất tại Việt Nam

a) Xây dựng, trình ban hành Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 493/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

b) Ban hành quy định về cách xác định sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, sản xuất tại Việt Nam

Năm 2018, nhận thấy chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định các tiêu chí và điều kiện cụ thể để doanh nghiệp xác định và thể hiện trên hàng hóa, bao bì hàng hóa là “Sản phẩm của Việt Nam” hay “Sản xuất tại Việt Nam” cho hàng hóa lưu thông tại thị trường trong nước, Bộ Công Thương đã báo cáo và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép Bộ Công Thương chủ trì xây dựng quy định “Sản xuất tại Việt Nam”. Qua quá trình thống nhất ý kiến với Bộ Tư pháp và Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại văn bản số 4324/VPCP-KTTH ngày 21/5/2019, Bộ Công Thương đã tiến hành xây dựng Thông tư “Sản xuất tại Việt Nam”. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 2019, nội dung Thông tư quy định chính sách vượt quá thẩm quyền của Bộ Công Thương. Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và được giao chủ trì xây dựng Nghị định “Sản xuất tại Việt Nam” tại văn bản số 4342/VPCP-KTTH ngày 01/6/2020 của Văn phòng Chính phủ.

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định gửi xin ý kiến các Bộ, ngành và đăng công khai trên các trang tin điện tử để xin ý kiến rộng rãi (Tháng 9/2020).

Sau khi Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17 tháng 11 năm 2020 được ban hành, thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương tiếp tục đẩy mạnh quá trình tổng hợp, xin ý kiến, hoàn thiện bộ hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định “Sản xuất tại Việt Nam” gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. Theo đó, nội dung chính sách về cách ghi nhãn hàng hóa dự kiến quy định trong Nghị định “Sản xuất tại Việt Nam” đã được đưa vào Nghị định 111/2021/NĐ-CP. Như vậy, văn bản “Sản xuất tại Việt Nam” sẽ chỉ còn tập trung quy định về bộ tiêu chí xuất xứ dùng để xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, là cơ sở thực hiện việc ghi nhãn về xuất xứ hàng hóa tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Do vậy, việc xây dựng văn bản “Sản xuất tại Việt Nam” ở cấp Nghị định là không còn cần thiết tại thời điểm này. Trước tình hình thực tiễn nêu trên, sau khi nghiên cứu, đánh giá kỹ càng, Bộ Công Thương đã Tờ trình số 3107/TTr-BCT ngày 02/6/2021 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng văn bản quy định cách xác định sản phẩm, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, theo đó kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương xây dựng văn bản “Sản xuất tại Việt Nam” ở cấp Thông tư của Bộ Công Thương.

Trải qua quá trình dài trao đổi với Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, xin ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đến ngày 27/5/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 73/NQ-CP về việc rút nhiệm vụ xây dựng “Nghị định sản xuất tại Việt Nam”. Theo đó, Chính phủ quyết nghị:

- Đồng ý kiến nghị của Bộ Công Thương về việc rút nhiệm vụ xây dựng Nghị định “Sản xuất tại Việt Nam”.

- Bộ Công Thương xem xét, quyết định ban hành văn bản “Sản xuất tại Việt Nam” ở cấp Thông tư theo thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ được giao, bảo

đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về quyết định của mình.

Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Công Thương đã khẩn trương tiến hành các thủ tục để xây dựng và ban hành Thông tư quy định cách xác định sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam hoặc sản xuất tại Việt Nam. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1212/QĐ-BCT ngày 21 tháng 6 năm 2022 thành lập Tổ Soạn thảo Thông tư quy định cách xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Hiện nay, Tổ Soạn thảo đang hoàn thiện dự thảo Thông tư trước khi xin ý kiến các Bộ, ngành và đăng tải rộng rãi để xin ý kiến công luận theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự kiến thời gian ban hành trong quý I/2023.

4. Khẩn trương ban hành Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Chính phủ đã giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan xây dựng “Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (gọi tắt là Chiến lược), trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt theo đúng thời gian quy định tại các Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016, số 69/NQ-CP ngày 13/9/2019 và số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Ngăn chặn, xử lý nghiêm việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương ban hành kịp thời nhiều văn bản chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện trong toàn lực lượng, như: Công điện số 517/CĐ-BCT ngày 28/01/2022 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong kinh doanh xăng dầu; Công điện số 960/CĐ-BCT về việc tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường trước tình hình ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và xung đột vũ trang Ukraine; Công điện số 4436/CĐ-BCT ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường và an sinh xã hội; Công điện số 4624/CĐ-BCT ngày 08/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc triển khai đợt cao điểm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá bảo đảm cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường và an sinh xã hội; Công văn số 1898/BCĐ389-CQTT ngày 13/4/2022 về việc tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đối với nhóm mặt hàng sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế phòng chống dịch Covid - 19; Công văn số 2187/BCĐ389-CQTT ngày 26/4/2022 về việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, quản lý chất lượng, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại xăng dầu; Công văn số 4727/BCĐ389-CQTT ngày 10/8/2022 về việc tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại đối với mặt hàng đường cát...

Theo đó, giai đoạn từ tháng 12/2020 đến tháng 8/2022, lực lượng Quản lý thị trường (QLTT) toàn quốc đã kịp thời xây dựng và triển khai các phương án,

kế hoạch kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; làm tốt công tác quản lý địa bàn, chú trọng kiểm tra, xử lý các vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Đồng thời, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về các lĩnh vực trong hoạt động thương mại đối với các cơ sở kinh doanh, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hạn chế sai phạm của đối tượng trong hoạt động kinh doanh.

Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm

Theo báo cáo nhanh, từ năm 2021 đến tháng 8/2022, lực lượng QLTT đã phát hiện xử lý gần 64.400 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách gần 583 tỷ đồng.

Dự báo hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và tình hình dịch bệnh sẽ còn diễn biến phức tạp, vì vậy, để góp phần bảo đảm thị trường ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh và quyền lợi người tiêu dùng, trong thời gian tới, lực lượng QLTT tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ: Tăng cường công tác chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ cho toàn thể công chức lực lượng QLTT. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa các hành vi vi phạm của công chức. Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra công vụ đột xuất đối với công chức, từng đơn vị trực thuộc. Xác định rõ yêu cầu cũng như kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo, nâng cao phẩm chất chính trị cho công chức QLTT cả nước; thường xuyên cập nhật chính sách, pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ. Chú trọng công tác quản lý đội ngũ công chức; xử lý kỷ luật những công chức có hành vi bảo kê, tiếp tay cho buôn lậu; thực hiện việc luân chuyển công chức theo đúng quy định, đặc biệt là tại các vị trí “nhạy cảm”, để phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, nếu để xảy ra tình trạng buôn lậu kéo dài hoặc nghiêm trọng trên địa bàn nào thì người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm.

- Nâng cao trình độ chuyên môn của công chức: Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; tổ chức kiểm tra sát hạch chuyên môn toàn lực lượng, công khai kết quả; lấy kết quả làm tiêu chí xem xét luân chuyển, điều động và đánh giá thi đua.

- Xây dựng Đề án luân chuyển, điều động cán bộ: Hoàn thiện, trình Bộ Công Thương phê duyệt Đề án luân chuyển, điều động cán bộ của lực lượng QLTT sau khi Bộ ban hành Đề án Luân chuyển, điều động công chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý của Bộ Công Thương.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật: Triển khai xây dựng và hoàn thành đúng tiến độ văn bản quy phạm pháp luật được giao. Trong đó, tập trung xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Tổng cục QLTT để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát thị trường:

+ Xây dựng kịp thời các Kế hoạch, phương án cụ thể, triển khai đồng bộ, thường xuyên hoạt động kiểm tra kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính đối với hàng hóa nhập lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa không

bảo đảm an toàn thực phẩm và nhất là các vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử, xuất xứ hàng hóa. Đặc biệt là tăng cường kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng theo giá niêm yết, chống đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý trong các dịp lễ tết hoặc dịch bệnh.

+ Tập trung kiểm tra việc kinh doanh, vận chuyển trái phép hàng hóa trên thị trường nội địa; chủ trì và phối hợp với lực lượng Công an và các cơ quan liên quan triệt phá các tụ điểm tập kết, buôn bán hàng lậu, hàng giả.

+ Về mặt hàng, chú trọng kiểm tra kiểm soát các lĩnh vực, mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng, tập trung một số mặt hàng trọng điểm: thuốc lá, rượu, thực phẩm, phân bón, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, thực phẩm chức năng...

+ Về địa bàn, tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên tại các khu vực, kho bãi, điểm tập kết hàng hóa gần biên giới, các chợ đầu mối, các tuyến đường bộ, đường sắt... nhất là các địa bàn trọng điểm tại các tỉnh biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Long An, Tây Ninh, An Giang và các địa bàn tập trung đông dân cư, có sức tiêu thụ hàng hóa cao, như các trung tâm kinh tế Hải Phòng, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu...

+ Tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch thanh tra, kiểm tra và kịp thời tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; phân tích rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan, đặc biệt là nguyên nhân chủ quan để chủ động khắc phục những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc trong thực thi công vụ của lực lượng QLTT.

+ Tiếp tục rà soát, đánh giá những yêu cầu thực tế để đối chiếu với năng lực, điều kiện cụ thể, đặc biệt là phân tích, làm rõ những khiếm khuyết, tồn tại, bất cập trong hoạt động của lực lượng QLTT tại mỗi địa phương để chủ động trong việc khắc phục và phối hợp để thực hiện các chính sách pháp luật, cũng như chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, của các Bộ ngành và Bộ Công Thương.

- Đẩy mạnh số hoá, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành và công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính: Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả công nghệ số vào hoạt động công vụ; rà soát, thành công tác số hóa các cơ sở dữ liệu về thương nhân và xử lý vi phạm hành chính của lực lượng. Triển khai nghiêm túc hệ thống xử lý vi phạm hành chính (INS) nhằm hạn chế tối thiểu các hành vi kiểm tra không đúng kế hoạch, thực hiện sai quy trình và góp phần quản lý chặt chẽ địa bàn, phát hiện các tổ chức, cá nhân tái phạm...

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông: Tiếp tục triển khai kế hoạch truyền thông, vận động các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại trên thị trường tham gia đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả bằng các hình thức đa dạng, thiết thực; thực hiện ký cam kết không kinh doanh hàng giả, hàng lậu, kém chất lượng và kiểm tra đối với những cơ sở kinh doanh đã ký cam kết và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm; Đưa nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến pháp luật kết hợp với công tác kiểm tra, xử lý vi phạm vào chương trình công tác hàng năm để các đơn vị chủ động thực hiện, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của đơn vị; Đa dạng hóa các hình thức đăng tiếp cận, ghi nhớ được những nội dung cần chuyển tải.

- Tăng cường công tác phối hợp: phối hợp với các lực lượng chức năng như Hải quan, Biên phòng, Công an, Cảnh sát biển và các cơ quan Thanh tra chuyên ngành; đặc biệt là tập trung chỉ đạo, phối hợp triển khai kịp thời các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo 389 quốc gia và địa phương giao nhằm bảo đảm sự đồng bộ, tạo được sức mạnh tổng hợp từ Trung ương đến địa phương trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội, ngành hàng, các tổ chức giám định trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin, giám định hàng hoá... để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại, có cơ chế thúc đẩy phát triển, quản lý hoạt động thương mại điện tử

a) Về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại

Trước xu thế chuyển đổi số diễn ra nhanh và mạnh trong mọi mặt của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” tại Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2021 nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức xúc tiến thương mại (XTTM), tổ chức hỗ trợ XTTM, doanh nghiệp, hợp tác xã trên cơ sở hình thành, phát triển Hệ sinh thái XTTM số cũng như nâng cao nhận thức và năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM góp phần thúc đẩy phát triển thương mại và tái cơ cấu ngành Công Thương. Có thể nói việc triển khai có hiệu quả Quyết định 1968/QĐ-TTg trong thời gian tới sẽ tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng mềm cho ngành Công Thương về XTTM và sẽ làm thay đổi về chất trong hoạt động XTTM.

Triển khai thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”, Bộ Công Thương đang phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Hệ sinh thái XTTM số (DECOBIZ), trong đó có các cấu phần đang được từng bước triển khai xây dựng hoặc lên kế hoạch xây dựng, phát triển như Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành XTTM; nền tảng kết nối giao thương trên môi trường số áp dụng công nghệ mới, hỗ trợ việc tìm kiếm thông tin, cơ hội kinh doanh trong nước và quốc tế; nền tảng hội chợ, triển lãm nhằm nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trưng bày giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thông tin, đối tác kinh doanh trên môi trường số; đào tạo trực tuyến (E-learning) tích hợp các kho học liệu, thư viện điện tử, hỗ trợ tra cứu thông tin, nâng cao năng lực XTTM; nền tảng định danh điện tử cho doanh nghiệp XTTM; các nền tảng chuyên ngành khác phục vụ hoạt động XTTM.

Bên cạnh các hoạt động trên, Bộ Công Thương đã phối hợp với Sàn thương mại điện tử Alibaba.com tổ chức thành công Hội nghị quốc tế xuất khẩu trực tuyến qua nền tảng thương mại điện tử Alibaba.com - Nhịp cầu xuyên biên giới và khai trương “Gian hàng quốc gia Việt Nam – Vietnam Pavilion”. Thông qua “Gian hàng quốc gia Việt Nam”, Bộ Công Thương và Aliababa.com sẽ thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp cho hơn 2.500 doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang bị thêm những công cụ và tư duy đúng đắn để vượt qua thời kỳ hậu Covid-19.

“Gian Hàng Quốc gia Việt Nam” sẽ thúc đẩy hơn nữa sự thành công của các doanh nghiệp Việt Nam trên Alibaba.com qua các chuyên gia về thương mại điện tử tư vấn cho doanh nghiệp trong suốt quá trình tham gia chương trình.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã phối hợp với các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế Amazon.com, Alibaba.com, Global Sources, Lazada, Tiki, Foodmap, Postmart, Voso, Shopee, Sendo...triển khai các thỏa thuận hợp tác nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực xúc tiến thương mại trên môi trường số nói chung cũng như sàn thương mại điện tử nói riêng giúp tìm kiếm cơ hội kinh doanh, quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, sản phẩm, mở rộng thị trường.

Trong bối cảnh các hoạt động XTTM trực tiếp bị gián đoạn và không thể thực hiện hiện được do ảnh hưởng của đại dịch cũng như các biến động địa chính trị trên thế giới, Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV được ban hành và có hiệu lực thi hành đã phát huy hiệu quả là cơ sở pháp lý, chủ trương quan trọng để các cơ quan, tổ chức vận dụng, triển khai, đề xuất các văn bản pháp luật, văn bản điều hành cũng như các đề án, chương trình phù hợp nhằm triển khai các hoạt động, nghiệp vụ của đơn vị hiệu quả trong tình hình mới.

b) Về thúc đẩy phát triển, quản lý hoạt động thương mại điện tử

Hiện nay, hành lang pháp lý đối với hoạt động thương mại điện tử (TMĐT) ngày càng được hoàn thiện. Ngày 16 tháng 5 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử (Nghị định 52). Sau 8 năm thực thi Nghị định 52, ngày 25 tháng 9 năm 2021, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (Nghị định 85). Ngoài ra, những quy định pháp luật liên quan đến những lĩnh vực khác như xử lý vi phạm hành chính, quản lý thuế, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu qua TMĐT, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên môi trường TMĐT, an ninh, an toàn trong giao dịch TMĐT, v.v... cũng đang dần được hoàn thiện góp phần tạo môi trường lành mạnh, bình đẳng cho TMĐT phát triển.

Thực hiện quy định tại Nghị định 52 và Nghị định 85, từ năm 2013 Bộ Công Thương đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký/thông báo website TMĐT qua Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ www.online.gov.vn. Việc thực hiện thông báo, đăng ký website/ứng dụng TMĐT của thương nhân, tổ chức, cá nhân đối với Bộ Công Thương là bước quan trọng trong việc minh bạch hóa thông tin, hỗ trợ công tác quản lý hoạt động TMĐT cũng như công tác bảo vệ người tiêu dùng trong giải quyết tranh chấp khi các giao dịch có các vấn đề xảy ra. Mặt khác, hàng hóa, dịch vụ khi được giới thiệu trên mạng phải đảm bảo được cung cấp những thông tin cơ bản để khách hàng có thể xác định chính xác đặc tính của hàng hóa, dịch vụ nhằm tránh sự hiểu lầm khi quyết định việc thực hiện giao dịch; đối với thông tin về người sở hữu website/ứng dụng TMĐT, các thông tin tối thiểu cũng phải được công bố công khai trên giao diện của website/ứng dụng TMĐT.

Bên cạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp cá nhân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo và đăng ký website/ứng dụng TMĐT, Cổng thông tin quản

lý hoạt động TMĐT còn có chức năng tiếp nhận và xử lý phản ánh đối với hoạt động TMĐT, trong đó bao gồm các hành vi vi phạm hành chính như: không đăng ký, thông báo website, cung cấp sản phẩm không đảm bảo chất lượng, giả mạo doanh nghiệp khác nhằm lừa đảo khách hàng. Thông qua Cổng thông tin, cơ quan quản lý nhà nước có công cụ thuận lợi để quản lý hoạt động TMĐT trên phạm vi cả nước. Đồng thời, thông qua Cổng thông tin, người truy cập biết được các hành vi vi phạm của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thông qua việc phản ánh của người dân trên Cổng, đảm bảo nhanh chóng đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.

Trong thời gian vừa qua nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, Bộ Công Thương (đầu mối là Cục TMĐT và KTS) đã phối hợp cùng các cơ quan Bộ, ngành, địa phương triển khai hàng loạt chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá sản phẩm, bán hàng trên môi trường mạng Internet và thông qua các nền tảng, ứng dụng TMĐT. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã triển khai phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong TMĐT, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.

Thông qua Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT. Số lượng doanh nghiệp và cá nhân thực hiện thủ tục thông báo/đăng ký tăng nhanh trong giai đoạn 2013 – 2021, cụ thể: từ 1.923 tài khoản doanh nghiệp năm 2013 lên 67.054 tài khoản năm 2021 (tăng gần 35 lần); từ 305 tài khoản cá nhân năm 2013 lên đến 21.779 năm 2021 (tăng trên 70 lần); từ 344 hồ sơ đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT năm 2013 lên 8.420 hồ sơ năm 2021 (tăng 24 lần); từ 518 hồ sơ thông báo website TMĐT bán hàng lên đến 86.470 hồ sơ năm 2021 (tăng 167 lần). Ngoài ra, đến năm 2021, số lượng website TMĐT bán hàng được xác nhận thông báo là 43.411 website, tăng 67 lần so với năm 2013; trong khi đó, số lượng website cung cấp dịch vụ TMĐT được xác nhận đăng ký năm 2021 là 1.448 website, tăng 9,1 lần so với năm 2013.

Hàng năm Bộ Công Thương tiếp nhận trung bình khoảng 200 lượt thông tin kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân về các trường hợp vi phạm liên quan đến TMĐT, đây cũng là địa chỉ các thông tin cảnh báo được đăng tải đến người tiêu dùng. Trong số những thông tin được phản ánh, có tới 70% liên quan đến thông tin website/ứng dụng TMĐT chưa đăng ký, thông báo thủ tục hành chính với Bộ Công Thương; còn lại là các thông tin phản ánh liên quan đến giả mạo thông tin đăng ký (8,4%), thông tin liên quan đến việc kinh doanh hàng giả, hàng cấm trên môi trường mạng (7,6%), giả mạo thông tin đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT (4%), lừa đảo trong thanh toán (3,2%).

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực TMĐT

Trên cơ sở các quy định tại Nghị định 52, Bộ Công Thương đã tiến hành thanh tra, kiểm tra nhiều trường hợp vi phạm hành chính trong TMĐT, xử lý nhiều trường hợp vi phạm liên quan đến hàng giả hàng nhái trên môi trường mạng. Đặc biệt trong công tác quản lý hàng hóa phục vụ công tác phòng chống đại dịch Covid-19, Bộ Công Thương đã kiểm tra, rà soát các sàn giao dịch TMĐT, các website TMĐT bán hàng (đặc biệt là các công ty dược phẩm, thiết bị y tế...) về việc niêm yết giá, nhằm ngăn chặn, loại bỏ các sản phẩm, gian hàng vi phạm và các hành vi gian lận như nâng giá bán, nâng giá vận chuyển hoặc người bán có tỷ lệ hủy đơn hàng cao (đặc biệt là đơn hàng liên quan tới sản phẩm phòng dịch). Thông báo công khai để người bán, người mua (thành viên) được biết về các biện

pháp xử lý và chế tài cụ thể đối với thành viên vi phạm, không để lợi dụng dịch bệnh để tăng giá gây mất ổn định thị trường. Các sàn TMĐT như: Sendo.vn, Shopee.vn, Lazada.vn, Tiki.vn, Bibomart.com.vn, Vatgia.com đã tích cực phối hợp Cục TMĐT và KTS, Bộ Công Thương, thường xuyên tiến hành rà soát và thông báo tới người bán về việc không lợi dụng dịch bệnh để tăng giá các sản phẩm hàng hóa phục vụ phòng dịch gây mất ổn định thị trường.

- Về hỗ trợ phát triển TMĐT

Nhằm mở rộng thị trường, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm Việt trên môi trường TMĐT, Bộ Công Thương (đầu mối là Cục TMĐT và KTS) đã triển khai những hoạt động sau:

+ Tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác xây dựng “Gian hàng Việt trực tuyến” trên các sàn giao dịch TMĐT lớn tại Việt Nam bao gồm Sendo, Tiki, Voso để hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất hàng Việt phân phối trên các sàn TMĐT trên.

+ Đã phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Sơn La và sàn giao dịch TMĐT Sendo, Voso tổ chức 3 chương trình đào tạo tập huấn và kết nối thương mại tại Mộc Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La; phối hợp với sàn TMĐT Sendo tổ chức “Ngày Đặc sản Sơn La” trên sàn giao dịch TMĐT Sendo với các chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho các doanh nghiệp sản xuất, hợp tác xã ở Sơn La và người tiêu dùng trên cả nước đối với sản phẩm Sơn La như các sản phẩm Sữa Mộc Châu, nông sản trái cây sấy, mật ong nhãn Sông Mã, các sản phẩm thực phẩm địa phương.

+ Tổ chức chương trình “Ngày hội xứ Dừa – Quê hương Bến Tre” với những ưu đãi đặc biệt dành cho doanh nghiệp sản xuất, hợp tác xã của Bến Tre như bưởi Giồng Trôm, hàng chục loại sản phẩm mỹ phẩm, thực phẩm chế biến từ cây dừa được bán qua “Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia” trên sàn giao dịch TMĐT Sendo.

+ Chủ trì, điều phối Chương trình Ngày mua sắm trực tuyến ASEAN năm 2021 đã diễn ra vào ngày 08 đến ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại 10 nước trong khu vực. Với tư cách là đầu mối chủ trì Chương trình, đại diện Việt Nam đã xây dựng và cập nhật tiến độ triển khai của sự kiện gồm: website chính thức của Chương trình (www.onlineasean.com) và kế hoạch quảng bá trên các phương tiện truyền thông chính thức của ASEAN. Chương trình ASEAN Online Sale Day 2021 đã có hơn 300 doanh nghiệp của 10 nước thành viên tham gia cung cấp dịch vụ, hoạt động mua sắm cho người tiêu dùng trong và ngoài nước. Chương trình thu hút được nhiều doanh nghiệp uy tín tại các thị trường thành viên trong khối ASEAN như Qafa Haus (Brunei Darussalam), Zalora, Madalagos Chocolate (Philippines), Alibaba, Lazada (Malaysia), Pazzion, Escala Fashion, Shopee (Singapore). Bên cạnh những sàn TMĐT lớn quen thuộc như Shopee, Sendo, Voso, Fado, Chương trình thu hút gần 150 doanh nghiệp tham gia bán hàng tại thị trường Việt Nam.

+ Phối hợp với sàn giao dịch TMĐT Vò Sò, tổng công ty bưu chính Viettel Post tổ chức chương trình hỗ trợ tiêu thụ Hành tím Vĩnh Châu, chỉ sau gần 10 ngày chạy chương trình trên sàn Voso và “Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia” đã hỗ trợ tiêu thụ được gần 200 tấn hành.

+ Tháng 6 năm 2021, vải thiều Lục Ngạn, Bắc Giang lần đầu tiên chính thức

phân phối trên cả 06 sàn TMĐT lớn nhất tại Việt Nam là Vò Sò, Sendo, Shopee, Tiki, Postmart, Lazada thông qua “Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia”. Trong bối cảnh Bắc Giang trở thành tâm dịch covid-19 và các hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng nặng nề, đã có trên 9.000 tấn vải thiều với hơn 1 triệu đơn hàng được tiêu thụ trong mùa vải thiều Bắc Giang năm nay trên các sàn giao dịch TMĐT lớn (không kể các kênh trực tuyến mạng xã hội khác). Con số này đã vượt xa kịch bản tốt nhất mà tỉnh Bắc Giang xây dựng thời điểm đó đối với việc tiêu thụ vải thiều trên TMĐT là khoảng 2.000 tấn.

+ Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, một số thị trường tiêu thụ lớn các mặt hàng nông sản như Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh đang thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg đã ảnh hưởng lớn đến sức tiêu thụ hàng hoá nói chung và mặt hàng nông sản nói riêng, đặc biệt là khó khăn trong khâu vận chuyển hàng hoá theo phương thức TMĐT. Mặc dù vậy, Cục đã thực hiện vai trò đầu mối kết nối giúp Bộ Công Thương tăng cường phối hợp với các địa phương có nông sản vào mùa như Na Chi Lăng (Lạng Sơn), Bưởi Phúc Trạch (Hà Tĩnh) phân phối trên các TMĐT như Voso, Postmart, Sendo... cũng như các đối tác vận hành TMĐT.

+ Năm 2021, Bộ Công Thương phối hợp với Amazon Global Selling Việt Nam khởi xướng chương trình “Kỷ Nguyên Bứt Phá, Hàng Việt Vươn Xa” nhằm tăng cường hỗ trợ người bán hàng Việt Nam trên hành trình vươn mình ra thế giới thông qua việc cung cấp kiến thức về TMĐT xuyên biên giới, hỗ trợ quá trình thiết lập và vận hành gian hàng trên Amazon, đồng thời cải thiện năng lực cạnh tranh để phát triển doanh nghiệp trên quy mô toàn cầu. Theo Báo cáo hoạt động 2021 của Amazon dành cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam công bố: Gần 7,2 triệu sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam được bán cho các khách hàng Amazon trên khắp thế giới (trung bình 14 sản phẩm mỗi phút); Số lượng sản phẩm được bán bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam trên cửa hàng của Amazon tăng 34% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Năm 2022, Bộ Công Thương phát động chương trình “Bệ phóng thương mại điện tử Tây Nguyên” đặt mục tiêu đào tạo về thương mại điện tử chuyên sâu cho hơn 1.500 doanh nghiệp, hộ kinh doanh vừa và nhỏ trên địa bàn 5 tỉnh Tây Nguyên.

Bên cạnh những nội dung hỗ trợ và thúc đẩy phát triển TMĐT tại các địa phương đã nêu ở trên, Bộ Công Thương đã triển khai các chương trình sau:

+ Phát triển nền tảng hỗ trợ giao dịch tích hợp thanh toán điện tử KeyPay: KeyPay đã và đang hỗ trợ dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4 cho Bộ Công Thương và 09 Bộ, ngành, 03 tỉnh/thành phố với trên 32 đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước thuộc các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND Hải Phòng, Hậu Giang, Sơn La; Sở giao thông vận tải Hà Nội; Hoàn thiện giải pháp thanh toán QR Code theo chuẩn ngân hàng; Hoàn thiện giải pháp Cổng thanh toán KeyPay FPI đặt tại Bộ, ngành, địa phương; Hoàn thành các giải pháp kết nối thanh toán theo tiêu chuẩn 3.0 và chuyển đổi 10 đơn vị đang sử dụng tiêu chuẩn 2.0 lên tiêu chuẩn mới.

+ Chương trình Một thẻ quốc gia - Thẻ Việt: Chương trình Một thẻ quốc gia - Thẻ Việt (theViet) - hướng tới xây dựng một hệ thống nền tảng kết nối các hệ thống thẻ liên kết thông minh, tích hợp thanh toán, quản lý giao dịch điện tử tại Việt Nam. Chương trình Thẻ Việt đã triển khai đến các nhóm đối tượng thuộc lĩnh vực y tế, thương mại, du lịch. Chương trình đã tiếp tục mở rộng phát hành thẻ cho 40 đơn vị, điểm mở thẻ với tổng số thẻ phát hành lên đến gần 350.000 thẻ.

+ Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam: Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam là hệ thống được Cục thương mại điện tử và Kinh tế số – Bộ Công Thương xây dựng, vận hành và chính thức ra mắt vào tháng 6 năm 2022 nhằm mục tiêu hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân... trong việc kiểm tra, xử lý, tập trung thông tin hợp đồng điện tử của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong thương mại. Hệ thống đáp ứng nhu cầu thiết yếu để hoàn tất quy trình ứng dụng TMĐT, công nghệ thông tin trong hoạt động của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp quản lý hiệu quả và giảm thiểu được việc lãng phí giấy tờ, tiết kiệm thời gian và tạo môi trường điều hành chuyên nghiệp. Với mục tiêu duy nhất là thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số tại Việt Nam, xây dựng hạ tầng thúc đẩy TMĐT an toàn, nhanh chóng, tiện lợi, bảo mật. Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam cam kết sẽ nỗ lực mang lại những lợi ích tốt nhất, tạo niềm tin cho khách hàng cá nhân, các tổ chức khi tham gia. Hiện nay, đã có 17 đơn vị gửi công văn, hồ sơ đề nghị cấp đăng ký, trong đó, 6 đơn vị đã tiến hành khảo sát và tích hợp với Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam để đảm bảo đáp ứng các tiêu chí nghiệp vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật hệ thống khi kết nối, tích hợp.

+ Online Friday: Chương trình Ngày mua sắm trực tuyến – Online Friday được tổ chức hàng năm đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển, đột phá của lĩnh vực thương mại điện tử, cũng như nền kinh tế số tại Việt Nam, góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ về phát huy lợi thế công nghệ, đón bắt cơ hội đem lại của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên toàn thế giới hiện nay. Sự kiện diễn ra vào năm 2021 đã thu hút sự tham gia của 300.000 sản phẩm chính hãng có chương trình khuyến mãi và hơn 50.000 voucher giảm giá đã được đưa lên hệ thống. Hệ thống Online Friday 2021 cũng đã kết nối với kho dữ liệu hơn 10 triệu sản phẩm từ các sàn thương mại điện tử, website B2C thông qua Access Trade Việt Nam.

7. Thực hiện hiệu quả, bảo đảm đúng lộ trình cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do

a) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

- Trong năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước Thành viên CPTPP đạt khoảng 45,7 tỷ USD, tăng khoảng 18,1% so với năm 2020. Tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các nước Thành viên CPTPP đạt khoảng 45,5 tỷ USD, tăng khoảng 37,6 % so với năm 2020.

Nếu xét riêng đối với các thị trường các nước Thành viên CPTPP tại châu Mỹ (gồm Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pê-ru và Chi-lê), năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sang cả 4 quốc gia thành viên CPTPP thuộc khu vực châu Mỹ đều đạt mức tăng trưởng cao, với kim ngạch khoảng 13,7 tỷ USD, tăng khoảng 31,2% so với năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 12,05 tỷ USD, tăng tới khoảng 36,3%. Đây là mức tăng trưởng đáng khích lệ, đặc biệt trong bối cảnh nước ta bị ảnh hưởng nặng nề của

Covid-19 trong Quý 3 năm 2021. Thặng dư thương mại của Việt Nam với nhóm nước này lên đến khoảng 10,39 tỷ USD, góp phần tích cực trong việc cân đối cán cân thương mại của Việt Nam.

- Bộ Công Thương đang tiếp tục xây dựng và đăng tải các clip hướng dẫn, diễn giải về các cam kết trong Hiệp định CPTPP được trình bày rất cụ thể dưới hình thức đồ họa để tạo ra sự sinh động, dễ gần, dễ hiểu cho người xem. Về nội dung, các clip này được xây dựng không chỉ diễn giải các cam kết về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư mà còn đi sâu vào từng ngành hàng, dịch vụ cụ thể, các cam kết về lao động, môi trường, và cả các nội dung đang rất được quan tâm hiện nay

- Triển khai và vận hành Cổng thông tin điện tử về Hiệp định Thương mại Tự do (FTAP): Cổng thông tin điện tử về Hiệp định thương mại tự do Việt Nam (FTAP) là một website về các FTA mà Việt Nam tham gia. FTAP do Chính phủ Úc-xtrây-lyia hỗ trợ Việt Nam xây dựng thông qua sự quản lý của Ngân hàng Thế giới (WB). Thoả thuận bàn giao FTAP đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương và Giám đốc quốc gia WB Carolyn Turk ký kết và có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2022.

Hiện tại, Bộ Công Thương đang tập trung xây dựng và phát triển FTAP để FTAP trở thành một cổng giao diện trực tuyến duy nhất, trong đó bao hàm gần như đầy đủ tất cả các nội dung mà doanh nghiệp, người dân yêu cầu từ hệ thống tra cứu cam kết trực tuyến về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư; quy định về yêu cầu mặt hàng; quy tắc xuất xứ; thông tin thị trường; các cam kết phi truyền thống như lao động, môi trường; cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; dữ liệu thống kê; các khóa đào tạo trực tuyến; câu chuyện thực tế của doanh nghiệp; các ấn phẩm và các bài phân tích chuyên sâu để phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước cộng đồng doanh nghiệp và người dân, nhằm nâng cao hiệu quả tận dụng các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia.

- Bộ tiếp tục chủ trì đảm nhiệm, thúc đẩy và làm tốt vai trò là đơn vị tiếp nhận các câu hỏi từ cộng đồng doanh nghiệp và người dân liên quan đến các Hiệp định CPTPP và trực tiếp trả lời hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan trả lời.

- Về công tác xây dựng pháp luật, thể chế: Đến thời điểm hiện tại, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành của Việt Nam đã ban hành 20 văn bản (gồm 02 Luật, 07 Nghị định, 10 Thông tư, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) để thực thi cam kết của Hiệp định CPTPP. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chúng ta về cơ bản là đáp ứng được yêu cầu của Hiệp định và được các nước thành viên CPTPP ghi nhận và đánh giá cao.

- Về việc tham dự các phiên họp của CPTPP: Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trong việc xây dựng nội dung và tham dự các phiên họp Hội đồng CPTPP cấp Bộ trưởng và nhiều phiên họp cấp trưởng đoàn, phó đoàn, phiên họp của các Ủy ban chuyên môn để thảo luận về tình hình thực thi Hiệp định cũng như xử lý vấn đề đàm phán gia nhập của các thành viên mới, và các phiên họp trong khuôn khổ Nhóm công tác gia nhập Hiệp định CPTPP của Vương quốc Anh.

- Về công tác thực thi các cam kết của Hiệp định: Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo trong các lĩnh vực bao gồm cơ chế áp dụng lộ trình cắt giảm thuế quan, cơ chế chứng nhận xuất xứ, cấp phép xuất khẩu, mua sắm của Chính phủ, các nghĩa vụ liên quan đến

SMEs, viễn thông, đầu môi xử lý đơn thư về lao động, môi trường, trợ cấp thủy sản, danh sách đầu môi thực thi Hiệp định.

- Về việc gia nhập Hiệp định CPTPP của Vương quốc Anh: Tại Phiên họp Hội đồng CPTPP lần thứ 4 vào ngày 02 tháng 6 năm 2021 theo hình thức trực tuyến về việc xem xét yêu cầu gia nhập Hiệp định CPTPP của Vương quốc Anh. Hội đồng CPTPP đã thông qua Quyết định của Hội đồng CPTPP về việc khởi động quá trình gia nhập của Vương quốc Anh và thành lập Nhóm công tác gia nhập. Hiện tại, các nước Thành viên CPTPP đang trong quá trình đàm phán bản chào mở cửa thị trường đối với Vương quốc Anh trong các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư, nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh, dịch vụ tài chính, mua sắm của Chính phủ, song song với việc tiếp tục đánh giá khả năng tuân thủ Hiệp định CPTPP của nước này.

- Về việc gia nhập Hiệp định CPTPP của các nền kinh tế khác: Cho đến nay, ngoài Vương quốc Anh, đã có 4 nền kinh tế nộp đơn xin gia nhập là Trung Quốc, Đài Loan, E-cua-đo và Costa Rica. Tuy vậy, các nước Thành viên CPTPP chưa thống nhất được quan điểm chung và định hướng xử lý đối với đơn xin gia nhập của các nền kinh tế này. Ngoài ra, thời gian qua, một số các nền kinh tế khác như Hàn Quốc, Phi-líp-pin và Thái Lan cũng bày tỏ sự quan tâm gia nhập Hiệp định CPTPP nhưng tất cả chỉ dừng mức tìm hiểu, chưa nộp đơn gia nhập chính thức. Theo đó, Bộ Công Thương đã luôn chủ động theo sát tình hình các nền kinh tế quan tâm gia nhập, kịp thời xây dựng quan điểm, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)

- Riêng năm 2021 thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 63,6 tỉ đô la, tăng trưởng 14,8% so với năm 2020. Cụ thể, tổng giá trị hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU đạt 45,8 tỉ đô la, tăng 14,2%; còn EU xuất khẩu sang Việt Nam đạt 17,9 tỉ đô la, tăng 16,5% so với năm 2020. Điểm nổi bật là kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sử dụng giấy chứng nhận xuất xứ (C/O mẫu EUR.1) đạt khoảng 7,8 tỉ đô la, cho thấy nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã tận dụng cơ hội từ việc cắt giảm thuế quan của EU theo EVFTA.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các thị trường trong khối EU ghi nhận sự tăng trưởng cao; đáng lưu ý, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường lớn trong Khối đều đạt mức tăng trưởng 2 con số. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày dép, nông thủy sản tiếp tục phục hồi và tăng mạnh. Mặc dù năm 2021, chuỗi cung ứng hàng hoá xuất khẩu trong nước cũng như trên thế giới tiếp tục gián đoạn do chịu tác động của dịch Covid-19. Tuy nhiên, với các chính sách hỗ trợ kịp thời từ Chính phủ cùng các giải pháp khơi thông thị trường, lưu thông hàng hóa, việc thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu nông, thủy sản trong năm 2021 đã đạt được những kết quả tích cực.

- Để thực thi Hiệp định EVFTA, Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật trong nhiều lĩnh vực bao gồm: thuế quan, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại, mua sắm của Chính phủ, thương mại và phát triển bền vững...

- Kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam và EU đã và đang tích cực triển khai việc xây dựng và vận hành các thiết chế để theo dõi, giám sát việc thực thi Hiệp

định. Cụ thể, mỗi bên đã cử các đại diện thuộc các Bộ, ngành có liên quan để tham gia vào các ủy ban, nhóm công tác chuyên môn. Theo đó, hai bên đã tiến hành nhiều phiên làm việc cấp Lãnh đạo Bộ và cấp kỹ thuật trong năm 2021 như: Phiên họp của Ủy ban Thương mại (cấp Bộ trưởng), Phiên họp của Ủy ban Thương mại Hàng hoá, Ủy ban SPS, Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững và nhiều phiên họp cấp kỹ thuật khác để trao đổi thông tin, rà soát tình hình thực thi cũng như bàn hướng xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai các cam kết của Hiệp định. Nhiều nội dung quan tâm và vướng mắc của EU đã được phía Việt Nam giải thích, làm rõ và đề xuất hướng xử lý để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong quá trình thực thi và tận dụng những cam kết tiêu chuẩn cao trong Hiệp định này.

Trong nửa đầu năm 2022, các cơ quan phụ trách hai bên đã phối hợp tổ chức các phiên họp của các Ủy ban chuyên môn và Nhóm công tác như: Phiên họp kỹ thuật lần thứ Sáu về rà soát thực thi Hiệp định EVFTA, Phiên họp Ủy ban Thương mại Hàng hoá, Ủy ban SPS, Ủy ban Hải quan, Nhóm công tác về Sở hữu trí tuệ, phiên họp giữa kỳ của Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững.

- Tình hình thành lập Nhóm tư vấn trong nước Việt Nam (DAG Việt Nam): Tính đến thời điểm hiện tại, Nhóm DAG Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định EVFTA có tổng cộng 7 tổ chức thành viên, bao gồm: (1) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (đại diện giới sử dụng lao động); (2) Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD); (3) Viện Công nhân – Công đoàn (trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam); (4) Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV); (5) Hội nghề cá Việt Nam (VINA FIS); (6) Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP); và (7) Hiệp hội Thang máy Việt Nam (VNEA).

c) Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA)

Trong năm 2021, trao đổi thương mại hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đạt 6,6 tỷ USD, tăng trưởng 17,2% so với năm 2020. Mức tăng trưởng 2 chữ số này đã giúp kim ngạch song phương chính thức phục hồi về mức kim ngạch năm 2019, sau khi bị sụt giảm nghiêm trọng trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh tăng 16,4% còn Vương quốc Anh xuất khẩu sang Việt Nam tăng 24%. Các nhóm hàng có kim ngạch tăng trưởng cao gồm rau, quả tăng 67%, cà phê tăng 17%, hạt tiêu tăng 49%, sản phẩm mây, tre, cói, thảm tăng 56%, sắt thép nguyên liệu tăng 1.269%, sản phẩm thép tăng 100%, đồ chơi và dụng cụ thể thao tăng 19%.

- Về công tác xây dựng pháp luật, thể chế: Trong thời gian sau khi Hiệp định được Chính phủ phê duyệt, Bộ Công Thương đã đôn đốc các Bộ, ngành nhanh chóng xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi Hiệp định UKVFTA.

Cho đến nay, Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới một số nội dung như Kế hoạch thực hiện Hiệp định UKVFTA của Chính phủ; Nghị định quy định về Biểu thuế xuất, nhập khẩu ưu đãi; Nghị định hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang EU và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len; các Thông tư của Bộ Công Thương về quy tắc xuất xứ và phòng vệ thương mại.

- Về công tác thực thi các cam kết của Hiệp định: Đối với việc triển khai các cam kết đã có trong Hiệp định, Việt Nam đã phối hợp với UK thành lập các thiết chế như Ủy ban Thương mại, các Ủy ban chuyên môn, nhóm công tác theo quy định để giám sát việc thực thi Hiệp định.

Bộ Công Thương đã xây dựng tờ trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Nhóm Tư vấn trong nước (DAG) liên quan đến thương mại và phát triển bền vững, cụ thể, Bộ đã ban hành Quyết định số 401/QĐ-BCT ngày 22 tháng 3 năm 2022 thành lập Nhóm DAG của Hiệp định UKVFTA. Theo đó, các thành viên của DAG Việt Nam trong EVFTA cũng đồng thời là thành viên DAG của Việt Nam trong UKVFTA.

d) Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)

- Thực thi cam kết: Hiệp định ATIGA đã được các nước thực hiện theo đúng cam kết và hoàn tất với 98,6% tổng số dòng thuế đã được gỡ bỏ. Đối với các nước ASEAN-6 đã xóa bỏ được 99,3% và 97,7% số dòng thuế cho các nước Cam-puchia, Lào, My-an-ma và Việt Nam (CLMV) là 0% theo Hiệp định ATIGA. Theo Thông tư số 23/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 13 tháng 11 năm 2019, Việt Nam đã hoàn tất thủ tục trong nước thực hiện xóa bỏ hạn ngạch thuế quan cho mặt hàng đường nhập khẩu từ ASEAN từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Ngoài ra, cho đến nay tất cả các nước ASEAN đều đã ký kết Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định ATIGA liên quan đến việc áp dụng cơ chế Tự chứng nhận xuất xứ toàn khu vực và thực hiện cơ chế từ ngày 20 tháng 9 năm 2020.

- Thực hiện nghĩa vụ thông báo cho WTO về Hiệp định ATIGA và Nghị định thư sửa đổi Hiệp định ATIGA: Việt Nam, với tư cách chủ tọa Ủy ban Điều phối thực thi Hiệp định ATIGA, đã thay mặt ASEAN thực hiện nghĩa vụ này.

- Trao đổi nhằm xử lý các biện pháp phi thuế quan trong thương mại (NTM): bao gồm việc trao đổi, xử lý các vụ việc NTM giữa các nước và việc thiết lập mới cũng như tận dụng các cơ chế có sẵn để hỗ trợ việc xử lý các vụ việc NTM như Ban tư vấn NTM độc lập, Ủy ban Giám sát tuân thủ ASEAN, Cơ chế Giải quyết tranh chấp tăng cường của ASEAN.

- Nâng cấp Hiệp định ATIGA: Tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN họp lần thứ 28 diễn ra vào ngày 16 tháng 3 năm 2022, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN đã nhất trí chính thức khởi động đàm phán Phiên đầu tiên cuối tháng 9/2022, nâng cấp Hiệp định ATIGA nhằm thúc đẩy hơn nữa thương mại nội khối và phát triển các chuỗi cung ứng khu vực. Bên cạnh đó, các nước đã thông qua về nguyên tắc Tài liệu Nguyên tắc đàm phán nâng cấp Hiệp định ATIGA.

đ) Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a – Niu Di-lân (AANZFTA)

Hiệp định AANZFTA được ký kết vào tháng 02 năm 2009, có hiệu lực vào năm 2010. Hiện nay, các nước đã hoàn thành 80% đàm phán nâng cấp Hiệp định trên cơ sở đảm bảo việc nâng cấp đem lại giá trị gia tăng và hỗ trợ quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19. Do việc kết thúc cơ bản đàm phán nâng cấp Hiệp định AANZFTA là một trong các Sáng kiến ưu tiên hợp tác kinh-tế của Cam-pu-chia trong năm Chủ tịch ASEAN 2022, các nước thống nhất sẽ nỗ lực hết sức nhằm

đạt mục tiêu “kết thúc cơ bản đàm phán” nâng cấp Hiệp định AANZFTA trong năm 2022.

e) Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

- Nghị định thư thứ 3 sửa đổi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Hàn Quốc (AKTIGA) được ký kết vào tháng 11 năm 2015 và đã có hiệu lực (đối với các nước phê chuẩn) từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Cho đến nay, Việt Nam chưa phê duyệt Nghị định thư này do gặp vướng mắc kỹ thuật liên quan đến cam kết thuế quan đối với mặt hàng xăng dầu vào thời điểm trước năm 2021. Hiện Bộ Công Thương đang dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ xin chủ trương phê duyệt Nghị định thư này trong năm 2022 sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan.

- ASEAN và Hàn Quốc đang bước đầu tiến hành rà soát tổng thể Hiệp định AKFTA (bao gồm 04 Hiệp định về Thương mại Hàng hoá, Thương mại Dịch vụ, Đầu tư và Cơ chế giải quyết tranh chấp) để đánh giá tình hình thực thi, xác định các lĩnh vực cần cải thiện cam kết trong Hiệp định AKFTA và đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng tận dụng Hiệp định. Dự kiến nghiên cứu rà soát sẽ hoàn tất trong năm 2023.

g) Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)

- Trên cơ sở Nghị định thư sửa đổi Hiệp định ACFTA và thống nhất của các Bộ trưởng tại Hội nghị tham vấn Bộ trưởng Kinh tế ASEAN-Trung Quốc lần thứ 19 diễn ra vào tháng 8 năm 2020, các nước ASEAN và Trung Quốc đang thảo luận việc nâng cấp Hiệp định này nhằm mang lại những lợi ích thiết thực cho các bên và đáp ứng với tình hình mới, dự kiến sẽ bao gồm các lĩnh vực thương mại hàng hóa, kinh tế số, kinh tế xanh. Hiện nay các nước đang nỗ lực hoàn tất Báo cáo Nghiên cứu khả thi nhằm xác định các nội dung cần đưa vào đàm phán nâng cấp Hiệp định ACFTA đã được Hội nghị Tham vấn Bộ trưởng Kinh tế ASEAN – Trung Quốc vào tháng 9 năm 2022 thông qua.

- Trên cơ sở đề xuất của Việt Nam về sự cần thiết xây dựng cơ chế xử lý những vấn đề phát sinh trong thực thi Hiệp định ACFTA, Ban Thư ký ASEAN đã xây dựng dự thảo Cơ chế theo dõi và giám sát việc thực thi Hiệp định ACFTA và gửi cho các bên để thảo luận trong khuôn khổ Ủy ban thực thi Hiệp định ACFTA.

h) Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc (AHKFTA)

Hiệp định AHKFTA đã chính thức có hiệu lực đầy đủ với tất cả các nước thành viên từ ngày 12 tháng 02 năm 2021. Trong giai đoạn đầu thực thi Hiệp định, các nước đang tập trung thảo luận về các nội dung như việc thực hiện các hoạt động về hợp tác kinh tế, hỗ trợ kỹ thuật; việc chuyển đổi biểu thuế (TRS) và danh mục mặt hàng cụ thể (PSR) từ phiên bản HS 2017 sang phiên bản HS 2022; và tổ chức các chương trình xây dựng năng lực về đầu tư, sở hữu trí tuệ, SPS, v.v...

Ngoài ra, các nước cũng trao đổi về mong muốn gia nhập Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) của Hồng Kông trong thời gian sớm nhất. Các nước ASEAN hoan nghênh đề xuất này nhưng cũng thể hiện quan điểm rằng theo quy định của Hiệp định RCEP, các quốc gia/vùng lãnh thổ chỉ có thể chính thức nộp đơn xin gia nhập sau 18 tháng kể từ khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

i) Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Ấn Độ (AIFTA)

Hiện nay, trong khuôn khổ Hiệp định AIFTA, ASEAN và Ấn Độ đang tập trung cho việc rà soát Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ (AITIGA). Tài liệu Phạm vi rà soát Hiệp định AITIGA đã được các Bộ trưởng thông qua tại Hội nghị tham vấn Bộ trưởng Kinh tế ASEAN - Ấn Độ lần thứ 19 (tháng 9 năm 2022).

Ngoài ra, liên quan đến việc thực thi Hiệp định AIFTA, ở các cấp khác nhau, Việt Nam vẫn đang đề nghị Ấn Độ điều chỉnh các biện pháp áp dụng giá nhập khẩu tối thiểu đối với hạt tiêu, hạt điều và hạn chế nhập khẩu đối với hương nhang và tivi màu cho phù hợp, tuân thủ Điều 57 của Hiệp định AITIGA và Hiệp định về Định giá hải quan của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

k) Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP)

Cho đến nay, các nước đã hoàn tất việc phê duyệt Nghị định thư lần thứ nhất sửa đổi Hiệp định AJCEP và đang hoàn thành việc chuyển đổi Biểu cam kết thuế AJCEP sang HS2017. Các nước cũng đã thống nhất việc sửa đổi Phụ lục 2 của Hiệp định (về Quy tắc cụ thể mặt hàng chuyển đổi từ mã HS 2012 sang 2017) và Quy tắc thực hiện (tại Phụ lục 4 của Hiệp định) để trình lên Ủy ban hỗn hợp thực thi Hiệp định thông qua trong thời gian tới.

l) Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)

Hiệp định RCEP được ký vào ngày 15 tháng 11 năm 2020 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 do Việt Nam làm Chủ tịch và chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Hiện nay chỉ có 02 nước chưa hoàn tất thủ tục phê duyệt Hiệp định RCEP là In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

Trong năm 2022, Ủy ban hỗn hợp thực thi Hiệp định RCEP đã tổ chức được 02 phiên họp để thảo luận về các nội dung cần thiết để triển khai hiệu quả Hiệp định, bao gồm việc chuyển đổi Biểu cam kết thuế quan và Biểu quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng; chuẩn bị thành lập Ban Thư ký RCEP; kích hoạt các Tiểu ban và nhóm công tác; tăng cường truyền thông, giới thiệu về Hiệp định; và chuẩn bị triển khai các hoạt động hợp tác kinh tế.

m) Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Ca-na-đa (ACAFTA)

Việt Nam đã cùng với các nước ASEAN và Ca-na-đa khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Ca-na-đa (ACAFTA) tại Hội nghị tham vấn Bộ trưởng Kinh tế ASEAN – Ca-na-đa lần thứ 10 vào tháng 11 năm 2021.

Vòng đàm phán đầu tiên của Hiệp định ACAFTA sẽ được tổ chức trực tuyến vào ngày 30 tháng 8 và 01 tháng 9 năm 2022.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng phối hợp chặt chẽ với dự án EU-ARISE Cộng đồng xác định, phân loại các hàng rào phi thuế quan (NTM) để đăng tải lên Cổng cơ sở thương mại ASEAN (ATR). Việc xây dựng cơ sở dữ liệu thương mại ASEAN sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thông tin về các quy định thương mại của các thị trường ASEAN dễ dàng hơn.

8. Bố trí nguồn lực thực hiện chính sách phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo

a) Đối với ngành công nghiệp hỗ trợ

Đến nay, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của Bộ Công Thương chủ yếu và hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thông qua Chương trình phát triển CNHT giai đoạn 2016 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2018.

Việc bố trí, huy động các nguồn lực nhằm hỗ trợ, thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ phát triển trong thời gian qua đã được các cơ quan Bộ, ngành và địa phương ưu tiên thực hiện. Trong giai đoạn từ 2018 đến 2021, Chương trình Phát triển CNHT theo Quyết định số 68/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được bố trí tổng kinh phí hơn 630 tỷ đồng. Bên cạnh đó, ở cấp địa phương, tổng kinh phí được bố trí để thực hiện các Chương trình, Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ khoảng 75,88 tỷ đồng. Triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Ngân sách nhà nước đã phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn hơn 650 tỷ đồng để khởi công mới 02 dự án Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp. Nhờ hiệu quả của việc triển khai đồng bộ các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhiều doanh nghiệp công nghiệp trong nước đã có cơ hội nâng cao năng lực, đổi mới phương thức quản trị và sản xuất, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp toàn cầu sản xuất tại Việt Nam.

Tuy nhiên, việc bố trí, huy động các nguồn lực trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ chưa thực sự tương xứng với vai trò, nhu cầu và tiềm năng phát triển của ngành. Đa số các địa phương có nguồn ngân sách còn hạn hẹp nên việc bố trí kinh phí để hỗ trợ cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của các doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, cơ bản chủ yếu mới thực hiện được ưu đãi tiền thuê đất và thủ tục hành chính, kết nối doanh nghiệp. Việc bố trí nhân lực, nguồn lực và tổ chức các đơn vị quản lý, phát triển công nghiệp còn chưa đồng bộ và còn nhiều hạn chế về số lượng và chất lượng.

b) Đối với ngành cơ khí chế tạo

Thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chiến lược để phát triển ngành công nghiệp cơ khí.

Sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm được xác định là một trong những ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014. Để tiếp tục thúc đẩy phát triển ngành cơ khí trên cơ sở Chiến lược phát triển ngành đã được thông qua, ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tháo gỡ khó khăn và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam.

Đồng thời, ngày 22 tháng 3 năm 2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định công nghiệp cơ khí là một trong những ngành công nghiệp ưu tiên phát triển, trong đó tập trung vào một số ngành như: ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, thiết

bị điện, thiết bị y tế...

Nhằm thực thi định hướng phát triển công nghiệp của Đảng và quy định của pháp luật đầu tư về ngành cơ khí, nhà nước đã ban hành các chính sách mới quan trọng để phát triển ngành, cụ thể:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, xác định quan điểm phát triển ngành cơ khí Việt Nam trên cơ sở phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; với trọng tâm là cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, ô tô, thiết bị công trình công nghiệp, thiết bị điện và công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, trong đó chủ yếu khu vực ngoài nhà nước; trên cơ sở sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao và công nghệ tiên tiến, lấy cạnh tranh toàn cầu là động lực phát triển. Khai thác các lợi thế sẵn có và cơ hội quốc tế trong quá trình hội nhập; gắn kết sản xuất cơ khí với dịch vụ, thương mại, phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chủ động tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp thế giới. Chú trọng phát triển một số chuyên ngành, lĩnh vực cơ khí lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó xác định công nghiệp hỗ trợ cho cơ khí chế tạo là một trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

Những chính sách cụ thể quy định tại Nghị định như:

+ Chính sách ưu đãi: Nghị định quy định các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và tín dụng. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển còn được hưởng đãi Tín dụng đầu tư và tiền thuê đất.

+ Chính sách hỗ trợ: Nghị định quy định các chính sách hỗ trợ và cụ thể hóa thông qua “Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ” được quy định chi tiết tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025.

Thông qua “Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ”, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí sẽ được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh và có cơ hội tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu, thông qua các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; kết nối với các Tập đoàn lắp ráp đa quốc gia và các nhà cung ứng lớp trên thế giới nhằm tìm đầu ra cho sản phẩm, từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI...

Để triển khai thi hành các chính sách trên, các Bộ, ngành như Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nhằm cụ thể hóa các quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.

- Ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu vật tư, thiết bị nhập khẩu để sản xuất sản

phẩm cơ khí trọng điểm

Theo quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, các doanh nghiệp nhập khẩu vật tư, thiết bị để sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm đáp ứng các yêu cầu, thủ tục của Nghị định sẽ được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với các hàng hóa này.

- Các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách phát triển một số ngành trọng điểm cụ thể

(i) Ngành sản xuất, lắp ráp ô tô

+ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam.

+ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Mục tiêu của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP nhằm kiểm soát chặt chẽ và tốt hơn chất lượng của các sản phẩm ô tô nhập khẩu nguyên chiếc vào thị trường nội địa cũng như ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và môi trường; đồng thời qua đó khuyến khích phát triển các doanh nghiệp kinh doanh bài bản, dài hạn, có trách nhiệm với sản phẩm, với người tiêu dùng, thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam tại Chiến lược, Quy hoạch ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, trong đó có nội dung sửa đổi một số quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

(ii) Ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp

Trên cơ sở Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-BCT ngày 29 tháng 01 năm 2019 ban hành Danh mục sản phẩm cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư.

VI. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Hoàn thành rà soát, sửa đổi Bộ tiêu chí nông thôn mới

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao và Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 (đã được ban hành tại các Quyết định số: 318/QĐ-TTg, 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022); Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (đã được ban hành tại Quyết định số: 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022); Quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đã được ban hành tại Quyết định số: 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022).

2. Tập trung phát triển, nhân rộng mô hình hợp tác ứng dụng công nghệ cao liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai lồng ghép các nhiệm vụ thực hiện cụ thể vào các Đề án, kế hoạch như sau:

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã (HTX) ứng dụng công nghệ cao (CNC) gắn với liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị các sản phẩm dựa trên liên kết giữa doanh nghiệp, công ty với hợp tác xã (nhiệm vụ này đã lồng ghép vào các chương trình, đề án và đề xuất kinh phí để hỗ trợ triển khai như “Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2021 - 2025”; kế hoạch nguồn ngân sách năm 2022, 2023 và giai đoạn 2021-2025).

- Hỗ trợ HTX ứng dụng CNC gắn với liên kết theo chuỗi giá trị cho các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu nông sản giai đoạn 2021 - 2025 (nhiệm vụ này đã và đang triển khai gắn với “Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025”).

- Khuyến khích các HTX nông nghiệp mở rộng hợp tác, liên kết giữa các HTX (Sản phẩm, dịch vụ đầu ra của HTX này là sản phẩm, dịch vụ đầu vào cho HTX kia) để phát triển liên kết chuỗi, tăng chu trình sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị giữa các HTX.

- Phát động phong trào “Mỗi HTX là một doanh nghiệp công nghệ số trong nông nghiệp”. Hỗ trợ các HTX ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh tạo nên mô hình HTX nông nghiệp thông minh.

Theo Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021, đến năm 2025 cả nước có 3.000 HTX ứng dụng CNC gắn với liên kết, sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, phát triển bền vững; xây dựng phát triển, nhân rộng 300 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng CNC gắn với liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị; 100% sản phẩm nông sản của các HTX ứng dụng CNC được đóng gói bao bì nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm,

chỉ dẫn địa lý và được tham gia các chương trình xúc tiến thương mại do các đơn vị tổ chức.

Đến nay, cả nước có: Có 4.028 HTX tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (chiếm 23% tổng số HTX nông nghiệp cả nước, tăng hơn 10% so với trước năm 2015). Cả nước có 2.297 HTX nông nghiệp đã thành lập doanh nghiệp trong HTX hoặc có dự án liên kết đầu tư, chiếm 12,6% tổng số HTX. Đến nay, có khoảng 823 HTX là chủ thể tham gia sản xuất và sở hữu khoảng 30% trong tổng số gần 5.000 sản phẩm OCOP cả nước.

Cả nước có 1.718 HTX nông nghiệp ứng dụng CNC, trong đó có 1.342 HTX trồng trọt, 74 HTX chăn nuôi, 74 HTX thủy sản, 04 HTX diêm nghiệp, 224 HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp. Các HTX tập trung áp dụng CNC trong các lĩnh vực như kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản (1.490 HTX, chiếm 78,4%); áp dụng công nghệ tự động hóa (151 HTX, chiếm 12,5%); áp dụng công nghệ sinh học (60 HTX, chiếm 7,1%); ứng dụng công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp (16 HTX, chiếm 1%); ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý và kinh doanh ở HTX (90 HTX, chiếm 1%).

Để đạt được mục tiêu theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao, trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích, hiệu quả của HTX ứng dụng CNC gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các HTX ứng dụng CNC trong sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị; ưu tiên đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ cho cán bộ quản lý và thành viên HTX; xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX ứng dụng CNC hiệu quả, phù hợp với từng vùng, ngành hàng; dựa trên liên kết giữa doanh nghiệp với HTX; hỗ trợ HTX ứng dụng CNC gắn với liên kết theo chuỗi giá trị cho các vùng nguyên liệu nông lâm sản đạt chuẩn, phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2021- 2025; áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, theo quy trình canh tác tốt, bền vững như: VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ... Tập trung đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, tự động hóa các khâu trong quá trình sản xuất; ứng dụng các tiến bộ về giống; ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển giao kỹ thuật, quản lý sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC. Tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp ứng dụng CNC gắn với liên kết, sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị.

3. Xây dựng các phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, bão lũ, gây sạt lở đất, bờ sông, bờ biển; nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tổng thể về sắp xếp, di dời, bố trí lại dân cư vùng có nguy cơ hoặc vùng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của thiên tai

a) Về phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

Để bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức giám sát, dự báo xâm nhập mặn, nguồn nước cung cấp cho các hệ thống công trình thủy lợi thuộc các lưu vực sông liên tỉnh; giám sát, dự báo chất

lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh để cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, kịp thời khuyến cáo các địa phương để kịp thời điều chỉnh kế hoạch phân phối nước, thực hiện các biện pháp phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Tổ chức theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước, kịp thời cảnh báo, hướng dẫn các giải pháp ứng phó và hỗ trợ các địa phương thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch xả nước các hồ chứa thủy điện phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân năm 2021-2022 khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ.

- Thành lập Tổ công tác tiên phong phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ năm 2022 vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 614/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/1/2022.

- Tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra thực địa tình hình nguồn nước phục vụ sản xuất các vụ khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Kết quả đạt được

Từ kinh nghiệm ứng phó với các đợt hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn lịch sử mùa khô 2015-2016, 2019-2020; thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội Khóa XIV, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Trung Bộ đã có kinh nghiệm và chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất các vụ phù hợp với tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn; người dân đã nâng cao nhận thức tầm quan trọng của các giải pháp đưa ra, thực hiện sản xuất tuân thủ theo các khuyến cáo trước các vụ của cơ quan chức năng.

Các biện pháp, phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn thực hiện thời gian qua nhìn chung là thành công và hiệu quả, hạn chế tối đa ảnh hưởng của loại hình thiên tai này đến sản xuất và dân sinh. Kết quả đạt được như sau:

- Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, mặc dù xâm nhập mặn ở mức cao hơn TBNN nhưng diện tích cây trồng về cơ bản không bị ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ, đã bảo đảm nguồn nước phục vụ gieo cấy cho 506.558 ha lúa vụ Đông Xuân 2021-2022. Tổng lượng xả của các hồ chứa thủy điện cả 3 đợt là 4,24 tỷ m³, thấp hơn khoảng 1,33 tỷ m³ so với tổng lượng nước xả dự kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. So với các năm gần đây, tổng lượng xả thấp hơn 0,90 tỷ m³ so với năm 2021, cao hơn 1,56 tỷ m³ so với năm 2020 (năm có mưa lớn vào Tết Nguyên Đán), thấp hơn 0,18 tỷ m³ so với năm 2019 và thấp hơn 1,5 tỷ m³ so với năm 2018. Lượng xả này đảm bảo vừa đủ nước sản xuất vừa tiết kiệm tối đa nguồn nước cho hoạt động phát điện.

- Các khu vực khác từ đầu năm đến hiện tại không xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

b) Về phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển

Trước diễn biến phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về sạt lở bờ sông, bờ biển các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Chính phủ đã hỗ trợ kinh phí để các tỉnh vùng ĐBSCL đầu tư xây dựng nhiều tuyến kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Trong đó, chỉ tính riêng từ năm 2016 đến nay, bằng nhiều nguồn vốn (dự phòng ngân sách trung ương, đầu tư công trung hạn, quỹ hỗ trợ phát triển chính thức - ODA, Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh...) Trung ương đã hỗ trợ khoảng 9.016 tỷ đồng để xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã có kế hoạch bố trí 2.680 tỷ đồng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý cho 12 dự án xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển và bố trí 2.660 tỷ đồng từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho 21 dự án xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển các tỉnh vùng ĐBSCL.

Thực hiện Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020, đến nay đã có 26/63 tỉnh/TP có văn bản giao các cơ quan liên quan triển khai thực hiện, trong đó có 21/26 tỉnh/TP đã ban hành Kế hoạch thực hiện; có 01 Bộ ban hành kế hoạch thực hiện đề án (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Về cấm biển cảnh báo sạt lở bờ sông, bờ biển, các tỉnh vùng ĐBSCL đã cấm được 596 biển/226 khu vực sạt lở.

c) Về phòng, chống bão lũ, thiên tai

- Công tác chỉ đạo, điều hành: Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai (Ban Chỉ đạo) đã ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai (Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020);

- Biện pháp, giải pháp thực hiện: Phổ biến Sổ tay thông qua hệ thống website của Ban Chỉ đạo; tổ chức họp trực tuyến để phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện (02 khóa tập huấn cho cấp tỉnh cho 204 điểm cầu/ 2.100 cán bộ tham gia; 01 khóa tập huấn cho cấp huyện, xã cho 1.000 điểm cầu/ 18.000 cán bộ tham gia).

Kết quả đạt được

- Đến nay đã có 60/63 tỉnh/ thành phố xây dựng phương án, kịch bản ứng phó thiên tai, trừ Cao Bằng, Phú Yên và Bình Phước. Một số tỉnh, thành phố xây dựng, rà soát hàng năm và triển khai tốt phương án ứng phó, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai như: Lào Cai, Yên Bái, Quảng Bình, Quảng Ngãi,...

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, lũ lớn trên các vùng miền cả nước phục vụ công tác chỉ đạo điều hành: (i) Phương án ứng phó với lũ lớn lưu vực sông Hồng - Thái Bình; (ii) Phương án ứng phó với sự cố vỡ đê trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình; (iii) Phương án ứng phó với bão mạnh, lũ lớn khu vực miền Trung; (iv) Phương án ứng phó với lũ lớn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Bộ tài liệu về công tác chỉ đạo điều hành ứng phó với các đợt thiên tai lớn năm 2021 gồm 05 quyển tài liệu để tham khảo nhằm nâng cao tính bài bản, chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác phòng chống thiên tai.

d) Về xây dựng Chương trình bố trí dân cư và triển khai thực hiện Đề án tổng thể sắp xếp, di dời, bố trí lại dân cư vùng có nguy cơ hoặc vùng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của thiên tai

- Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có nhiệm vụ thực hiện bố trí, sắp xếp lại dân cư tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển gắn với xây dựng nông thôn mới; giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ động rà soát, sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Ngày 29/5/2021, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự án: Di dời dân cư khẩn cấp khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét theo Thông báo số 132/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ.

- Ngày 15/6/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 3627/BNN-VP giao Tổng cục Phòng, chống thiên tai Xây dựng Dự án di dời dân cư khẩn cấp khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét.

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Di dời dân cư khẩn cấp khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét; xây dựng hợp phần “Bố trí, sắp xếp dân cư nhằm phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai” để tổng hợp vào Chương trình Bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trình Chính phủ phê duyệt.

Kết quả đạt được

- Ngày 29/10/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: “Di dời dân cư khẩn cấp khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét” với quy mô: xây dựng các khu/điểm tái định cư tập trung đảm bảo hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân khi chuyển đến, để bố trí sắp xếp khoảng 1.477 hộ/6.907 khẩu với tổng mức đầu tư 700 tỷ đồng vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý giai đoạn 2021 – 2025.

- Ngày 18/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 590/QĐ-TTg.

4. Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 về ban hành danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Tại Quyết định trên, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng,

bố trí kinh phí, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng PCTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo và đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo; xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai; xây dựng nhu cầu mua sắm một số vật tư, trang thiết bị chuyên dùng thiết yếu nhất để phục vụ công tác đảm bảo an toàn và chỉ huy, chỉ đạo tại hiện trường cho các đoàn công tác của Ban chỉ đạo khi xảy ra các tình huống thiên tai; trang thiết bị theo dõi, giám sát, phân tích thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó tại cơ quan thường trực; một số vật tư chuyên dùng phục vụ ứng phó khẩn cấp đảm bảo an toàn các trọng điểm xung yếu về phòng chống thiên tai. Dự kiến, sẽ hoàn thành trong năm 2022 đúng tiến độ phê duyệt.

5. Kiện toàn cơ quan tham mưu, chỉ đạo điều hành và hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước phòng, chống thiên tai

- Về Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai:

Ngày 25/4/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 460/QĐ-TTg kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT.

Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-TWPCTT ngày 23/7/2019 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Quyết định số 11/QĐ-TWPCTT ngày 18/10/2019 ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai.

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã trình Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT ban hành Quyết định số 04/QĐ-TWPCTT ngày 22/4/2021 phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa mới do Phó Thủ tướng Lê Văn Thành làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Về tổ chức tham mưu, quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai ở Trung ương:

Chính phủ đang xem xét ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ (thay thế Nghị định số 15/2017/NĐ-CP), trong đó có cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai (dự kiến là Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai).

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ sẽ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai thuộc Bộ, đồng thời hướng dẫn đơn vị triển khai thực hiện theo quy định.

- Về tổ chức tham mưu, quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai ở địa phương (Chi cục Thủy lợi/Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai/Chi cục Phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện):

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành các Quyết định số 4359/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2020 Phê duyệt kế hoạch thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP; số 1628 /QĐ-BNN-TCCB ngày 16/4/2021 về thành lập Tổ Biên tập Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Ban hành Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp giai đoạn 2021-2030

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021 - 2030” (Đề án).

Triển khai Quyết định số 414/QĐ-TTg, ngày 14/4/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành văn bản số 2173/BNN-TY gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tổ chức triển khai Đề án; tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai Đề án (ngày 15/4/2021).

Thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg, trên 40 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án ngành thú y. Ngoài việc bố trí nguồn lực thực hiện Đề án, hàng năm các địa phương xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh theo quy định của pháp luật, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Đến tháng 8/2022, cả nước đã có 05 tỉnh (Vĩnh Long, Long An, Lào Cai, Bắc Ninh và Thừa Thiên - Huế) đã thành lập lại Trạm Chăn nuôi Thú y/Trạm Chăn nuôi Thú y và Thủy sản cấp huyện; 05 tỉnh (Lai Châu, Thanh Hóa, Quảng Bình, Bình Phước, Tiền Giang) đã có đề án thành lập lại Trạm Chăn nuôi Thú y/Trạm Chăn nuôi Thú y và Thủy sản cấp huyện.

Như vậy, nhiệm vụ trình ban hành “Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp giai đoạn 2021-2030” theo yêu cầu của Nghị quyết số 134/2020/QH14 đã được hoàn thành; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kịp thời chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện; các địa phương đã và đang có kế hoạch triển khai Đề án, cũng như kiện toàn hệ thống thú y các cấp theo quy định của Luật Thú y.

7. Phát hiện và xử lý kịp thời dịch bệnh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

a) Đối với công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định của Luật thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành trên 20 văn bản gửi UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang hoàn thiện đề trình Thủ tướng Chính phủ Dự án ưu tiên “Tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người”, trong đó tập trung xây dựng thành công các chuỗi, vùng chăn nuôi ATDB theo quy định của Việt Nam và tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), giai đoạn từ năm 2021 - 2025.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức hơn 30 Đoàn công tác trực tiếp đến hơn 50 tỉnh, thành phố trọng điểm về chăn nuôi, dịch bệnh để hỗ trợ, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định của Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; hướng dẫn đôn đốc, giám sát, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch quốc gia; đôn đốc các tỉnh, thành phố chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2023.

Kết quả đạt được

- Các dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát tốt, giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể: (i) Bệnh Tai xanh đã được kiểm soát trong nhiều năm; (ii) Bệnh CGC xảy ra tại 16 tỉnh, thành phố, buộc tiêu hủy gần 70.000 con gia cầm; (iii) Bệnh DTLCP chủ yếu xảy ra tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ của 48 tỉnh, thành phố, buộc tiêu hủy trên 42.000 con lợn; (iv) Bệnh LMLM xảy ra tại 04 tỉnh, thành phố, nguy cơ phát sinh dịch còn rất lớn; (v) Bệnh VDNC xảy ra tại 15 tỉnh, thành phố, số trâu, bò mắc bệnh trên 2.000 con, tiêu hủy là 415; (vi) Bệnh Đại đã làm 15 trường hợp người tử vong, số người bị chó nghi dại cắn và buộc phải đi điều trị dự phòng khoảng 50.000 người;...

- Các dịch bệnh thông thường khác trên gia súc, gia cầm như: Dịch tả lợn cổ điển, Tụ huyết trùng, Phó thương hàn, Đóng dấu lợn, Niu-cát-xon, Gumboro... đã được phát hiện kịp thời và kiểm soát tốt, không gây thành dịch lớn.

- Hiện nay cả nước có 2.329 cơ sở, vùng chăn nuôi tại 50 tỉnh, thành phố được chứng nhận ATDB, bao gồm: 1.052 cơ sở, vùng chăn nuôi gia cầm; 1.131 cơ sở, vùng chăn nuôi lợn và 146 cơ sở, vùng chăn nuôi gia súc khác.

b) Công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành: Quyết định số 2066/QĐ-BNN-TC ngày 08/6/2022 phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản; công văn số 1548/BNN-TY gửi Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về kiện toàn hệ thống thú y và tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản năm 2022; công văn số 1549/BNN-TY ngày 16/3/2022 gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc chỉ đạo tăng cường công tác thú y thủy sản

và phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; công văn số 4722/BB-TY về việc tăng cường phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi; công văn số 5177/BNN-TY ngày 08/8/2022 về việc chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2023.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập đoàn công tác đi thanh tra, kiểm tra, đôn đốc công tác thú y thủy sản và công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản, giám sát dịch bệnh, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh. Tổ chức Hội nghị phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2022 và Hội nghị phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản năm 2022.

Kết quả đạt được

- Về cơ bản, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi tiếp tục được kiểm soát tốt, các sự cố thủy sản chết nhiều, chết bất thường,.. đều được cơ quan thú y và chính quyền địa phương phát hiện kịp thời và xử lý triệt để.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại khoảng 18.852 ha, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2020 (có tổng diện tích bị thiệt hại là 14.050 ha), ngoài ra có khoảng 1.364 bè, vèo, bể nuôi thủy sản cũng bị thiệt hại.

- Kiểm soát không để các bệnh nguy hiểm trên thủy sản xâm nhập vào trong nước và khống chế được nhiều bệnh nguy hiểm trên tôm (Đầu vàng, Hội chứng Taura, bệnh do DIV1, hoại tử gan tụy - NHP, teo gan tụy - HPD, hoại tử cơ - IMN,.. trên tôm,...).

- Công tác xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh ngày càng được các địa phương và doanh nghiệp quan tâm. Đến nay đã có 21 cơ sở sản xuất tôm, 03 cơ sở cá cảnh đáp ứng được yêu cầu về an toàn dịch bệnh theo quy định của OIE và Bộ Nông nghiệp và PTNT, góp phần phát triển NTTS trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản.

8. Đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất, đánh giá chất lượng vắc xin phòng dịch

a) Tình hình nghiên cứu, sản xuất vắc xin

Hiện tại, cả nước có tổng cộng 10 doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất vắc xin cho động vật, tất cả đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, với tổng số trên 180 loại vắc xin đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu phòng các bệnh thông thường trên gia súc, gia cầm trong nước và một số loại đã xuất khẩu, chiếm khoảng 30% nhu cầu vắc xin phòng bệnh cho động vật trong nước, cụ thể:

Vắc xin phòng bệnh cho trâu, bò, dê, cừu

Các doanh nghiệp đã sản xuất, đăng ký lưu hành và cung ứng ra thị trường các loại vắc xin 3 bệnh quan trọng ở trâu, bò, dê, cừu, bao gồm: Vắc xin Tụ huyết trùng, vắc xin Đậu dê và vắc xin LMLM.

Đối với việc nghiên cứu, sản xuất vắc xin LMLM là rất khó, phải yêu cầu kỹ thuật rất cao và đắt tiền. Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao Công ty AVAC/RTD thực hiện đề tài nghiên cứu sản xuất vắc xin LMLM trong khuôn khổ Đề tài Sản phẩm quốc gia. Bộ Khoa học và Công nghệ đã chấp thuận cấp kinh phí thực hiện dự án từ năm 2014. Tuy nhiên, sản phẩm cuối cùng chưa được đăng ký, lưu hành theo quy định.

Từ năm 2017, Chi cục Thú y vùng VI đã chuyển giao giống vi rút, quy trình công nghệ và hỗ trợ cán bộ kỹ thuật. Kết quả, lần đầu tiên tại Việt Nam, Công ty AVAC/RTD sản xuất và được cấp phép lưu hành vắc xin LMLM type O; sau đó, các đơn vị tiếp tục phối hợp để sản xuất vắc xin type O và A.

Về vắc xin Viêm da nổi cục trên trâu, bò: Năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có các văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị ưu tiên, bố trí kinh phí triển khai nghiên cứu, sản xuất vắc xin VDNC.

Vắc xin cho lợn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Cục Thú y phối hợp, hướng dẫn 03 doanh nghiệp Việt Nam bao gồm Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương Navetco, Công ty TNHH MTV AVAC Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco chủ động hợp tác chặt chẽ với đối tác Hoa Kỳ để tiếp nhận chủng giống vi rút Dịch tả lợn Châu Phi, tế bào nuôi cấy vi rút Dịch tả lợn Châu Phi và tổ chức nghiên cứu sản xuất vắc xin phòng bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Kết quả, đến nay tại Việt Nam đã có 02 đơn vị là Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương Navetco và Công ty TNHH MTV AVAC Việt Nam nghiên cứu, sản xuất thành công vắc xin thương mại phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam, cụ thể: (i) Vắc xin NAVET-ASFVAC của Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương Navetco đã được cấp phép lưu hành vào ngày 18/5/2022; (ii) Vắc xin AVAC ASF LIVE của Công ty TNHH MTV AVAC Việt Nam đã được cấp phép lưu hành vào ngày 08/7/2022. Hiện nay, 02 vắc xin này đang được tiếp tục giám sát chất lượng, sử dụng 1,2 triệu liều đến tháng 12 năm 2022 trước khi sử dụng trên phạm vi cả nước. Trong thời gian tới sẽ có thêm vắc xin DACOVAC-ASF2 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco đang trong quá trình kiểm nghiệm, khảo nghiệm, đánh giá vắc xin để đăng ký lưu hành; dự kiến hoàn tất thủ tục vào quý IV năm 2022.

Vắc xin cho gia cầm

Hiện nay, các doanh nghiệp Việt Nam đã sản xuất, đăng ký lưu hành được trên 100 loại vắc xin để phòng các bệnh quan trọng trên gia cầm. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã giao Viện Thú y chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu: “Nghiên cứu chế tạo vắc xin cúm gia cầm A H5N1 vô hoạt bằng chủng phân lập tại Việt Nam”, thời gian thực hiện từ 2013-2014. Hiện nay, Viện Thú y đã chuyển giao giống vi rút CGC và đang phối hợp với Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương 5 nghiên cứu, sản xuất và đang kiểm nghiệm vắc xin CGC. Bên cạnh đó, tiếp nối thành công của Dự án độc lập cấp Nhà nước do Công ty Navetco chủ trì thực hiện: “Sản xuất thử nghiệm vắc xin cúm A/H5N1 nhũ dầu để phòng bệnh cho gia cầm” Mã số: DAĐL-2010/06; vắc xin này, năm 2012 đã được Cục Thú y cho phép sản xuất và sử dụng. Đến năm 2019, Công ty Navetco nghiên cứu thành công vắc xin cúm gia cầm thứ 2 (NAVET-FLUVAC 2) và được Cục Thú y cấp phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam. Hiện tại, Công ty Navetco có thể sản xuất từ 200 đến 300 triệu liều/năm.

Vắc xin cho thủy sản

Trong nuôi trồng thủy sản, chỉ mới có một số ít loại vắc xin được nghiên cứu phát triển, cụ thể: Vắc xin phòng bệnh xuất huyết trên cá biển, cá trắm cỏ do Viện

Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1 thực hiện, Vắc xin phòng bệnh gan thận mù, xuất huyết trên cá tra do Công ty Pharmaq nghiên cứu, sản xuất và đăng ký lưu hành thành công, Vắc xin phòng bệnh trên cá mú do Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1 và Công ty Navetco thực hiện, Vắc xin (HAN-STREPTILA) phòng bệnh liên cầu khuẩn cho cá rô phi do Công ty Hanvet thực hiện và đã được Cục Thú y cấp giấy chứng nhận lưu hành vắc xin vào năm 2018.

b) Đánh giá chất lượng vắc xin

Về kiểm tra nhà nước

Việc kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y đăng ký lưu hành và kiểm tra giám sát chất lượng thuốc thú y lưu hành trên thị trường được tiến hành tại phòng thử nghiệm được chỉ định của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I và II thuộc Cục Thú y. Đây là các phòng kiểm nghiệm thuốc thú y được quản lý hoạt động theo các tiêu chuẩn quốc tế và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư các trang thiết bị hiện đại như hệ thống sắc ký lỏng khối phổ hai lần (LC/MS/MS), hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), sắc ký khí khối phổ (GC/MS), hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS), hệ thống máy Elisa, RT-PCR,.. đáp ứng được các yêu cầu về kiểm nghiệm tất cả các loại thuốc thú y, tồn dư kháng sinh, chất cấm sử dụng... Cả 2 Trung tâm đều được đánh giá và công nhận tiêu chuẩn ISO17025 (Chứng nhận quản lý chất lượng phòng thí nghiệm), đồng thời cũng được Bộ đánh giá và chỉ định là Phòng thử nghiệm nông nghiệp. Riêng Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc thú y Trung ương I có hệ thống phòng an toàn sinh học phục vụ kiểm nghiệm vắc xin đầu tiên của Bộ được cấp chứng chỉ ISO 14644:2007 (Chứng nhận phòng thí nghiệm an toàn sinh học), năm 2020 đã đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm thú y quốc gia đạt chuẩn an toàn sinh học cấp III và cơ sở nuôi động vật sạch bệnh. Đây cũng đánh dấu một bước tiến vượt bậc của hệ thống kiểm nghiệm thuốc thú y. Những loại vắc xin khó, nguy hiểm trước đây không thể kiểm nghiệm được thường phải gửi ra phòng thí nghiệm nước ngoài thì hiện nay đã được thực hiện ngay tại Trung tâm.

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu vắc xin thú y

Các nhà máy sản xuất vắc xin trong nước phải đạt tiêu chuẩn và được Cục Thú y cấp chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP-WHO), cơ sở nhập khẩu vắc xin, thuốc thú y phải đủ điều kiện nhập khẩu theo quy định tại Điều 94 Luật Thú y, Điều 18 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và được Cục Thú y cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y. Sản phẩm vắc xin phải được kiểm nghiệm đạt chất lượng trước khi cung ứng ra thị trường.

Vắc xin thú y đăng ký lưu hành được lập hồ cho từng sản phẩm vắc xin kèm theo kết quả kiểm nghiệm đạt chất lượng của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương, kết quả khảo nghiệm vắc xin thú y theo quy định tại Luật thú y và Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 và được trình Hội đồng khoa học chuyên ngành thuốc thú y xem xét trước khi cấp giấy chứng nhận lưu hành. Các loại vắc xin thú y được Cục Thú y cấp giấy chứng nhận lưu hành là các sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn và hiệu quả.

Ngoài ra, vắc xin thú y nhập khẩu được kiểm tra chất lượng của 03 lô hàng nhập khẩu liên tiếp khi nhập khẩu. Trường hợp kết quả đạt chất lượng, sẽ được miễn kiểm tra chất lượng trong 2 năm liên tiếp. Số lượng thuốc, vắc xin thú y lấy mẫu kiểm tra chất lượng năm 2020 có 100% số mẫu vắc xin thú y được kiểm tra chất lượng đều đạt yêu cầu.

9. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác hải sản

a) Về quản lý đội tàu

Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, công tác quản lý đội tàu từng bước đi vào nề nếp, giảm dần số lượng tàu cá và nghề khai thác ảnh hưởng đến ngư trường nguồn lợi thủy sản để giảm cường lực khai thác, cụ thể:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân bổ hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản ở vùng khơi; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển đã công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản ở vùng ven bờ và vùng lộng.

- Trong năm 2021, triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quản lý tốt hạn ngạch về Giấy phép khai thác thủy sản, tổng số tàu cá giảm 5,1% (từ 96.609 chiếc năm 2019 giảm xuống còn 91.716 chiếc tính đến tháng 6 năm 2022), trong đó tàu cá từ 15 mét trở lên giảm 4,0% (từ 31.297 chiếc năm 2019 giảm xuống còn 30.074 chiếc tính đến tháng 6 năm 2022). Đến nay, tổng số lượng tàu cá toàn quốc là 91.716 chiếc, hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản đã giao là 98.429, cấp Giấy phép khai thác thủy sản đạt 50,8% so với hạn ngạch đã giao (49.976/98.429 tàu), trong đó cấp giấy phép khai thác cho tàu cá vùng khơi đạt 93,1%.

- Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) cơ bản đã hoàn thiện đối với khối tàu từ 15 mét trở lên. Số lượng tàu cá đã thực hiện đánh dấu theo quy định là 88.545/91.716 tàu (đạt 96,5%).

b) Về theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá tại cảng

Công tác theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá tại cảng cá về cơ bản đã được tổ chức triển khai theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT như: (i) Tàu cá trước khi cập cảng đã nắm quy định phải thông báo trước khi cập cảng; ghi, nộp Báo cáo, Nhật ký khai thác thủy sản; (ii) Ban Quản lý cảng cá, Văn phòng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá tổ chức ghi chép, lập hồ sơ kiểm tra tàu cá ra vào cảng, giám sát sản lượng thủy sản từ khai thác bốc dỡ qua cảng; (iii) Văn phòng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá đã khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase), hệ thống giám sát tàu cá, truy cập danh sách tàu cá khai thác IUU để kiểm soát hành vi khai thác IUU...

c) Về theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá trên biển

Đã tổ chức triển khai nhiều giải pháp để theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá trên biển, ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác IUU, đặc biệt là hành vi vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài, cụ thể như:

- Từ quý 4/2021, Bộ đội Biên phòng đã làm thủ tục xuất, nhập bến cho 409.823 lượt tàu cá; tăng cường kiểm tra, kiểm soát tàu cá trước khi xuất bến đi khai thác phải đảm bảo đầy đủ giấy tờ, trang thiết bị, lao động trên tàu theo quy định.

- Khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát tàu cá để giám sát hoạt động của tàu cá trên biển:

+ Tính đến ngày 30/8/2022, công tác lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) trên tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên đạt 93,4% (28.079/30.074 tàu). Hệ thống giám sát tàu cá đã được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, chia sẻ, kết nối giữa các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan.

+ Tổ chức trực ban 24/24 giờ theo dõi, thông tin cho chủ tàu cá về việc tàu mất kết nối VMS, vượt ranh giới trên biển, yêu cầu thực hiện đúng quy định pháp luật; tổng hợp, lập danh sách và trao đổi thông tin giữa các lực lượng chức năng để phối hợp, xử lý.

- Các lực lượng thực thi pháp luật trên biển (Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và thanh tra thủy sản) tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên các vùng biển; đặc biệt là tại các khu vực vùng biển giáp ranh, chồng lấn chưa phân định giữa Việt Nam và các nước. Từ quý 4/2021 đến nay đã kiểm tra, kiểm soát 77.076 lượt tàu cá hoạt động trên biển.

10. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thủy sản

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó, Bộ đã bố trí nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực thủy sản 5.013 tỷ đồng (được Thông báo tại các văn bản: số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021; số 1238/BNN-KH ngày 04/3/2022), bao gồm:

(1) 02 dự án quy hoạch: 39,1 tỷ đồng. (2) 03 dự án trả nợ khối lượng hoàn thành theo quyết toán: 5,3 tỷ đồng. (3) 10 dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2020: 599,6 tỷ đồng. (4) 20 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (trong đó có 16 dự án được phê duyệt Chủ trương đầu tư năm 2021): 4.369,3 tỷ đồng.

Một số kết quả chính:

Năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bố trí 305 tỷ đồng từ NSTW đầu tư cho lĩnh vực thủy sản, qua đó dự kiến đầu tư hoàn thành 08 dự án với tổng công suất tăng thêm: (1) Hạ tầng khai thác thủy sản: 820 lượt tàu cập cảng, 290.000 tấn thủy sản qua cảng/năm; 1.200 tàu đến 1.000CV vào neo đậu tránh trú bão khi có gió bão; (2) Hạ tầng nuôi trồng thủy sản: 180ha diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung; 650ha nuôi biển; đã phê duyệt Chủ trương đầu tư đối với 15 dự án đầu tư lĩnh vực thủy sản đảm bảo điều kiện đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

11. Quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên; có giải pháp nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là các khu vực trọng yếu; xử lý nghiêm hành vi khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép, các sai phạm trong chuyển đổi mục đích sử dụng rừng

Từ ngày 15/7/2020, việc chuyển mục đích sử dụng rừng (CMĐSDR) tự nhiên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Lâm nghiệp. Để triển khai thực hiện Nghị định số 83/2020/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành các văn bản sau:

- Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020 về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 2832/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/7/2020 Ban hành Quy chế thẩm định hồ sơ tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trình tự chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác.

- Văn bản số 5006/BNN-TCLN ngày 28/7/2020 gửi các địa phương về triển khai thực hiện Nghị định số 83/2020/NĐ-CP.

- Văn bản số 4796/BNN-TCLN ngày 29/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả triển khai Nghị định số 83/2020/NĐ-CP.

- Quyết định số 2832/QĐ-BNN-TCLN ngày 26/7/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 14/2022/QĐ-TTg ngày 25/5/2022 quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An tại các Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 2.

- Thực hiện các quy định về CMĐSDR tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP, các địa phương gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện các dự án.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định Hồ sơ trình chủ trương CMĐSDR thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định hồ sơ bằng văn bản theo quy chế thẩm định hồ sơ được quy định tại Quyết định số 2832/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Quy chế thẩm định hồ sơ tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trình tự chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác.

- Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ dự án, báo cáo giải trình của các địa phương, Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác (trong trường hợp dự án đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ) hoặc có văn bản trả lời địa phương nếu dự án không đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR.

- Hướng dẫn các địa phương về trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ quyết định chủ trương CMĐSDR theo các quy định hiện hành.

- Thực hiện Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Kết

quả CMĐSDR thuộc thẩm quyền của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ từ ngày 15/7/2020 đến 22/8/2022, như sau:

- Thẩm quyền của Quốc hội: 02 dự án thuộc 03 tỉnh, với diện tích 1.563 ha, gồm: 997 ha rừng tự nhiên và 566 ha rừng trồng.

- Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: 27 dự án thuộc 14 tỉnh, thành phố với diện tích 2.159 ha, gồm: 269 ha rừng tự nhiên và 1.890 ha rừng trồng.

- Công tác bảo vệ rừng có nhiều tiến bộ, tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giảm cả về số vụ và mức độ thiệt hại ở giai đoạn sau so với giai đoạn trước: Số vụ vi phạm trong giai đoạn 2006 - 2010 trung bình 39.165 vụ/năm; giai đoạn 2011 - 2015 là 27.265 vụ/năm và giai đoạn 2016 - 2020 chỉ còn 16.600 vụ/năm, tương đương 42,4% giai đoạn 2006-2010 và 60,8% giai đoạn 2011-2015. Diện tích rừng bị thiệt hại giai đoạn 2016-2020 trung bình 1.820 ha/năm, bằng 32,8% so với giai đoạn 2006-2010 và 68,7% giai đoạn 2011- 2015.

- 06 tháng đầu năm 2022 đã phát hiện 4.688 vụ vi phạm, giảm 1,2% so với cùng kỳ; diện tích rừng bị thiệt hại là 610 ha, giảm 599 ha (tương ứng giảm 50% so với cùng kỳ. Trong đó, đã phát hiện 2.014 vụ phá rừng trái phép, tăng 33%; diện tích thiệt hại là 582 ha, giảm 91ha (tương ứng giảm 13%) so với cùng kỳ. Thu nộp ngân sách 35,1 tỷ đồng. Bộ đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực CMĐSDR tại các tỉnh Phú Yên, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái, Kon Tum.

12. Trong năm 2021, hoàn thành rà soát, phê duyệt phương án sử dụng đất và sắp xếp, chuyển đổi các công ty nông, lâm nghiệp sang mô hình mới

a) Về việc rà soát phê duyệt phương án sử dụng đất

- Về quản lý đất: Trước khi sắp xếp, các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng: 2.229.552 ha, gồm: đất nông nghiệp 2.192.787 ha, đất phi nông nghiệp 36.665 ha. Theo phương án tổng thể được duyệt sau sắp xếp, các công ty giữ lại 1.811.406 ha; diện tích dự kiến bàn giao về địa phương là 509.614 ha, đã thực hiện bàn giao về địa phương 239.857 ha còn 269.757 ha.

- Về đo đạc, cắm mốc ranh giới đất đai, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: có 234 công ty và chi nhánh hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính (trong đó: 223 công ty và chi nhánh đã hoàn thành cơ bản rà soát, cắm mốc ranh giới tại thực địa; 117 công ty và chi nhánh đã được phê duyệt phương án sử dụng đất; 57 công ty và chi nhánh tại 20 tỉnh đã được cấp 2.611 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đạt 23,27%).

- Về kinh phí thực hiện đo đạc, cắm mốc ranh giới đất đai, lập bản đồ địa chính: Tổng kinh phí nhu cầu là 1.142,637 tỷ đồng tại 38 tỉnh, thành phố, trong đó nguồn ngân sách trung ương đã cấp cho các địa phương 752,577 tỷ đồng (70%), nguồn ngân sách địa phương đã cấp là 175,123 tỷ đồng. Tổng kinh phí còn lại chưa bố trí là 214,936 tỷ đồng, chủ yếu là phần kinh phí các địa phương phải bố trí 30% nhu cầu nhưng chưa bố trí.

- Về phê duyệt phương án sử dụng đất: Để tăng cường quản lý sử dụng đất của nông, lâm trường quốc doanh, công ty nông, lâm nghiệp, ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 112/2015/QH13 “về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh

do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng”. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/4/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 112/2015/QH13. Ngày 07/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án tăng cường quản lý đất đai từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng”.

- Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW đã yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2014/NĐ-CP về sản xuất, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp để có cơ sở thực hiện triển khai trong giai đoạn mới. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện theo quy trình thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Về việc sắp xếp, chuyển đổi các công ty nông, lâm nghiệp sang mô hình mới

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án tổng thể của 40/41 tỉnh, thành phố và các tập đoàn, tổng công ty với 252/256 công ty nông, lâm nghiệp, theo 06 mô hình sắp xếp: Tái cơ cấu, duy trì mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với 19 công ty; Tái cơ cấu, duy trì mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đối với 61 công ty; Chuyển 101 công ty thành công ty cổ phần; Chuyển 38 công ty thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên; Chuyển 05 công ty thành Ban quản lý rừng; Giải thể 28 công ty. Còn 04 công ty chưa được phê duyệt: TP Hà Nội (01 công ty), Thanh Hóa (02 công ty), TP Cần Thơ (01 nông trường). Trong quá trình thực hiện có 13 công ty thuộc 5 tỉnh xin điều mô hình sắp xếp, đổi mới: Cà Mau (02 công ty), Quảng Ninh (8 công ty), Long An (01 công ty), Sóc Trăng (01), Đắk Lắk (01 công ty), đến nay mới được phê duyệt phương án điều chỉnh của tỉnh Sóc Trăng.

- Đến thời điểm hiện nay có 166/256 công ty nông, lâm nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp, chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, còn 90 công ty nông, lâm nghiệp thuộc 24 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và 02 Tổng công ty: Cà phê, Giấy Việt Nam chưa hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới, cụ thể: Tái cơ cấu, duy trì mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với 2/19 công ty; Tái cơ cấu, duy trì mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đối với 02/61 công ty; Cổ phần hóa 49/101 công ty; Chuyển thành công ty TNHH hai thành viên 19/38 công ty; Giải thể 14/28 công ty; Chưa được phê duyệt phương án 04 công ty.

Kết quả nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sắp xếp, chuyển đổi công ty nông, lâm nghiệp (từ 01/01/2022 đến nay)

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 23/6/2021 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 82-KL/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, nghiên cứu, sửa

đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Hiện nay, Chính phủ đang xem xét, ban hành Nghị định về một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp, trong đó quy định cơ chế đặt hàng nhiệm vụ công ích đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ xen kẽ để giao cho các công ty nông, lâm nghiệp quản lý và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

13. Đến năm 2025, cơ bản không còn tình trạng dân di cư tự do

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 phê duyệt Chương trình bố trí dân cư (trong đó có dân di cư tự do) giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Các địa phương tập trung triển khai thực hiện các dự án bố trí ổn định dân cư được Thủ tướng Chính phủ giao vốn từ nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2019, 2020 và rà soát tổng thể về tổng số hộ dân di cư tự do đang sinh sống trên địa bàn, xác định số hộ đã được bố trí vào các điểm dân cư theo quy hoạch, số hộ đang sinh sống phân tán tại các địa phương cần bố trí sắp xếp ổn định trong thời gian tới, đồng thời rà soát, tổng hợp các dự án thực sự cần thiết đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Các địa phương có dân di cư tự do về việc tổ chức lại sản xuất, phát triển các trạm trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, xây dựng các chuỗi giá trị nông sản tại các vùng bố trí ổn định dân di cư tự do nhằm giúp người dân phát triển sản xuất bền vững, nâng cao thu nhập và sớm ổn định cuộc sống.

- Giải pháp về nguồn lực: Chính phủ ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm và dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện các dự án bố trí ổn định dân di cư tự do trong năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025. Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành và UBND các tỉnh rà soát, tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vốn từ nguồn dự phòng Ngân sách Trung ương.

- Tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra, đôn đốc công tác triển khai thực hiện các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại các địa phương để nắm bắt, cập nhật tình hình và cùng địa phương tìm cách tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ bố trí ổn định dân cư.

Kết quả đạt được

- Về bố trí, sắp xếp ổn định dân cư: Từ năm 2020 đến tháng 7/2022 các tỉnh đã bố trí, sắp xếp ổn định và người dân tự ổn định được khoảng 5.768 hộ dân di cư tự do vào các điểm dân cư theo quy hoạch; đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, an sinh xã hội giúp người dân di cư tự do sớm ổn định cuộc sống, tăng gia phát triển sản xuất, từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống ngày một tốt hơn.

- Về bố trí vốn thực hiện các dự án bố trí ổn định dân di cư tự do: Các địa phương đã chủ động bố trí vốn thực hiện các dự án bố trí ổn định dân di cư tự do trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021. Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng nguyên

tắc, tiêu chí lựa chọn các dự án bố trí ổn định dân di cư tự do của các tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ từ nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022.

- Về kết quả thực hiện các dự án bố trí ổn định dân di cư tự do: Tính từ năm 2020 đến tháng 7/2022 các tỉnh đã hoàn thành 35 dự án, tuy nhiên đến nay còn nhiều dự án đang thực hiện dở dang, do chưa được bố trí đủ vốn thực hiện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai thực hiện nhiều mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, như: Mô hình chăn nuôi bò sinh sản; mô hình trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng; mô hình hỗ trợ trồng xen mắc ca trong vườn cà phê; mô hình trồng bưởi Da Xanh; mô hình chăn nuôi Dê sinh sản; mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất trồng Ngô lai; mô hình trồng xen cây Sầu Riêng ... tại một số tỉnh có dân di cư tự do đến, như: Đắk Nông, Kon Tum, Lâm Đồng, Điện Biên, Hà Giang... và triển khai 20 dự án khuyến nông tại các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Cao Bằng, Điện Biên, Yên Bái, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Thuận, Lâm Đồng, Gia Lai, Cà Mau... các mô hình bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực, đang được người dân học tập và nhân rộng, phát triển.

Ngoài ra, để thúc đẩy phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (trong đó có vùng bố trí dân di cư tự do) các địa phương đã ưu tiên thực hiện hỗ trợ kinh phí để thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp; đối với các vùng đã có hợp tác xã nông nghiệp thực hiện việc vận động các hộ dân di cư tự do đủ các điều kiện tham gia hợp tác xã; nhiều tỉnh (có dân di cư tự do) đã ban hành chính sách khuyến khích liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ (như: Điện Biên, Nghệ An, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Cà Mau). Bên cạnh đó, một số tỉnh đã ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và phê duyệt danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó có vùng bố trí dân di cư tự do. Tuy nhiên, đến nay các hợp tác xã nông nghiệp tại các vùng dân di cư tự do số lượng hạn chế, hiệu quả hoạt động chưa cao, nên chưa phát huy được vai trò làm dịch vụ, tạo mối liên kết sản xuất nông sản hàng hóa, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Kết quả nhập hộ khẩu cho các hộ dân di cư tự do: Theo thống kê chưa đầy đủ của các địa phương, ngoài số hộ dân di cư tự do đã được cấp hộ khẩu giai đoạn trước, đến năm 2021, tổng số dân di cư tự do đã được cấp hộ khẩu là 48.067 hộ (trong đó, tỉnh Đắk Nông nhiều nhất với tổng số 30.842 hộ) và đăng ký tạm trú là 1.864 hộ, đặc biệt một số tỉnh đã hoàn thành việc nhập hộ khẩu cho 100% số hộ dân di cư tự do trên địa bàn (như: Lai Châu: 424 hộ, Kon Tum: 7.234 hộ; Gia Lai: 1.142 hộ, Bình Thuận: 310 hộ...). Ngoài ra, tại một số địa phương nhiều hộ đã đăng ký ghép vào các hộ gia đình là người thân đã có sổ hộ khẩu để tạo điều kiện cho con em họ có đủ điều kiện được đến trường và hưởng các chính sách an sinh xã hội khác của nhà nước.

Tuy nhiên, đến nay, số hộ dân di cư tự do chưa được cấp hộ khẩu thường trú còn khoảng 10.766 hộ, trong đó: Đắk Lắk: 1.564 hộ, Đắk Nông: 7.349 hộ, Lâm Đồng: 1.853 hộ. Nguyên nhân: do các hộ chưa đảm bảo về điều kiện nơi cư trú theo quy định Luật cư trú (chưa có chỗ ở hợp pháp, đang sinh sống trên phần diện tích đất lâm nghiệp, các khu vực không quy hoạch điểm dân cư); một số hộ không cắt hộ khẩu tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (nơi đi) trước khi chuyển đến.

VII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, GIAO THÔNG

1. Hoàn thiện chính sách về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, trong đó ưu tiên bố trí đủ quỹ đất, thu hút nhà đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để người dân mua nhà ở xã hội.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP). Nghị định số 49/2021/NĐ-CP được ban hành đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế liên quan đến phát triển và quản lý nhà ở xã hội như: (i) quy định yêu cầu bắt buộc chính quyền các địa phương phải quy hoạch quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội và chủ đầu tư các dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị phải dành diện tích đất trong dự án để phát triển nhà ở xã hội; (ii) rút ngắn thời gian xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; (iii) sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm tạo điều kiện hỗ trợ người dân được tiếp cận với nhà ở xã hội, rút gọn thủ tục hành chính và bổ sung cơ chế ưu đãi khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội.

Ngoài ra, Bộ Xây dựng cũng đã phối hợp các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành một số Nghị định, Quyết định liên quan đến chính sách nhà ở cho công nhân; ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị giao các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai, thực hiện chính sách về nhà ở xã hội, nhà ở công nhân. Đồng thời, thực hiện đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai, thực hiện chính sách nhà ở xã hội, nhà công nhân thông qua hình thức ban hành các văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, theo đó đã làm việc trực tiếp với một số địa phương trọng điểm về nhà ở xã hội, nhà ở công nhân nhằm hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách và đôn đốc các địa phương khẩn trương triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP.

Nhìn chung, các chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân lao động tại các khu công nghiệp đã tạo ra hành lang pháp lý tương đối đầy đủ, đảm bảo hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, trách nhiệm của địa phương cũng như doanh nghiệp sử dụng lao động trong khu công nghiệp, cụ thể là: (1) Quy định 10 nhóm đối tượng có khó khăn về nhà ở được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở. (2) Quy định về quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đối với các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp. (3) Quy định về lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân thông qua các hình thức đấu thầu hoặc chỉ định. (4) Quy định cụ thể các cơ chế ưu đãi cho các chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, doanh nghiệp tự lo chỗ ở cho người lao động. (5) Quy định về trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương liên quan đến phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

Tính đến nay, kết quả triển khai thực hiện chính sách nhà ở xã hội trên cả nước đạt được như sau:

- Đã hoàn thành 301 dự án nhà ở xã hội khu vực đô thị và nhà ở công nhân khu công nghiệp, quy mô xây dựng khoảng 155.800 căn với tổng diện tích hơn 7,7 triệu m². Đang tiếp tục triển khai 401 dự án, quy mô xây dựng khoảng 454.360 căn với tổng diện tích khoảng 22,7 triệu m². Việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

đã đạt được một số kết quả rất đáng ghi nhận, giúp cho hàng trăm ngàn hộ gia đình có điều kiện nâng cao chất lượng nhà ở, tuy nhiên, kết quả này vẫn chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra.

- Về bố trí quỹ đất nhà ở xã hội và nhà ở công nhân: qua tổng hợp báo cáo của 60/63 địa phương, đến năm 2020 đã có 2.256 dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị với tổng diện tích đất là 43.783,39 ha, trong đó có 1.040 dự án dành quỹ đất 20% để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội với tổng diện tích đất ở đã bố trí là 3.359,07 ha (đạt 36,34% so với nhu cầu phát triển nhà ở xã hội đến năm 2020). Đến nay, cả nước có 253 dự án nhà ở dành cho công nhân với quy mô sử dụng đất khoảng 600 ha (trong đó đã hoàn thành 112 dự án với diện tích đất hơn 250 ha và đang tiếp tục triển khai 112 dự án với diện tích đất hơn 350 ha). Như vậy việc dành quỹ đất làm nhà ở cho công nhân khu công nghiệp cơ bản đạt mục tiêu đề ra, tuy nhiên mới chỉ có khoảng 41% diện tích đất được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng.

- Về bố trí, giải ngân nguồn vốn phát triển nhà ở xã hội: tính đến ngày 05/8/2022, có 41/63 địa phương có báo cáo, trong đó báo cáo số lượng dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đang triển khai là 240 dự án, dự kiến nhu cầu vay vốn là 34.552 tỷ đồng. Trên cơ sở rà soát các điều kiện đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, ngày 06/7/2022, Bộ Xây dựng đã công bố danh mục các dự án đủ điều kiện được vay (giai đoạn 1) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và gửi Ngân hàng Nhà nước 04 dự án với tổng mức đầu tư là 4.665 tỷ đồng, tổng mức vay dự kiến là 1.751 tỷ đồng. Đến nay, Bộ Xây dựng đang tiếp tục tổng hợp danh mục từ các địa phương để công bố các dự án đủ điều kiện được vay theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp trong quản lý và đầu tư xây dựng công trình

Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước ngành Xây dựng luôn được Chính phủ quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật ngành Xây dựng, đặc biệt đối với những lĩnh vực có nhiều tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội, người dân, doanh nghiệp như xây dựng, quản lý đô thị, nhà ở... với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là: việc phân cấp, phân quyền phải bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật, định hướng của Đảng, Chính phủ, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng vùng miền, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng đã đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm: 03 Luật, 02 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) nhằm đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước ngành Xây dựng. Cụ thể như sau:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (số 62/2020/QH14) và các Nghị định hướng dẫn Luật đã quy định một số nội dung liên quan đến phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, gồm:

- Tăng cường phân cấp, tạo chủ động cho người quyết định đầu tư, chủ đầu tư

trong thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu thông qua việc giám đối tượng phải thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng với chức năng quản lý của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phù hợp với từng loại nguồn vốn sử dụng; làm rõ trách nhiệm của các nhà thầu đối với chất lượng công việc do mình thực hiện. Tăng cường phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- Tích hợp thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng và cấp phép xây dựng; tích hợp, thực hiện đồng thời thủ tục thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy, thủ tục về môi trường, thẩm định về công nghệ... với thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng để rút ngắn thời gian thẩm định; mở rộng đối tượng miễn giấy phép xây dựng; đơn giản hóa điều kiện, hồ sơ cấp giấy phép xây dựng; rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng từ 30 ngày xuống còn 20 ngày. Đặc biệt có một số quy định có hiệu lực sớm để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

- Phân cấp toàn diện thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng cho địa phương; xã hội hóa công tác cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

- Làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng của Chính phủ, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các cấp; nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; làm rõ trách nhiệm của Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác trong quản lý an toàn trong thi công xây dựng phù hợp với Luật An toàn vệ sinh lao động...

- Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố chỉ số giá xây dựng; phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công.

Lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đã phân quyền cho địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng; (ii) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (iii) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng.

-- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Đà Nẵng, Thanh Hóa, Hải Phòng, Cần Thơ, Nghệ An) thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch

chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị. Sở Xây dựng (cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh) là cơ quan thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc, trong đó có các quy định về phân cấp, phân quyền như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (i) phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị; cơ quan lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hồ sơ tư liệu công trình kiến trúc và danh mục công trình kiến trúc có giá trị; (ii) phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy chế quản lý kiến trúc.

+ Về kinh phí lập và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc: (i) Bộ Xây dựng công bố phương pháp xác định chi phí cho công tác lập và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc; (ii) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí ngân sách địa phương hàng năm để thực hiện công tác lập và thực hiện quy chế quản lý kiến trúc tại địa phương.

+ Xã hội hóa công tác sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc, tổ chức thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

+ Xã hội hóa một số công tác liên quan đến hành nghề kiến trúc: quy định về thẩm quyền của Hội Kiến trúc sư Việt Nam trong việc tổ chức lập, ban hành Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề; tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc thực hiện các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục; Hội Kiến trúc sư Việt Nam xây dựng, ban hành bảng phương pháp tính điểm phát triển nghề nghiệp liên tục chi tiết đối với các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục của kiến trúc sư hành nghề sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng; quy định phân cấp cho Hội Kiến trúc sư Việt Nam xây dựng, ban hành chương trình, tài liệu phục vụ sát hạch, bộ câu hỏi sát hạch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

Lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản:

Luật Đầu tư năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014:

- Sửa đổi, bổ sung, làm rõ trình tự, thủ tục quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Bãi bỏ quy định về chấp thuận chủ trương đầu tư tại Luật Nhà ở năm 2014, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị để đơn giản hóa, tránh trùng lặp về trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

- Phân định, làm rõ đối tượng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án kinh doanh bất động sản theo Luật Đầu tư và Luật Kinh doanh bất động sản, bảo

đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh trùng lặp về thủ tục, phân định rõ về thẩm quyền quản lý nhà nước.

3. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, việc điều chỉnh quy hoạch, chậm triển khai các dự án phát triển nhà ở và trong công tác quản lý, vận hành nhà chung cư; rà soát, điều chỉnh, xử lý, thu hồi các "dự án treo", bảo đảm quyền lợi của người dân

a) Tình hình thực hiện thanh tra, kiểm tra

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, hàng năm Bộ Xây dựng đã triển khai Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương nhằm kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực về quy hoạch xây dựng, nhà ở và đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các tồn tại, hạn chế, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của địa phương và kịp thời đề ra phương hướng, giải pháp tháo gỡ.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng (thay thế Nghị định số 139/2017/NĐ-CP). Nghị định có nhiều điểm mới, đột phá trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng, hoạt động đầu tư xây dựng, trật tự xây dựng, quản lý kinh doanh bất động sản, quản lý sử dụng nhà chung cư như: tăng mức phạt tiền, tăng nặng, buộc phá dỡ công trình xây dựng vi phạm, bổ sung hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm... đối với một số hành vi, nhóm hành vi có tỷ lệ vi phạm cao, để lại hậu quả lớn cho xã hội như lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng; tăng mức phạt kịch khung trong kinh doanh bất động sản đảm bảo tính răn đe; quy định nhiều hành vi vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì nhà chung cư nhằm xử lý triệt để vấn đề nóng hiện nay là "om" quỹ bảo trì tại các chung cư.

Công tác thanh tra chuyên ngành Xây dựng tiếp tục được đẩy mạnh, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, bao quát, phủ kín các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành. Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực như: công tác quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng, quản lý phát triển nhà ở và kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành chung cư tại các địa phương; những lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tiêu cực, tham nhũng; vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được báo chí hoặc dư luận xã hội phản ánh. Nội dung, phạm vi thanh tra đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được pháp luật quy định; phù hợp với lực lượng cán bộ, các điều kiện thực hiện khác và tình hình dịch bệnh Covid-19; hạn chế chồng chéo với các cơ quan có chức năng thanh tra của trung ương, địa phương và kiểm toán nhà nước. Thông qua công tác thanh tra nhằm ngăn chặn, phát hiện, xử lý sai phạm đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương thực hiện đúng quy định pháp luật. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra, đôn đốc xử lý sau thanh tra đảm bảo việc thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra. Qua đó đã góp phần tăng cường việc tuân thủ pháp luật về xây dựng, phòng ngừa, phát hiện xử lý các vi phạm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành Xây dựng.

Thanh tra Bộ Xây dựng cũng đã định hướng việc xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm đối với Thanh tra Sở Xây dựng các địa phương, tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng; rà soát,

đánh giá quá trình đầu tư phát triển đô thị; xử lý, kiến nghị xử lý nghiêm các vi phạm về trật tự xây dựng.

Riêng các năm 2021 và 2022, đã triển khai 11 đoàn thanh tra theo kế hoạch. Đồng thời thực hiện xây dựng, ban hành một số Kết luận thanh tra đối với các nội dung thanh tra được tiến hành năm 2020 về công tác quy hoạch, công tác quản lý sử dụng quỹ bảo trì nhà chung cư. Kế hoạch thanh tra của Bộ Xây dựng được triển khai đúng tiến độ, Kết luận thanh tra được các đối tượng nghiêm túc chấp hành, đặc biệt là việc khắc phục các vi phạm, tồn tại, xem xét và kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra vi phạm của các đơn vị được thanh tra, nhiều kết luận thanh tra nhận được sự đồng thuận cao của dư luận xã hội.

b) Các giải pháp triển khai và kết quả chủ yếu của công tác kiểm tra, thanh tra trong từng lĩnh vực cụ thể

Về quản lý quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch

Để tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ việc điều chỉnh quy hoạch đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 83/2019/QH14 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đối với lĩnh vực xây dựng.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019, đồng thời gắn với việc triển khai các nhiệm vụ thường xuyên trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo các quy hoạch được duyệt, phát triển nhà ở xã hội, quản lý hoạt động xây dựng và trật tự xây dựng đô thị, Bộ Xây dựng và nhiều địa phương đã tổ chức xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, xác định cụ thể các nội dung công việc, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, đảm bảo hiệu quả trong triển khai thực hiện song song đồng bộ các nhiệm vụ của Chính phủ và địa phương.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 339/QĐ-BXD ngày 26/04/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg. Hàng năm, Bộ Xây dựng đã triển khai Kế hoạch kiểm tra các địa phương trong công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch (năm 2021 kiểm tra 16 địa phương, 8 tháng đầu năm 2022 kiểm tra 14 địa phương trên cả nước), theo đó đã kiểm tra, hướng dẫn các địa phương về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý các loại quy hoạch (quy hoạch khu chức năng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn); công tác công khai quy hoạch; công tác điều chỉnh quy hoạch; công tác cắm mốc giới quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Luật Xây dựng.

Thông qua công tác thanh tra quy hoạch xây dựng, Bộ Xây dựng đã phát hiện và có các giải pháp chấn chỉnh, ban hành các Kết luận thanh tra yêu cầu địa phương thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quy hoạch như: (1) Yêu cầu Ủy ban nhân dân các cấp công bố, công khai quy hoạch phân khu, đồ án quy hoạch chi tiết, quy định quản lý theo đồ án được duyệt trên các phương tiện thông tin đại

chúng theo quy định; (2) Thực hiện định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn theo quy định; (3) Tổ chức lập, phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt và tổ chức triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo quy định; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo quy định; (4) Khẩn trương triển khai quy hoạch phân khu để cụ thể hoá quy hoạch chung đã được phê duyệt; (5) Chấn chỉnh và không để tiếp tục xảy ra tình trạng công trình xây dựng không đúng quy hoạch được phê duyệt về chỉ giới xây dựng, vị trí công trình.

Về quản lý, phát triển nhà ở và quản lý vận hành nhà chung cư

- Thực hiện quy định của Luật Nhà ở năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 phê duyệt “Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Bộ Xây dựng đã ban Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai Nghị quyết. Tổ công tác đã làm việc trực tiếp các địa phương để thúc đẩy triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ; yêu cầu một số địa phương trọng điểm báo cáo tình hình triển khai thực hiện và nhu cầu vay vốn, các tồn tại, hạn chế và kiến nghị để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và chương trình công tác hàng năm, Bộ Xây dựng đã triển khai các đoàn kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về nhà ở và thị trường bất động sản tại một số địa phương, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, phát triển nhà ở và vận hành nhà chung cư, việc triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, kiểm tra trực tiếp một số dự án khu đô thị, khu phức hợp, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, các sàn giao dịch bất động sản. Bên cạnh đó, thực hiện Kế hoạch thanh tra chuyên ngành trọng tâm trọng điểm công tác quản lý nhà nước về quản lý nhà ở và đẩy mạnh thực hiện thanh tra chuyên đề diện rộng về công tác phát triển nhà ở xã hội, quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn một số tỉnh, thành phố. Thông qua kiểm tra, thanh tra, Bộ đã phát hiện và có các giải pháp chấn chỉnh những sai phạm chủ yếu tại địa phương trong việc tổ chức xây dựng Chương trình phát triển nhà ở; xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và 05 năm; thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ phát triển nhà ở theo quy định; bố trí thiếu diện tích nhà ở xã hội trong đồ án quy hoạch.

- Liên quan đến công tác quản lý vận hành nhà chung cư, nổi cộm lên vấn đề nhiều chủ đầu tư, ban quản trị nhà chung cư quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư không chấp hành hoặc chấp hành nhưng không đầy đủ theo quy định, dẫn đến tình trạng có nhiều tranh chấp, đơn thư khiếu nại kéo dài, nhiều khu chung cư người dân phản ứng quyết liệt với chủ đầu tư, căng thẳng rạn nứt tại các nhà chung cư, các cơ quan quản lý nhà nước và các cấp chính quyền đã gây mất mỹ quan đô thị, tạo ra dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Bộ Xây dựng đã chỉ đạo Thanh tra Bộ tập trung thanh tra đối với nhiều chủ đầu tư và ban quản trị nhà chung cư xảy ra tranh chấp gay gắt, có biểu hiện

không chấp hành các quy định của pháp luật về nhà ở đặc biệt là việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì, qua đó tổng kết các nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng tranh chấp, đơn thư khiếu nại gay gắt, kéo dài. Nhằm chấn chỉnh và giải quyết tình trạng trên, ngày 15/9/2021, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-BXD về việc tăng cường quản lý sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư, trong đó yêu cầu các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng, các chủ đầu tư, ban quản trị thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về nhà ở, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư nói chung và chú trọng đến công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì nói riêng để góp phần ổn định an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng thông qua công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng. Bộ đã hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện công tác thẩm định, cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Đồng thời, thông qua công tác thanh tra lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, Bộ đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai phạm chính liên quan đến quản lý chất lượng công trình như: Quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình không được lập và bàn giao cho chủ đầu tư cùng với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; Thiếu nội dung thẩm định sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; Thiết kế bản vẽ thi công không phù hợp với thiết kế cơ sở; Thiết kế xây dựng không phù hợp với địa chất công trình; Không có giấy chứng nhận hợp quy, giấy công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền về vật liệu theo quy định.

Bên cạnh việc kiểm soát chất lượng công trình qua công tác tiền kiểm (thẩm định thiết kế) và thanh tra, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng đẩy mạnh công tác kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng (hậu kiểm), nhất là đối với các công trình có vốn nhà nước, công trình có quy mô lớn, phức tạp, ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng. Các giải pháp bao gồm: (i) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, trọng tâm là tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, tăng cường phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm về quản lý chất lượng công trình; (ii) Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng thông qua việc kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng, nhất là đối với các công trình có vốn nhà nước, công trình có quy mô lớn, phức tạp, ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng; (iii) Tăng cường quản lý chất lượng các công trình trọng điểm thông qua hoạt động của Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng; xử lý kịp thời các vấn đề về kỹ thuật để đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Cụ thể như sau:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, trong đó quy định các cơ quan chuyên môn về xây dựng ở trung ương (các Bộ quản lý công trình chuyên ngành) và địa phương trực thuộc

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện thẩm định thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành để đưa công trình vào sử dụng (kiểm tra công tác nghiệm thu) đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng, công trình sử dụng vốn đầu tư công nhằm kiểm soát đảm bảo chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí vốn đầu tư công. Ngoài ra, Bộ Xây dựng đã ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 hướng dẫn về phân cấp công trình xây dựng; Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

Đến nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng đã tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quá trình thực hiện pháp luật hiện nay không có vướng mắc lớn, các chủ thể thực hiện ổn định, hiệu quả. Hiện Bộ đang rà soát, trình Chính phủ sửa đổi một số nội dung của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; nghiên cứu dự thảo nội dung về đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng để ban hành thông tư hướng dẫn trong thời gian tới.

4. Rà soát, điều chỉnh, xử lý, thu hồi các "dự án treo", bảo đảm quyền lợi của người dân

“Quy hoạch treo” được hiểu là loại quy hoạch đã được lập và phê duyệt nhưng tổ chức thực hiện chậm hoặc không thực hiện được một số nội dung quy hoạch. “Dự án treo” được hiểu là dự án đầu tư đã được xác định trong quy hoạch, chấp thuận chủ trương hoặc phê duyệt nhưng tổ chức triển khai thực hiện không đảm bảo tiến độ theo quy định. Đây là hiện tượng làm lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp và cuộc sống người dân, làm giảm hiệu quả, chất lượng phát triển đô thị, tác động tiêu cực đến lợi ích của Nhà nước và xã hội.

Thời gian qua, thực hiện Nghị quyết số 59/2018/QH14 ngày 16/6/2018 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2019 về thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, Bộ Xây dựng đã có Báo cáo số 28/BC-BXD ngày 15/3/2019 về vấn đề này, trong đó đã xác định rõ nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị. Để khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”, “dự án treo” gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, Bộ Xây dựng đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Xây dựng sửa đổi, trong đó quy định người dân được cấp phép xây dựng có thời hạn tại khu vực đã có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Về Chiến lược quốc gia về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 phê duyệt “Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”.

6. Về thực hiện thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí BOT đường bộ

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải và các địa phương tập trung, quyết liệt triển khai thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí BOT đường bộ. Tính đến hết năm 2020, tất cả các trạm thu phí đủ điều kiện đã được lắp đặt, vận hành hệ thống thu phí điện tử không dừng, đáp ứng tiến độ theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 134/2020/QH14. Một số trạm không đủ điều kiện triển khai hoặc lùi thời gian triển khai thu phí không dừng do có tính chất đặc thù.

Từ ngày 01/8/2022, hệ thống thu phí không dừng đã được lắp đặt, vận hành đồng bộ trên toàn quốc, trong đó: tại các trạm thu phí trên các tuyến quốc lộ, 100% làn thu phí được lắp đặt thiết bị thu phí không dừng, bảo đảm chỉ duy trì 01 làn thu phí hỗn hợp/mỗi chiều xe chạy; tại các tuyến cao tốc chỉ áp dụng hình thức thu phí không dừng. Mặc dù hệ thống thu phí điện tử không dừng do nhiều cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhưng vẫn đảm bảo tính đồng bộ kết nối thông suốt; các phương tiện tham gia giao thông chỉ sử dụng 01 thẻ định danh lưu thông qua tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc.

7. Về việc hoàn thiện quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp và quản lý giấy phép điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa

a) Đối với lĩnh vực đường bộ

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành 02 Quy chuẩn quốc gia về thiết bị phục vụ quản lý đào tạo lái xe tại Thông tư số 37/2020/TT-BGTVT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, gồm: Quy chuẩn Quốc gia về thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe (QCVN 105:2020/BGTVT), Quy chuẩn Quốc gia về thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe ô tô - cabin học lái xe ô tô (QCVN 106:2020/BGTVT).

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hiệu lực thi hành pháp luật khi áp dụng 02 thiết bị nêu trên vào công tác quản lý đào tạo, sát hạch lái xe, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/4/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; trong đó đã quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo lái xe trong việc quản lý, khai thác dữ liệu thu được từ thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe, thời gian áp dụng thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe ô tô - cabin học lái xe ô tô. Bộ Giao thông vận tải cũng đang từng bước triển khai dịch vụ công mức độ 4 để phục vụ tốt hơn cho người dân trong việc cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định.

b) Đối với lĩnh vực đường thủy nội địa

Thời gian qua, Bộ Giao thông vận tải đã triển khai một số nhiệm vụ: Xây dựng và trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; đồng thời theo thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải đã giao các đơn vị chức năng xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm bảo chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa.

8. Về tích cực triển khai xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; hàng năm, tiếp tục giảm số vụ, số người chết, bị thương về tai nạn giao thông

a) Về công tác xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải tăng cường triển khai xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; trong đó đã triển khai chỉ đạo của Chính phủ tại văn bản số 647/VPCP-CN ngày 26/01/2021 về “Giải pháp tăng cường, cải thiện an toàn kết cấu hạ tầng giao thông trên Quốc lộ 1A và các tuyến quốc lộ trọng điểm”. Kết quả năm 2021, các đơn vị chức năng đã xử lý 81 điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; trong 06 tháng đầu năm 2022, đã xử lý 38 điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông (trong đó có 04 điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông được xử lý theo kiến nghị của lực lượng Cảnh sát giao thông và chính quyền địa phương).

b) Về mục tiêu giảm tai nạn giao thông ở cả ba tiêu chí

Trong giai đoạn năm 2021 và 07 tháng đầu năm 2022, công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ, Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào 05 nhóm giải pháp: (i) xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (trình Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng); (ii) nâng cao điều kiện an toàn giao thông đối với kết cấu hạ tầng giao thông (đã xử lý được 119 điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông); (iii) tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; (iv) triển khai công tác thanh tra, kiểm tra để xử lý các hành vi vi phạm về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (triển khai các đợt cao điểm về kiểm soát tải trọng xe); (v) nâng cao điều kiện an toàn giao thông đối với phương

tiện và người điều khiển phương tiện (đã áp dụng thiết bị giám sát thời gian và quãng đường, thiết bị mô phỏng tình huống giao thông vào công tác quản lý, sát hạch lái xe).

Kết quả đạt được: theo số liệu thống kê của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, năm 2021 toàn quốc xảy ra 11.495 vụ tai nạn giao thông, làm chết 5.799 người, bị thương 8.018 người; so với năm 2020, số vụ tai nạn giao thông giảm 3.496 vụ (giảm 23,32%), số người chết giảm 1.068 người (giảm 15,15 %), số người bị thương giảm 3.143 người (giảm 28,16%). Trong 07 tháng đầu năm 2022, (tính từ ngày 15/12/2021 đến 14/7/2022), toàn quốc xảy ra 6.536 vụ tai nạn giao thông, làm chết 3.785 người, bị thương 4.256 người; so với 7 tháng đầu năm 2021, số vụ tai nạn giao thông giảm 626 vụ (giảm 8,74%), số người chết tăng 112 người (tăng 3,05%), số người bị thương giảm 739 người (giảm 14,79%).

9. Về rà soát hệ thống cảng hàng không, thực hiện xã hội hóa các dịch vụ hàng không, cảng hàng không chặt chẽ, đúng quy định pháp luật

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2022 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, trong đó đã quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cảng trong việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các công trình thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay, trừ các trường hợp do Nhà nước trực tiếp đầu tư và các công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay. Trường hợp doanh nghiệp cảng hàng không không có khả năng đầu tư theo kế hoạch phát triển cảng hàng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải đề xuất, kêu gọi hình thức đầu tư phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 23/2021/TT-BGTVT ngày 05/11/2021 hướng dẫn về lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án; phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành, Bộ Giao thông vận tải đã rà soát, hoàn thiện Đề án Định hướng huy động nguồn vốn xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2234/BGTVT-KHĐT ngày 09/3/2022.

Thời gian qua, Bộ Giao thông vận tải đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị theo phương thức đối tác công tư. Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành, Bộ Giao thông vận tải đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định thành lập Tổ công tác nghiên cứu, đánh giá tổng thể khả năng khai thác hàng không dân dụng tại sân bay quân sự Thành Sơn (Ninh Thuận) và sân bay quân sự Biên Hòa (Đồng Nai); nghiên cứu Đề án xã hội hóa đầu tư, khai thác các cảng hàng không Nà Sản (Sơn La), Vinh (Nghệ An), Chu Lai (Quảng Nam), Cần Thơ và một số cảng hàng không khác khi có nhu cầu.

VIII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao” đã xác định mục tiêu đến năm 2025 “Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông”.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 đã xác định các cơ sở dữ liệu quốc gia trong đó có cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, ưu tiên phát triển trước, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đã xác định nhiệm vụ, giải pháp để bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác, sử dụng đất là tập trung xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai, thực hiện kết nối liên thông với cơ quan thuế.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đã xác định nhiệm vụ, giải pháp để quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai là sớm hoàn thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu số đất đai quốc gia.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 417/QĐ- BTNTM ngày 10/3/2021 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, một trong các nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên trong chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường là xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số.

Kết quả đạt được

- Về xây dựng, vận hành khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai: Ở trung ương đã vận hành 04 khối dữ liệu đất đai (dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dữ liệu giá đất; dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai). Ở địa phương đã có sự đầu tư kinh phí để đầu tư hạ tầng, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với 217/705 đơn vị hành chính cấp huyện hoàn thành và đưa vào vận hành tập trung ở các tỉnh).

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án VILG, khối lượng xây dựng cơ sở dữ liệu sau điều chỉnh dự án là 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành phố (trong đó, xây dựng mới CSDL là 160 huyện và chuyển đổi cơ sở dữ liệu là 90 huyện). Kết quả đến nay có 52/250 huyện đã hoàn thành nghiệm thu cơ sở dữ liệu đất đai với đủ 04 thành phần dữ

liệu (Dự kiến kế hoạch đến tháng 12/2022 hoàn thành 180/250 huyện; Quý I, II/2023 hoàn thành tất cả các huyện thuộc dự án).

- Về kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; Hiện tại, đã thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu đất đai của 197 địa phương qua nền tảng chia sẻ tích hợp của Bộ Tài nguyên và Môi trường (LGSP) kết nối, liên thông dữ liệu đất đai ở địa phương với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia; kết nối Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Trung tâm điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho các bộ ngành, địa phương.

- Về kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Công an và các địa phương triển khai thí điểm kết nối, tích hợp, chia sẻ 18 trường thông tin dữ liệu (thông tin về nhà ở) giữa cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ nghiệp vụ cư trú (theo địa bàn cấp xã), trên cơ sở đó tổng kết đánh giá để triển khai chính thức trong toàn quốc trong tháng 8/2022; kết nối, sử dụng 19 trường thông tin của công dân (thông tin về cá nhân/hộ gia đình sử dụng đất) có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương. Đã tổ chức “Kết nối liên thông điện tử trao đổi thông tin dữ liệu đất đai giữa cơ quan Đăng ký đất đai và cơ quan Thuế trong việc xác định nghĩa vụ tài chính khi người sử dụng đất thực hiện giao dịch về đất đai và tài sản gắn liền với đất” cho 24 tỉnh/thành phố và 61 tỉnh/thành phố đã thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai qua Cổng dịch vụ Công Quốc gia.

- Về thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thí điểm ở 03 địa phương (Hà Giang, Thái Nguyên, Cần Thơ) về việc kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với thủ tục hành chính “Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)” ở mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hiện nay đang trên địa bàn 13 tỉnh, thành phố và tiếp tục triển khai trên toàn quốc.

- Về xây dựng Dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin”: Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đã được chuyển vào Dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin” của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường đang rà soát, xây dựng và xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin” bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, không chồng chéo để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở cho chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường mà trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng” (sau đây gọi tắt là Đề án) theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ tại Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương; chỉ đạo tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn cụ thể hơn việc xử lý đất của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương; chỉ đạo các địa phương tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hàng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả thực hiện, nhu cầu hỗ trợ kinh phí của các địa phương gửi Bộ Tài chính đề nghị hỗ trợ.

Trên cơ sở Đề án được Thủ tướng Chính phủ duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và phê duyệt Dự án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng - phân nhiệm vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện” để làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Xây dựng và triển khai thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá tình hình quản lý và hiệu quả sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp sau khi rà soát, sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP”.

Kết quả đạt được

- Triển khai ở trung ương:

+ Nhiệm vụ đề xuất các giải pháp, chính sách, phương án xử lý những tồn tại, bất cập trong quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường: Bộ đang tiến hành thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu, nắm bắt tình hình tại các cơ quan trung ương và các địa phương nhằm phân tích các khó khăn vướng mắc để đề xuất các giải pháp xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm, sử dụng sai mục đích đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh.

+ Nhiệm vụ tích hợp cơ sở dữ liệu đất nông, lâm trường của các địa phương vào CSDL đất đai trung ương: Cơ sở dữ liệu đất nông, lâm trường tại Trung ương đối với toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường do các tổ chức nông, lâm trường quản lý, sử dụng (tại 52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) vào cơ sở dữ liệu đất đai Trung ương vào 745 tổ chức nông, lâm trường (bao gồm cả công ty, chi nhánh công ty nông, lâm nghiệp thuộc đối tượng rà soát, sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP) được thực hiện và hoàn thành trong năm 2024 trên cơ sở kết quả thực hiện của các địa phương.

+ Dự án “Điều tra, đánh giá tình hình quản lý và hiệu quả sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp sau khi rà soát, sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP”: Các nhiệm vụ đã và đang triển khai thực hiện theo kế hoạch của Dự án, năm 2021 Bộ đã điều tra, khảo sát tại 20/45 tỉnh, thành phố. Trong năm 2022, Bộ sẽ tiếp

tục thu thập thông tin, số liệu về tình hình quản lý và sử dụng đất của các công ty nông lâm nghiệp thuộc phạm vi Dự án, để tiến hành đánh giá, đề xuất các giải pháp khắc phục những tồn tại, bất cập nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, hiệu quả sử dụng đất đai của các công ty sau khi rà soát, sắp xếp lại theo Nghị định 118/NĐ-CP.

- Triển khai ở địa phương:

+ Hiện nay có 52 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh. Trong đó, có 34 tỉnh/thành phố có nhu cầu xây dựng Đề án, 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại báo cáo đã cơ bản sắp xếp xong nên không xây dựng Đề án mà thực hiện quản lý đất đai thường xuyên theo quy định.

+ Tính đến tháng 8/2022, mới có 27/34 địa phương xây dựng và phê duyệt Đề án; 09 địa phương xây dựng và phê duyệt TKKT-DT, trong đó có 04 tỉnh đang triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án là tỉnh Hà Giang, Lạng Sơn, Khánh Hòa và Đắk Lắk.

3. Tăng cường quản lý nhà nước về môi trường. Nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các dự án thủy điện, dự án tác động đến hệ sinh thái rừng phòng hộ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung tăng cường quản lý nhà nước về môi trường, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường của các dự án thủy điện, dự án tác động đến hệ sinh thái rừng phòng hộ.

Kết quả đạt được

Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Những văn bản quy phạm pháp luật nêu trên là hành lang pháp lý quan trọng để các cơ quan chức năng tăng cường quản lý nhà nước về môi trường, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường của các dự án thủy điện, dự án tác động đến hệ sinh thái rừng phòng hộ.

4. Rà soát, hoàn thiện các quy chuẩn quốc gia về môi trường

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và yêu cầu hội nhập quốc tế, cụ thể như sau:

- Đã tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống 48 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, bao gồm 12 QCVN về chất lượng môi trường xung quanh và 36 QCVN về chất thải và xử lý chất thải.

- Đã xem xét đề sửa đổi, bổ sung 25 QCVN (thay thế cho 48 QCVN về môi trường), xây dựng mới 05 QCVN đã được quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường

năm 2020.

- Đã tổ chức 02 Hội thảo tại khu vực phía Bắc và phía Nam để lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, hiệp hội và chuyên gia đối với các dự thảo QCVN về môi trường.

- Đã gửi 17 dự thảo QCVN để xin ý kiến các bộ, ngành và địa phương và đăng tải trên Công thông tin điện tử Chính phủ và Công thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Kết quả đạt được

Đã hoàn thành tất cả các bước xây dựng, thẩm tra, thẩm định đối với 17 QCVN về môi trường, bao gồm: 06 QCVN về phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, 05 QCVN về chất lượng môi trường, 04 QCVN về chất thải, 01 QCVN về khí thải phương tiện giao thông vận tải, 01 QCVN về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, nhiên liệu, sản phẩm, hàng hóa và thiết bị trên cơ sở học tập và tham khảo các tiêu chuẩn của quốc tế.

5. Tăng cường kiểm soát môi trường làng nghề, các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; xử lý ô nhiễm các lưu vực sông; quan trắc chất lượng không khí tại các đô thị lớn

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các địa phương đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, quy hoạch, kế hoạch BVMT lưu vực sông tại địa phương. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tích cực trong tham mưu, triển khai thực hiện các quy định, nhiệm vụ về quản lý chất lượng môi trường không khí nói chung và chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn, cụ thể:

- Chính phủ đã ban hành hệ thống văn bản pháp luật về quản lý môi trường nước lưu vực sông: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trong đó có nội dung quy định chi tiết về quản lý chất lượng môi trường không khí cấp quốc gia và cấp tỉnh. Đồng thời Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để đảm bảo tính đồng bộ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường, trong đó có quan trắc chất lượng không khí.

- Tăng cường đầu tư cho các hoạt động quan trắc, phân tích ô nhiễm môi trường không khí, đặc biệt tại các đô thị lớn trong thời gian qua để cung cấp thông tin cảnh báo chất lượng không khí tới người dân, cộng đồng.

- Hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất lượng không khí đã và đang được quan tâm đầu tư lắp đặt, vận hành ở cả cấp trung ương và địa phương nhằm cung cấp chuỗi dữ liệu liên tục theo thời gian thực về hiện trạng và diễn biến chất lượng không khí ở các khu vực đô thị.

- Các địa phương cũng đã triển khai xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.

6. Tăng cường triển khai thực hiện các biện pháp xử lý rác thải, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu chôn lấp rác thải

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn.

Để sớm đưa Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật vào thực tiễn cuộc sống, trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức các Hội nghị, Hội thảo tập huấn cho các địa phương trong tổ chức thực hiện các quy định mới của Luật, đồng thời cũng đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, nhất là trong lĩnh vực quản lý CTRSH, thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khí tượng thủy văn

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tiếp tục rà soát, đề xuất kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cũng như hệ thống quy chuẩn, quy định kỹ thuật đối với hoạt động KTTV, đặt trọng tâm theo các yêu cầu: hoàn thiện hệ thống văn bản phục vụ công tác chuyên môn, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước hoạt động KTTV; hướng dẫn chi tiết, cụ thể công tác quản lý nhà nước hoạt động KTTV tại địa phương các cấp; hệ thống văn bản tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KTTV từ Trung ương đến địa phương được triển khai thuận lợi các hoạt động phục vụ, dịch vụ KTTV; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động KTTV thông qua nhiều phương thức xã hội hóa khác nhau nhằm góp phần giúp hoạt động KTTV tham gia có hiệu quả vào phát triển kinh tế xã hội của các ngành, lĩnh vực, đời sống xã hội.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép mở rộng quy mô, phương thức và loại hình xã hội hóa hoạt động KTTV, từ đầu tư trạm quan trắc, thu hút các doanh nghiệp tư nhân tham gia dự báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, đến mạnh dạn cho phép thí điểm hợp tác công tư để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện ngành KTTV đang được quản lý, sử dụng.

Kết quả đạt được

- Đã có hàng chục công ty tham gia vào các hoạt động phục vụ KTTV, kể cả các hoạt động xuyên quốc gia.
- Một số bộ, tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng phục vụ theo nhu cầu.

8. Tăng cường năng lực và chất lượng cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị trực tiếp tác nghiệp dự báo, cảnh báo theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết đảm bảo dự báo, cảnh báo kịp thời các hiện tượng khí tượng nguy hiểm phục vụ công tác phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh của đất nước, cụ thể:

- Đã lắp đặt bổ sung các trạm đo mưa tự động thay thế trạm đo mưa nhân

dân (đo thủ công) và tích hợp thông tin mạng lưới quan trắc tự động, trong đó ưu tiên, tập trung cho các vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên xảy ra thiên tai như các vùng ven biển, vùng núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ. Hiện nay trên toàn quốc có khoảng 1000 trạm đo phục vụ công tác dự báo mưa lớn và lũ quét, sạt lở đất. Ngoài ra, mạng lưới quan trắc dông, sét phục vụ dự báo cũng đã bắt đầu được xây dựng ở Việt Nam. Tuy nhiên mật độ trạm tự động vẫn còn thưa so với các nước phát triển hoặc có các loại hình thiên tai tương tự Việt Nam, như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ...

- Đã triển khai xây dựng 10 ra đa thời tiết cố định mới, hiện đại tại Phù Liễn (Hải Phòng), Vinh (Nghệ An), Pha Đin (Sơn La), Việt Trì (Phú Thọ), Đông Hà (Quảng Trị), Tam Kỳ (Quảng Nam), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Pleiku (Gia Lai) và Nhà Bè (TP Hồ Chí Minh). Năm 2021 có 02 trạm ra đa di động được lắp đặt và lưu giữ tại Hòa Bình và Thanh Hóa để thực hiện quan trắc tăng cường khi cần tại những khu vực khuyết số liệu của các ra đa cố định tại các tỉnh miền núi phía Bắc và khu vực Bắc Trung Bộ. Ngoài ra, cũng trong năm 2021, đã tiếp nhận 01 ra đa thời tiết băng sóng X tần số cao từ Công ty Weathernews (Nhật Bản) trong khuôn khổ Chương trình hợp tác tình nguyện của Tổ chức Khí tượng Thế giới đặt tại trạm Hoài Đức (Hà Nội) để phục vụ quan trắc các hiện tượng thời tiết nguy hiểm. Trong thời gian tới sẽ hoàn thành việc nâng cấp, bổ sung để có hệ thống ra đa phủ sóng toàn bộ đất liền và các vùng biển, bao gồm cả Trường Sa, Phú Quốc (Vịnh Thái Lan). Hệ thống ra đa thời tiết sẽ cho phép giám sát hoạt động của bão, cảnh báo sớm mưa lớn định lượng và phát hiện sớm dông sét.

Kết quả đạt được

- Về dự báo thời tiết hàng ngày: liên tục cập nhật hình thức và nội dung bản tin, dự báo thời tiết chi tiết đến địa điểm cấp huyện thời hạn đến 10 ngày.

- Các bản tin dự báo tuần đến 10 ngày đều có phân tích, đánh giá đến từng khu vực có khả năng xảy ra thiên tai, KTTV nguy hiểm, chú trọng đến phân tích khả năng xuất hiện bão, áp thấp nhiệt đới trên biển Đông.

- Về dự báo mùa: các sản phẩm dự báo mùa cũng được mở rộng hạn dự báo, hàng năm đã có bản tin nhận định thiên tai năm.

- Về dự báo, cảnh báo bão: độ chính xác trong bản tin dự báo bão (vị trí và cường độ bão) của Việt Nam đã dần tiệm cận với trình độ dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Từ năm 2018, thời hạn dự báo quỹ đạo bão đã được nâng lên 05 ngày và áp thấp nhiệt đới được nâng lên 03 ngày nhằm đáp ứng tốt hơn công tác phòng, chống thiên tai. Các bản tin dự báo bão, áp thấp nhiệt đới cũng được ban hành sớm hơn trước đây từ 30 phút đến 01 giờ để phục vụ tốt hơn công tác ứng phó. Đối với các cơn bão, áp thấp nhiệt đới mạnh hoặc có khả năng ảnh hưởng đến vùng biển, đất liền nước ta, đều được nhận định sớm (trước từ 5-7 ngày) về khả năng xuất hiện bão, áp thấp nhiệt đới và các hệ quả thời tiết có liên quan.

- Dự báo, cảnh báo mưa lớn: các đợt mưa lớn diện rộng đã được cảnh báo sớm từ 01-03 ngày, dự báo trước 01-02 ngày với độ tin cậy khoảng 75%. Đối với mưa lớn cục bộ hoặc mưa lớn trong cơn dông: mới chỉ cảnh báo trước từ 30 phút đến 02-03 giờ.

- Dự báo, cảnh báo rét đậm, rét hại gây ra bởi không khí lạnh: trước 02-03 ngày với độ tin cậy 80-90%.

- Dự báo, cảnh báo các đợt nắng nóng diện rộng: trước từ 02-03 ngày với độ tin cậy từ 70-80%, thời điểm kết thúc các đợt nắng nóng diện rộng chính xác từ 80-90%.

- Công tác dự báo, cảnh báo hạn hán và tình trạng xâm nhập mặn cũng đáp ứng tốt những yêu cầu của công tác phòng chống thiên tai.

- Chất lượng dự báo thủy văn hàng ngày đạt 80-90%; hạn vừa đạt từ 75%-80%; hạn dài đạt 65-70%; dự báo, cảnh báo lũ trên các sông khu vực miền Trung, Tây Nguyên trước 24-48 giờ, khu vực Bắc Bộ trước 02-03 ngày đạt từ 70%-85%.

- Công tác cảnh báo lũ, lũ quét, sạt lở đất những năm qua đã có nhiều cải tiến. Các bản tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất được cung cấp 6h/lần và cập nhật liên tục các bản tin nhanh khi xuất hiện mưa lớn, gây nguy cơ lũ quét sạt lở đất. Khu vực cảnh báo lũ quét đã hướng tới quy mô cấp huyện, tỉnh.

- Các bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn hạn mùa, hạn dài đã được thực hiện, xây dựng báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình khô hạn, thiếu nước gửi Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống thiên tai và các cấp để phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống.

- Công tác dự báo hải văn đã được thực hiện với các bản tin dự báo sóng biển, thủy triều được phát đi hàng ngày, hàng tuần. Các bản tin nước dâng do bão, cảnh báo gió mạnh, sóng lớn trên biển và triều cường thường xuyên được cập nhật.

- Đã triển khai dự báo, cảnh báo nghiệp vụ hải văn, thiên tai hải văn như dự báo sóng, thủy triều, nước dâng do bão, dòng chảy biển đáp ứng được công tác phòng tránh thiên tai.

9. Đẩy mạnh huy động nguồn lực cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Tại Chương XI của Nghị định đã quy định nguồn lực bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm các nội dung về nguồn lực ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 phê duyệt Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

Kết quả đạt được

- Các bộ, ngành, địa phương đã huy động, bố trí được một số nguồn lực tài chính để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp công trình và phi công trình để thích ứng với biến đổi khí hậu như: Từ nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước trung ương và địa phương, ODA; Từ các quỹ hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu trong nước và quốc tế (Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Môi trường toàn cầu, Quỹ thích ứng, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam...); Từ nguồn đầu tư của doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI); Từ đầu tư của các cá nhân, hộ gia đình... Tuy nhiên, đối với các giải pháp về công trình, do ngân sách nhà nước các cấp chưa có mục chi đầu tư các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu nên chủ yếu việc tổng hợp, đánh giá các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện trên cơ sở các công trình phòng chống thiên tai, phát triển thủy lợi, lâm nghiệp, đô thị...

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ký Bản ghi nhớ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thúc đẩy phát triển tài chính xanh bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; ký Bản ghi nhớ hợp tác với Ngân hàng Citibank về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị hướng đến mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0”.

10. Ban hành quy định về hoạt động lấn biển

Ngày 17/11/2020, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số Nghị quyết trong nhiệm kỳ Khóa XIII. Theo đó, Quốc hội giao Chính phủ ban hành quy định về hoạt động lấn biển trong năm 2021 (khoản 8 Điều 2).

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương có biển tổ chức xây dựng, hoàn thiện và trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định lấn biển theo đúng kế hoạch được giao.

Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục làm rõ một số vấn đề quan trọng của dự thảo Nghị định quy định lấn biển; báo cáo Thường trực Chính phủ trước khi xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả đạt được

- Đã tổ chức Hội thảo trực tuyến chia sẻ kinh nghiệm quốc tế và tham vấn dự thảo Nghị định quy định hoạt động lấn biển với sự tham gia của các bộ, ngành trung ương, 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học và các chuyên gia trong nước và quốc tế; phối hợp Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Hội thảo trực tuyến với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản để góp ý cho dự thảo Nghị định.

- Đã tổ chức nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của 14 bộ, ngành trung ương và 18 địa phương có biển để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

IX. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Rà soát, sửa đổi đồng bộ cơ chế quản lý, tài chính, phương thức đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển

Chính phủ đã đề xuất với Quốc hội về việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.

- Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022). Theo đó, pháp luật về sở hữu trí tuệ đã được hoàn thiện theo hướng đáp ứng các cam kết quốc tế, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ. Đặc biệt, Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; khuyến khích chuyển giao các kết quả nghiên cứu thành các tài sản được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tạo tiền đề để khai thác thương mại đối với các tài sản này trên thị trường được hiệu quả hơn,....

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030 với các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu đến năm 2030 KH, CN & ĐMST phát triển vững chắc, trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; tiềm lực, trình độ KH, CN & ĐMST đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực KH&CN đạt trình độ quốc tế.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các Thông tư sửa đổi Thông tư số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Theo đó, ngày 31/5/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKH-CN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Thông tư số 05/2022/TT-BKH-CN đã: (i) tập hợp đầy đủ các nội dung chi từ Quỹ phát triển KH&CN, tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ nắm bắt, nghiên cứu, thực hiện; (ii) giải thích làm rõ nội hàm, loại bỏ các yếu tố không rõ ràng của các nội dung chi từ Quỹ phát triển KH&CN, bảo đảm nội dung chi được hiểu chính xác, đúng đối tượng, đúng phạm vi; (iii) bãi bỏ các quy định cứng nhắc, không đúng với tinh thần tôn trọng vai trò tự chủ của doanh nghiệp trong hoạt động quyết định định hướng, nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức quản lý nhiệm vụ KH&CN tại doanh nghiệp. Hiện nay, Bộ đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính trong quá trình xây dựng Thông tư của Bộ Tài

chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, ban hành các văn bản quản lý nhiệm vụ và chương trình KH&CN cấp quốc gia. Việc sửa đổi được thực hiện theo định hướng: tập trung tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các quy định; đơn giản hóa quy trình thực hiện để rút ngắn thời gian ở các khâu, tạo điều kiện thông thoáng hơn cho các nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu và đặc biệt là doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tích hợp áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhiệm vụ, đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước dành cho nghiên cứu KH&CN. Bên cạnh đó, để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, bất cập về cơ chế quản lý tài chính thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ đang nghiên cứu, sửa đổi cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước với quyết tâm đổi mới cơ chế tài chính, đơn giản hóa các thủ tục lập dự toán, thanh, quyết toán, cởi trói cho các nhà khoa học khỏi các ràng buộc về thủ tục hành chính, chứng từ chi tiêu để có thể tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học.

2. Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ, có cơ chế khuyến khích, liên kết, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp.

a) Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ, có cơ chế khuyến khích, liên kết, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp.

Triển khai quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về thu hút các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 (thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015) quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao với những quy định mang tính mở hơn cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp quy mô lớn.

Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng, hoàn thiện: (1) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao nhằm hoàn thiện thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 23 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV/2022); (2) Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9 /2022).

b) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, hợp tác và nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến của thế giới

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với địa phương, đơn vị nghiên cứu và doanh nghiệp phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, với mục tiêu hướng tới là ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, nâng cao mức độ tự động hóa trong các khâu của quy trình sản xuất, các sản phẩm tạo ra có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Tích cực phối hợp, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ đang tăng cường phối hợp, hỗ trợ các tỉnh xây dựng và phát triển mạng lưới Điểm kết nối cung cầu công nghệ để phát triển các loại hình tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; xúc tiến hoạt động ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong và ngoài nước; hỗ trợ nghiên cứu, lập kế hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất đối với một số ngành, lĩnh vực chủ lực và mũi nhọn của các địa phương. Triển khai xây dựng hệ thống phần mềm xử lý cơ sở dữ liệu công nghệ; hệ thống cơ sở dữ liệu về chuyên gia công nghệ để phục vụ hoạt động tư vấn về các công nghệ của công nghiệp 4.0 để hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng và đổi mới công nghệ. Hệ thống cơ sở dữ liệu công nghệ này được tra cứu tại: (i) Cổng thông tin điện tử của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ tại địa chỉ: www.sati.gov.vn; (ii) Phần mềm quản lý dữ liệu cung - cầu công nghệ tại các điểm kết nối cung cầu công nghệ và các Sở KH&CN địa phương.

3. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, hình thành các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

a) Thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 với mục tiêu phát triển mạnh thị trường KH&CN nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở nâng cao vai trò của Nhà nước và các chủ thể thị trường KH&CN. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang hoàn thiện, dự kiến ban hành trong Quý IV/2022: (i) Thông tư quản lý Chương trình Phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030; (ii) Quyết định ban hành tiêu chí, công nhận cá nhân, tổ chức thuộc Mạng lưới tư vấn viên trong lĩnh vực KH, CN & ĐMST hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, hình thành các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

Về thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ Khoa học và Công nghệ đang tập trung

triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; chủ trì, phối hợp với các địa phương triển khai các hoạt động chuẩn bị cho sự kiện Techfest quốc gia năm 2022 và các sự kiện Techfest vùng, địa phương; hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mở tại địa phương.

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh triển khai hiệu quả các Đề án do Chính phủ phê duyệt nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ khởi nghiệp; thiết lập kênh thông tin tương tác nhanh trên mạng xã hội và các công cụ thông tin phi truyền thống để trả lời các vướng mắc liên quan đến hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin quản lý, phân tích cơ sở dữ liệu (isev.vn) và cập nhật thông tin khởi nghiệp ĐMST. Theo đó, trên cả nước hiện có khoảng 138 trường đại học, học viện, cao đẳng tổ chức những hoạt động về khởi nghiệp sáng tạo (trong đó có 43 trường đã thành lập vườn ươm, trung tâm, câu lạc bộ nhằm hỗ trợ khởi nghiệp lâu dài); 69 cơ sở ươm tạo; 28 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 186 khu làm việc chung,...

Về hình thành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC) với mục tiêu kết nối và khai thác nguồn lực trong nước, quốc tế cho khởi nghiệp ĐMST; triển khai thí điểm, nhân rộng mô hình khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, không gian khởi nghiệp ĐMST. Hiện nay, NSSC đang thiết lập mô hình tổ hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST chất lượng cao và chuyển giao mô hình cho các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp hiện có của địa phương, trường đại học, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; hướng tới nâng cao chất lượng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trên toàn quốc đạt tới chuẩn quốc tế, sẵn sàng hỗ trợ và tạo lập thể hệ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST toàn cầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0,...NSSC đang hình thành và phát triển các địa điểm hoạt động tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh; hợp tác, chuyển giao mô hình cho các hệ sinh thái địa phương. Một số địa phương đã hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của tỉnh/thành phố với các mô hình linh hoạt phù hợp thực tiễn hoặc đang xây dựng các đề án thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, trung tâm ĐMST.

4. Rà soát, sắp xếp, đẩy mạnh cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Bộ đang tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các đại học quốc gia và các tổng công ty nhà nước rà soát, xây dựng phương án quy hoạch hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý, bảo đảm phương án Quy hoạch có sự thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực

và thống nhất trong các vùng phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tích hợp vào Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 11/2022.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các tổ chức KH&CN công lập do bộ, ngành, địa phương quản lý theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Đồng thời, rà soát các quy định tự chủ về tài chính mới theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định có liên quan đến tự chủ về tổ chức và quản lý nhân lực, từ đó đề xuất với Bộ Tài chính các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính đặc thù cho tổ chức KH&CN công lập.

5. Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn tấm quang điện và phương án xử lý sau khi hết thời hạn sử dụng

Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hiện có 39 TCVN liên quan đến điện mặt trời, 05 TCVN về quản lý, xử lý tấm quang điện mặt trời thải bỏ và chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) nào liên quan đến tấm quang điện mặt trời. Việc xây dựng TCVN và QCVN về tấm quang điện mặt trời và xử lý tấm quang điện sau sử dụng thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Để có các giải pháp tăng cường quản lý chất lượng và ngăn chặn các sản phẩm pin mặt trời kém chất lượng vào thị trường Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ đang tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: “Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tấm quang điện mặt trời tạo thuận lợi cho việc phát triển điện mặt trời đảm bảo các yêu cầu về công nghệ, chất lượng sản phẩm và an toàn môi trường” với các nội dung chính như sau: (1) Nghiên cứu, khảo sát tình hình xuất nhập khẩu, kinh doanh, thực trạng chất lượng các tấm quang điện đang sử dụng, hoạt động áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại một số quốc gia, thông lệ quản lý chất lượng tấm quang điện mặt trời ở một số quốc gia và khu vực, kết quả nghiên cứu công nghệ tấm quang điện mặt trời,... để làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý chất lượng, an toàn và môi trường; (2) Đánh giá năng lực của các phòng thử nghiệm tại Việt Nam và đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng và an toàn tấm quang điện mặt trời; (3) Đề xuất danh mục các TCVN cần xây dựng và lộ trình thực hiện nhằm phục vụ quản lý chất lượng và an toàn của tấm quang điện mặt trời; (4) Xây dựng 10 TCVN về tấm quang điện mặt trời; (5) Cung cấp đầy đủ các thông tin về cơ sở dữ liệu về hệ thống văn bản và TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài về tấm quang điện mặt trời và các cơ sở dữ liệu khác liên quan.

X. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. Đẩy mạnh đầu tư, xã hội hóa giáo dục và đào tạo

Triển khai việc đẩy mạnh, xã hội hóa GDĐT, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Giáo dục năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018. Chính phủ đã ban hành một số văn bản để hiện thực hóa Luật như: Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 4/6/2019 về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 về hướng dẫn Luật Quản lý sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Việc hoàn thiện các văn bản chính sách trên nhằm bảo đảm khung pháp lý cho việc thực hiện huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư phát triển GDĐT.

Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt đã giao quyền chủ động cho các địa phương xem xét, quyết định không thu học phí khi thiên tai, dịch bệnh, sự kiện bất khả kháng có thể xảy ra.

Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo, hướng dẫn các Sở GDĐT phối hợp với các sở, ngành tại địa phương tổ chức xây dựng kế hoạch, lộ trình thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển GDĐT giai đoạn 2019 - 2025; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển GDĐT năm học 2022 - 2023 trong đó ưu tiên lồng ghép các nội dung xã hội hóa, phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập trong các chương trình, kế hoạch phát triển phù hợp điều kiện, mức độ phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo tại địa phương.

Kết quả đạt được

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ GDĐT đã đạt một số kết quả quan trọng như: thu hút được một nguồn lực đáng kể của xã hội đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; mở rộng quy mô học sinh, sinh viên đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nâng cao chất lượng giáo dục; góp phần tạo nên sự đa dạng về các loại hình trường, lớp và các hình thức học tập.

Việc phát triển các loại hình trường ngoài công lập đã giảm áp lực cho các địa phương có nhu cầu cao về trường lớp, đáp ứng quy mô học sinh tăng nhanh (đặc biệt là ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,...). Năm học

2021-2022, cả nước có 42.080 cơ sở giáo dục từ nhà trẻ, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục đại học. Trong đó, có 4.077 cơ sở giáo dục ngoài công lập (*tăng 420 cơ sở giáo dục ngoài công lập so với năm học 2020-2021*), với gần 1,9 triệu học sinh, sinh viên trên ngoài công lập (*tăng 6,8% so với năm học trước*).

Các địa phương đã triển khai thực hiện xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực của xã hội nhằm phát triển GDĐT; thực hiện quy định về ưu đãi đất đai, chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng hỗ trợ các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Khuyến khích các cơ sở đủ điều kiện thực hiện chương trình chất lượng cao với mức thu học phí tương ứng để có thêm nguồn lực, góp phần nâng cao chất lượng GDĐT. Theo số liệu báo cáo của các địa phương, số lượng dự án tham gia xã hội hóa giáo dục là 1.307 dự án (trong đó có 90 dự án xã hội hóa có vốn đầu tư nước ngoài; 6 dự án liên doanh liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập). Tổng số vốn đầu tư cho công tác xã hội hóa khoảng 169 nghìn tỷ đồng (trong đó đầu tư cho cơ sở giáo dục ngoài công lập là 162,7 nghìn tỷ và kinh phí đầu tư từ liên doanh liên kết là 155 nghìn tỷ). Tổng diện tích đất bố trí cho các dự án là trên 17,7 triệu m².

2. Tăng cường kiểm soát chất lượng, hiệu quả biên soạn, thẩm định sách giáo khoa

Thực hiện Nghị quyết 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện xã hội hóa việc biên soạn sách giáo khoa; bổ sung, hoàn thiện quy định về biên soạn, thẩm định, lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội và thực tiễn triển khai biên soạn sách giáo khoa của các tổ chức, cá nhân, để bảo đảm chất lượng sách giáo khoa thực hiện theo phương thức xã hội hóa, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu: (i) tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa có đội ngũ tác giả có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, am hiểu về khoa học giáo dục, có ít nhất 03 năm trực tiếp giảng dạy hoặc nghiên cứu về chuyên môn phù hợp với môn học; (ii) thực nghiệm tại các cơ sở giáo dục phổ thông đối với sách giáo khoa được biên soạn ngay từ bài đầu tiên, tiếp tục biên soạn các bài tiếp theo sau khi đã lấy ý kiến góp ý để sửa bài soạn thứ nhất; việc lựa chọn các bài học để tổ chức thực nghiệm ít nhất 02 lần mang tính đại diện về loại bài, thể hiện điểm mới về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; mỗi bài học được dạy thực nghiệm; cơ sở giáo dục phổ thông được lựa chọn để tổ chức dạy thực nghiệm bảo đảm tính đại diện vùng, miền; (iii) hồ sơ bản mẫu sách giáo khoa trình Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị thẩm định sau khi lấy ý kiến của giáo viên và các nhà khoa học.

Kết quả thực hiện

Việc biên soạn các sách giáo khoa trong thời gian qua được các đơn vị tham gia tổ chức thực hiện theo đúng Luật Xuất bản, bảo đảm nội dung về tư tưởng, chính trị, khoa học và phương pháp sư phạm. Hiện nay, có 4 Nhà xuất bản được phê duyệt sách

giáo khoa lớp 1 (năm 2019); 5 Nhà xuất bản được phê duyệt sách giáo khoa lớp 2; 5 Nhà xuất bản được phê duyệt sách giáo khoa lớp 3 (năm 2022); 4 Nhà xuất bản được phê duyệt sách giáo khoa lớp 6 (năm 2020); 4 Nhà xuất bản được phê duyệt sách giáo khoa lớp 7 (năm 2022) và 4 Nhà xuất bản được phê duyệt sách giáo khoa lớp 10 (năm 2022).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức thẩm định sách giáo khoa theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo đúng quy định. Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1 (với 46 cuốn của 5 bộ sách giáo khoa); danh mục sách giáo khoa lớp 2 (với 33 cuốn), danh mục sách giáo khoa lớp 6 (với 40 cuốn); danh mục sách giáo khoa lớp 3 (với 43 cuốn), danh mục sách giáo khoa lớp 7 (với 40 cuốn), danh mục sách giáo khoa lớp 10 (với 44 cuốn) và danh mục tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, lớp 2, lớp 6 của các địa phương.

Việc biên soạn, thẩm định, đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương đã được các địa phương thực hiện kịp thời. Phần lớn các địa phương đã hoàn thành việc biên soạn, thẩm định, gửi Bộ GDĐT phê duyệt trong học kì I; và kịp thời triển khai dạy học ngay từ học kì I năm học 2021 - 2022, đảm bảo chuẩn đầu ra của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Bảo đảm điều kiện về đội ngũ nhà giáo để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

a) Về công tác đội ngũ nhà giáo

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Nội vụ và các địa phương rà soát, tổng hợp số liệu thừa, thiếu giáo viên và đề xuất Chính phủ bổ sung giáo viên mầm non, phổ thông theo lộ trình từ nay đến năm 2026. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Chính trị đã giao bổ sung 65.980 biên chế giáo viên trong giai đoạn từ 2022 đến năm 2026, riêng năm học 2022 - 2023 giao bổ sung 27.850 biên chế giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non, phổ thông theo Quyết định số 72-QĐ/TW. Trong đó, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế giáo viên cấp mầm non và phổ thông bổ sung cho các tỉnh, thành phố năm học 2022 - 2023; việc tuyển dụng biên chế giáo viên thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật, ưu tiên tuyển dụng giáo viên các môn học mới để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và ưu tiên tuyển dụng giáo viên mầm non cho các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; cần có lộ trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho ngành Giáo dục để bảo đảm có nguồn tuyển dụng cho lộ trình cấp bổ sung biên chế đến năm 2026; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế; chỉ đạo sắp xếp, dồn dịch các điểm trường một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đảm bảo tính hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường; xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp thành lập các cơ sở giáo dục ngoài công lập, tham gia xã hội hóa giáo dục để giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và đồng bộ các giải pháp khác.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, tinh giản biên chế ngành giáo dục và khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là các tỉnh miền núi; Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy định pháp luật để hoàn thiện cơ chế chính sách đối với đội ngũ như: trình Chính phủ xem xét, quyết định đưa dự án Luật điều chỉnh về nhà giáo vào Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; sửa đổi, bổ sung các quy định tại chòm thông tư 01 - 04 nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn, bảo đảm quyền lợi của đội ngũ giáo viên; xây dựng Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 06/2015 theo hướng không quy định "tối đa" định mức giáo viên/lớp, nhóm trẻ để các địa phương có cơ sở tuyển dụng, hợp đồng giáo viên bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 16 theo hướng quy định tỷ lệ giáo viên/học sinh theo các vùng miền nhằm bảo đảm tương quan giữa các vùng miền để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;... Tiếp tục thực hiện việc giao chỉ tiêu đào tạo cho các cơ sở đào tạo giáo viên theo nhu cầu đề xuất của các địa phương. Địa phương đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các cơ sở đào tạo giáo viên nhằm bảo đảm nguồn tuyển dụng giáo viên theo cơ cấu môn học và theo nhu cầu của địa phương. Tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; thực hiện có hiệu quả các Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông và giảng viên các cơ sở giáo dục đại học; thực hiện bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kết quả thực hiện

Tổng hợp số liệu từ cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục về đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập tại thời điểm ngày 22/8/2022, tổng số giáo viên: 1.226.961, trong đó công lập 1.091.730 (biên chế 1.042.807, hợp đồng 48.923); ngoài công lập 135.231.

Tỷ lệ giáo viên/lớp (chỉ tính giáo viên biên chế): tỷ lệ trung bình giáo viên mầm non/lớp là 1,76 (*định mức theo quy định: nhà trẻ 2,5 giáo viên/lớp, mẫu giáo 2,2 giáo viên/lớp*); tỷ lệ trung bình giáo viên tiểu học/lớp là 1,32 (*định mức theo quy định: dạy 1 buổi/ngày 1,2 giáo viên/lớp; dạy 2 buổi/ngày 1,5 giáo viên/lớp*); tỷ lệ trung bình giáo viên trung học cơ sở/lớp là 1,81 (*định mức theo quy định: trường phổ thông 1,9 giáo viên/lớp; trường nội trú, bán trú: 2,2 giáo viên/lớp*); Tỷ lệ trung bình giáo viên trung học phổ thông/lớp là 2,1 (*định mức theo quy định: Trường phổ thông 2,25 giáo viên/lớp; trường nội trú, trường khuyết tật 2,4 giáo viên/lớp; trường chuyên 3,1 giáo viên/lớp*).

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục 2019), cấp mầm non là 91,7%; tiểu học là 74,8%; trung học cơ sở là 86,1%; trung học phổ thông là 99,9%.

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ động xây dựng cẩm nang hướng dẫn kỹ năng dạy học trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và tổ chức tập huấn cho gần 9.000 giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý tại 63 tỉnh, thành phố nhằm nâng cao năng lực tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học qua truyền hình đối với giáo dục phổ thông và hướng dẫn giáo viên xây dựng, sử dụng tài liệu, học liệu trực tuyến để hướng dẫn cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non. Sau hơn 2 năm triển khai dạy học trực tuyến do ảnh hưởng của dịch COVID-19, đến nay phần lớn giáo viên đã quen và tiếp cận được cách thiết kế, biên soạn bài giảng điện tử để làm phong phú thêm phương pháp và nội dung giảng dạy.

b) Về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục triển khai rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nhu cầu, đăng kí và triển khai mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu; mua sắm thiết bị dạy học hiện đại, phòng học thông minh trang bị cho phòng học theo lộ trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đánh giá thực trạng các điểm trường lẻ, các trường có quy mô nhỏ; xây dựng lộ trình cụ thể, phù hợp để triển khai sắp xếp các trường và bố trí số lượng học sinh/lớp theo quy định đảm bảo nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, quyền lợi học tập của học sinh; phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tổ chức phong trào xây dựng thiết bị dạy học tự làm để bổ sung, cải tiến, sửa chữa nhằm phát huy hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học đã được trang bị, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Quán triệt đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp quản lý giáo dục, nhà giáo ở các cơ sở giáo dục phổ thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan (trong đó, chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể đối với Giám đốc các sở GDĐT, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các nhà xuất bản có sách giáo khoa đã được phê duyệt) thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng sách giáo khoa, tăng tỷ lệ sách giáo khoa được sử dụng lại nhiều lần; không ép buộc học sinh, gia đình học sinh mua sách tham khảo, sách bài tập.

Kết quả thực hiện

Cả nước có khoảng 459.100 phòng học các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, trong đó số phòng học kiên cố khoảng 390.834 phòng, đạt tỷ lệ kiên cố là 85,1% (tiểu học 79,2%, trung học cơ sở 92,1%, trung học phổ thông 96,3%).

Tỷ lệ phòng học/lớp ở cấp tiểu học là 0,96, cấp trung học cơ sở là 0,87, cấp trung học phổ thông là 0,93. Tỷ lệ trung bình phòng học kiên cố/lớp là 0,79 (trong đó tiểu học 0,76; trung học cơ sở 0,79; trung học phổ thông 0,89).

Cấp Tiểu học có khoảng 31.658 phòng học bộ môn, đạt tỷ lệ 2,5 phòng/trường. Cấp trung học cơ sở có khoảng 36.313 phòng học bộ môn, đạt 4,1 phòng/trường. Cấp trung học phổ thông có khoảng 11.077 phòng học bộ môn, đạt 5,26 phòng/trường.

4. Quản lý tốt hoạt động dạy thêm, học thêm

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 quy định về dạy thêm, học thêm (sau đây gọi tắt là Thông tư số 17), trong đó quy định rõ về nguyên tắc dạy thêm, học thêm, trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm, bao gồm: trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của Sở GDĐT; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện; trách nhiệm của Phòng GDĐT; trách nhiệm của hiệu trưởng và thủ trưởng các cơ sở giáo dục; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm, ngoài nhà trường; thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm.

Sau khi Luật Đầu tư sửa đổi (Luật số 03/2016/QH14) bỏ hoạt động dạy thêm, học thêm ra khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 công bố hết hiệu lực đối với các Điều, khoản liên quan đến việc cấp phép trong hoạt động dạy thêm, học thêm được quy định tại Thông tư số 17 quy định về dạy thêm, học thêm (các Điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17), nhằm hướng dẫn các địa phương, cơ sở giáo dục trong việc tổ chức quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm.

Hằng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo đều có Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đối với giáo dục trung học, trong đó có hướng dẫn công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm đối với các địa phương, cơ sở giáo dục. Đồng thời, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường quản lý giáo viên trong việc thực hiện chương trình dạy học chính khóa, thực hiện quy định dạy thêm, học thêm, nghiêm cấm cắt xén chương trình đưa vào dạy thêm hoặc ép buộc học sinh học thêm dưới bất kỳ hình thức nào.

Các địa phương, cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực học sinh; tăng cường hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá học sinh và tăng cường quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy học đối với môn Tiếng Việt cấp tiểu học và môn Ngữ Văn cấp trung học.

Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, trong đó, nội dung thanh tra, kiểm tra công tác quản lý dạy thêm, học thêm; quản lý văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia là 1 trong 06 nhóm nội dung trọng tâm. Năm học 2021 - 2022 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học, trong đó có việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm tại một số địa phương (Bắc Ninh, Hải Dương, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Hậu Giang...), qua kiểm tra cơ bản các địa phương thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm. Tuy nhiên vẫn còn một số cơ sở giáo dục xếp lớp dạy thêm, học thêm theo lớp học chính khóa, chưa dựa vào lực học của học sinh để phân lớp dạy thêm, học thêm.

5. Tiếp tục triển khai kỳ thi, xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ổn định, đồng bộ với lộ trình triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 27/5/2022 về tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2022. Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Ban Chỉ đạo cấp quốc gia Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 và phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban Chỉ đạo; quán triệt quy chế thi, ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản hướng dẫn tổ chức Kỳ thi như: Hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022; Kế hoạch tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022, cụ thể:

- Tổ chức rà soát ma trận đề thi, xây dựng đề công bố đề tham khảo giúp giáo viên, học sinh các cơ sở giáo dục học tập, ôn luyện chuẩn bị tham gia Kỳ thi đạt kết quả tốt; hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi phục vụ ra đề thi cho kỳ thi; rà soát, hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý thi và tuyển sinh bảo đảm phục vụ tốt công tác quản lý, tổ chức Kỳ thi. Các phần mềm này đã được tập huấn cho các địa phương, đơn vị trước khi sử dụng.

- Tổ chức các hội nghị tập huấn để quán triệt quy chế thi, tập huấn nghiệp vụ tổ chức thi, thanh tra, kiểm tra thi; hướng dẫn và yêu cầu các địa phương, đơn vị triển khai tổ chức tập huấn nghiệp vụ thường xuyên, đầy đủ và kỹ lưỡng cho các đối tượng thí sinh và những người tham gia tổ chức thi, thanh tra, kiểm tra Kỳ thi; đề nghị các đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an phối hợp, hỗ trợ công tác tập huấn nghiệp vụ coi thi, chấm thi, thanh tra, kiểm tra và kỹ năng phát hiện các thiết bị công nghệ cao để gian lận thi cử.

- Bên cạnh đó, kế thừa các kết quả đạt được trong công tác tổ chức tuyển sinh các năm 2020 và 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định phương án tổ chức tuyển sinh năm 2022 cơ bản giữ ổn định như năm 2021. Tuy nhiên, có một số nội dung điều chỉnh trong công tác tuyển sinh năm 2022, như: (i) Việc đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển Đại học, Cao đẳng phải thực hiện trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cổng dịch vụ công quốc gia; (ii) Thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1: Tất cả các nguyện vọng xét tuyển (theo các ngành, các phương thức, cơ sở đào tạo) được đăng ký xét tuyển trực tuyến sau khi kết thúc Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất của thí sinh); (iii) Tất cả các nguyện vọng đăng ký xét tuyển của thí sinh vào các cơ sở đào tạo được lọc ảo chung trên hệ thống và thí sinh trúng tuyển ở nguyện vọng cao nhất khi đáp ứng điều kiện của cơ sở đào tạo; (iv) Đối với những ngành sử dụng đồng thời nhiều phương thức xét tuyển, nhiều tổ hợp môn thi, các trường phải giải trình được sự phù hợp của sự lựa chọn này, đảm bảo sự công bằng cho thí sinh. Nếu mỗi phương thức (hoặc mỗi tổ hợp môn thi) có chỉ tiêu riêng thì đề án tuyển sinh của các trường phải giải trình được căn cứ phù hợp cho việc phân chỉ tiêu cho từng phương thức (hoặc tổ hợp môn thi); (v) Các trường xác định chỉ tiêu cho phương thức, tổ hợp xét tuyển mới phải có căn cứ và lộ trình; các trường khi bỏ đi phương thức tuyển sinh cũng cần có lộ trình, việc giảm chỉ tiêu hàng năm cần thông báo để không ảnh hưởng tới việc học tập, ôn tập của thí sinh;

(vi) Các địa phương cập nhật kết quả học tập (lớp 10, lớp 11, lớp 12) lên cơ sở dữ liệu ngành, đồng thời kiểm tra rà soát dữ liệu này sau khi được đồng bộ sang hệ thống quản lý thi và xét tuyển phục vụ công tác tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm; (vii) Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm giải trình các tình huống có thể phát sinh, rủi ro và phương án giải quyết, phối hợp giải quyết giữa các cơ sở đào tạo trong quá trình tuyển sinh.

Ngày 18/3/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học kèm Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021-2022. Quy chế được xây dựng trên nguyên tắc tự chủ các trường, đảm bảo công khai quy trình đào tạo, tổ chức kiểm tra đánh giá, mở rộng chính sách tạo điều kiện để sinh viên chuyển ngành, chuyển trường, chuyển phân hiệu khi đáp ứng quy định, sinh viên đăng ký học thêm các chương trình đào tạo; thống nhất hệ thống thang đo đánh giá sinh viên, phù hợp với với chuẩn quốc tế. Hoàn thiện phần mềm, tập huấn nghiệp vụ xử lý nguyện vọng đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 để đảm bảo quy trình thực hiện các khâu trong xét tuyển và kết quả xét tuyển, xử lý được chính xác, đúng quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Kết quả thực hiện

Kế thừa các kết quả đạt được trong công tác tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông các năm 2020 và 2021, Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 đã được tổ chức thành công, bảo đảm nghiêm túc, công bằng và an toàn, với tổng số thí sinh dự thi là 989.863, đạt tỷ lệ 98,75% so với tổng số thí sinh đăng ký dự thi. Đây cũng là năm đầu tiên thí sinh đang học lớp 12 thực hiện đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức trực tuyến trên hệ thống quản lý thi. Nội dung đề thi nằm trong chương trình trung học phổ thông, chủ yếu lớp 12, các nội dung kiến thức được tinh giản do tác động của dịch COVID-19 các năm học trước không đưa vào đề thi năm nay. Đề thi có sự phân hóa phù hợp bảo đảm để xét công nhận tốt nghiệp và cung cấp dữ liệu cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp sử dụng để tuyển sinh theo tinh thần tự chủ. Phổ điểm từng môn thi và phổ điểm các tổ hợp xét tuyển truyền thống được phân tích chi tiết và thông tin công khai. Nhìn chung, kết quả thi và kết quả xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông đảm bảo khách quan, công bằng, đánh giá sát trình độ thí sinh và phản ánh sát đúng thực tế dạy học của các địa phương trên phạm vi toàn quốc.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 ở các khâu chuẩn bị, coi thi, chấm thi. Thành lập 05 đoàn kiểm tra công tác phúc khảo bài thi tại 10 Sở GDĐT; hiện đang hoàn thiện dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra.

Tổ chức đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2022 đối với các phương thức xét tuyển theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Kết quả tính đến 17h00 ngày 20/8/2022, đã có 616.522 thí sinh nhập nguyện vọng trên tổng số 941.759 thí sinh dự kiến đăng ký xét tuyển trước khi thi tốt nghiệp THPT, với tổng số 3.094.572 nguyện vọng; trung bình mỗi thí sinh đăng ký 5,02 nguyện vọng. Nhằm tạo thêm điều kiện cho các thí sinh tự đăng ký, chỉnh sửa thông tin, Bộ GDĐT đã mở lại hệ thống đăng

ký nguyện vọng đến hết 17h00 ngày 23/8/2022. Trong thời gian mở lại Hệ thống, đã có thêm gần 4.000 em đăng ký nguyện vọng và khoảng 75.000 em điều chỉnh nguyện vọng. Như vậy, việc mở thêm thời gian để thí sinh bổ sung, hoàn thiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống đã tạo điều kiện và cơ hội cho các em thí sinh hoàn thành việc đăng ký tốt nhất có thể. Hệ thống đã hỗ trợ thí sinh đầy đủ trong quá trình đăng ký, thời điểm cao nhất có trên 6.000 thí sinh cùng vào Hệ thống, không có hiện tượng quá tải hay lỗi kỹ thuật. Theo thống kê, số thí sinh đăng ký xét tuyển năm 2022 giảm so với năm 2021 khoảng 20% và chỉ giảm 3,4% so với năm 2020.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ chuẩn bị hạ tầng kết nối và triển khai thanh toán trực tuyến lệ phí đăng ký xét tuyển vào đại học (thông qua Cổng dịch vụ công Quốc gia với 15 kênh thanh toán trực tuyến chính của cả nước). Đồng thời, phân chia lịch mở hệ thống thanh toán theo nhóm các tỉnh/thành để đảm bảo việc nộp lệ phí đăng ký xét tuyển đại học của thí sinh diễn ra an toàn, thông suốt, tránh lượng lớn truy cập đồng thời gây quá tải hệ thống. Kết thúc thời gian thanh toán lệ phí xét tuyển trực tuyến, số nguyện vọng đã thực hiện thủ tục thanh toán trực tuyến đạt 97% tổng số nguyện vọng đăng ký xét tuyển đại học.

6. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ)

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” nhằm tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo. Các địa phương từ cấp xã đến cấp tỉnh đều xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức quán triệt, phổ biến, truyền thông nội dung của Đề án dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm tuyên truyền sâu rộng trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, các cơ sở giáo dục, các trung tâm học tập cộng đồng tích cực đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng thư viện trường học; xây dựng thư viện lớp học, thư viện xanh, góc đọc, tủ sách cùng học, tủ sách thực nghiệp, không gian đọc... và tổ chức các hoạt động khuyến đọc trong nhà trường, gia đình, dòng họ và cộng đồng.

Hiện nay, quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên tại các địa phương về cơ bản được duy trì ổn định trong năm học qua. Hệ thống các trung tâm giáo dục thường xuyên ổn định về mạng lưới và hoạt động. Năm học 2021-2022, các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tiếp tục tham mưu xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chuẩn bị nguồn lực giáo viên để sẵn sàng cho việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kết quả thực hiện

Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được các địa phương quan tâm. Năm học 2021 - 2022, các cơ sở giáo dục đã tổ chức các lớp học xóa mù chữ linh hoạt về thời gian, địa điểm, phù hợp với tập quán sinh hoạt và tình hình dịch COVID-19 tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên theo học đảm bảo số lượng và chất lượng. Đến nay, đã có 63/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, có 44/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt 69,84% (tăng 15,88% so với năm học 2020-2021).

Hầu hết các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo hướng mở; thực hiện đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong chương trình GDPT hiện hành phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; thực hiện giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường; phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung cấp và cơ sở dạy nghề tại địa phương cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động để có cơ sở định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Việc triển khai các chương trình giáo dục (thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân) trong các cơ sở giáo dục thường xuyên được thực hiện hiệu quả, đúng quy định. Tính đến nay, cả nước có 8.685 học viên tham gia học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở; gần 350.000 học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (tăng gần 30.000 người so với năm học 2020 - 2021). Kết quả đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông của học viên Chương trình giáo dục thường xuyên trên toàn quốc là 93,32% (tăng 3% so với năm học 2020 - 2021).

Bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học các chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, các Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã linh hoạt trong tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng như: tổ chức các khóa bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non, phổ thông; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; giáo dục kỹ năng sống; các lớp chuyên đề phổ biến kiến thức cho người dân có nhu cầu. Trong năm học 2021 - 2022, cả nước có hơn 16.360.000 lượt người tham gia học tập các chuyên đề tại các Trung tâm học tập cộng đồng và các Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên tại các địa phương về cơ bản được duy trì ổn định trong năm học qua. Hệ thống các trung tâm giáo dục thường xuyên ổn định về mạng lưới và hoạt động, nhiều trung tâm đã bắt đầu thực hiện việc đa dạng hóa các chương trình giáo dục thường xuyên. Theo số liệu báo cáo thống kê của các Sở GDĐT, năm học 2021 - 2022 có 632 trung tâm, trong đó có 81 trung tâm giáo dục thường xuyên và 551 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (tăng 7 trung tâm so với năm học 2020 - 2021).

7. Sớm ban hành quy định về khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, về hình thành mạng lưới các

trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, về hoạt động khoa học, công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Thực hiện Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về môn Lịch sử trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp (môn Lịch sử là môn bắt buộc và có phần nội dung phù hợp với từng nhóm ngành, nghề đào tạo) đáp ứng quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”, nhằm phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng Khung bảo đảm chất lượng ASEAN, góp phần quan trọng thúc đẩy tự chủ giáo dục đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất ban hành các chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học, như: ban hành định hướng, chiến lược phát triển khoa học học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm cần thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam; chính sách nâng cao năng lực chuyên môn và ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên, nhà khoa học thông qua các chương trình, dự án và hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh với sự tham gia và hợp tác của nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia nước ngoài; chính sách thúc đẩy tự chủ đại học về khoa học và công nghệ, các chỉ đạo, định hướng đối với cơ sở giáo dục đại học trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Kết quả thực hiện

Tính riêng các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, số công bố khoa học quốc tế, công bố trong nước, sáng chế và tài sản trí tuệ khác tăng dần qua các năm; nhiều đề tài, nhiệm vụ đã đóng góp quan trọng, thiết thực cho các ngành công nghiệp, cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương. Tháng 8/2022, website research.com đã công bố kết quả xếp hạng các nhà khoa học thế giới có thành tích xuất sắc trong công bố khoa học theo 24 lĩnh vực, Việt Nam có 10 nhà người được có tên trong bảng xếp hạng trong 06 lĩnh vực (bao gồm: *Kỹ thuật Công nghệ, Khoa học Máy Tính, Khoa học Môi trường, Khoa học Vật Liệu, Cơ khí và Kỹ thuật hàng không vũ trụ, Y học cộng đồng*). Điều này phản ánh sự tiến bộ, nỗ lực và hội nhập không ngừng của các nhà khoa học Việt Nam. Đồng thời cũng cho thấy phải đầu tư hơn nữa cho các nhà khoa học, cho các nhóm nghiên cứu mạnh, cho các trường đại học và cho các mũi nhọn trọng điểm, để khoa học công nghệ Việt Nam tiếp cận các chuẩn mực và trình độ quốc tế, hội nhập mạnh mẽ hơn với khoa học của thế giới.

8. Đẩy mạnh tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang khẩn trương triển khai xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng thiết lập một hệ thống giáo dục đại học mở, công bằng, bình đẳng, chất lượng, hiệu quả và phục vụ nhu cầu học tập suốt đời; đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao, tăng cường ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; bảo đảm đầu tư công bằng, khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và hiệu quả, đồng thời là cơ sở huy động nguồn lực xã hội phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm kịp thời đã tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt đã giao quyền chủ động cho các địa phương xem xét, quyết định không thu học phí khi thiên tai, dịch bệnh, sự kiện bất khả kháng có thể xảy ra; Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo sơ kết tự chủ đại học, trên cơ sở đó rà soát, sửa đổi quy định pháp luật về tự chủ (Nghị định số 99/2019/NĐ-CP). Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục ban hành các Thông tư về quy chế tuyển sinh và đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, quy định về chuẩn chương trình đào tạo, danh mục thống kê ngành đào tạo... nhằm hoàn thiện khung khổ chính sách để nâng cao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở đào tạo theo Luật Giáo dục Đại học .

Kết quả thực hiện

Đến nay, cả nước có 154/170 cơ sở GDDH công lập đã thành lập Hội đồng trường và đi vào hoạt động (đạt tỷ lệ 90,6%) theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; trong đó, có 36/36 cơ sở GDDH công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Hội đồng trường. Việc thành lập Hội đồng trường tại các trường trực thuộc các Bộ, ngành, địa phương đạt tỷ lệ 91,18%; trong đó, 15 cơ sở GDDH công lập thuộc các Bộ, ngành, địa phương đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công nhận Hội đồng trường.

Các cơ sở GDDH tự chủ đã chủ động rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Vai trò của Hội đồng trường được cụ thể hóa và nâng cao trong tổ chức quản trị hoạt động của hầu hết các cơ sở GDDH. Các cơ sở GDDH đã chủ động tăng số lượng giảng viên và giảm số lượng lao động khối hành chính; đồng thời, thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao thu nhập cho giảng viên; đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đáp ứng đầy đủ hơn điều kiện giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; liên kết với thị trường lao động, đào tạo đi vào thực chất; tăng cường kiểm soát các khoản chi,

gia tăng tiết kiệm, bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn lực.

Kết quả thực hiện tự chủ về chuyên môn học thuật ở các cơ sở GDĐH cũng cho thấy, thực hiện tự chủ trong việc mở ngành đào tạo/chương trình liên kết đào tạo là một nội dung quan trọng trong hoạt động tự chủ; bên cạnh việc mở ngành đào tạo mới, phát triển các chương trình liên kết đào tạo trong và ngoài nước, các trường cũng tích cực điều chỉnh các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học; đổi mới phương pháp giảng dạy tiên tiến, tiếp cận với chuẩn đào tạo và chương trình đào tạo quốc tế, chủ động tăng cường công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục. Có thể thấy, tự chủ đại học đã tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tuyển sinh, thu hút sinh viên giỏi. Quy mô tuyển sinh sinh viên hệ đại trà sau tự chủ có xu hướng giảm và thay vào đó là tăng quy mô tuyển sinh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo bằng tiếng Anh.

Các cơ sở GDĐH ngày càng chủ động hơn trong việc quyết định hướng nghiên cứu và tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, từ đó chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tính riêng các trường trực thuộc Bộ GDĐT, số công bố khoa học quốc tế, công bố trong nước, sáng chế và tài sản trí tuệ khác tăng dần qua các năm; nhiều đề tài, nhiệm vụ đã đóng góp quan trọng, thiết thực cho các ngành công nghiệp, cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương.

Nhiều chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học trên thế giới, chương trình đào tạo tiên tiến tiếp tục được nhiều cơ sở GDĐH quan tâm phát triển. Tính đến tháng 12/2021, cả nước có 408 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đang hoạt động. Trong đó, các cơ sở GDĐH tự chủ đã phê duyệt tổng cộng 186 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, 124 chương trình ở trình độ đại học; 58 chương trình ở trình độ thạc sĩ và 04 chương trình ở trình độ tiến sĩ. Do đó, sinh viên có cơ hội được học tập các chương trình quốc tế, được nhận bằng của các trường quốc tế.

Số lượng cơ sở GDĐH được kiểm định ngày càng tăng. Tính đến ngày 30/6/2022, theo tiêu chuẩn trong nước, có 266 cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá chu kỳ 1 (*trong đó, có 236 cơ sở GDĐH và 28 trường Cao đẳng sư phạm*) và 22 cơ sở GDĐH hoàn thành tự đánh giá chu kỳ 2; 174 cơ sở GDĐH và 11 trường cao đẳng sư phạm được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; 705 chương trình đào tạo hoàn thành báo cáo tự đánh giá (*trong đó có 559 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài*) và 470 chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Theo tiêu chuẩn nước ngoài, có 07 trường đại học được đánh giá ngoài và được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục của Hội đồng Cấp cao về Đánh giá nghiên cứu và GDĐH Pháp (HCERES) và AUN-QA; 308 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi 10 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài có uy tín.

Theo kết quả xếp hạng các quốc gia về lĩnh vực giáo dục năm 2021 của USNEWS, Việt Nam xếp thứ 59, tăng 5 bậc so với năm 2020 (tuy nhiên vẫn xếp sau một số nước trong khu vực Đông Nam Á). Các cơ sở GDĐH Việt Nam tiếp tục được xếp hạng cao và tăng thứ bậc trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế. Số

với các năm trước, năm 2022 là một bước nhảy vọt khi có tới 5 đại diện của Việt Nam được lọt vào bảng xếp hạng THE; có 05 cơ sở GDĐH trong Bảng xếp các trường đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022 (Best Global Universities); có thêm 02 cơ sở GDĐH (tổng là 05 cơ sở) có tên trong bảng xếp hạng QS World University Rankings 2023; 10 cơ sở GDĐH trong bảng xếp hạng Webometrics; 05 cơ sở giáo dục trong bảng xếp hạng các trường đại học ở các nền kinh tế mới nổi 2021 (THE Emerging Economies University Rankings 2021); 11 cơ sở GDĐH trong bảng xếp hạng đại học châu Á (QS Asian University Rankings 2022); 07 cơ sở GDĐH tại bảng xếp hạng THE Impact Rankings năm 2022.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức thành công Ngày hội Khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ 4, nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên; giúp học sinh, sinh viên thay đổi tư duy, nhận thức, dám nghĩ, dám làm và có khát vọng lớn để biến ước mơ, ý tưởng thành hiện thực; tăng cường các hoạt động kết nối, xúc tiến đầu tư đối với các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên có tính khả thi cao và tôn vinh các cá nhân, tập thể có những ý tưởng sáng tạo, giải pháp kinh doanh mới, phù hợp thực tiễn. Các cơ sở giáo dục, đào tạo ngày càng quan tâm tới khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (75% cơ sở đào tạo đã tổ chức các lớp kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên; hình thành các quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp). Số lượng, chất lượng ý tưởng, dự án ngày càng tăng (trong 4 năm tổ chức đã thu hút được hơn 1.600 dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên; một số ý tưởng, dự án của sinh viên đã được thành lập doanh nghiệp hoặc được các doanh nghiệp lớn mua lại).

9. Năm 2021, ban hành khung giá dịch vụ giáo dục - đào tạo của các cơ sở giáo dục công lập, cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

10. Ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức các hội nghị, hội thảo về thực hiện chính sách; tổ chức khảo sát, nghiên cứu rà soát các chính sách phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số (DTTS), miền núi (MN); tổ chức các đoàn kiểm tra tại các địa phương về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc, trong đó có việc kiểm tra việc ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung và ban hành các chính sách mới thúc đẩy phát triển GDĐT vùng DTTS, MN nói chung, trong đó có chính sách ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS.

Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện có hiệu quả các chính sách đã ban hành đối với GDĐT vùng DTTS, MN; tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư phát triển GDĐT vùng DTTS, MN, trong đó có ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS. Lồng ghép và ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục dân tộc trong các chương trình, dự án của Bộ Giáo

dục và Đào tạo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và các sở GDĐT vùng DTTS, MN phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của đảng, nhà nước về phát triển GDĐT vùng đồng bào DTTS, MN nói chung và ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS quy định tại Nghị quyết 134/2020/QH14 nói riêng thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành. Thực hiện phổ biến, quán triệt thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chính sách phát triển giáo dục vùng DTTS, MN đặc biệt là quán triệt tại hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học và thông qua văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ hàng năm về giáo dục dân tộc.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí của Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục vùng DTTS, MN; đặc biệt việc ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số; giới thiệu và tuyên truyền về các chính sách mới được ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các bài viết trên cổng Thông tin điện tử của Bộ.

Kết quả thực hiện

Chính phủ đã ban hành các văn bản: Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục quy định học bổng đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển; học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng; Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS có quy định đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển. Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm có quy định sinh viên là người DTTS. Nghị định quy định sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo giáo viên nơi theo học; được hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường. Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế có đối tượng là học sinh, sinh viên, học viên là người DTTS. Theo đó, học sinh, sinh viên, học viên là người DTTS đoạt giải trong các kỳ thi được hưởng 1,5 lần (hoặc 02 lần) mức thưởng quy định theo các điều tại Nghị định. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư quy định chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với học sinh là người DTTS.

Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung lãnh đạo công tác chỉ đạo giáo dục dân tộc với các vấn đề trọng tâm, như: Tiếp tục triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ và 05 nhóm giải pháp cơ bản của toàn ngành. Trong đó, tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác quản lý GDĐT; tập trung nâng cao chất lượng và

hiệu quả giáo dục, đồng thời rà soát thực trạng phát triển của hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), dự bị đại học (DBĐH); việc thực hiện chính sách cử tuyển; chính sách đối với trẻ em, học sinh DTTS rất ít người; việc thực hiện chính ưu tiên trong tuyển dụng, sử dụng CBQL, GV là người DTTS; việc thực hiện chính sách đào tạo và bồi dưỡng CBQL, GV là người DTTS; việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015; việc thực hiện có hiệu quả các chính sách đã ban hành đối với giáo dục dân tộc; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các chính sách ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang chủ trì xây dựng Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS. Hiện nay, Tiểu dự án 1 đang được Hội đồng nhà nước thẩm định. Nội dung Tiểu dự án 1 giai đoạn 2021 - 2025 có 03 hoạt động chính, cụ thể như sau: (1) *Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị để củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT*. Kinh phí (kinh phí khoảng 7.859,851 tỷ đồng; (2)- *Biên soạn, cấp phát tài liệu và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT về các nội dung quản lý và giáo dục đặc thù*. Kinh phí khoảng 183 tỷ đồng; (3)- *Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS*. Kinh phí khoảng 400 tỷ đồng.

11. Về triển khai đồng bộ các chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) theo quy định của Luật GDNN

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1260/2021/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 phê duyệt Chương trình “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022 - 2027”. Trên cơ sở đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ để ban hành Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thiện dự thảo Đề án thí điểm đào tạo nâng cao kỹ năng nghề của người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đề án "Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn", Đề án thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

Bên cạnh đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động làm việc, hướng dẫn các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố, các cơ sở GDNN đẩy mạnh triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển GDNN và nhân lực có kỹ năng nghề, trong đó tập trung vào:

- Triển khai đồng bộ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập trung cao nhất việc chỉ đạo, hướng dẫn triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN ở các bộ, ngành, địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả; kiện toàn mô hình Tổng cục GDNN với

mạng lưới trực thuộc có một số trung tâm quốc gia và trung tâm vùng về đào tạo và thực hành chất lượng cao.

- Gắn kết chặt chẽ với các cơ quan có liên quan và cộng đồng doanh nghiệp; hình thành hệ sinh thái truyền thông, tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp trong GDNN; tiếp tục đổi mới phương thức tuyển sinh, đào tạo để duy trì quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho phục hồi kinh tế.

- Thực hiện chuyển đổi số trong GDNN và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức, cơ hội tiếp cận GDNN.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm trong lĩnh vực GDNN.

12. Về ban hành Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đã đưa ra các giải pháp đồng bộ để đổi mới GDNN theo hướng hiện đại, đa dạng, mở, linh hoạt, liên thông, dễ tiếp cận về cơ cấu ngành/nghề, trình độ và phương thức đào tạo để triển khai thực hiện.

13. Về quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện kết luận của Hội đồng thẩm định Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày 30/12/2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

14. Về đẩy mạnh xã hội hóa các cơ sở GDNN; đến năm 2025, số lượng cơ sở GDNN ngoài công lập đạt tỷ lệ 40%

Thế chế hóa chủ trương của Đảng về xã hội hóa giáo dục, trong đó có GDNN, Luật GDNN số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 đã quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các bên khi tham gia vào quá trình thực hiện xã hội hóa giáo dục (Điều 7. Xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, Điều 51 Quyền của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Điều 52. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Đồng thời với việc triển khai thực hiện Luật GDNN, Bộ cũng đã triển khai nhiều giải pháp thực hiện tự chủ trong GDNN, tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo nghề góp phần đẩy mạnh xã hội hóa trong GDNN. Kết quả: Đến ngày 31/8/2022, cả nước có 1.907 cơ sở GDNN, trong đó: 411 trường Cao đẳng (98 trường ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 23,8%), 438 trường trung cấp (230 trường ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 52,5%), 1058 trung tâm giáo dục nghề nghiệp (358 trung tâm GDNN ngoài công lập, chiếm tỷ lệ 33,8%). Tổng số

cơ sở GDNN ngoài công lập là 686 cơ sở, chiếm tỷ lệ 36%.

15. Về đẩy mạnh chuyển đổi số, chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục nghề nghiệp

a) Về đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2222/QĐ-TTg 2021 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025 và xây dựng kế hoạch để triển khai chương trình chuyển đổi số trong GDNN; hướng dẫn các địa phương và cơ sở GDNN về triển khai chuyển đổi số trong GDNN.

b) Về tiếp tục chuẩn hóa, hiện đại hóa GDNN

- Về chuẩn hóa chương trình đào tạo: Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo các bộ chương trình đã chuyển giao từ Úc và Đức; nghiên cứu nhân rộng đào tạo trong cả nước, góp phần tăng nhanh đội ngũ nhân lực có tay nghề, đạt tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Về chuẩn hóa và phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp: Rà soát, đánh giá sự cần thiết của các chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên, giảng viên GDNN. Theo đó, thay quy định nhà giáo phải có “chứng chỉ tin học, ngoại ngữ” bằng có “năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ”. Đồng thời, tiếp tục rà soát, đánh giá các chương trình bồi dưỡng, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên GDNN theo hướng chỉ quy định một chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh cho các hạng giảng viên, giáo viên GDNN. Trình Bộ ban hành quyết định về việc công nhận trình độ kỹ năng nghề cho nhà giáo GDNN được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài tương đương với chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng.

- Về chuẩn hóa về cơ sở vật chất: Tiếp tục hoàn thiện đề trình ban hành quy định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp cho các ngành, nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành, nghề.

c) Về đẩy mạnh hợp tác quốc tế về GDNN

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện tổng kết, đánh giá tình hình hợp tác quốc tế giai đoạn vừa qua và ban hành Kế hoạch hợp tác quốc tế trong GDNN giai đoạn 2021-2025. Triển khai vận động, xây dựng, trình phê duyệt 11 văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật mới với tổng số vốn khoảng 50 triệu USD cho giai đoạn 2021 - 2025 và 02 dự án vốn vay; tiếp tục triển khai 06 dự án hỗ trợ kỹ thuật và 02 dự án vốn vay. Đàm phán các thỏa thuận, chương trình hợp tác song phương và đa phương với các đối tác (Ngân hàng phát triển châu Á, Chính phủ Anh, Học viện Kỹ thuật Cơ điện Chiết Giang của Trung Quốc, Viện GDNN của Belarus...). Thực hiện các nội dung triển khai Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA), Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về kỹ năng (MRS), Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF).

Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động tham gia vào các diễn đàn khu vực và thế giới với tư cách thành viên, đồng thời, tăng cường các hoạt động truyền thông đối ngoại nhằm nâng cao hình ảnh và vị thế của GDNN Việt Nam, chia sẻ kinh nghiệm và

mô hình GDNN tiêu biểu của các nước trong khu vực và thế giới. Chuẩn bị nội dung và tham gia các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế và khu vực; tham gia các hoạt động của Hội đồng GNNN ASEAN với tư cách là đầu mối kênh lao động của Việt Nam. Tham gia Dự án Xây dựng năng lực cho việc thực hiện Khung trình độ quốc gia và bảo đảm chất lượng GDNN cho nhóm nước Campuchia, Lào, Mianma, Việt Nam do Ban thư ký ASEAN chủ trì (Hàn Quốc tài trợ). Phối hợp với Hàn Quốc, Úc, Nhật, ILO và GIZ thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

16. Về thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-TTg 9/5/2021 về việc ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg, cụ thể:

- Đã ban hành Quyết định số 773/QĐ-LĐTBXH ngày 9/7/2021 để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chương trình, trong đó đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hỗ trợ phát triển thị trường lao động, với mục tiêu xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường lao động theo hướng hiện đại, bảo đảm kết nối thị trường lao động trong nước với thị trường lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Phối hợp với các tỉnh, thành phố xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động riêng của địa phương. Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố đã xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động riêng của địa phương trên tinh thần triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg. Trong đó, các tỉnh, thành phố đã nghiên cứu cụ thể hóa các mục tiêu phù hợp với tình hình phát triển thị trường lao động của địa phương.

- Triển khai các hoạt động thu thập thông tin thị trường lao động: Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động. Đến nay, cơ sở dữ liệu thị trường lao động đã có thông tin của khoảng 21 triệu hộ gia đình với 47 triệu người lao động; thông tin của trên 300.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Thông tin khá đồng bộ và đầy đủ, phản ánh được trình độ chuyên môn kỹ thuật của người đi tìm việc, ngành nghề cần tìm... và nhu cầu tuyển lao động của người sử dụng lao động.

- Nâng cấp cơ sở vật chất (hệ thống sàn nâng, hệ thống điện, đường truyền internet leaseline, hệ thống điều hòa, phòng cháy chữa cháy, các thiết bị mạng, máy chủ) của Trung tâm tích hợp dữ liệu thị trường lao động; đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm tích hợp dữ liệu thị trường lao động (nâng cấp, bổ dưỡng, sửa chữa các thiết bị mạng và máy chủ; nâng cấp mạng, website...) để đảm bảo cho việc truyền tải, lưu trữ, quản lý, khai thác dữ liệu.

- Tập trung phát triển và nâng cao năng lực các hoạt động dịch vụ việc làm nhằm tăng cường kết nối cung - cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động, thời gian tuyển dụng của người sử dụng lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn, góp phần tăng trưởng và giải quyết việc cho người lao động. Đã trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37

và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thay thế Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về việc thành lập, hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm và nghị định 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm để tạo hành lang pháp lý giúp hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động.

- Tập trung thực hiện tốt công tác dự báo thị trường lao động để làm cơ sở phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, quy hoạch, định hướng giáo dục nghề nghiệp bắt kịp xu thế thị trường. Triển khai, thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao năng lực dự báo cung - cầu lao động trong khuôn khổ thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Chương trình phụ hồi và phát triển thị trường lao động; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trong đó có hướng dẫn các tỉnh/thành phố triển khai hoạt động xây dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin giữa cơ sở dữ liệu về việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo thống nhất, chia sẻ, cập nhật trên toàn quốc.

17. Về tăng cường kết nối cung - cầu lao động; hạn chế tình trạng đào tạo không gắn với nhu cầu của thị trường lao động

Trong 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Việc xây dựng, hoàn thiện Dự thảo Chiến lược GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được triển khai quyết liệt, phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia trong và ngoài nước, các địa phương, cơ sở GDNN và các doanh nghiệp để hoàn thiện trình Chính phủ ban hành.

- Hoạt động hợp tác quốc tế được thúc đẩy mạnh mẽ, thu hút sự quan tâm lớn của nhiều đối tác. Số lượng các dự án hỗ trợ kỹ thuật tăng lên rất nhiều so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết 134/2020/QH14 (11 dự án hỗ trợ kỹ thuật mới với tổng số vốn khoảng 50 triệu USD cho giai đoạn 2021 - 2025). Ngoài ra, Tổng cục chủ động tham gia vào các diễn đàn khu vực và thế giới với tư cách thành viên, đồng thời, tăng cường các hoạt động truyền thông đối ngoại nhằm nâng cao hình ảnh và vị thế của GDNN Việt Nam trong khu vực và thế giới.

18. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả và tăng cường quản lý hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Ngày 13/11/2020, Quốc hội đã thông qua Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài sửa đổi (Luật số 69/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày

01/01/2022). Đề hướng dẫn thi hành Luật, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành bao gồm:

- Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;
- Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;
- Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 về Hệ thống Cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bên cạnh công tác hoàn thiện thể chế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo minh bạch, chính xác, kịp thời đến với người dân và doanh nghiệp; tăng cường chế tài nhằm ngăn ngừa, phòng chống lừa đảo; phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý Nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cụ thể:

- Đảm bảo thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời:

+ Niêm yết công khai danh sách các doanh nghiệp dịch vụ được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, danh sách doanh nghiệp bị thu hồi Giấy phép/nộp lại Giấy phép; các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp; thông tin về các hợp đồng cung ứng lao động đã được cho phép thực hiện (kèm theo các điều kiện làm việc cụ thể, chi phí trước khi đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động) để người lao động, cơ quan quản lý địa phương kịp thời nắm bắt, theo dõi và tra cứu.

+ Hệ thống Cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được xây dựng, nâng cấp nhằm chia sẻ thông tin và tăng cường liên kết giữa: (1) Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại Giao, Bộ Công an và các cơ quan trung ương khác (2) liên kết chia sẻ thông tin giữa cơ quan quản lý lao động ở trung ương và các cơ quan lao động địa phương, cơ quan Đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để kịp thời nắm bắt thông tin về doanh nghiệp hoạt động dịch vụ và người lao động.

Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã bổ sung một số quy định như sau:

+ Quy định bổ sung thêm các hành vi bị nghiêm cấm đối với các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cũng như tăng nặng các chế tài xử lý trong trường hợp doanh nghiệp dịch vụ có vi phạm.

+ Quy định rõ ràng về việc thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm các điều cấm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp dẫn đến gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất, tinh thần đối với

người lao động (Điều 16)

Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định mức phạt tiền từ 150 triệu đến 200 triệu và hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động đến 24 tháng đối với các hành vi vi phạm (nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự) các điều cấm quy định tại Điều 7 của Luật 69/2020/QH14.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng để xử lý đối với những trường hợp các cá nhân/tổ chức (không có chức năng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng) nhưng bị phát hiện có dấu hiệu tội phạm theo quy định của pháp luật. Riêng trong năm 2021, Cục Quản lý lao động ngoài nước Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với cơ quan công an và các đơn vị khác xử lý 123 vụ việc phát sinh liên quan đến 68 tổ chức không có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng lợi dụng hoạt động này để thu lợi bất chính từ người lao động.

19. Về tích cực triển khai các hoạt động thúc đẩy đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể thực chất tại nơi làm việc; phát triển quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế hòa giải lao động; trọng tài lao động trong giải quyết tranh chấp lao động

a) Công tác hỗ trợ, thúc đẩy đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương để hỗ trợ, thúc đẩy thực hiện các quy định pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc; thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, kịp thời hỗ trợ các bên trong doanh nghiệp đối thoại, giải quyết những vấn đề bất đồng, khắc phục khó khăn, sớm ổn định lại tình hình. Trong thời gian qua, dịch bệnh Covid-19 tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp duy trì hoạt động đối thoại, qua đó người lao động và người sử dụng lao động có sự chia sẻ, khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ổn định việc làm, đời sống người lao động.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan, đặc biệt là Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam hỗ trợ, thúc đẩy thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể nhiều doanh nghiệp ở một số địa phương, ngành nghề. Thời gian qua, một số thỏa ước lao động tập thể ngành dệt may ở một số địa phương như Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh đã được ký kết, góp phần nâng cao năng lực thương lượng của các bên, ổn định quan hệ lao động đối với các doanh nghiệp tham gia thỏa ước.

b) Công tác kiện toàn thiết chế giải quyết tranh chấp lao động

Căn cứ nội dung nhiệm vụ đề ra trong Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và quy định về giải quyết tranh chấp lao động trong Bộ luật Lao động năm 2019, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan và các địa phương rà soát, kiện toàn đội ngũ hòa giải viên lao động,

thành lập Hội đồng trọng tài lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng cho công chức làm công tác lao động, tiền lương, quan hệ lao động và các hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các quy chế hoạt động của các thiết chế giải quyết tranh chấp lao động; từng bước tăng cường hoạt động hòa giải, giải quyết tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động thúc đẩy việc giải quyết tranh chấp lao động thực hiện theo quy trình, thủ tục pháp luật quy định. Đặc biệt là thúc đẩy hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển quan hệ lao động bên cạnh nhiệm vụ giải quyết tranh chấp lao động từ trước đến nay, từ đó giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động thực hiện chức năng, nhiệm vụ có hiệu quả hơn, thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

c) Kiện toàn các thiết chế 03 bên ở Trung ương

Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định thành lập Hội đồng Tiền lương quốc gia. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã triển khai thực hiện nhiệm vụ, đề xuất các phương án điều chỉnh tiền lương tối thiểu theo quy định của pháp luật gắn với điều kiện thực tế. Rà soát, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban quan hệ lao động; Chủ tịch Ủy ban đã phê duyệt danh sách thành viên và thành lập bộ phận kỹ thuật của Ủy ban; ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Quan hệ lao động. Trên cơ sở đó, Ủy ban triển khai các hoạt động đề tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan về cơ chế, chính sách, giải pháp xây dựng và phát triển quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

20. Về ban hành chính sách tiền lương hợp lý đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995

Triển khai thực hiện nội dung “Thực hiện điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người đang làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ” tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, trong đó có việc: quan tâm điều chỉnh thỏa đáng đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu ở các thời kỳ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng.

Theo số liệu ước tính, kể từ ngày 01/01/2022, có khoảng gần 3 triệu người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng được điều chỉnh tăng thêm 7,4%, trong đó có khoảng hơn 375 nghìn người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng trước năm 1995 có mức hưởng dưới 2.300.000 đồng/tháng được điều chỉnh tăng thêm 200.000 đồng/tháng, đối với người sau điều chỉnh có mức hưởng cao hơn 2.300.000 đồng/tháng nhưng thấp hơn 2.500.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh lên mức bằng 2.500.000 đồng/tháng.

Như vậy, thông qua việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP đã góp phần cải thiện đời sống của người nghỉ hưu nói chung, đặc biệt Chính phủ đã có sự quan tâm hơn đối với những người có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 28-NQ/TW.

XI. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Thực hiện các giải pháp về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội

Trong những năm qua, công tác xây dựng con người Việt Nam mà trọng tâm là đạo đức, lối sống được quan tâm, triển khai ở hầu hết các cấp, các ngành. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được bảo tồn, phát huy thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nghĩa cử thể hiện đạo lý, tình thương, lòng nhân ái của con người và dân tộc Việt Nam: đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài; các hoạt động nhân đạo; hỗ trợ giúp đỡ các đối tượng yếu thế trong xã hội; phong trào hiến đất làm đường, xây dựng trường học, các công trình văn hóa...

Nhằm tăng cường việc thực hiện các giải pháp về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021 - 2026; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 09/02/2018 quy định về đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 10/12/2021 phê duyệt Chiến lược gia đình Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh; Quyết định số 96/QĐ-TTg ngày 19/01/2022 phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 phê duyệt Chiến lược Phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/01/2022 phê duyệt Chương trình phòng chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành theo thẩm quyền: Quyết định số 1983/QĐ-BVHTTDL ngày 04/6/2019 Phê duyệt Đề án Tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội giai đoạn 2020-2021; Quyết định số 3020/QĐ-BVHTTDL ngày 30/8/2019 ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ngăn ngừa mê tín dị đoan, loại bỏ hủ tục lạc hậu, văn hóa phẩm đồi trụy trái với thuần phong mỹ tục giai đoạn 2020-2022; Quyết định số 2708/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2019 ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”; Quyết định số 586/QĐ-BVHTTDL ngày 17/3/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án truyền thông về phát triển Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2022; Quyết định số 1724/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030, nội dung Kế hoạch gồm 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp và 24 hoạt động cụ thể được giao cho các đơn vị thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 224/QĐ-BVHTTDL ngày 28/01/2022 ban hành Bộ tiêu

chí ứng xử trong gia đình triển khai thực hiện trên toàn quốc; Quyết định số 979/QĐ-BVHTTDL ngày 26/4/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình đến năm 2025; Công văn số 1850/BVHTTDL-GĐ ngày 27/5/2022 hướng dẫn các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; đang tổ chức thực hiện các hoạt động và đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí, đến nay đã nhận được văn bản triển khai của 20 tỉnh, thành trên cả nước.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức trưng bày tranh cổ động thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội tại các tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam, Vĩnh Phúc. Xây dựng phóng sự truyền phát trên truyền hình về gương người tốt việc tốt, gương điển hình về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam; Xây dựng 08 chuyên đề tuyên truyền xây dựng gia đình văn hóa, làng, thôn, bản ấp văn hóa đăng trên báo in, báo điện tử; Xây dựng 12 chuyên đề, 10 bài viết trên báo in, báo điện tử về phản ánh những tấm gương, mô hình điển hình trong việc thực hiện “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Trong lĩnh vực thể dục thể thao (TDTT), thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đẩy mạnh phát triển TDTT quần chúng, thể thao trường học và triển khai nhiệm vụ thuộc “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030”, cụ thể:

- Đẩy mạnh triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030 gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Chương trình xây dựng nông thôn mới”. Chỉ đạo hướng dẫn các ngành, địa phương tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2022.

- Triển khai Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em năm 2022.

- Tổ chức Đại hội TDTT các cấp tiến tới Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022.

- Phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Trung ương Hội Người Cao tuổi Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Viên chức Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng,... đẩy mạnh phát triển TDTT trong các đối tượng công nhân viên chức, người lao động, người cao tuổi, lực lượng vũ trang...

- Đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học.

- Triển khai Kế hoạch hướng dẫn toàn dân tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc, thể lực, phòng chống bệnh tật giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa

phương triển khai thực hiện các chương trình phối hợp quản lý, chỉ đạo hoạt động thể dục thể thao quần chúng và triển khai Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030.

- Hiện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Chiến lược phát triển thể dục thể thao đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Ban hành chính sách đặc thù, thu hút đầu tư cho các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó giao Bộ phối hợp với Ủy ban Dân tộc xây dựng Dự án số 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” và ban hành Kế hoạch xây dựng Dự án. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện nhiều nhiệm vụ triển khai Dự án, cụ thể như sau:

- Thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình.

- Ban hành Hướng dẫn thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” (thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030);

- Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2022 - 2025;

Để đạt được kết quả theo các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo Chương trình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm Dự án số 6, cụ thể như sau:

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của 16 dân tộc thiểu số có dân số ít người.

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

- Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống...).

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số về mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản gắn với các hành trình du lịch để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng.

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư; hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch; Chương trình đã được hội đồng thành viên thẩm định nhà nước thông qua, sau khi Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban Dân tộc để triển khai dự án trong thời gian tới.

3. Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể có giá trị

Từ thời điểm ban hành Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII đến nay, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai các biện pháp nhằm tăng cường công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, cụ thể:

- Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 đề án, chương trình: Đề án ban hành Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025 (*Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ*); Đề án ban hành Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 (*Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

- Lập đề nghị Xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

- Xây dựng 02 dự thảo Nghị định: Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Nghị định Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia và Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh.

- Xây dựng 03 dự thảo Thông tư: Thông tư sửa đổi Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; Thông tư thay thế Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 quy định định mức chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Thông tư quy định về kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu đưa vào Danh mục Di sản tư liệu quốc gia.

- Chương trình phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên thông qua các di tích, di sản văn hóa phi vật thể, các bảo tàng từ Trung ương đến địa phương (*Chương trình phối hợp số 217/CTr-BGDĐT- BVHTTDL ngày 04/3/2022*). Các địa phương đã cụ thể hóa

Chương trình này qua việc ban hành kế hoạch phối hợp với ngành giáo dục, xây dựng Chương trình đưa giáo dục di sản vào nhà trường.

- Tham mưu trình và đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép gửi Hồ sơ di sản Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà (tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng) tới UNESCO đề nghị ghi danh vào Danh mục di sản thế giới; Báo cáo tóm tắt Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang và Hải Dương) và Khu di tích khảo cổ Ốc Eo - Ba Thê (An Giang) tới UNESCO đề nghị đưa vào Danh sách dự kiến lập hồ sơ di sản văn hóa thế giới.

- Ban hành Quyết định xếp hạng 92 di tích quốc gia; cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ tại 80 địa điểm. Thẩm định, thỏa thuận và trực tiếp có văn bản thẩm định, góp ý hơn 300 dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ, tôn tạo di tích theo đề nghị của các địa phương trên cả nước.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ về bảo tồn di tích; Tập huấn ngành Di sản văn hóa và Hội thảo khoa học “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì mục tiêu phát triển bền vững”; Lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về công tác nghiên cứu, bảo tồn gắn với phát triển bền vững tại các khu Danh lam thắng cảnh ở Việt Nam.

- Ban hành văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tăng cường quản lý hoạt động bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; tăng cường phòng chống thiên tai, cháy, nổ, trộm cắp ở bảo tàng, di tích.

- Hoàn thiện Báo cáo định kỳ vòng 3 Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương 2020-2021 thực hiện Công ước Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới UNESCO 1972.

- Trình Thủ tướng Chính phủ gửi hồ sơ “Nghệ thuật Xòe Thái” đệ trình UNESCO và đã được ghi danh vào Danh sách di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép hồ sơ “Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam” được gửi UNESCO để đề cử UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại; gửi hồ sơ “Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam” đến UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hoá Phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Ban hành Quyết định đưa 114 di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (tính đến thời điểm báo cáo đã có 443 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia).

- Tham gia vận động ứng cử và đã trúng cử trở thành thành viên của Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam, nhiệm kỳ 2022-2026.

- Tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và “Nghệ nhân ưu tú” cho 628 cá nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

- Tham dự Kỳ họp Đại Hội đồng lần thứ 9 Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; phối hợp với Trung tâm Đào tạo quốc tế về di sản văn hóa phi vật thể khu vực châu Á - Thái Bình Dương dưới sự bảo trợ của UNESCO (CRIHAP Trung Quốc) tổ chức “Lớp tập huấn nâng cao năng lực về kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể dựa vào cộng đồng” cho các tỉnh/thành phố khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Ban hành văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc tổ chức Lễ đón nhận bằng ghi danh của UNESCO di sản văn hóa phi vật thể “Nghệ thuật Xòe Thái”.

4. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hành nghề mê tín dị đoan thu lợi bất chính

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; Thôn, làng, ấp... văn hóa; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về quản lý và tổ chức lễ hội. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2018 của về đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang.

Cụ thể hóa chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ), Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các địa phương tăng cường chỉ đạo về thực hiện nếp sống văn minh tại di tích, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội... cụ thể như sau:

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 71/QĐ-BVHTTDL ngày 12/4/2019 về Kế hoạch triển khai các giải pháp tăng cường thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội giai đoạn 2019 - 2021.

- Tổ chức Hội thảo ứng xử văn hóa trong lễ hội; Hội thảo bảo tồn và phát huy giá trị tốt đẹp của phong tục tập quán trong phong trào xây dựng nông thôn mới; Tập huấn công tác quản lý và tổ chức lễ hội và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Hàng năm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Thanh tra Bộ đưa nội dung thanh tra về công tác quản lý, tổ chức lễ hội, công tác quản lý di sản văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh vào Kế hoạch thanh tra. Tại các Kế hoạch thanh tra hàng năm, đồng thời, Thanh tra Bộ đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Thanh tra các Sở quản lý về văn hóa, thể thao và du lịch tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động lễ hội, quản lý di sản văn hóa.

- Ấn hành 2.000 cuốn tài liệu hỏi đáp các quy định thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội; Xây dựng 07 chuyên đề tuyên truyền phổ biến pháp luật thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội đăng trên báo in, báo điện tử năm 2020.

Từ năm 2020 đến nay, Thanh tra ngành văn hóa, thể thao và du lịch toàn quốc đã tiến hành thanh tra, kiểm tra tại 575 lễ hội, di tích, trong đó, Thanh tra Bộ thanh tra, kiểm tra 71 lễ hội, di tích, Thanh tra các Sở thanh tra, kiểm tra 504 lễ hội, di tích. Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, Thanh tra các Sở đã tịch thu 160 quyển sách có nội dung bói toán, 7.230 thẻ tử vi; chưa phát hiện trường hợp nào lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hành nghề mê tín dị đoan thu lợi bất chính.

Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, công tác quản lý lễ hội, quản lý di tích tại các địa phương đã ngày càng được chấn chỉnh. Chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý di tích ngày càng nắm bắt rõ hơn các quy định pháp luật về quản lý, tổ chức lễ hội, về quản lý di sản văn hóa để triển khai thực hiện ngày càng tốt hơn, kiên quyết không để xảy ra tình trạng lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hành nghề mê tín dị đoan thu lợi bất chính trên địa bàn.

Việc ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa đã tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh; các hoạt động tín ngưỡng được tổ chức trong không gian linh thiêng, phù hợp với truyền thống văn hóa; người dân được tham gia và hưởng thụ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, từ đó hình thành các hành vi ứng xử văn hóa văn minh, thanh lịch trong cộng đồng.

5. Thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành du lịch

Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Tổng cục Du lịch đã xây dựng Kế hoạch chi tiết triển thực hiện Đề án. Kế hoạch này đã được trao đổi, lồng ghép hoạt động với các Bộ, ngành, địa phương. Các địa phương là địa bàn du lịch trọng điểm đã ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành du lịch tại địa phương. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả Đề án như: đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2022/NĐ-CP ngày 19/5/2022 về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia; chuyển đổi số ngành du lịch; đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch thông qua các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội; nghiên cứu, đề xuất quy chế quản lý phát triển du lịch theo vùng; đề án tổng thể phát triển du lịch cộng đồng.

6. Nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2021, trong đó đã giao cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh du lịch và lữ hành của Diễn đàn Kinh tế thế giới, đồng thời chịu trách nhiệm cải thiện nhóm chỉ số về “Mức độ ưu tiên cho ngành du lịch”. Trên cơ sở đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết và tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch.

Báo cáo Năng lực cạnh tranh du lịch và lữ hành của Diễn đàn Kinh tế thế giới được ban hành năm 2020 đã xếp du lịch Việt Nam ở hạng 63/140, tăng 4 hạng so với năm 2017.

Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế thế giới năm 2021 (phát hành năm 2022) đã điều chỉnh thành Bộ chỉ số năng lực phát triển du lịch Việt Nam thay cho năng lực cạnh tranh với hầu hết các chỉ số cũ, bổ sung thêm các chỉ số về phát triển bền vững. Theo Báo cáo này, Việt Nam có mức tăng cao nhất thế giới (+4,7%), về xếp hạng tăng 8 bậc so với năm 2019.

Trong những năm gần đây, du lịch Việt Nam không những liên tục cải thiện xếp hạng cạnh tranh mà còn liên tiếp nhận nhiều giải thưởng danh giá và những đánh giá, xếp hạng cao của các tổ chức quốc tế. Trong đó có giải thưởng cơ quan quản lý du lịch hàng đầu châu Á năm 2018, năm 2019, năm 2021; Việt Nam đạt giải thưởng điểm đến di sản hàng đầu thế giới năm 2019, 2020; Điểm đến Golf tốt nhất thế giới năm 2019, 2021; Điểm đến hàng đầu Châu Á năm 2018, 2019, 2021; Điểm đến du lịch bền vững hàng đầu Châu Á năm 2021; Điểm đến Golf hàng đầu châu Á 2017, 2018, 2019, 2021; Điểm đến Văn hóa hàng đầu Châu Á năm 2019, 2020; Điểm đến ẩm thực hàng đầu Châu Á năm 2019, 2020; Điểm đến Du thuyền trên sông tốt nhất Châu Á năm 2019.

7. Ban hành hướng dẫn về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia

Triển khai nhiệm vụ “Ban hành hướng dẫn về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia”, Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia trình Chính phủ ban hành.

Ngày 19/5/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2022/NĐ-CP quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia. Nghị định được ban hành đã tạo sự thống nhất trong công tác quản lý khu du lịch quốc gia và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các địa phương, Ban quản lý tại các khu du lịch quốc gia trong thời gian qua.

8. Ban hành hướng dẫn về mô hình quản lý di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới

Ngày 21/9/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. Điều 15 của Nghị định số 109/2017/NĐ-CP quy định cụ thể về tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới và nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới (là các Ban quản lý/Trung tâm quản lý di sản thế giới) được thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập với nhiệm vụ cụ thể quy định tại Điều 16 của Nghị định.

Hầu hết các tỉnh, thành phố đã ban hành quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, trong đó có quy định về việc phân cấp quản lý di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia trên địa bàn. Theo đó, các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt đều được thành lập các ban quản lý di tích các cấp tùy thuộc vào tình hình thực tế và phân cấp quản lý của các địa phương.

Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa (sửa đổi). Trong thời gian tới, khi được cấp có thẩm quyền cho phép chỉnh sửa, bổ sung Luật di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ nghiên cứu, bổ sung những quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các ban quản lý di tích, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn vào Luật di sản văn hóa trình Quốc hội xem xét, quyết định.

XII. LĨNH VỰC Y TẾ

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh

a) Công tác phòng, chống dịch COVID-19

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương, người dân, doanh nghiệp và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, đến nay ngành Y tế đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách do đại dịch COVID-19 để thực hiện kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, đạt được những kết quả tích cực và quan trọng. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch và kịp thời chuyển trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

- Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế thường xuyên bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; ban hành, các văn bản yêu cầu Sở Y tế các địa phương tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác và yêu cầu thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch với mục tiêu kiểm soát dịch, không để bùng phát trở lại, đặc biệt tập trung đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19; Ban hành hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống dịch và tổ chức các hội nghị trực tuyến với các địa phương về công tác tiêm chủng, phòng, chống dịch bệnh; Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác thu dung, điều trị; đảm bảo cung ứng thuốc điều trị và triển khai kịp thời việc khám, chữa bệnh sau khi mắc COVID-19; tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai nghiên cứu, sản xuất vắc xin trong nước; đẩy mạnh thông tin, truyền thông phòng, chống dịch COVID-19, đặc biệt vận động, khuyến khích người dân tham gia tiêm vắc xin và cảnh báo mức độ nguy hiểm của các biến chủng mới.

- Bộ Y tế đã ban hành hướng dẫn mới về việc sử dụng khẩu trang nơi công cộng, trong đó yêu cầu một số đối tượng, địa điểm bắt buộc phải đeo khẩu trang; ban hành các hướng dẫn về quản lý, quy định danh mục và cấp số lưu hành trang thiết bị y tế; phối hợp với các bộ, ngành, các cơ quan truyền thông báo chí tiếp tục thông tin kịp thời các chỉ đạo của của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia trong công tác phòng, chống dịch COVID-19, trong đó tập trung thông tin, truyền thông về tiêm vắc-xin phòng COVID-19 cho từng nhóm đối tượng; phối hợp với các địa phương (Phú Yên, Vĩnh Phúc) và UNICEF tổ chức Lễ phát động, hưởng ứng chiến dịch truyền thông “Vui Trung thu và tựu trường an toàn” để vận động người dân tích cực tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 18 tuổi để trẻ được học tập và vui chơi an toàn, bảo vệ trẻ trước nguy cơ đại dịch COVID-19.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Nhà báo Việt Nam, Tổ chức Y tế Thế giới và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức chiến dịch phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới “Vì một Việt Nam vững vàng, khỏe mạnh” nhằm quán triệt, thực hiện nghiêm, linh hoạt, hiệu quả công thức “2K (khẩu trang, khử khuẩn) + vắc-xin + thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân và các biện pháp khác” nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả việc kiểm soát dịch bệnh và góp phần tạo điều kiện cho việc phục hồi, phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Tổ chức Y tế thế giới đánh giá thế giới vẫn đang trong giai đoạn đại dịch và cảnh báo về những biến thể mới của SARS-CoV-2 có thể làm cho dịch COVID-19 trở nên phức tạp và gia tăng trở lại. Vắc xin vẫn là biện pháp quan trọng trong phòng, chống dịch. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, chủ động xây dựng và triển khai các kịch bản, phương án đáp ứng với mọi tình huống dịch bệnh; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; Tiếp tục tổ chức tốt việc phân luồng, thu dung, cấp cứu, cách ly và điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh, đặc biệt chú ý đối với nhóm nguy cơ cao, hạn chế thấp nhất các ca tử vong; thực hiện nghiêm việc kiểm soát nhiễm khuẩn, không để lây nhiễm chéo trong bệnh viện; tăng cường chỉ đạo tuyến, hỗ trợ tuyến dưới.

b) Công tác phòng, chống các dịch bệnh khác

Bên cạnh chống dịch COVID-19, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế triển khai các chương trình phòng, chống các dịch bệnh khác hiệu quả như dịch sốt xuất huyết, sốt rét, dại, sởi, tả, cúm A (H5N1), ... tay chân miệng, viêm não vi rút, viêm màng não do não mô cầu, bạch hầu được kiểm soát tốt, không ghi nhận ổ dịch tập trung. Tiếp tục tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015-2025; triển khai hiệu quả các giải pháp phòng, chống yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm để kiểm soát sự gia tăng tỷ lệ tiền bệnh và mắc bệnh; đang phối hợp với các bộ ngành để xây dựng Đề án quốc gia truyền thông phòng, chống tác hại của rượu, bia đến năm 2025. Đẩy mạnh công tác phát hiện, quản lý điều trị và chăm sóc người mắc bệnh không lây nhiễm nhằm giảm gánh nặng bệnh tật và tử vong sớm; triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam, thực hiện mục tiêu 95% số trạm y tế xã, phường triển khai dự phòng và quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm vào năm 2025.

2. Công tác khám chữa bệnh

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế

- Về xây dựng Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi): Chính phủ đã có Tờ trình số 47/TTr-CP ngày 11/02/2022, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung dự án Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng Luật năm 2022. Dự án Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi) đã được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV vào tháng 5/2022. Hiện nay, Bộ Y tế đang khẩn trương tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Xã hội của Quốc hội để hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật theo đúng quy để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2022).

- Về xây dựng Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi): Hiện nay, Bộ Y tế đang khẩn trương phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi) theo đúng quy định nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập và đáp ứng yêu cầu của công khám, chữa bệnh trong tình hình mới dự kiến trình Chính phủ sẽ thông qua hồ sơ đề nghị xây dựng Luật vào tháng 01/2023.

b) Triển khai các giải pháp đồng bộ thực hiện thông tuyến khám bệnh, chữa bệnh nội trú bảo hiểm y tế tuyến tỉnh từ năm 2021

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chính sách, pháp luật về khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế; chỉ đạo, tổ chức kiểm tra công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện, thực hiện tốt việc quản lý thông tin tuyến tỉnh về khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và thanh toán chi phí khám chữa bệnh đối với người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế; Hoàn thiện các quy trình chuyên môn, xây dựng hướng dẫn việc khám bệnh và chỉ định điều trị nội trú. Xây dựng tiêu chí quy định số lượng giường bệnh phù hợp với quy mô, nhân lực làm việc cơ hữu của cơ sở khám chữa bệnh gắn với sự gia tăng giường bệnh ở các cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là các bệnh viện tuyến tỉnh.

c) Khắc phục tình trạng chất lượng khám bệnh, chữa bệnh chưa đồng đều giữa các tuyến, vùng, miền

- Để khắc phục tình trạng chất lượng khám bệnh, chữa bệnh chưa đồng đều giữa các tuyến, vùng, miền, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế kiểm tra, giám sát các đơn vị, cơ sở khám chữa bệnh triển khai đồng bộ các hoạt động: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thủ tục khám chữa bệnh, đặc biệt là khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh; áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám chữa bệnh; thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho y tế cơ sở; phát triển mạnh mạng lưới bệnh viện vệ tinh; cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện tuyến cuối về hỗ trợ các trạm y tế xã, phường, thị trấn; tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã, phường; triển khai đề án khám, chữa bệnh từ xa ... Triển khai tư vấn, khám chữa bệnh trực tuyến, từ xa, kết nối gần 30 bệnh viện tuyến trên với 1.500 cơ sở khám chữa bệnh trên toàn quốc, kể cả vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

- Hiện nay, Bộ Y tế đang khẩn trương rà soát để sớm ban hành bổ sung, sửa đổi Luật khám bệnh, chữa bệnh theo định hướng gắn chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh với giá dịch vụ y tế, qua đó góp phần đẩy nhanh hơn nữa chất lượng khám, chữa bệnh các tuyến. Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, đây là cơ sở để triển khai các giải pháp từ khâu tuyển chọn, tuyển dụng, quản lý, đào tạo, phát triển và duy trì nguồn nhân lực y tế chất lượng cao ở tất cả các tuyến, góp phần quan trọng tạo ra bước đột phá nhằm thực hiện tốt chiến lược cán bộ y tế thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế.

- Với các giải pháp đồng bộ trên, trong thời gian tới ngành Y tế sẽ tăng cường đào tạo và luân chuyển bác sỹ có chuyên môn giỏi, chuyên khoa sâu và kỹ thuật viên nhiều kinh nghiệm về công tác tại tuyến y tế cơ sở nhằm phục vụ nhân dân tốt hơn, từng bước tạo lòng tin trong nhân dân đối với tuyến y tế cơ sở khắc phục tình trạng chất lượng khám bệnh, chữa bệnh chưa đồng đều giữa các tuyến, vùng, miền.

d) Xử lý dứt điểm tình trạng lạm dụng chỉ định xét nghiệm, thuốc và dịch vụ y tế không cần thiết trong khám bệnh, chữa bệnh

- Để hạn chế tình trạng lạm dụng chỉ định xét nghiệm, sử dụng thuốc và dịch vụ không cần thiết, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, ngày 09/9/2019 Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-BYT về việc tăng cường công tác phòng chống hành vi lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế để chấn chỉnh hoạt động khám,

chữa bệnh bảo hiểm y tế, ngăn chặn tình trạng lạm dụng chỉ định các dịch vụ kỹ thuật cận lâm sàng (như: xét nghiệm, nội soi, chẩn đoán hình ảnh...), không được lạm dụng chỉ định điều trị nội trú, kê đơn thuốc quá mức cần thiết. Ngăn chặn tình trạng lập hồ sơ bệnh án không, kê đơn thuốc không, cấp thuốc không đầy đủ cho người bệnh, để chiếm dụng thuốc, tiền của quỹ bảo hiểm y tế.

- Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc công khai bảng giá dịch vụ y tế tại các cơ sở y tế tại nơi tiếp nhận người bệnh và nơi thanh toán tiền phải rõ ràng, dễ đọc, dễ thấy; cơ sở khám, chữa bệnh phải kịp thời giải đáp những thắc mắc của người bệnh liên quan đến giá dịch vụ y tế... triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Tại các cơ sở y tế đã chủ động tổ chức dịch vụ tư vấn về phạm vi quyền lợi của người bệnh có thể bảo hiểm y tế, tránh tình trạng khi cơ quan bảo hiểm xã hội xuất toán những dịch vụ kỹ thuật, thuốc do nguyên nhân chỉ định không phù hợp. Không để xảy ra tình trạng người bệnh phải chi trả các dịch vụ kỹ thuật, thuốc, vật tư, y tế đã có trong danh mục được bảo hiểm y tế chi trả và không đưa những nội dung này vào bảng kê chi phí.

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị của bệnh viện, kiểm soát việc kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định các dịch vụ kỹ thuật và tuân thủ đúng hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, quy trình kỹ thuật, quy trình chăm sóc người bệnh. Thực hiện lập bảng kê chi phí khám, chữa bệnh của người bệnh đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch và phải có chữ ký của xác nhận của người bệnh hoặc người nhà người bệnh lưu trong hồ sơ bệnh án và cung cấp cho người bệnh 1 bản theo đúng quy định.

đ) Việc thực hiện liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm ở các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc

- Để góp phần giải quyết việc liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm ở các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc, ngày 27/02/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 316/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án tăng cường năng lực hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016 -2025, thực hiện liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các phòng xét nghiệm trên toàn quốc.

- Bộ Y tế đã khẩn trương triển khai, đôn đốc, toàn bộ hệ thống thực hiện và ban hành một số văn bản quan trọng phục vụ cho việc nâng cao chất lượng xét nghiệm và thực hiện lộ trình liên thông kết quả xét nghiệm toàn quốc. Hướng dẫn Sở Y tế 63 tỉnh, thành phố đánh giá và công bố công khai mức xét nghiệm sau khi đánh giá làm căn cứ để liên thông kết quả xét nghiệm, kết quả đạt được như sau: Toàn bộ hơn 1.400 bệnh viện trên toàn quốc đã triển khai đánh giá xét nghiệm theo bộ Tiêu chí; 38 các bệnh viện thuộc Bộ Y tế đã được đánh giá, công nhận mức chất lượng và tham gia liên thông kết quả; gần 200 phòng xét nghiệm trên toàn quốc bao gồm cả các phòng xét nghiệm đạt ISO 15189 và phòng xét nghiệm đã được đánh giá công bố chất lượng theo bộ Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm của Bộ Y tế.

- Một số nguyên nhân khách quan như dịch COVID-19, giãn cách xã hội đã làm ảnh hưởng tiến độ, quá trình đánh giá, đẩy mạnh liên thông kết quả xét nghiệm, là thách thức nhưng cũng là cơ hội để thấy rõ được tầm quan trọng của nâng cao năng lực, chất lượng xét nghiệm, liên thông kết quả, hỗ trợ trong các tình huống khẩn cấp là điều rất cần thiết. Trong thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Y

tế đẩy mạnh đôn đốc việc thực hiện liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm ở các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc nhằm hoàn thành mục tiêu của Đề án trước thời hạn đặt ra (2025).

3. Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong mua sắm trang thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh; lạm dụng, trục lợi Quỹ Bảo hiểm y tế

a) Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong mua sắm trang thiết bị y tế

- Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá, đấu thầu và mua sắm trong lĩnh vực y tế, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế nghiêm cấm việc tăng giá tùy tiện, đầu cơ, tích trữ, găm hàng. Ngày 08/11/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế trong đó quy định việc quản lý giá trang thiết bị y tế bằng hình thức kê khai, công khai giá. Bộ Y tế cũng ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 .

- Để đảm bảo công tác kê khai, công khai giá trang thiết bị y tế theo đúng tiến độ quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, hoạt động đồng bộ, hiệu quả và có giá trị sử dụng cao, Bộ Y tế đã triển khai giai đoạn 1 Công thông tin điện tử kê khai, công khai giá trang thiết bị y tế từ ngày 01/4/2022 với một số kết quả đạt được cụ thể . Tổ chức Hội nghị trực tuyến hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, các Sở Y tế và các cơ sở y tế trên toàn quốc thực hiện quy định về kê khai, công khai giá trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

- Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện quy định kê khai, công khai giá trang thiết bị y tế, tăng cường kiểm tra việc nhập khẩu, kinh doanh, mua sắm các loại test kit xét nghiệm nhanh và xét nghiệm RT-PCR. Bộ Y tế đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện đúng quy định về đấu thầu; thành lập nhiều Đoàn kiểm tra một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về mua sắm vật tư, trang thiết bị y tế, việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh các sản phẩm sinh phẩm, trang thiết bị xét nghiệm, phòng hộ, khẩu trang y tế sử dụng trong công tác phòng, chống dịch COVID-19; công tác phòng, chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại và đầu cơ, tích trữ, nâng giá bất hợp lý đối với mặt hàng sinh phẩm, trang thiết bị xét nghiệm, phòng hộ, khẩu trang y tế trong công tác phòng, chống dịch COVID-19. Kiểm tra các sản phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 trôi nổi trên thị trường và hiện tượng lợi dụng dịch để nâng giá, đội giá, đảm bảo chất lượng và giá cả thị trường.

- Chính phủ đang xem xét ban hành Nghị quyết về việc đảm bảo thuốc, trang thiết bị và thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Bộ Y tế rà soát, sửa đổi các Thông tư quy định trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và hướng dẫn các cơ sở y tế tiếp tục triển khai thực hiện hoạt động mua sắm thuốc, thiết bị, vật tư và trang thiết bị y tế; Phối hợp cùng các Bộ, Ngành liên quan rà soát, báo cáo với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Đấu thầu sửa đổi, bổ sung, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017, Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 nhằm giải quyết triệt để các tồn tại, vướng mắc theo ý kiến góp ý của các địa phương, đơn vị.

b) Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong mua thuốc chữa bệnh

- Hàng năm, Bộ Y tế đã chú trọng thành lập nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh tại các cơ sở kinh doanh dược, kiểm tra giá thuốc chữa bệnh trên thị trường. Tăng cường kiểm tra, rà soát các đại lý thuốc, cơ sở, nhà thuốc bán lẻ và quầy thuốc tư nhân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin kết nối cơ sở cung ứng thuốc và việc tuân thủ các quy định về bán thuốc kê đơn. Tổ chức công khai kết quả trúng thầu thuốc, dược liệu của các cơ sở y tế trung ương và địa phương trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền của Bộ Y tế. Phối hợp với các lực lượng chức năng khác như công an, quản lý thị trường, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia... tăng cường kiểm tra các cơ sở cung ứng thuốc, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh thuốc và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm. Phân cấp quản lý cho Sở Y tế các địa phương, tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc thuộc phạm vi quản lý. Mở các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân về các vi phạm trong việc kinh doanh thuốc đặc biệt là hoạt động bán lẻ thuốc. Bộ Y tế, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thiết lập các đường dây nóng tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân về vấn đề này.

- Các giải pháp tiếp tục tập trung thực hiện thời gian tới để nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc đấu thầu thuốc nhằm kiểm soát giá thuốc chữa bệnh trên thị trường: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản, chính sách, cơ chế mua sắm đấu thầu thuốc phù hợp với tính chất đặc thù lĩnh vực y tế; đẩy mạnh đấu thầu tập trung cấp quốc gia và cấp địa phương, đàm phán giá thuốc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đấu thầu và công khai kết quả mua sắm đấu thầu đảm bảo kịp thời, đầy đủ, dễ tra cứu; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở y tế trong chỉ đạo công tác mua sắm đấu thầu, kiểm soát giá thuốc, bao gồm từ khâu xác định nhu cầu, lập kế hoạch cho đến thực hiện hợp đồng đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả; vai trò, trách nhiệm tham mưu của các phòng, ban và hội đồng khoa học tại cơ sở y tế để đảm bảo công khai, minh bạch, đúng yêu cầu. Thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm phù hợp với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn liền với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong đấu thầu.

c) Kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng, trục lợi Quỹ Bảo hiểm y tế

- Để kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng, trục lợi Quỹ Bảo hiểm y tế, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; đồng thời, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế theo quy định của luật Bảo hiểm y tế, làm cơ sở để thực hiện công tác kiểm tra, quản lý, sử dụng quỹ Bảo hiểm y tế có hiệu quả. Bộ Y tế đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt tổ chức nhiều Đoàn kiểm tra, tập trung kiểm tra việc chỉ định, sử dụng thuốc vật tư y tế và các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố, nhằm phát hiện các hành vi gian lận, trục lợi, lạm dụng quỹ bảo hiểm y tế và các sơ hở bất cập trong quản lý thực hiện chính sách, pháp

luật bảo hiểm y tế.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế:

+ Tăng cường công tác tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế. Chú ý đến các nội dung liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, Luật khám chữa bệnh, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế, Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP ngày 18/8/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 214 về Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, Điều 215 về Tội gian lận bảo hiểm y tế và Điều 216 về Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của Bộ Luật hình sự và các quy định khác của pháp luật và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra phòng chống hành vi gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhất là sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành các Thông tư điều chỉnh giá dịch vụ y tế.

+ Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác khám bệnh, chữa bệnh; đầu thầu, cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư y tế và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc quyền quản lý; phòng ngừa và kịp thời phát hiện các hành vi gian lận, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế, báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo hiểm y tế.

+ Có kế hoạch kiểm tra, chấn chỉnh công tác lập hồ sơ bệnh án, kê đơn, cấp thuốc bảo hiểm y tế, không để xảy ra tình trạng lập hồ sơ bệnh án không, kê đơn không để chiếm dụng tiền của quỹ bảo hiểm y tế. Kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng Thuốc và Điều trị của bệnh viện, kiểm soát việc kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định dịch vụ kỹ thuật và việc tuân thủ đúng hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, quy trình kỹ thuật, quy trình chăm sóc người bệnh.

+ Thực hiện việc lập bảng kê chi phí khám, chữa bệnh của người bệnh bảo đảm tính chính xác, công khai, minh bạch và phải có chữ ký xác nhận của người bệnh hoặc người nhà người bệnh theo đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Quyết định số 6556/QĐ-BYT ngày 30/10/2018 về Ban hành mẫu Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ Công khai Bảng giá dịch vụ y tế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại nơi tiếp nhận người bệnh và nơi thanh toán. Bảng giá dịch vụ y tế phải rõ ràng, dễ đọc, dễ thấy, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải kịp thời giải đáp những thắc mắc của người bệnh liên quan đến giá dịch vụ y tế.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm công khai, minh bạch các danh mục dịch vụ y tế và giá các dịch vụ y tế (bao gồm cả các dịch vụ thực hiện bởi các trang thiết bị xã hội hóa), kịp thời phát hiện những sai sót, trùng lặp trong thanh toán chi phí khám

bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để chẩn chính, xử lý. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời các vướng mắc, bất cập, phát sinh khi tiếp nhận, kiểm tra cơ sở dữ liệu thẻ bảo hiểm y tế của người đến khám bệnh, chữa bệnh; chú trọng phát hiện những trường hợp đi khám bệnh, chữa bệnh nhiều lần trong một thời gian ngắn để có biện pháp chẩn chính.

4. Xã hội hóa tại các bệnh viện công lập

- Để thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực y tế nói chung và xã hội hóa các bệnh viện công lập nói riêng, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành một số chính sách, pháp luật về xã hội hóa, trong đó có lĩnh vực y tế, trên cơ sở đó Bộ Tài chính, Bộ Y tế đã ban hành một số Thông tư, văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện các quy định của Luật và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, về xã hội hóa.

- Hiện nay, một số cơ sở y tế công lập đang thực hiện các hình thức xã hội hóa, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư: Vay vốn ngân hàng (Ngân hàng phát triển Việt Nam, Quỹ đầu tư phát triển các tỉnh, thành phố, các ngân hàng thương mại), huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị; Liên doanh, liên kết trang thiết bị; Thuê trang thiết bị, cơ sở hạ tầng; Hợp tác với các nhà đầu tư để đầu tư xây dựng cơ sở (trong và ngoài đơn vị); Nhà đầu tư xây dựng bệnh viện và hợp tác với bệnh viện công để quản lý, vận hành; bệnh viện công hỗ trợ về chuyên môn, cử viên chức, người lao động sang làm việc tại cơ sở y tế tư nhân.

- Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc, thậm chí có trường hợp vi phạm đã bị các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý tùy theo mức độ vi phạm. Ngày 01/10/2020, Bộ Y tế đã ban hành Chỉ thị số 22/CT-BYT chấn chỉnh hoạt động liên doanh, liên kết; trong đó đã yêu cầu các Bộ, ngành; các địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác xã hội hóa, việc liên doanh, liên kết để kịp thời phát hiện các bất hợp lý, tồn tại, phòng ngừa sai phạm có thể xảy ra; khắc phục ngay các hạn chế, thiếu sót, vi phạm mà các cơ quan quản lý, cơ quan thanh tra, kiểm toán đã phát hiện chỉ ra và phải xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có).

5. Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên y tế nói chung và nhân viên y tế thôn, bản nói riêng

- Hiện nay hệ thống thang lương, bảng lương nói chung và đối với viên chức ngành Y tế chưa có sự phân biệt cụ thể, hệ số chênh lệch giữa các bậc lương quá thấp. Việc xếp thang bảng lương, mức lương khởi điểm đối với cán bộ, viên chức y tế được áp dụng giống như các ngành khác là không thỏa đáng vì thời gian đào tạo bác sĩ dài hơn các ngành khác (6 năm), điểm thi xét đầu vào của các ngành khối y dược cao thường cao hơn các ngành khác, sinh viên vừa phải học vừa phải thực tập nên thời gian học thực tế nhiều hơn các ngành khác, học phí do cá nhân tự chi trả cao. Ngày 18/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam. Nếu chiếu theo khung năng lực mà Chính phủ yêu cầu thì việc đào tạo ngành Y trong 4 năm là có thể đạt được trình độ tương đương Cử nhân, kết thúc 6 năm đạt trình độ tương đương Thạc sĩ. Yêu cầu công việc đòi hỏi liên tục phải đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ nhưng việc xếp lương không tính đến yếu tố này. Bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II cũng xếp bậc lương giống như cử nhân các ngành khác.

- Mức lương, phụ cấp của cán bộ, viên chức ngành y tế còn thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời. Nhất là ở khu vực thành phố, đồng bằng, cán bộ, viên chức y tế thu nhập qua lương thấp, thường làm thêm để có thu nhập do đó không yên tâm với công việc gây nên hiện tượng chảy máu chất xám từ khu vực công sang khu vực tư nhân có mức lương cao.

6. Huy động các thành phần kinh tế đầu tư và ứng dụng khoa học, công nghệ trong ngành Y tế; phát triển y dược cổ truyền, dược liệu trong nước; khuyến khích chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc bản quyền, thuốc công nghệ cao, thuốc và nguyên liệu làm thuốc có giá trị kinh tế cao

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 về việc Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình và thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Triển khai nhiệm vụ trọng tâm đã được giao tại Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030; Bộ Y tế đã triển khai thực hiện Chương trình này tại địa phương; Đồng thời Bộ Y tế đã thành lập Ban chỉ đạo của Bộ Y tế và ban hành Kế hoạch của Bộ Y tế thực hiện Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030, Nghiên cứu xây dựng đề xuất về Luật Y Dược cổ truyền, tiến hành xây dựng Nghị định Y Dược cổ truyền và nhiều Đề án quan trọng về: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về y dược cổ truyền; Phát triển các loại hình dịch vụ Y dược cổ truyền phục vụ khách du lịch; Phổ cập phương pháp điều trị không dùng thuốc bằng y học cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở; Triển khai nhiều Đề án quan trọng về Bộ dược liệu chuẩn, dược liệu đối chiếu quốc gia, thành lập Trung tâm thông tin và thư viện điện tử về dược liệu; Trung tâm nghiên cứu nguồn gen và giống dược liệu Quốc gia; Đề án hệ thống vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc quốc gia; kết quả đạt được như sau: Đã có 15 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 tại địa phương mình. Phát triển vùng nuôi trồng nhiều loài dược liệu tại nhiều địa phương như: Sa nhân tím, Đương qui di thực, Cúc hoa, Bạch chỉ, Câu đằng, Hoài sơn, Ý dĩ, Phòng phong và các dược liệu đủ nhu cầu sử dụng trong nước mà không phải nhập khẩu, như: Ích mẫu, Actiso, Cà gai leo, Dây thìa canh, Đinh lăng.... Tuy nhiên, việc nuôi trồng dược liệu tại các địa phương còn nhiều nơi chưa phù hợp, chưa gắn được với nhu cầu thị trường.

- Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Y tế tích cực, chủ động thực hiện nuôi trồng dược liệu, nhằm phát huy thế mạnh về các dược liệu sẵn có của địa phương; tổ chức cấp phiếu tiếp nhận Bản công bố dược liệu sản xuất theo GACP-WHO cho 26 cây dược liệu bao gồm: Trinh nữ hoàng cung, Actisô, Bìm bìm biếc, Rau đắng đất, Đinh Lăng, Diệp Hạ Châu đắng, Cỏ nhỏ nõi, Tàn dày lá, Dây thìa canh,... Như vậy đã từng bước khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện nuôi trồng, sản xuất dược liệu theo GACP – WHO để đảm bảo nguồn dược liệu phục vụ cho sản

xuất có chất lượng tốt. Triển khai dự án “Đầu tư vùng trồng dược liệu quý” trong nước. Đến nay đã xác định được 18 dự án trồng dược liệu, 4 dự án trung tâm sản xuất, nhân giống cây dược liệu tại 21 tỉnh trên cả nước.

- Để đảm bảo hiệu quả của dự án đầu tư vùng trồng dược liệu và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về dược liệu từ khâu nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh tới người sử dụng cuối cùng, ngày 29/3/2021, Bộ Y tế đã ban hành Công văn số 2182/BYT-YDCT đề xuất bổ sung nội dung kết nối chuỗi dược liệu vào dự án: “Xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và xúc tiến thương mại điện tử cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội khu vực đồng bào các dân tộc thiểu số”. Hoạt động này đã được cơ quan chủ trì xây dựng Chương trình mục tiêu bổ sung vào Tiểu dự án 2 “đầu tư vùng trồng dược liệu quý” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

- Xây dựng sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo Y học cổ truyền, kết hợp Y học cổ truyền với y học hiện đại; Nghiên cứu phương thức thanh toán khám chữa bệnh theo nhóm chẩn đoán liên quan bệnh y học cổ truyền mã hóa và nhóm chẩn đoán liên quan y học cổ truyền thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế (DRG).

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp nuôi trồng, khai thác, chế biến, kinh doanh dược liệu, các cơ sở sản xuất thuốc cổ truyền, các bệnh viện y học cổ truyền, Hội đồng y các tỉnh/thành phố giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; Kết nối giao thương, phát triển thị trường các sản phẩm dược liệu và các sản phẩm về y dược cổ truyền; Kêu gọi, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm dược liệu chất lượng cao.

- Tổ chức, triển khai vụ công trực tuyến cấp độ 4 đối với các thủ tục hành chính công; Công tác đăng ký lưu hành dược liệu, thuốc cổ truyền, quản lý kinh doanh và hành nghề dược liệu, thuốc cổ truyền, quản lý chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền, quản lý giá dược liệu, thuốc cổ truyền. Tổ chức chỉ đạo tuyến về công tác y cổ truyền trong toàn quốc, tiến hành nhiều đoàn kiểm tra, giám sát về các hoạt động y dược cổ truyền.

Một số khó khăn vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của tồn tại hạn chế: Dự án xây dựng luật Y, Dược cổ truyền chưa nhận được sự đồng thuận về việc xây dựng Luật về lĩnh vực này; về xây dựng Nghị định y dược cổ truyền, hiện nay đã thành lập Ban soạn thảo, tuy nhiên chưa thể tiến hành họp ban soạn thảo để thống nhất về chính sách, do tập trung vào công tác phòng chống dịch COVID-19. Bộ Y tế chưa cấp đơn hàng xuất khẩu nào do quy định chỉ dược liệu quý hiếm đặc hữu mới cần xin phép xuất khẩu.

7. Đẩy mạnh việc thực hiện số hóa toàn diện ngành Y tế

- Về hạ tầng, nền tảng kỹ thuật công nghệ thông tin: Bảo đảm hạ tầng cho hệ thống dịch vụ công trực tuyến, thống kê y tế điện tử, nền tảng tích hợp dữ liệu của Bộ Y tế, hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản điều hành điện tử và nhiều hệ thống quan trọng khác của ngành Y tế. Tại các địa phương, đơn vị, nhiều bệnh

viện đã có hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đáp ứng nhu cầu quản lý, lưu trữ dữ liệu của đơn vị, sử dụng bệnh án điện tử thay cho bệnh án giấy.

- Về triển khai Chính phủ điện tử: Bộ Y tế là một trong những Bộ, ngành tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và hiện đại hóa hành chính 100% các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (297 Dịch vụ công trực tuyến), có phát sinh hồ sơ là 161, số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đã kết nối và sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. Đã kết nối, tích hợp, thực hiện 153 thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Duy trì hoạt động ổn định 55 thủ tục hành chính (TTHC) đã tham gia Cơ chế một cửa quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế

- Cổng công khai y tế (<https://congkhaiyte.moh.gov.vn/>) là kênh chính thống của Bộ Y tế để người dân và doanh nghiệp tra cứu các thông tin về giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá vật tư y tế, giá sinh phẩm chẩn đoán, giá khám chữa bệnh, giá niêm yết, giá đấu thầu, thông tin về các sản phẩm đang lưu hành hoặc đã được thu hồi, kết quả xử lý thủ tục hành chính, những vi phạm trong quảng cáo... Thông qua Cổng công khai Y tế người dân thực hiện quyền được biết và giám sát các dịch vụ mà ngành Y tế cung cấp. Cổng công khai giá các thiết bị y tế cũng như cấu hình thiết bị y tế, tiến tới công khai giá trúng thầu của các gói thầu thiết bị y tế trên Cổng thông tin sẽ giúp cho các cơ sở y tế có nhu cầu mua sắm thiết bị y tế tham khảo, lập dự toán nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc mua sắm, đấu thầu trang thiết bị y tế. Triển khai thành công ngân hàng dữ liệu ngành Dược (drugbank.vn) với thông tin tra cứu của khoảng 15.230 thuốc, với mục tiêu giúp người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin về thuốc; đã xây dựng hệ thống kết nối các cơ sở cung ứng thuốc, triển khai trên toàn quốc.

- Về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Y tế:

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong bệnh viện và tại y tế cơ sở, xây dựng phần mềm quản lý y tế xã, hình thành nền tảng quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế V20. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã triển khai thành công kết nối liên thông giữa các cơ sở khám, chữa bệnh cả nước với cơ quan Bảo hiểm xã hội. Bước đầu hình thành mạng lưới Y tế từ xa. Hiện nay hệ thống này đã kết nối từ bệnh viện tuyến Trung ương đến bệnh viện tuyến tỉnh và tới tất cả các bệnh viện, Trung tâm y tế cấp huyện. Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng robot trong y tế.

+ Đẩy mạnh triển khai thanh toán chi phí không dùng tiền mặt: Nhiều Sở Y tế các địa phương trong cả nước đã triển khai thực hiện: có kế hoạch triển khai thực hiện thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt; nhiều bệnh viện chủ động phối hợp với các ngân hàng, đơn vị trung gian thanh toán để triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.

+ 100% các Trường Đại học, Cao đẳng Y - Dược đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập; phần lớn các trường đã có hệ thống đào tạo trực tuyến elearning; thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Nhiều tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương đã bước đầu triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử quản lý sức khỏe người dân liên tục, suốt đời như tỉnh Phú Thọ, Bình Dương. Hình thành hệ thống thông tin quản lý y tế dự phòng, triển khai phần mềm tiêm chủng mở rộng trên cả nước, phần mềm quản lý bệnh truyền nhiễm, phần mềm quản lý bệnh không lây nhiễm, ...

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng chống COVID-19: Triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 như khai báo y tế tự nguyện (NCOVI), khai báo y tế bắt buộc cho người nhập cảnh (Vietnam Health Declaration), Bluzone, An toàn COVID-19..., PCCovid. Đến nay, Bộ Y tế phối hợp Bộ Công an, bộ, ngành, đơn vị liên quan duy trì nền tảng quản lý tiêm chủng COVID-19: Hoàn thành chuyển xong toàn bộ dữ liệu thông tin tiêm chủng COVID-19 vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, duy trì việc chuyển ngay các dữ liệu thông tin phát sinh theo ngày.

8. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế trong công tác quản lý an toàn thực phẩm. Tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là cấp cơ sở, nơi sản xuất, kinh doanh thực phẩm

a) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế trong công tác quản lý an toàn thực phẩm

- Để thực thi Luật An toàn thực phẩm, đồng thời hoàn thiện cơ chế về quản lý an toàn thực phẩm, Chính phủ, các Bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đã tích cực ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, trong đó Bộ Y tế là đơn vị đầu mối xây dựng và trình Chính phủ ban hành các văn bản quan trọng về công tác quản lý an toàn thực phẩm. Các văn bản được ban hành tập trung vào các vấn đề chính trong công tác quản lý an toàn thực phẩm: Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tổ chức bộ máy quản lý an toàn thực phẩm; thủ tục hành chính trong quản lý an toàn thực phẩm; Phân công trách nhiệm quản lý giữa các Bộ, ngành và địa phương theo các lĩnh vực thực phẩm; tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các cơ quan trong quản lý an toàn thực phẩm, quy trình tổ chức thực hiện; Các quy định kỹ thuật để quản lý (quy chuẩn kỹ thuật, phòng thử nghiệm, kiểm nghiệm; hướng dẫn kỹ thuật; chỉ tiêu, giới hạn cho phép tồn dư trong thực phẩm; Yêu cầu về điều kiện, sản xuất, kinh doanh, lưu thông, vận chuyển, quảng cáo thực phẩm; Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Nhìn chung, hệ thống pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm của Việt Nam nói chung và của ngành Y tế nói riêng đến nay đã hình thành được cơ chế, hành lang pháp lý theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, về cơ bản đã đầy đủ các quy định pháp luật điều chỉnh về quản lý an toàn thực phẩm và được quốc tế đánh giá là tiếp cận với quy định quản lý theo hướng hiện đại, phù hợp với pháp luật quốc tế trong quản lý an toàn thực phẩm.

b) Tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là cấp cơ sở, nơi sản xuất, kinh doanh thực phẩm

- Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, từ năm 2016 đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 4 Chỉ thị và nhiều văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các

cấp tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Chính phủ đã cho phép thí điểm thành lập Ban Quản lý ATTP tại 3 tỉnh/thành phố (Bắc Ninh, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh). Sau 3 năm triển khai mô hình, Ban Quản lý ATTP tại 3 tỉnh/thành phố đã tổng kết, đánh giá. Bước đầu đã ghi nhận được một số kết quả tích cực với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị đã giải quyết được một số hạn chế về cơ chế phối hợp giữa các Sở, ngành và đầu mối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiện nay, các Ban quản lý an toàn thực phẩm đang trong thời gian tiếp tục thí điểm.

- Ngày 02/02/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm trong đó Nghị định thay đổi cơ bản về phương thức quản lý và trách nhiệm phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Đến nay, hầu hết các địa phương đã xây dựng kế hoạch, văn bản và chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch, văn bản cụ thể để tổ chức triển khai công tác đảm bảo ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm; ưu tiên nguồn lực cho công tác bảo đảm ATTP theo đúng quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ đạo và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về ATTP của cơ quan nhà nước cấp dưới; kiên quyết xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý. Lãnh đạo các cấp từ xã đến tỉnh phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn. Có sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, các ban ngành đoàn thể địa phương trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện ATTP đã góp phần nâng cao nhận thức, hành động của các tổ chức, cá nhân, tạo chuyển biến tích cực trong thay đổi hành vi của người sản xuất, kinh doanh.

- Tính đến ngày 18/7/2022, Theo báo cáo của 63 địa phương, trong 6 tháng đầu năm tổng số cơ sở được kiểm tra là 290.415 cơ sở. Tại Trung ương, Bộ Y tế tăng cường công tác tuyên truyền công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, thành lập 02 Đoàn kiểm tra liên ngành Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân 2022, tổ chức các Đoàn kiểm tra đột xuất về công tác an toàn thực phẩm tại TP. Hà Nội, các tỉnh Hải Dương, Nam Định, Hòa Bình.... Giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ các sự kiện lớn của đất nước .

9. Về ưu tiên bố trí ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bảo đảm chỉ tiêu Quốc hội đề ra

Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022. Trong đó tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết đã quy định cụ thể định mức phân bổ theo tiêu chí dân số đối với 04 vùng (vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn, đô thị, vùng còn lại), đồng thời quy định rõ “căn cứ khả năng của Ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

XIII. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về báo chí

- Công tác chỉ đạo, định hướng thông tin báo chí tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, kịp thời hơn, quyết liệt, bám sát hơn với tình hình thực tiễn; chủ động nắm bắt các sự kiện, kịp thời thông tin, định hướng dư luận xã hội bảo đảm khách quan, chính xác, có trọng tâm, trọng điểm. Tiếp tục thực hiện nghiêm nguyên tắc một đầu mối trong chỉ đạo, định hướng thông tin, bảo đảm việc chỉ đạo, cung cấp thông tin thống nhất, kịp thời và thuyết phục, nhất là những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, phức tạp, bảo đảm để báo chí giữ vững vai trò dẫn dắt, định hướng thông tin, tạo đồng thuận xã hội. Việc chấn chỉnh, xử lý sai phạm trong hoạt động báo chí được tăng cường, nhất là đối với những sai phạm liên quan đến việc thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích, thông tin sai sự thật, thông tin không phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc, tình trạng “báo hóa” các tạp chí điện tử, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí. Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 được triển khai quyết liệt nhằm phát triển báo chí “chuyên nghiệp, hiện đại, nhân văn” theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

- Công tác chỉ đạo, quản lý thông tin báo chí tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ về tư duy quản lý từ cách làm cũ sang cách làm mới “quản lý theo số lớn”, trong đó việc sử dụng công nghệ để đo đếm, đánh giá, xếp hạng... đóng vai trò tiên đề quan trọng quyết định trong phân tích, tổng hợp để nắm bắt, nhận biết các xu thế thông tin, phát hiện các biểu hiện cần có sự điều chỉnh kịp thời. Thể hiện rõ nét nhất trong công tác chỉ đạo, quản lý thông tin trước những diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 đã dựa trên cơ sở kết quả phân tích, tổng hợp xu hướng thông tin để kịp thời điều tiết thông tin theo hướng tăng cường các thông tin tích cực tạo niềm tin, ổn định dư luận xã hội, ngăn chặn có hiệu quả các xu hướng thông tin có thể gây tâm lý bất an trong nhân dân.

- Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt trong việc đấu tranh xử lý thông tin xấu độc trên môi trường mạng Internet; chỉ đạo các cơ quan thông tin báo chí tích cực đấu tranh, phản bác, vạch trần các luận điệu sai trái, vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến tôn giáo, dân chủ, nhân quyền. Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương kịp thời, chủ động cung cấp, định hướng thông tin về những vấn đề quan trọng ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm, những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm như công tác phòng, chống dịch Covid-19, diễn biến phức tạp ở Biển Đông, việc xét xử các vụ án lớn, có tính chất phức tạp, nhạy cảm.

Rà soát, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ công tác triển khai quy hoạch và phát triển báo chí.

Trong thời gian Luật Báo chí năm 2016 chưa được sửa đổi, để xác định rõ tính chuyên sâu, chuyên ngành của tạp chí, tên gọi và hình thức trình bày của tạp chí, rạch ròi quy trình cấp phép cũng như phạm vi tôn chỉ, mục đích nhằm góp phần xử lý tình trạng “báo hoá” tạp chí, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn

việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san (Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/02/2021, thay thế Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT).

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản. Nghị định đã sửa đổi, tăng mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí để đảm bảo phù hợp với mức tiền phạt tối đa đã tăng lên 250.000.000 đồng đối với cá nhân và 500.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với các hoạt động trong lĩnh vực báo chí, làm cơ sở cho các cấp có thẩm quyền ban hành đơn giá đặt hàng từ nguồn ngân sách nhà nước đối với cơ quan báo chí.

- Bộ Thông tin và truyền thông đã ban hành Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2022, thay thế Thông tư số 49/2016/TT-BTTTT. Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT bảo đảm thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong hoạt động cấp, đổi, cấp lại thẻ nhà báo. Đồng thời cũng thực hiện mục tiêu về quy định thực hiện thủ tục theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 bên cạnh hồ sơ giấy, tiến tới thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử.

2. Triển khai thực hiện quy hoạch báo chí

- Việc sắp xếp các cơ quan báo chí theo quy hoạch đã cơ bản hoàn thành đối với các cơ quan báo chí tại 29/29 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 33/33 tổ chức Hội ở Trung ương và Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; 31/31 địa phương.

- Hệ thống báo chí in, báo điện tử có sự thay đổi rõ rệt về cơ cấu, cách thức thông tin, thể hiện sự phân vai giữa báo và tạp chí.

- Có 02 địa phương thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, đã sáp nhập bộ máy tổ chức các cơ quan báo, đài PTTH của địa phương thành chỉ còn 01 cơ quan báo chí, hoạt động nhiều loại hình báo chí, gồm: Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh; Đài Phát thanh, truyền hình và báo Bình Phước.

- Đối với các cơ quan báo chí thuộc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước: Theo Quy hoạch, đến hết năm 2020, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước không còn cơ quan báo. Các tạp chí của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước hoạt động theo giấy phép đã được cấp; việc cấp lại giấy phép thực hiện theo quy định của Luật Báo chí. Do Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước không còn là đối tượng thành lập cơ quan báo chí, nên các tạp chí trực thuộc hoạt động hết thời hạn giấy phép được cấp, Bộ TTTT thu hồi giấy phép. Đến nay,

Bộ TTTT đã thu hồi 05 giấy phép hoạt động tạp chí của 05 tập đoàn và Ngân hàng Phát triển Việt Nam, tiếp tục có văn bản đề nghị Tập đoàn Cao su Việt Nam có văn bản gửi Bộ TTTT về việc thực hiện Quy hoạch báo chí để Bộ TTTT xem xét thu hồi giấy phép hoạt động Tạp chí trực thuộc.

3. Xử lý nghiêm tình trạng “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hóa” mạng xã hội

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội, thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động của các trang thông tin điện tử, mạng xã hội; ban hành nhiều văn bản chỉ rõ biểu hiện trong hoạt động báo chí không đảm bảo quy định, lợi dụng danh nghĩa báo chí sách nhiễu và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh đối với cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan báo chí, những vấn đề tồn tại, bất cập trong hoạt động của các trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh đối với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ này; tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để bổ sung, hoàn thiện quy định trong quản lý hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản. Nghị định đã sửa đổi, tăng mức tiền phạt đối với một số hành vi để bảo đảm tính răn đe (mức phạt tiền tối đa đã tăng lên 250 triệu đồng đối với cá nhân, 500 triệu đồng đối với tổ chức).

- Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, trong đó sửa đổi, bổ sung thêm nhiều quy định mới để khắc phục tình trạng “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hóa” mạng xã hội. Dự thảo Nghị định hiện đang trình Chính phủ phê duyệt.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 1418/QĐ-BTTTT ngày 22/7/2022 về việc ban hành Tiêu chí nhận diện “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hóa” mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí. Bộ tiêu chí nhận diện giúp cơ quan chỉ đạo báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí ở Trung ương và địa phương, cơ quan chức năng, các cơ quan báo chí và các tổ chức, cá nhân nhận diện, giám sát, khắc phục, chấn chỉnh, xử lý những dấu hiệu chệch hướng nhằm tạo ra môi trường lành mạnh, tạo ra cơ chế, chính sách hỗ trợ báo chí, truyền thông theo kịp sự phát triển của truyền thông hiện đại.

Kết quả đạt được:

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, từ tháng 01/2019 đến hết tháng 8/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành 16 cuộc thanh tra, 12 cuộc kiểm tra và nhiều cuộc làm việc để chấn chỉnh, xử lý biểu hiện “báo hóa” tạp chí, “báo hóa” trang thông tin điện tử, “báo hóa” mạng xã hội và biểu hiện “tư

nhân hoá" báo chí; ban hành 84 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 2.829.450.000 đồng; trong đó, 24 trường hợp vi phạm thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích; xử lý nghiêm theo quy định đối với các cơ quan báo chí thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích để xảy ra nhiều sai phạm, trong đó một số cơ quan báo chí để xảy ra nhiều vi phạm với tính chất rất nghiêm trọng, ngoài việc phạt tiền còn bị tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn (đình bản). Các cơ quan cơ quan báo chí đã nghiêm túc nhận ra những sai sót, khuyết điểm, chấp hành quyết định xử phạt; có văn bản cam kết cụ thể về biện pháp, kế hoạch chấn chỉnh hoạt động; rà soát, kiểm tra nội dung thông tin, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích; bảo đảm kiểm soát nội dung thông tin, năng lực sản xuất tin, bài; tuân thủ quy định pháp luật về báo chí.

- Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch xử lý tình trạng “báo hoá” tạp chí, “báo hoá” trang thông tin điện tử tổng hợp, “báo hoá” mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hoá” báo chí. Công tác chấn chỉnh, xử lý sai phạm được thực hiện quyết liệt, bài bản, đi vào trọng tâm, trọng điểm những vấn đề nổi cộm mà dư luận xã hội bức xúc, quan tâm. Các đơn vị chức năng của Bộ TTTT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, xem xét để chấn chỉnh toàn diện, mọi mặt hoạt động của cơ quan báo chí và xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật (chủ yếu là các tạp chí thuộc Hội, Viện).

- Các tạp chí thể hiện cụm từ “tạp chí” hoặc “tạp chí điện tử” trên giao diện trang chủ bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ TTTT, tránh gây nhầm lẫn giữa tạp chí và báo.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, cấp lại giấy phép hoạt động các báo, tạp chí với tôn chỉ, mục đích theo quy định; đặc biệt các tạp chí bảo đảm tính chuyên sâu, chuyên ngành, bám sát chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản báo chí. Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 25/9/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp lại 210 giấy phép hoạt động của cơ quan báo chí, trong đó có 150 tạp chí.

- Triển khai nhiều biện pháp siết chặt cấp phép trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội đã giúp cho số lượng trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội được cấp phép giảm đáng kể trong những năm gần đây.

4. Quản lý chặt chẽ các nền tảng số nước ngoài, đẩy mạnh phát triển các mạng xã hội trong nước

Nhằm quản lý chặt chẽ các nền tảng số nước ngoài, đẩy mạnh phát triển các nền tảng số trong nước, trong thời gian qua, Bộ TTTT đã tham mưu Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bổ sung và tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực này; ban hành nhiều văn bản gửi các doanh nghiệp, nền tảng xuyên biên giới yêu cầu phối hợp, chấn chỉnh hoạt động, cụ thể:

- Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 về quản lý quảng cáo xuyên biên giới, trong đó bổ sung các quy định mới đáng chú ý như: (1) Doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới phải gỡ bỏ quảng cáo vi phạm trong vòng 24 giờ theo yêu cầu của Bộ TTTT; (2) Các báo điện tử, mạng xã hội, trang tin điện tử, người quảng cáo có quyền yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo trong và ngoài nước phải cung cấp giải pháp kỹ thuật kiểm tra, loại

bỏ quảng cáo vi phạm; (3) Yêu cầu các báo điện tử, mạng xã hội, trang tin điện tử, đại lý quảng cáo trong nước không hợp tác quảng cáo với các trang tin/nền tảng quảng cáo không tuân thủ luật pháp Việt Nam.

- Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

- Xây dựng Cẩm nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng. Cẩm nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng được xây dựng nhằm cung cấp các thông tin, kỹ năng cơ bản nhất để nhận biết và đối phó với tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng trong bối cảnh hiện nay.

- Ban hành các văn bản có biện pháp yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới (Facebook, Google, Tiktok) xử lý thông tin vi phạm về dịch Covid – 19, thông tin gây ảnh hưởng xấu đến trẻ em và hạn chế quảng cáo vào clip xấu độc, bảo vệ sự kiện bầu cử Quốc hội khóa XV.

5. Về Ban hành quy định về quản lý các doanh nghiệp kinh doanh nội dung xuyên biên giới

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội, thời gian qua, Chính phủ đang xem xét ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình để quản lý loại hình dịch vụ này của các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ qua mạng Internet xuyên biên giới tại Việt Nam.

6. Về Phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường mạng

Nhằm hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP về quản lý quảng cáo xuyên biên giới, trong đó bổ sung các quy định mới đáng chú ý như: (1) Doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới phải gỡ bỏ quảng cáo vi phạm trong vòng 24 giờ theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông; (2) Các báo điện tử, mạng xã hội, trang tin điện tử, người quảng cáo có quyền yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo trong và ngoài nước phải cung cấp giải pháp kỹ thuật kiểm tra, loại bỏ quảng cáo vi phạm; (3) Yêu cầu các báo điện tử, mạng xã hội, trang tin điện tử, đại lý quảng cáo trong nước không hợp tác quảng cáo với các trang tin/nền tảng quảng cáo không tuân thủ luật pháp Việt Nam.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng đang được Chính phủ xem xét ban hành nhằm đáp ứng những yêu cầu mới phát sinh trong hoạt động quản lý nội dung thông tin trên mạng, bổ sung

nhiều quy định nhằm quản lý chặt chẽ các nền tảng số nước ngoài, đẩy mạnh phát triển các nền tảng số trong nước.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông rà quét, phát hiện và ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin xấu độc, sai sự thật trên không gian mạng; tổ chức nhiều đợt đấu tranh cứng rắn, quyết liệt với các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam; đẩy mạnh việc tiếp nhận phản ánh và xác minh tin giả, gắn nhãn tin giả và công bố thông tin xác thực trên các phương tiện thông tin đại chúng, lan tỏa sự thật góp phần ngăn chặn, đẩy lùi thông tin xấu độc, xây dựng môi trường mạng trong sạch; tăng cường công tác hậu kiểm, thường xuyên rà quét các trang mạng xã hội, xử lý các hành vi vi phạm, đặc biệt là việc xử lý các đối tượng có hành vi sai trái, vi phạm thuần phong mỹ tục trên mạng xã hội (từ xử phạt hành chính cho đến rút giấy phép hoặc kiến nghị cơ quan chủ quản xử lý).

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý nội dung, quản lý hoạt động quảng cáo cho dịch vụ OTT-TV xuyên biên giới; phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước để rà soát dòng tiền, đồng thời, tổ chức các cuộc làm việc với các nền tảng xuyên biên giới lớn tại Việt Nam; phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo 35 Trung ương triển khai rà quét, đánh giá xu hướng các luồng thông tin được dư luận quan tâm, phát hiện và ngăn chặn kịp thời nguồn thông tin xấu độc (chặn website, yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm), cũng như xử lý nghiêm các đối tượng phát tán tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

Kết quả đạt được:

Tính đến ngày 31/8/2022, có 954 mạng xã hội trong nước đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép thiết lập mạng xã hội, trong đó có 10 mạng xã hội có trên 01 triệu tài khoản đăng ký hoạt động. Zalo là mạng xã hội trong nước lớn nhất. Hoạt động của các mạng xã hội Việt Nam do Bộ TTTT cấp phép đang dần thể hiện được vai trò định hướng dư luận, là cầu nối và sân chơi mới cho người dùng đăng tải, chia sẻ thông tin về đời sống, các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, thể thao, du lịch, giáo dục, thời trang, ẩm thực, an ninh, quốc phòng..., tạo nên lượng thông tin phong phú, đa dạng trên không gian mạng, giúp người dùng có nhiều nguồn tin kiểm chứng và đánh giá về sản phẩm, dịch vụ từ cộng đồng mạng chia sẻ.

7. Triển khai mạng lưới công nghệ thông tin ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đồng hành cùng các địa phương triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp để thực hiện chuyển đổi số. Bộ Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn các địa phương thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng. Trong đó, mỗi thôn, bản, tổ dân phố có thể thành lập 01 Tổ công nghệ số cộng đồng; mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ CNSCD) có thể gồm Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố và 02 nhân sự (khuyến nghị có sự

tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, có tư duy muốn chấp nhận và thử nghiệm cái mới, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số. Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống; người dân được tiếp cận công nghệ theo cách đơn giản, tự nhiên, xuất phát từ nhu cầu và tạo ra giá trị thiết thực. Tính đến ngày 26/9/2022, cả nước đã có 61/63 tỉnh, thành phố đã thành lập 59.581 Tổ CNSCĐ và 270.357 thành viên tham gia cấp xã, thôn, phố. Trong đó, có 33/63 tỉnh, thành phố hoàn thành 100% Tổ CNSCĐ đến cấp xã.

Ngày 14/10/2021 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg). Ngày 04/8/2022 Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 698/CD-TTg giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, khảo sát thực tế tại một số địa phương về việc thực hiện nhiệm vụ nêu trên và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo trước khi hướng dẫn thực hiện.

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang thành lập Đoàn khảo sát, nghiên cứu triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự kiến thời gian khảo sát trong tháng 9/2022. Trên cơ sở khảo sát thực trạng tại một số địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ xây dựng báo cáo đánh giá, đề xuất giải pháp thực hiện nhiệm vụ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Khẩn trương ban hành Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Ngày 15/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Chiến lược). Thời gian vừa qua, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chiến lược và bước đầu đạt được những kết quả tích cực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong đó, Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tiếp tục phát huy hiệu quả để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Một số cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng (dân cư, doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, hộ tịch điện tử...) đã được xây dựng và đưa vào vận hành khai thác phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Nhiều dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 mang lại nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, góp phần vào công tác cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số quốc gia. Một số hệ thống, ứng dụng quy mô quốc gia như Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ; Cổng Dịch vụ công quốc gia... đã được đưa vào sử dụng đạt hiệu quả cao. Cán bộ, công chức, viên chức đã có thói quen xử lý công việc trên môi trường mạng. Như vậy, nhiệm vụ của Quốc hội giao đã được hoàn thành.

9. Năm 2021, cơ bản hoàn thành các cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) và việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4

Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia là nguồn lực, tài nguyên quan trọng để phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Hiện nay, một số CSDL quốc gia tạo nền tảng Chính phủ điện tử đã được xây dựng, tiêu biểu như:

- CSDL quốc gia về dân cư được đẩy mạnh triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích cho người dân và doanh nghiệp. Bộ Công an đã hoàn thành 9/11 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; Tích hợp thử nghiệm về mặt kỹ thuật, giải pháp đối với việc xác thực danh tính qua thẻ CCCD gắn chip điện tử được trang bị tại các quầy giao dịch của 05 Ngân hàng (BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank, PVcombank); Triển khai thí điểm sử dụng thẻ CCCD thay thẻ ATM tại một số chi nhánh của 03 ngân hàng lớn (BIDV, Vietinbank, Vietcombank) tại thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh; Sử dụng thẻ CCCD trong khám chữa bệnh 6.361 cơ sở khám chữa bệnh (chiếm khoảng 48%); Kết nối chính thức với 11 đơn vị bộ, ngành và 14 địa phương để làm giàu dữ liệu, đồng bộ thông tin với dữ liệu dân cư; Kết nối thử nghiệm thông tin thuê bao (trừ thông tin mật) của 03 doanh nghiệp viễn thông lớn (VNPT, Viettel, Mobifone) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực dữ liệu người dùng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết tình trạng sử dụng SIM rác (SIM thuê bao di động có thông tin đăng ký không đúng quy định).

- CSDL quốc gia về Bảo hiểm quản lý thông tin của 27 triệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm thông tin của 98 triệu người dân.

- CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc có khoảng 28 triệu dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có trên 7 triệu trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định; trên 6 triệu dữ liệu đăng ký kết hôn; trên 4 triệu dữ liệu đăng ký khai tử.

- CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp chứa thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn 01 triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; tỷ lệ số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đạt 100%.

10. Về tập trung đầu tư cho bảo đảm an toàn thông tin, phát triển công nghệ số; sớm ban hành kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025

a) Tập trung đầu tư cho bảo đảm an toàn thông tin

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tại khoản 6 mục IV có các nhiệm vụ trọng tâm bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia.

Việc tổ chức quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng cơ bản được kiện toàn bước đầu từ Trung ương đến địa phương. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã chỉ định bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác bảo đảm an toàn thông tin trong phạm vi hoạt động của cơ quan, tổ chức mình. Tới hết năm 2020, 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành mục tiêu triển khai bảo vệ an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường đôn đốc các chủ quản hệ thống thông tin thực hiện nghiêm túc: các quy định pháp luật về bảo vệ an ninh mạng; xác định cấp độ và trách nhiệm bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo từng cấp độ và triển khai mô hình bảo vệ 4 lớp trước khi đưa vào sử dụng; triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp đối với hệ thống thông tin của các lĩnh vực quan trọng. Đồng thời đôn đốc các doanh nghiệp hạ tầng số, cũng như các bộ, ngành, địa phương triển khai trung tâm điều hành an toàn thông tin mạng (SOC).

Kết quả thực hiện:

- Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức an toàn thông tin giai đoạn 2021 – 2025”; Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 – 2025”; Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 – 2025”; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 16/8/2022 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Quyết định số 1498/QĐ-BTTTT ngày 10/8/2022 về việc ban hành yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với sản phẩm phân tích và phát triển hành vi bất thường của người dùng trên mạng; Quyết định số 1439/QĐ-BTTTT ngày 26/7/2022 về quy trình hướng dẫn thực hiện diễn tập thực chiến; Quyết định số 1356/QĐ-BTTTT ngày 07/7/2022 về việc ban hành tiêu chí đánh giá giải pháp, dịch vụ Trung tâm giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng.

Các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin trên đã góp phần nâng cao nhận thức, nâng cao trách nhiệm đối với việc thực hiện bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp và triển khai các Trung tâm SOC tại các bộ, ngành, địa phương và đã chú ý đến bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai, đầu tư, thuê hoặc thử nghiệm phục vụ bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin của mình.

b) Tập trung đầu tư cho phát triển công nghệ số

Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển công nghệ số, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số (DNCNS). Chủ trương, định hướng phát triển DNCNS và CNS chính thức được công bố, đã tạo một luồng sinh khí mới, năng lượng tích cực, hiệu triệu hàng chục nghìn DNCNS hưởng ứng tham gia. Phát triển DNCNS và CNS theo tinh thần “Sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam, sản xuất tại Việt Nam” là một chủ trương, định hướng sáng tạo lớn để khơi dậy nội lực, khát vọng của đất nước phát triển trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của ngành công nghiệp

công nghệ số nói riêng, tạo bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, nâng cao năng lực toàn diện về chuyển đổi số hình thành quốc gia số, là trụ cột cho xây dựng xã hội số, Chính phủ số hiện đại hóa, thông minh hóa các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp và mọi mặt đời sống xã hội góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa đất nước vào năm 2045.

Các sản phẩm, giải pháp công nghệ số Make in Viet Nam tiếp tục được các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu bắt kịp theo các xu hướng công nghệ của thế giới như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, Internet kết nối vạn vật, thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường, tự động hóa,... Các giải pháp công nghệ số Make in Viet Nam thời gian qua đã hướng tới tập trung vào việc giải quyết các thách thức tồn tại trong các doanh nghiệp, tổ chức như tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, tăng sức sáng tạo trong nhân viên, nâng cao trải nghiệm khách hàng, đồng thời chung tay cùng Nhà nước góp phần giải quyết một số vấn đề nóng của xã hội trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, giao thông, chính phủ số, chuyển đổi số quốc gia.

Kết quả đạt được:

Trong 8 tháng đầu năm 2022, doanh thu công nghiệp ICT: ước đạt 97,69 tỷ USD ước đạt 66% so với mục tiêu năm 2022. Chính sách phục hồi nền kinh tế của Chính phủ tiếp tục phát huy tác dụng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp CNTT tiếp tục phát triển. Tổng doanh thu công nghiệp CNTT 8 tháng ước đạt 2,26 triệu tỷ đồng (~ 97 tỷ USD) tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2021, đóng góp khoảng 47.000 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DNCNS tiếp tục hồi phục mạnh mẽ với số lượng đăng ký thành lập tiếp tục tăng. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), số DNCNS ước tính đến hết tháng 8/2022 đạt 69.300 doanh nghiệp tăng 500 doanh nghiệp so với tháng 7/2022 với tỷ lệ DNCNS/1.000 dân đạt khoảng 0,695.

c) Về ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 về việc Phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (thay vì Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 - theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ). Chiến lược đã ban hành với mục tiêu: Không gian mạng quốc gia được xây dựng, phát triển văn minh, lành mạnh, là động lực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Năng lực quốc gia về bảo đảm an toàn, an ninh mạng được nâng cao, chủ động, sẵn sàng ứng phó với các nguy cơ, thách thức từ không gian mạng nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và công cuộc chuyển đổi số quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên không gian mạng. Ngay sau khi Chiến lược được ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Quyết định số 1762/QĐ-BTTTT ngày 21/9/2022 ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược.

XIV. LĨNH VỰC NỘI VỤ, THANH TRA

1. Về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 56/2017/QH14), Chính phủ đã ban hành 19 Nghị định và 06 Nghị quyết về tổ chức bộ máy, biên chế, tinh giản biên chế và quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Về triển khai sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo). Ban Chỉ đạo đã tích cực đôn đốc các Bộ, ngành rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và phân công của Chính phủ; xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kết quả cụ thể như sau:

+ 03 Nghị định đã được ban hành. Theo đó, đã giảm được 01 Tổng cục, 03 Vụ và 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của các Bộ, ngành; đồng thời, giảm được 19 phòng thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra và 15 phòng thuộc Cục.

+ 13 Bộ, ngành đã trình Chính phủ về việc ban hành dự thảo Nghị định; trong đó, 07 Bộ, ngành đã gửi lấy ý kiến thành viên Chính phủ;

+ 02 Bộ, ngành đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định lần 2. Bộ Nội vụ đã có Văn bản thẩm định lần 2 đối với dự thảo Nghị định của 02 Bộ, ngành nêu trên.

+ 02 Bộ đã trình Chính phủ, tuy nhiên tiếp tục đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp có ý kiến và thẩm định sau khi rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn (Bộ Nội vụ đã có ý kiến).

- Đối với 06 Bộ, ngành cần tiếp tục báo cáo Ban Chỉ đạo theo Thông báo số 74/TB-BCĐĐMSXTCBM, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo tại Thông báo số 88/TB-BCĐĐMSXTCBM ngày 24/8/2022 và ý kiến của Bộ Nội vụ, 06 Bộ, ngành đang hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp để có ý kiến thẩm định lần 2.

3. Về tiêu chuẩn, điều kiện chứng chỉ tin học, ngoại ngữ trong tuyển dụng, thi, xét nâng ngạch, thăng hạng viên chức, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại

Để cắt giảm chứng chỉ bồi dưỡng không phù hợp đối với công chức, viên chức, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ đã có văn bản đề nghị các Bộ quản lý ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khẩn trương nghiên cứu, rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

Đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành 02 Thông tư về tiêu chuẩn viên chức chuyên ngành thư viện, viên chức chuyên ngành di sản (thay thế 02 Thông tư liên tịch); Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung 02 Thông tư về tiêu chuẩn viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập, viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm; Bộ Y tế ban hành 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung 06 Thông tư liên tịch quy định tiêu chuẩn chức danh bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y tế công cộng, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dược, dinh dưỡng, dân số.

4. Về tổng kết Đề án thí điểm thi tuyển vào các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Vụ, Sở, phòng

Thực hiện Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2022, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ tiến hành tổng kết 5 năm triển khai Đề án thí điểm thi tuyển vào các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Vụ, Sở, phòng. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 1917/BNV-CCVC ngày 11/5/2022 đề nghị các Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương trong diện thực hiện thí điểm tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án và tiến hành tổng kết 5 năm triển khai Đề án gửi Bộ Nội vụ để tiến hành tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị vào tháng 12/2022.

5. Về nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở

Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Nội vụ nghiên cứu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các quy định của pháp luật có liên quan để trình Chính phủ trong quý IV năm 2022 (Trong đó có nội dung về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở).

6. Thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, công khai lịch tiếp công dân trên cổng thông tin điện tử; chú trọng việc đối thoại, làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở gắn với công tác dân vận

Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật tố cáo năm 2018; ban hành Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành các Thông tư hướng thi hành các quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần bảo đảm ổn định tình hình chính trị - xã hội. Thanh tra Chính phủ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo phục vụ các sự kiện chính trị quan trọng, nhất là Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa

XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026. Trực tiếp tiến hành kiểm tra, đôn đốc công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo tại một số địa phương; tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tiếp công dân, xử lý đơn. Thực hiện tốt việc điều phối hoạt động của các cơ quan tham gia tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương; tiếp tục thực hiện Chương trình phối hợp giữa Thanh tra Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Các bộ, ngành, địa phương quan tâm, triển khai có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy đã tập trung, vào cuộc ngay từ đầu, tổ chức đối thoại, chỉ đạo giải quyết và tăng cường kiểm tra, giám sát việc giải quyết của chính quyền cùng cấp. Nhiều địa phương tiếp tục phát huy, nhân rộng cách làm mới, dân chủ với sự tham gia của đại diện các ban của Đảng, các tổ chức đoàn thể trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, qua đó đã giải quyết đúng pháp luật, có lý có tình, dứt điểm nhiều vụ việc ngay từ cấp cơ sở.

Công tác hòa giải ở cơ sở, đối thoại gắn với công tác dân vận trước khi ban hành quyết định giải quyết được chú trọng, nhiều vụ việc công dân tự nguyện rút đơn sau khi được hòa giải, vận động, thuyết phục; có sự linh hoạt trong đối thoại, kết hợp vận dụng các chính sách hỗ trợ nhằm giúp các hộ khiếu kiện là hộ nghèo, hộ chính sách ổn định cuộc sống, chấm dứt khiếu kiện.

Thanh tra Chính phủ đã triển khai phần mềm đặt lịch tiếp công dân trên Cổng Thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ tại Trụ sở Tiếp công dân trung ương, phần mềm chính thức được triển khai từ ngày 1/7/2020. Từ tháng 11/2020 đến nay, có nhiều lượt công dân thực hiện việc đăng ký trên Phần mềm, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương, đã xếp lịch cho các công dân trên, tuy nhiên công dân khi được xếp lịch không đến theo lịch hẹn tiếp của Trụ sở. Hiện tại, việc thông tin lại cho công dân về lịch hẹn tiếp thông qua tin nhắn SMS hoặc email vẫn chưa thực hiện được, còn gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật. Tiếp tục triển khai Đề án thí điểm tổ chức Bộ phận một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính tại Trụ sở Tiếp công dân Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 730/QĐTTCP ngày 17/10/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ tại cả hai Trụ sở tiếp công dân tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

7. Giải quyết hiệu quả, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tồn đọng, kéo dài

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch số 1130/KH-TTCP ngày 10/5/2012 và Kế hoạch số 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 về rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác rà soát, đôn đốc giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài; ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đôn đốc giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài .

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc các địa phương khẩn trương rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài, vụ việc khiếu kiện đông người tại các cơ quan trung ương, Thanh tra Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đôn đốc, kiểm tra tại các địa phương. Hiện nay đang trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, phối hợp rà soát, thống nhất phương án, trên cơ sở đó có lộ trình để các địa phương giải

quyết dứt điểm từng vụ việc và đề xuất cấp có thẩm quyền có giải pháp phù hợp đối với những vụ việc cụ thể có nguyên nhân vướng mắc do chính sách, pháp luật.

Nhìn chung, công tác tiếp công dân, giải quyết, khiếu nại, tố cáo đã được tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp một cách quyết liệt, đã quan tâm thực hiện công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC theo thẩm quyền; tiếp tục quan tâm phối hợp thực hiện việc kiểm tra rà soát, giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài và sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tình hình khiếu nại, tố cáo tiếp tục có xu hướng giảm dần, góp phần quan trọng trong việc củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tạo sự ổn định chính trị - xã hội, phục vụ các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

8. Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả công tác phòng, chống tham nhũng của bộ, ngành

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Văn bản số 4569/VPCP-V.I ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ ban hành Kế hoạch số 1762 /KH-TTCP, ngày 04 tháng 10 năm 2021 nghiên cứu, xây dựng Bộ chỉ số và thí điểm đánh giá công tác PCTN năm 2021 đối với một số Bộ; lựa chọn thí điểm, nghiên cứu, xây dựng, ban hành Bộ chỉ số và đánh giá công tác PCTN năm 2021 đối với 3 bộ đại diện 3 lĩnh vực: Bộ quản lý lĩnh vực kinh tế ngành (Bộ Công thương), bộ quản lý lĩnh vực kinh tế tổng hợp (Bộ Tài chính), bộ quản lý lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo) nhằm từng bước hoàn thiện việc đánh giá công tác PCTN đối với các bộ, ngành theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN của các bộ, ngành.

9. Tăng cường phát hiện, xử lý tham nhũng; tập trung thanh tra những lĩnh vực trọng điểm, nhạy cảm, để phát sinh tiêu cực, tham nhũng, được dư luận xã hội quan tâm

Xác định tăng cường phát hiện, xử lý tham nhũng là một trong các nhiệm vụ giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, tiêu cực, Chính phủ đã chỉ đạo Thanh tra Chính phủ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện nhiệm vụ, như:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; nhằm sớm đưa các quy định mới của pháp luật phòng, chống tham nhũng vào đời sống xã hội; thường xuyên, chủ động nắm bắt thông tin phản ánh về tham nhũng, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành địa phương thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Tiến hành thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu các bộ,

ngành, địa phương trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhất là công tác kê khai tài sản, xác minh tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; thực hiện quy định về công khai, minh bạch trên các lĩnh vực (đặc biệt trong quy hoạch, sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, dự án đầu tư, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, ...); phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng trong xử lý trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng và chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm tham nhũng theo quy định.

- Thanh tra Chính phủ phối hợp với Ban Nội chính Trung ương, Ban Nội chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban Kiểm tra các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cơ quan Công an nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân... hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực nội chính, PCTN và cải cách tư pháp. Ngoài ra, đã thực hiện các hoạt động phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu kinh nghiệm để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật về công tác PCTN; tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ việc, vụ án tham nhũng, dư luận xã hội quan tâm. Chính phủ đã xây dựng báo cáo về công tác PCTN để báo cáo Quốc hội tại các kỳ họp cuối năm. Các báo cáo đã được đánh giá cao, đánh giá đúng tình hình tham nhũng, công tác PCTN, các giải pháp góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PCTN.

- Trong công tác thanh tra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt định hướng chương trình công tác thanh tra hằng năm, trong đó chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tăng cường thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực có nhiều nguy cơ và dư luận về tiêu cực, tham nhũng như: Các dự án có số vốn đầu tư lớn; quản lý, sử dụng đất đai; cổ phần hóa, thoái vốn, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; việc mua bán, chuyển nhượng tài sản công; các dự án mua sắm lớn sử dụng vốn nhà nước,... Tập trung thanh tra, kiểm tra, xử lý dứt điểm những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, quyết định về thanh tra; nâng cao chất lượng kết luận thanh tra, đảm bảo chặt chẽ, khách quan, kịp thời và khả thi; xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với tập thể, cá nhân vi phạm phát hiện qua thanh tra; kiên nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực được thanh tra.

- Hằng năm, Thanh tra Chính phủ đã tập trung, khẩn trương tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm đảm bảo thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; kịp thời triển khai các nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, TC; cụ thể, trong thời gian qua tập trung thực hiện cuộc thanh tra chuyên đề việc mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm, Kít xét nghiệm, vacxin, thuốc phòng, chống dịch Covid-19 trên phạm vi toàn quốc; tiếp tục thúc đẩy tiến độ, hoàn thiện dự thảo, ban hành, công khai kết luận thanh tra đối với các cuộc thanh tra đã kết thúc thanh tra trực tiếp, nhất là các cuộc thanh tra đã triển khai từ những năm trước chưa ban hành kết luận. Kết quả công tác thanh tra tiếp tục góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

XV. LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ; TƯ PHÁP

1. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công trong Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 13/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án. Về cơ bản, những nhiệm vụ, chỉ tiêu Quốc hội giao trong Nghị quyết số 96/2019/QH14 đều đạt yêu cầu; 100% tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đều được thụ lý; 100% các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đều được thụ lý điều tra, xác minh và khởi tố nếu có căn cứ; tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm, nhất là tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đều vượt chỉ tiêu Quốc hội giao. Tai nạn giao thông, cháy, nổ, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giảm cả về số vụ, số người chết và số người bị thương. Số đối tượng bị tạm giữ, tạm giam chết không do bệnh lý thuộc trách nhiệm quản lý của cơ sở giam giữ tiếp tục được kéo giảm; cơ bản khắc phục tình trạng tạm giữ, tạm giam chung người trong cùng vụ án, người dưới 18 tuổi với người trên 18 tuổi.

Tuy nhiên, vẫn còn một số nhiệm vụ, chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu, như: Vẫn còn trường hợp đối tượng tạm giữ, tạm giam trốn, chết do đánh nhau, tự sát, phạm tội mới trong các cơ sở giam giữ; số người bị kết án phạt tù trốn ngoài xã hội tuy giảm, song chưa đáng kể; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố chưa đạt yêu cầu.

2. Việc chấp hành pháp luật trong công tác điều tra, xử lý tội phạm

a) Về xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch số 01 ngày 29/11/2021 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 01/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Tổ chức tập huấn, triển khai các quy định mới, nhất là đối với lực lượng Công an xã chính quy trong công tác tiếp nhận, kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác tội phạm. Trong kỳ thống kê đã thụ lý giải quyết 267.655 tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố (giảm 2,13%); trong đó số mới nhận là 216.933 (giảm 2,95%), số phục hồi là 17.312 (tăng 16,3%). Đã giải quyết 222.490 tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố (tăng 5,12%), đạt tỷ lệ 83,13%; trong đó, số khởi tố 118.121 vụ án (giảm 3,15%). Số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết là 39.083 (tăng 15,2%). Công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cơ bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra các cấp tích cực phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát tiến hành phân loại, xử lý và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác này; sai phạm trong công tác tiếp nhận, phân loại, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giảm mạnh; không còn tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố quá hạn nhưng chưa được giải quyết. Tuy nhiên, tỷ lệ giải

quyết tin báo, tố giác tội phạm chưa đạt yêu cầu Quốc hội giao.

b) Công tác điều tra, xử lý tội phạm

Bộ Công an xây dựng “Đề án tổng thể về nâng cao năng lực của cơ quan điều tra các cấp trong Công an nhân dân giai đoạn 2021-2025”; tham mưu triển khai xây dựng Dự án “Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh” theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; đã kịp thời hướng dẫn cụ thể Cơ quan điều tra các cấp thực hiện các biện pháp điều tra và khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi trong điều kiện dịch Covid-19. Nhìn chung, công tác điều tra, xử lý tội phạm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, có sự giám sát chặt chẽ của Viện kiểm sát các cấp; chất lượng công tác điều tra tiếp tục được nâng lên. 100% các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đều được khởi tố vụ án để điều tra; các vụ đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Số vụ Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung 2.744 vụ; Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án 31 vụ. Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về điều tra, xử lý tội phạm, đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án; tiếp tục rà soát giải quyết dứt điểm các vụ án tồn đọng, rà soát lại các vụ án tạm đình chỉ điều tra từ trước tới nay, nhất là các vụ sắp hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự để xác định các căn cứ phục hồi và tiến hành điều tra theo đúng quy định.

3. Về thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến năm 2030

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến năm 2030 được thực hiện trong 02 giai đoạn (từ năm 2016 đến năm 2020 và từ năm 2021 đến năm 2025), Chương trình phòng, chống tội phạm giai đoạn 2021 – 2025; Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về công tác phòng chống tội phạm; xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao vai trò trách nhiệm, xử lý của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra tình hình tội phạm kéo dài, hoạt động lộng hành hoặc bao che cho tội phạm; Tập trung hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động sơ, tổng kết, khen thưởng, tuyên truyền. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 138 Bộ Công an đã thường xuyên tổ chức giao ban Tổ chuyên viên liên ngành giúp việc Ban Chỉ đạo và tổ chức sơ, tổng kết công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống mua bán người.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm, các chuyên đề nổi lên thời gian qua; chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thực hiện tốt chức năng Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc...; ban hành các kế hoạch triển khai tháng hành động phòng, chống ma túy; ngày toàn dân, phòng, chống mua bán người (ngày 30/7), tháng hành động vì an toàn thực phẩm (từ ngày 15/4 -15/5); kiện toàn và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm Bộ Công an. Chủ động ban hành văn bản

chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các công tác lớn, sơ, tổng kết các văn bản phối hợp liên tịch theo chuyên đề về phòng, chống tội phạm ký kết với Bộ Công an.

4. Về đấu tranh với tội phạm ma túy; tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen; mua bán người; xâm hại trẻ em; làm giả con dấu, tài liệu giấy tờ của cơ quan, tổ chức

a) Đấu tranh với tội phạm ma túy

Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi); khẩn trương xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy để ban hành ngay sau khi Luật có hiệu lực. Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16-8-2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy với nhiều hình thức; các bộ, ngành, địa phương đã triển khai “Tháng hành động phòng, chống ma túy” trên phạm vi toàn quốc với nhiều hoạt động thiết thực với chủ đề “Vì sức khỏe của mọi người, hạnh phúc của mọi nhà – Hãy tránh xa ma túy”. Chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong phòng ngừa, ngăn chặn ma túy ngay từ khu vực biên giới, cửa khẩu. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã xây dựng các phương án trong phòng ngừa, đấu tranh trên các tuyến trọng điểm; trong đó thường xuyên thông tin, trao đổi phương thức, thủ đoạn, diễn biến hoạt động của tội phạm cho các cơ quan có liên quan để triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh. Tăng cường hợp tác toàn diện với Lào, góp phần ngăn chặn ma túy từ xa... Đã phát hiện, bắt giữ 65.327 vụ, 85.214 đối tượng phạm tội ma túy, khởi tố 38.213 vụ, 50.228 bị can; thu giữ hơn 1.023 kg heroin, hơn 4 tấn và gần 3 triệu viên ma túy tổng hợp. Chỉ đạo đẩy mạnh hơn nữa các kế hoạch, biện pháp đấu tranh, tập trung triệt xóa các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, ngăn chặn ma túy thâm lậu vào trong nước; tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp chặt chẽ với lực lượng chức năng của các nước trong khu vực, kiên quyết không để Việt Nam là địa bàn trung chuyển ma túy quốc tế.

b) Tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 12/CT-TTg về đấu tranh với tội phạm “tín dụng đen”; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội thực hiện tốt công tác phòng ngừa xã hội kết hợp với phòng ngừa nghiệp vụ. Tăng cường các biện pháp công tác, quản lý địa bàn, đối tượng, điều tra cơ bản các cơ sở kinh doanh có dấu hiệu hoạt động “tín dụng đen”; rà soát lên danh sách, kiểm danh, kiểm diện, gọi hỏi răn đe số đối tượng có biểu hiện hoạt động cho vay lãi nặng, đòi nợ thuê, nhất là, số đối tượng có tiền án, tiền sự, đối tượng trong diện quản lý nghiệp vụ, đối tượng từ địa phương khác đến nơi cư trú có dấu hiệu tụ tập để hoạt động liên quan đến “tín dụng đen”. Đồng thời, thông báo công khai đến người dân số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận tín báo, tố giác tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan “tín dụng đen”; chỉ đạo cơ quan điều tra khẩn trương làm rõ các vụ án liên quan “tín dụng đen”, nhất là các vụ án liên quan do các đối tượng, băng nhóm tội phạm gây ra có sử dụng vũ khí nóng; đã triệt phá 2.012 băng, nhóm tội phạm, trong đó, có số băng, nhóm tội phạm liên quan “tín dụng đen”. Triển khai các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh

có hiệu quả với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen, nhất là triệt phá các băng nhóm tội phạm hoạt động “tín dụng đen”.

c) Tội phạm mua bán người, xâm hại trẻ em

Bộ Công an đã triển khai thực hiện công tác “Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến phòng, chống mua bán người” thuộc Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người, quy định liên quan công tác điều tra, xử lý tội phạm mua bán người nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân bị mua bán. Kết quả, đã phát hiện 65 vụ, 85 đối tượng liên quan đến tội phạm mua bán người; 1.021 vụ hiếp dâm trẻ em. Đồng thời, tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan công tác này nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người.

d) Tội phạm làm giả con dấu, tài liệu giấy tờ của cơ quan, tổ chức

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 268/KH-BCA-A03 ngày 29/11/2018 về đấu tranh với hoạt động, quảng cáo, sản xuất, mua bán và sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả. Qua đó đã phát hiện 615 vụ, 728 đối tượng làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; khởi tố mới là 565 vụ, 615 bị can.

5. Về giải pháp bảo vệ người tố cáo, phản ánh, kiến nghị, cung cấp thông tin về các hành vi có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10-01-2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 145/2020/TT-BCA ngày 29/12/2020 quy định thẩm quyền trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TW và Thông tư số 145/2020/TT-BCA; các văn bản được phổ biến, quan triệt đến từng cán bộ, chiến sĩ, qua đó đã tạo nhận thức sâu sắc chỉ đạo của Bộ Chính trị, nâng cao tinh thần, trách nhiệm, đạo đức công vụ, ý thức tổ chức kỷ luật trong công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Quá trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp xúc với người tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải chú trọng tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và bảo vệ người phát hiện tố cáo, kiến nghị, phản ánh; khuyến khích động viên nhân dân mạnh dạn tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật về danh tính người tố cáo trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền. Đã tiếp 605 lượt công dân, 627 vụ việc, trong đó, 328 vụ việc thuộc trách nhiệm; tiếp nhận, xử lý 10.231 đơn các loại, trong đó, có 6.152 đơn thuộc trách nhiệm, có 754/9.214 đơn có nội dung tố giác, tố cáo về tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, trong đó có 112 đơn thuộc trách nhiệm; đã tiếp nhận 68 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền, trong đó, có 48 đơn tố cáo có danh, đến nay đã giải quyết 26 đơn, đang giải quyết 38 đơn. Quá trình tiếp công

dân, xử lý đơn thư, giải quyết tố cáo, Bộ Công an chấp hành đúng các quy định về bảo vệ thông tin, danh tính người tố giác, tố cáo; qua theo dõi công tác giải quyết tố cáo của Công an các đơn vị, địa phương hiện chưa phát hiện đơn vị, cá nhân có hành vi trả thù, trù dập người tố cáo, bao che cho người tố cáo hoặc không hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ người tố cáo.

6. Về các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự khu vực nông thôn

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 quy định việc xây dựng Công an xã chính quy. Trên cơ sở Nghị định số 42/2021/NĐ-CP, Bộ Công an đã triển khai nhiều mô hình, như: Công an thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; xây dựng xã, thị trấn điển hình về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; thí điểm triển khai xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 06/CT-BCA ngày 20/10/2016 về tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa bàn nông thôn trong tình hình mới. Công an các đơn vị, địa phương đã xây dựng, thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn. Đặc biệt, Bộ Công an đã hoàn thiện việc bố trí Công an 4 cấp, theo hướng tăng cường lực lượng Công an chính quy về Công an các xã để đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở. Đồng thời, ban hành kế hoạch về nghiên cứu chuyên đề “Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn trong hoạt động điều tra hình sự”, qua đó, điều chỉnh, phân công, phân cấp đối với Công an xã chính quy liên quan đến công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; làm rõ những khó khăn vướng mắc, bất cập của lực lượng Công an xã, phường, thị trấn; hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn trong hoạt động điều tra hình sự. Tiếp tục tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chủ động nắm tình hình, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai các biện pháp giữ vững ổn định an ninh, trật tự tại các vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, không để kẻ xấu lợi dụng kích động chống phá, hoạt động phạm tội. Tăng cường các biện pháp quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, rà soát quy trình cấp đất cho các doanh nghiệp tại các địa bàn, từ đó có biện pháp giải quyết theo hướng bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; triển khai các biện pháp công tác tại các tuyến, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự, nhất là các tuyến, địa bàn giáp ranh giữa nông thôn và thành thị, địa bàn biên giới, địa bàn giáp ranh giữa các tỉnh, địa bàn tập trung các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; rà soát, bổ sung sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự đối với địa bàn nông thôn.

7. Tăng cường các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biên giới, hải đảo

Thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 138 Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc Phòng đã tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tăng cường các giải pháp bảo đảm an

ninh, trật tự khu vực biên giới, biển; chỉ đạo các lực lượng chức năng triển khai thực hiện hiệu quả, có chiều sâu công tác nghiệp vụ cơ bản, sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nắm và đánh giá sát tình hình các loại tội phạm, vi phạm trên khu vực biên giới, biển. Chủ động xây dựng các kế hoạch nghiệp vụ đấu tranh trấn áp tội phạm, nhất là trên các tuyến, khu vực biên giới, tuyến biển trọng điểm; nâng cao số lượng, chất lượng chuyên án, kế hoạch nghiệp vụ.

Bộ Quốc phòng đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng của Công an, Hải quan và chính quyền địa phương trong chia sẻ thông tin về tội phạm, vi phạm pháp luật trên khu vực biên giới biển. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thường xuyên kiểm tra cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý khu vực biên giới, biển về công tác phòng chống tội phạm, vi phạm; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; không để cán bộ, chiến sĩ can thiệp, tiếp tay, bao che, làm nơ cho vi phạm, tội phạm.

a) Về bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biên giới

- Công tác phòng ngừa nghiệp vụ: Chủ động đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trình sát, phòng chống ma túy, tội phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện đồng bộ các nội dung công tác nghiệp vụ phòng, chống tội phạm với các biện pháp công tác Biên phòng, nắm chắc tình hình nội, ngoại biên.

- Công tác tuần tra, kiểm soát: Thực hiện nghiêm quy trình thủ tục, kiểm tra, giám sát Biên phòng tại các cửa khẩu; đẩy mạnh thủ tục Biên phòng điện tử tại các cửa khẩu biên giới đất liền; thực hiện mô hình kiểm tra “Một cửa, một lần dừng”, “Công kiểm soát xuất nhập cảnh tự động”; đổi mới các hoạt động trong kiểm soát biên giới, cửa khẩu, chủ động phát hiện, ngăn chặn tội phạm ngay từ biên giới.

- Xuất nhập cảnh trái phép: Hoạt động xuất nhập cảnh trái phép có chiều hướng phức tạp tại các tỉnh tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Campuchia. Đáng chú ý, thời gian gần đây Trung Quốc tăng cường quản lý người nước ngoài, đẩy mạnh kiểm tra, xử lý người nước ngoài cư trú, lao động bất hợp pháp; bắt giữ, trao trả qua cửa khẩu.

- Chỉ đạo các lực lượng thực hiện tốt Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo 1389/BQP, Kế hoạch thực hiện các chương trình, đề án phòng, chống tội phạm; thường xuyên xây dựng kế hoạch mở các đợt cao điểm triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật; xóa bỏ các tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn vùng biên giới, cửa khẩu, biển đảo; không để gia tăng tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật, các điểm nóng về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, “tín dụng đen”, bảo kê bến bãi, tội phạm có tổ chức, xuyên biên giới, xuyên quốc gia; nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ, quản lý nhà nước về an ninh trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ ở khu vực biên giới, cửa khẩu, cảng biển, hải đảo.

- Công tác phối hợp, hợp tác quốc tế: Chỉ đạo công tác phối hợp với các lực lượng chức năng của Bộ Công an, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Quản lý thị trường trong phòng, chống tội phạm từng bước đi vào chiều sâu, hiệu quả hơn. Tiếp tục duy trì hiệu quả công tác phối hợp với lực lượng chức năng

của Công an, Hải quan trong thực hiện các quy chế, kế hoạch đấu tranh phòng, chống ma túy, tội phạm. Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống ma túy với lực lượng chức năng các nước láng giềng được duy trì, phát triển, ngày càng mở rộng và đi vào thực chất; thực hiện đầy đủ và có chiều sâu các thỏa thuận hợp tác trong đấu tranh, phòng, chống ma túy, giữ gìn an ninh trật tự biên giới.

b) Bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biển

- Công tác sẵn sàng chiến đấu: Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu các cấp theo quy định (08 tàu trực tại các cảng; 10 tày, 01 xuồng trực tại 10 điểm đảo). Chủ động lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia bảo vệ triển khai xây dựng khu kinh tế - quốc phòng Trường Sa; tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Đã điều động 738 lượt/chiếc tàu, 236 lượt chiếc xuồng hoạt động trên các vùng biển.

- Đã thu thập hơn 8.816 tin các loại về an ninh chủ quyền liên quan đến tàu quân sự, tàu chấp pháp, tàu nghiên cứu thăm dò về vi phạm pháp luật, tìm kiếm cứu hộ - cứu nạn và tin về tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt giữ. Nghiên cứu, xử lý và tham mưu xử trí các tình huống trên biển theo đúng đối sách, phù hợp với luật pháp quốc tế, góp phần giữ vững an ninh chủ quyền trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát hiện gần 4.235 lượt chiếc tàu cá Trung Quốc xâm phạm vùng biển Việt Nam và tiến hành tuyên truyền, yêu cầu ra khỏi vùng biển Việt Nam; góp phần giữ vững an ninh chủ quyền trên biển.

- Phát hiện, xác minh 85 tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển Trung Quốc xua đuổi ở khu vực quần đảo Hoàng Sa; kịp thời báo cáo, đề xuất phản ánh phía Trung Quốc qua kênh ngoại giao.

- Phát hiện, điều tra, xác minh 205 vụ/446 tàu/1.855 ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác thủy sản trái phép; trong đó đã xử lý và đề nghị xử lý 264 vụ/322 tàu/405 thuyền viên với số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 2.356.250.000 đồng. Qua đó thể hiện sự kiên quyết thực thi pháp luật của Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam và sự nghiêm minh của pháp luật đối với hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU).

- Về công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát: Tiến hành xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực hàng hải 1.205 vụ/1.257 đối tượng với tổng số tiền phạt đạt 3.673.010.000 đồng. Qua đó, đã tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành quy định an toàn về hàng hải cho các cá nhân và tổ chức hoạt động trên biển.

- Về công tác đấu tranh chống tội phạm, vi phạm: Phát hiện, bắt giữ, xử lý 529 vụ/951 đối tượng. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính và ước tính giá trị tang vật tịch thu hơn 110 tỷ đồng. Đây là những kết quả quan trọng góp phần giữ gìn an ninh, trật tự an toàn trên biển và địa bàn có liên quan; bảo đảm môi trường an toàn cho các hoạt động kinh tế biển.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác thi hành án; xây dựng và ban hành cơ chế thi hành án hành chính; tăng cường công tác phối hợp liên ngành, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan

trong việc thi hành án dân sự, hành chính

Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Kết luận số 05-KL/TW ngày 03/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Trên cơ sở đó, toàn hệ thống chính trị cũng đã xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện một cách đồng bộ, sâu rộng, hiệu quả. Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 18-KH/BCSĐ ngày 06/8/2021 để triển khai thực hiện.

Chính phủ tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác THADS, THAHC theo yêu cầu của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các văn bản, chỉ đạo có liên quan. Chính phủ xác định nhiệm vụ THADS, THAHC nói chung và thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế nói riêng là nhiệm vụ quan trọng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đã xác định: *“Thực hiện hiệu quả công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án”*. Thường trực Chính phủ đã chủ trì nhiều cuộc họp để chỉ đạo các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đối với một số vụ việc khó khăn, phức tạp hoặc có giá trị lớn; chỉ đạo sát sao việc phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) trong công tác THADS nhằm bàn biện pháp giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành một số vụ việc phức tạp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 thành lập Tổ công tác kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số địa phương.

Trên cơ sở đó, hằng năm, Bộ Tư pháp đều ban hành Chương trình hành động của ngành Tư pháp, Chương trình công tác trọng tâm trong lĩnh vực THADS, theo dõi THAHC, trong đó có giao các nhóm chỉ tiêu cơ bản cho các cơ quan THADS địa phương, quyết liệt chỉ đạo Tổng cục THADS với nhiều giải pháp đồng bộ, toàn diện, nhất là trong bối cảnh chuyển hướng từ *“phòng, chống dịch COVID-19”* sang *“thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch COVID-19”* để triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao hằng năm tại Nghị quyết số 96/2019/QH14 của Quốc hội.

- Bộ Tư pháp cũng đã tham mưu, giúp Chính phủ trình Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 09 Luật, trong đó có Luật THADS để kịp thời giải quyết một số tồn tại, vướng mắc về ủy thác THADS, góp phần rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả xử lý tài sản thi hành án, nhất là việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát.

Kết quả đạt được

- Bên cạnh việc tiếp tục được lãnh đạo các cấp, các ngành liên quan quan tâm và tập trung chỉ đạo quyết liệt, việc phối hợp với các ngành Nội chính, Tòa

án, Kiểm sát, Công an, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội trong hoạt động THADS, THAHC tiếp tục được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành án. Ban chỉ đạo THADS các cấp tiếp tục được rà soát, kiện toàn, kịp thời giải quyết nhiều vụ việc phức tạp. Tại nhiều địa phương, công tác THADS, THAHC được xác định là một trong những nhiệm vụ thường xuyên phải báo cáo tại kỳ giao ban nội chính của thường trực tỉnh ủy, Ban Nội chính tỉnh ủy, thành ủy.

- Công tác theo dõi THAHC tiếp tục được quan tâm với các chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, nhiều bản án, quyết định có hiệu lực lâu năm đã được thi hành dứt điểm. Xác định hoàn thiện cơ chế THAHC là một trong những giải pháp quan trọng để tháo gỡ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác THAHC, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục THAHC và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án để làm cơ sở hoàn thiện quy định của Nghị định; đồng thời có văn bản đề nghị TANDTC nghiên cứu, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bảo đảm toàn diện, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tế. Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan sửa đổi, ban hành Thông tư liên tịch số 12/2021/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/12/2021 về phối hợp trong thống kê THADS, theo dõi THAHC liên ngành thay thế Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC, trong đó có nội dung về thống kê THAHC; đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Quốc hội khóa XV sửa đổi Luật Thống kê, xây dựng 02 nghị định để thống nhất quy định THAHC là một trong những chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo UBND, Chủ tịch UBND, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành hữu quan chú trọng cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục trong lĩnh vực đất đai để hạn chế khiếu kiện hành chính cũng như đẩy nhanh tiến độ thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.

- Kết quả THADS, THAHC trong năm 2021 và 10 tháng đầu năm 2022 (từ 01/10/2021 - 31/7/2022), cụ thể như sau:

+ Về THADS: (i) Năm 2021: đã thi hành xong 494.505 việc, đạt tỷ lệ 75,82%, với số tiền đã thi hành xong 46.328 tỷ 178 triệu 297 nghìn đồng, đạt 31,21%; (ii) 10 tháng đầu năm 2022: đã thi hành xong 399.076 việc, đạt tỉ lệ 68,20% (tăng 1,98% so với cùng kỳ năm 2021), với số tiền đã thi hành xong 58.824 tỷ 250 triệu đồng, đạt tỉ lệ 31,18% (tăng 5,93% so với cùng kỳ 2021).

Đối với việc thi hành án các khoản bị thất thoát, chiếm đoạt trong vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế 10 tháng đầu năm 2022 đạt kết quả cao: đã thi hành xong 1.493 việc, tương ứng với 10.327 tỷ 728 triệu đồng (tăng hơn 8.319 tỷ đồng, tương đương tăng 414,3% về tiền so với cùng kỳ năm 2021).

+ Về THAHC: (i) Năm 2021: đã thi hành xong 455/944 bản án, quyết định (tăng 92 bản án, quyết định so với năm 2020); đang tiếp tục thi hành 489 bản án, quyết định; (ii) 10 tháng đầu năm 2022: đã thi hành xong 287/873 bản án, quyết định (năm trước chuyển sang 489 bản án, quyết định), đang tiếp tục thi hành 586 bản án, quyết định, chủ yếu là các bản án, quyết định phát sinh trong năm 2021 và năm 2022. Riêng đối với 32 bản án, quyết định người phải thi hành án là UBND,

Chủ tịch UBND được giám sát năm 2018, đến nay đã thi hành xong 26/32 việc.

Có thể thấy, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhất là trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, gây khó khăn không nhỏ cho công tác THADS nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao, thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch bệnh của Chính phủ, Bộ Tư pháp, sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, sự nỗ lực, quyết tâm của toàn hệ thống THADS, công tác THADS về cơ bản đã đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, kết quả thi hành xong về tiền đã đạt trên 58.824 tỷ đồng (đạt 31,18%), tăng trên 20.156 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 và tăng trên 17.269 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 (trong đó, kết quả thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng là trên 10.327 tỷ đồng, tăng trên 8.319 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021). Công tác theo dõi THAHC của hệ thống THADS đã đi vào nền nếp, thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định; khắc phục tình trạng nể nang, né tránh việc kiến nghị xử lý trách nhiệm; kết quả thi hành án năm sau luôn cao hơn năm trước. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt là Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về công tác chấp hành pháp luật TTHC và THAHC đã có sự chuyển biến rõ nét.

9. Khẩn trương giải quyết các vụ, việc yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN) năm 2017 và Nghị quyết số 134/2020/QH14, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước toàn diện, đồng bộ, hiệu quả. Bộ Tư pháp đã có các văn bản đề nghị TANDTC, VKSNDTC, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh tiếp tục quan tâm, phối hợp chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường nhà nước; trong đó, đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương mình khẩn trương thụ lý các vụ việc yêu cầu bồi thường đã có đủ hồ sơ theo quy định của Luật TNBTCNN; giải quyết dứt điểm các vụ việc yêu cầu bồi thường theo chỉ đạo tại khoản 15 Điều 2 Nghị quyết số 134/2020/QH14, không để tình trạng vụ việc tồn đọng, kéo dài, gây bức xúc trong dư luận xã hội và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người bị thiệt hại, uy tín của Đảng và Nhà nước. Hằng năm, thông qua các hoạt động quản lý nhà nước của mình như hoạt động kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, Bộ Tư pháp đều chỉ đạo, yêu cầu các địa phương giải quyết dứt điểm các vụ việc yêu cầu bồi thường đã được thụ lý theo quy định của Luật TNBTCNN.

Trong ngành Tòa án, Chánh án TANDTC đã ban hành Chỉ thị 01/2021/CT-CA ngày 05/01/2021 về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tòa án năm 2021, trong đó yêu cầu TAND các cấp tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng, chống oan, sai và đảm bảo bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự; kịp thời giải quyết bồi thường cho người bị thiệt hại và xử lý nghiêm trách nhiệm của người gây oan, sai theo quy định của Luật TNBTCNN; công tác xét xử các vụ án hình sự, bảo đảm không để xảy ra việc xét xử oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Trong ngành Kiểm sát, đã thực hiện triển khai Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 26/11/2021 của Viện trưởng VKSNDTC về việc “*Tăng cường trách nhiệm công tác quản lý, giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước trong tố tụng hình sự*”

thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân”, các đơn vị trong ngành kiểm sát đều khẩn trương xem xét, thụ lý, giải quyết kịp thời các yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật TNBTCNN, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại.

Ở địa phương, nhiều địa phương đã tích cực quan tâm triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác bồi thường nhà nước nói chung và công tác giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường nói riêng. Trong đó, một số địa phương đã chủ động ban hành Kế hoạch riêng để triển khai thi hành Luật TNBTCNN tại địa phương mình. Bên cạnh đó, nhiều Bộ và địa phương đã lồng ghép việc triển khai thi hành Luật trong Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước, Kế hoạch công tác pháp chế của cơ quan mình.

Chính phủ trân trọng báo cáo và xin nghiêm túc tiếp thu ý kiến của Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội: HC (15b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: CN, NN, ĐMDN, KTTH, KGVX, NC, PL, TCCV, KSTT, TH, TKBT, Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, QHĐP (2b) Q.Cường 24

**TM.CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**



Trần Văn Sơn